Ký bởi: Phan Thị Huyền Trân
Ngày ký: 26-03-2026 16:07:54 +07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

# NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

An Giang, tháng 3 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG**

---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
**của cơ sở**

# NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

| ĐƠN VỊ TƯ VẤN | CHỦ CƠ SỞ |
|---|---|
| CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG | CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI CHI NHÁNH AN GIANG |
| GIÁM ĐỐC | |
| Nguyễn Thị Ngọc Lan | Trần Thị Ngọc Châm |

**An Giang, tháng 03 năm 2026**

# MỤC LỤC

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT ..... vi**
**DANH SÁCH CÁC HÌNH ..... vii**
**DANH SÁCH CÁC BẢNG ..... viii**
**CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ..... 1**
1. Tên chủ cơ sở ..... 1
2. Tên cơ sở: ..... 1
2.1. Địa điểm cơ sở ..... 1
2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở: ..... 2
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có): ..... 3
2.4. Quy mô của cơ sở: ..... 3
2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: ..... 3
2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ..... 4
2.7. Phân nhóm dự án đầu tư ..... 4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở ..... 4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở ..... 4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở ..... 6
3.2.1. Quy trình sấy lúa và xay xát – bóc vỏ lúa. ..... 6
3.2.2. Quy trình lau bóng gạo ..... 8
3.3. Sản phẩm của cơ sở ..... 9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở ..... 10
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu. ..... 10
4.1.1. Nguyên liệu ..... 10
4.1.2. Nhiên liệu ..... 10
4.2. Điện năng, hóa chất sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở. 11
4.2.1. Điện năng và nguồn cung cấp điện ..... 11

4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước. ..... 11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở. ..... 14
**CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG ..... 17**
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường ..... 17
1.1. Cơ sở phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ..... 17
1.2. Cơ sở phù hợp với quy hoạch tỉnh An Giang ..... 18
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường ..... 18
2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước ..... 18
2.2. Sự phù hợp và khả năng chịu tải đối với môi trường không khí ..... 20
**CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 21**
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải ..... 21
1.1. Thu gom, thoát nước mưa ..... 21
1.1.1. Mô tả chi tiết công trình thu gom, thoát nước mưa ..... 21
1.1.2. Mô tả các biện pháp khác giảm thiểu tác động do nước mưa ..... 22
1.2. Thu gom, thoát nước thải ..... 22
1.2.1. Công trình thu gom nước thải ..... 22
1.2.2. Công trình thoát nước thải ..... 23
1.2.3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom và thoát nước thải. ..... 23
1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý. ..... 24
1.3. Xử lý nước thải ..... 24
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ ..... 24
1.3.2. Công trình HTXLNT tập trung ..... 27
1.4. Quan trắc nước thải tự động, liên tục ..... 31
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải ..... 31
2.1 Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi ..... 31
2.2. Giảm thiểu bụi từ các công đoạn sản xuất của cơ sở ..... 33
2.2.5. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện. ..... 38
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường ..... 39

3.1. Công trình công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt .....39
3.1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt .....39
3.1.2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt .....39
3.2. Công trình công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp .....40
3.2.1. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp .....40
3.2.2. Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp .....41
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....42
4.1. Khối lượng phát sinh tại cơ sở .....42
4.2. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH) .....43
5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....43
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....44
6.1. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động .....44
6.1.1. Biện pháp phòng ngừa .....44
6.1.2. Biện pháp xử lý khi có tai nạn xảy ra .....45
6.2. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện .....45
6.2.1. Biện pháp phòng ngừa .....45
6.2.2. Kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ .....46
6.3. Giảm thiểu sự cố sét đánh .....47
6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại bến thuỷ nội địa .....47
6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ sông .....48
6.5.1. Biện pháp phòng ngừa .....48
6.5.2. Biện pháp ứng phó .....48
6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rơi vãi trấu, lúa trên sông .....48
6.6.1. Biện pháp phòng ngừa .....48
6.6.2. Biện pháp ứng phó .....49
6.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải .....49
7. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. .....50
**CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 51**
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải .....51
1.1. Nguồn phát sinh nước thải: .....51

1.2. Dòng nước thải. ..... 51
1.3. Lưu lượng xả thải tối đa: ..... 51
1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải ..... 51
1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm ..... 51
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải ..... 52
2.1. Nguồn phát sinh khí thải ..... 52
2.2. Dòng khí thải ..... 52
2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: ..... 52
2.3. Vị trí và phương thức xả khí thải: ..... 53
2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: ..... 54
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung ..... 54
3.1. Nguồn phát sinh: ..... 54
3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn ..... 54
**CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 56**
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường ..... 56
2. Kết quả hoạt động công trình xử lý nước thải ..... 58
3. Kết quả hoạt động công trình xử lý bụi và khí thải ..... 59
3.1. Tóm tắt thông tin về hoạt động của cơ sở. ..... 59
3.2. Kết quả quan trắc môi trường ..... 60
3.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình thực hiện GPMT ..... 61
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải ..... 62
4.1. Tóm tắt tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường ..... 62
4.2. Tóm tắt tình hình xử lý chất thải nguy hại ..... 63
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở. ..... 63
5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối của cơ sở ..... 63
5.1.1. Kết quả kiểm tra năm 2024 ..... 63
5.1.2. Kết quả kiểm tra năm 2025 ..... 65
5.2. Báo cáo tình hình khắc phục các tồn tại về môi trường của cơ sở ..... 67

**CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..... 69**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải ..... 69

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm ..... 69

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải. ..... 69

1.2.1. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của HTXLNT ..... 69

1.2.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi ..... 70

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm: ..... 71

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. ..... 72

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ ..... 72

a. Quan trắc định kỳ đối với nước thải ..... 72

b. Quan trắc định kỳ đối với khí thải công nghiệp ..... 72

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải ..... 73

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. ..... 73

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm ..... 73

**CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ..... 75**

**PHỤ LỤC BÁO CÁO ..... 76**

# DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | | Diễn giải |
|---|---|---|
| $BOD_5$ | : | Nhu cầu oxy sinh học |
| BTNMT | : | Bộ Tài nguyên Môi trường |
| BXD | : | Bộ xây dựng |
| COD | : | Nhu cầu oxy hóa học |
| CP | : | Chính phủ |
| CTNH | : | Chất thải nguy hại |
| GPMT | : | Giấy phép môi trường |
| HTXLNT | : | Hệ thống xử lý nước thải |
| NĐ-CP | : | Nghị định chính phủ |
| PCCC | : | Phòng cháy chữa cháy |
| QCVN | : | Quy chuẩn Việt Nam |
| QH | : | Quốc hội |
| TT | : | Thông tư |
| UBND | : | Ủy ban nhân dân |

# DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí các điểm tọa độ giới hạn của cơ sở ..... 2
Hình 1.2: Quy trình sấy lúa và xay xát ..... 6
Hình 1.3: Quy trình công nghệ xát trắng – lau bóng gạo của cơ sở ..... 8
Hình 2.1: Diễn biến WQI trên sông Tiền (vị trí tham khảo tại điểm đầu và điểm cuối sông Cái Vừng) ..... 20
Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở ..... 21
Hình 3.2: Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom và thoát nước thải ..... 23
Hình 3.3: Mô hình hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt ..... 24
Hình 3.4: Quy trình xử lý sơ bộ nước thải dập bụi tro ..... 26
Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải tập trung ..... 28
Hình 3.6: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt trấu ..... 31
Hình 3.7: Tháp dập bụi ướt ..... 33
Hình 3.8: Bể lắng 03 ngăn ..... 33
Hình 3.9: Quy trình thu gom xử lý bụi tại công đoạn sấy lúa ..... 34
Hình 3.10: Quy trình thu gom bụi trong giai đoạn xay xát ..... 34
Hình 3.11: Quy trình thu gom bụi trong giai đoạn xay xát ..... 35
Hình 3.12: Nguyên lý hoạt động của của Cyclone thu bụi ..... 36
Hình 3.13: Cyclone thu bụi trên băng tải lúa đầu vào tháp sấy ..... 38
Hình 3.14: Cyclone thu bụi từ tháp sấy lúa. ..... 38
Hình 3.15: Cụm cyclone thu bụi_khu vực xay xát – bóc vỏ lúa ..... 38
Hình 3.16: Cụm cyclone thu bụi_khu vực lau bóng – xát trắng ..... 38
Hình 3.18: Hiện trạng khu vực chứa trấu và đóng bao tro ..... 41
Hình 3.19: Silo chứa cám và khu vực đóng bao cám xuất bán ..... 42
Hình 3.20: Sơ đồ ứng phó sự cố tai nạn lao động ..... 45
Hình 3.21: Sơ đồ ứng phó sự cố cháy nổ ..... 46
Hình 5.1: Hệ thống lưới chắn và phun sương tại khu vực xuống trấu ..... 68
Hình 5.2: Hệ thống xử lý nước thải công suất 4,0 $m^3$/ngày.đêm của cơ sở ..... 68
Bảng 6.4: Tần suất, thông số và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng quan trắc môi trường định kỳ ..... 73
Bảng 6.5: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm ..... 73

# DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ điểm mốc giới hạn vị trí của cơ sở ..... 1
Bảng 1.2: Các hạng mục công trình của cơ sở ..... 5
Bảng 1.3: Quy mô hệ thống lưu chứa ..... 5
Bảng 1.4. Khối lượng sản phẩm của cơ sở ..... 9
Bảng 1.5: Điện năng sử dụng của cơ sở trong năm 2025 ..... 11
Bảng 1.6: Khối lượng nước sử dụng của cơ sở năm 2025 ..... 12
Bảng 1.7: Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở ..... 14

Bảng 2.1: Các mức VN_WQI và sự phù hợp với mục đích sử dụng ..... 19

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thoát nước mưa ..... 21
Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thu gom nước thải ..... 23
Bảng 3.3: Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật của các bể tự hoại ..... 25
Bảng 3.4: Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật của bể lắng 03 ngăn ..... 27
Bảng 3.5: Thông số kỹ thuật cơ bản của HTXLNT ..... 30
Bảng 3.6: Danh mục máy móc thiết bị và điện năng tiêu thụ ..... 30
Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật công trình xử lý khí thải lò hơi ..... 32
Bảng 3.8: Thông số cơ bản của thiết bị cyclone thu bụi ..... 36
Bảng 3.9: Thống kê số lượng thùng rác thải sinh hoạt tại cơ sở ..... 39
Bảng 3.10. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở ..... 42
Bảng 3.11: Tóm tắt các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ..... 50

Bảng 4.1: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải ..... 51
Bảng 4.2: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải ..... 54
Bảng 4.3: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn ..... 55
Bảng 4.4: Giá trị giới hạn đối với độ rung ..... 55

Bảng 5.1: Tóm tắt tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi

trường.....56
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở.....59
Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường trong 02 năm gần nhất của cơ sở.....60
Bảng 5.4: Thông tin về quá trình quan trắc môi trường.....61
Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường.....61
Bảng 5.6: Thống kê các công trình thu gom xử lý chất thải rắn tại cơ sở.....62
Bảng 5.7: Báo cáo tình hình khắc phục các tồn tại về môi trường của cơ sở .....67

Bảng 6.1: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở.....69
Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm.....70
Bảng 6.3: Kế hoạch quan trắc khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm.....71

# CHƯƠNG I
# THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

## 1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần TCO AGRI – Chi nhánh An Giang.
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Long Hòa 2, Xã Phú Lâm, Tỉnh An Giang.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Bà) Trần Thị Ngọc Trâm.
- Chức vụ: Giám đốc - Điện thoại: 0768 06 46 86
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số chi nhánh số 0318204118-001 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 30/11/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/12/2024.

## 2. Tên cơ sở:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

### 2.1. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Ấp Long Hòa 2, Xã Phú Lâm, Tỉnh An Giang, cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông Bắc tiếp giáp nhà dân;

+ Phía Tây Bắc giáp tỉnh lộ ĐT 954;

+ Phía Đông Nam giáp sông Cái Vừng;

+ Phía Tây Nam giáp sông Cái Vừng;

- Tọa độ các điểm mốc vị trí giới hạn của cơ sở (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°*), như sau:

**Bảng 1.1: Tọa độ điểm mốc giới hạn vị trí của cơ sở**

| STT | Điểm | Hệ tọa độ VN2000 | |
|---|---|---|---|
| | | Tọa độ $X_m$ | Tọa độ $Y_m$ |
| 1 | A | 1188796 | 560006 |
| 2 | B | 1188730 | 559935 |
| 3 | C | 1188646 | 560012 |
| 4 | D | 1188728 | 560105 |
| 5 | E | 1188765 | 560066 |
| 6 | F | 1188751 | 560051 |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

- Ảnh minh họa vị trí các điểm giới hạn và tứ cận tiếp giáp của cơ sở:




**Hình 1.1: Vị trí các điểm tọa độ giới hạn của cơ sở**

**2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:**

- Công ty Cổ phần TCO AGRi – Chi nhánh An Giang mua lại nhà máy từ Công ty cổ phần Tập đoàn An Nam, hoạt động của cơ sở không thay đổi loại hình sản xuất, kinh doanh do đó chủ cơ sở tiếp tục kế thừa các văn bản, quyết định đã được phê duyệt của nhà máy, các quyết định phê duyệt đầu tư gồm:

+ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 191/CN.UB ngày 29/11/2001 của UBND tỉnh An Giang cho dự án Xây dựng hệ thống kho bảo quản nông sản (lĩnh vực dịch vụ bảo quản nông sản bao gồm đầu tư máy sấy các loại nông sản).

+ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43/CN.UB ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh An Giang cho dự án đầu tư Xây dựng hệ thống kho bảo quản nông sản (lĩnh vực dịch vụ bảo quản nông sản bao gồm đầu tư máy sấy các loại nông sản).

+ Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 51/CN.UB ngày 28/6/2004 của UBND tỉnh An Giang cho dự án đầu tư hệ thống kho bảo quản nông sản (lĩnh vực dịch vụ bảo quản nông sản).

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 521021000250 ngày 15/7/2009 của UBND tỉnh An Giang về việc Chứng nhận Công ty TNHH Khiêm Thanh thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh".

+ Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 30/12//2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh dự án đầu tư.

**2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có):**

- Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh.

- Quyết định số 914/QĐ-STNMT ngày 04/7/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Chủ cơ sở Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017.

**2.4. Quy mô của cơ sở:**

- Quy mô của cơ sở được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: cơ sở có tổng vốn đầu tư **49.941.153.092 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, chín trăm bốn mươi mốt triệu, một trăm năm mươi mươi ba nghìn đồng)*, **thuộc Nhóm C** theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 (thuộc mục số IV, phần B của Phụ lục I - Phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ).

**2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

- Cơ sở sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020 và khoản 6, điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Vị trí thực hiện cơ sở không nằm gần các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường như: Xả nước thải vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh

học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

**2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

- Loại hình hoạt động của cơ sở: Nhà máy chế biến lúa gạo và kho bảo quản nông sản;

- Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/ 01/ 2025 về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**2.7. Phân nhóm dự án đầu tư**

- Cơ sở có tổng mức vốn đầu tư tương đương với dự án nhóm C (theo quy định của Luật Đầu tư công); loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường, do đó cơ sở tương đương với dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường (số thứ tự 2, Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/ 01/ 2025).

- Cơ sở có phát sinh bụi, khí thải xả thải ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng trên 5.000 $m^3$/giờ. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường theo quy định.

**3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

**3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

**+ Công suất thiết kế các dây chuyền sản xuất như sau:**

- Dây chuyền sấy lúa công suất 13.500 tấn sản phẩm/ năm

- Dây chuyền xay xát - bóc vỏ lúa công suất 11.700 tấn sản phẩm/ năm (nguyên liệu đầu vào khoảng 15.000 tấn lúa nguyên liệu/ năm).

- Dây chuyền lau bóng gạo công suất 98.000 tấn sản phẩm/ năm (nguyên liệu đầu vào khoảng 140.000 tấn nguyên liệu/ năm).

**Quy mô diện tích:**

- Diện tích của cơ sở là 12.279,2 $m^2$, gồm các hạng mục công trình sau:

**Bảng 1.2: Các hạng mục công trình của cơ sở**

| STT | Hạng mục công trình | ĐVT | Diện tích | tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Khu sản xuất | $m^2$ | 9.705,0 | 79,0 |
| 2 | Khu điều hành 03 tầng | $m^2$ | 240,0 | 2,0 |
| 3 | Khu nhà điều hành 02 tầng | $m^2$ | 202,0 | 1,6 |
| 4 | Khu phụ trợ 01 tầng | $m^2$ | 53,0 | 0,4 |
| 5 | Khu phụ trợ 01 tầng | $m^2$ | 35,0 | 0,3 |
| 6 | Trạm bơm nước PCCC | $m^2$ | 38,7 | 0,3 |
| 7 | Nhà bảo vệ | $m^2$ | 20,0 | 0,2 |
| 8 | Sân đường giao thông | $m^2$ | 1.985,5 | 16,2 |
| 9 | TỔNG | $m^2$ | 12.279,2 | 100,0 |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

*Ghi chú: Quy mô xây dựng các hạng mục công trình không điều chỉnh so với đề án Bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

**Quy mô hệ thống lưu chứa:**

**Bảng 1.3: Quy mô hệ thống lưu chứa**

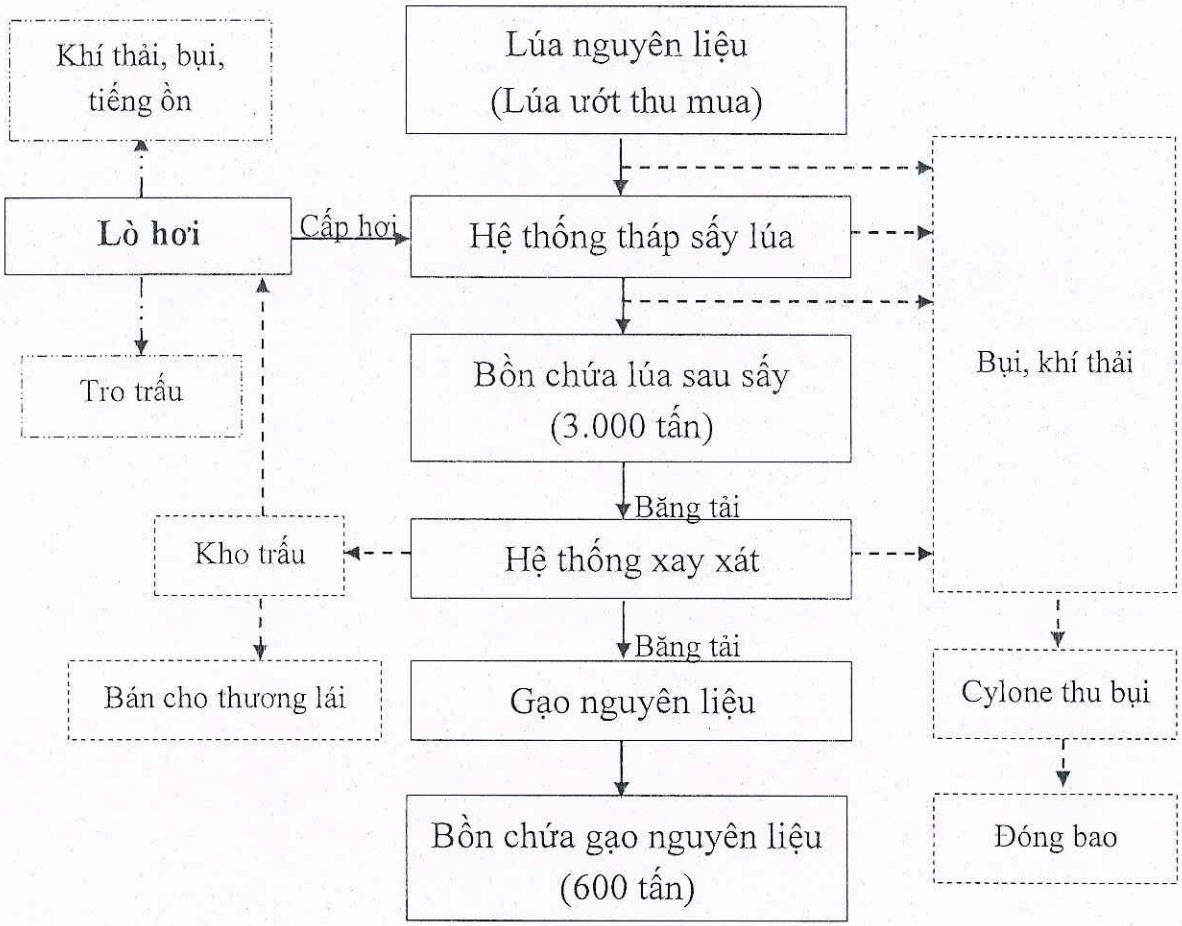
| STT | Hạng mục | Công suất | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 1 | Bồn chứa lúa sau sấy | 3.000 tấn | 01 bộ |
| 3 | Bồn chứa gạo nguyên liệu | 600 tấn | 02 bộ |
| 4 | Bồn chứa gạo thành phẩm | 900 tấn | 01 bộ |
| | | 1.200 tấn | 01 bộ |
| | | 2.100 tấn | 01 bộ |
| | | 6.000 tấn | 01 bộ |
| 5 | Silo chứa cám | DT: 100$m^2$ | 01 silo |
| 6 | Kho chứa trấu và chứa tro | DT: 588,2 $m^2$ | 01 kho |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

#### 3.2.1. Quy trình sấy lúa và xay xát – bóc vỏ lúa.

- Cơ sở áp dụng công nghệ sấy lúa bằng hơi nước hiện đại nâng cao chất lượng lúa, lúa khô đồng đều tránh tình trạng ẩm mốc và kéo dài thời gian bảo quản, quy trình sấy lúa và xay xát được mô tả sơ đồ sau:




**Hình 1.2: Quy trình sấy lúa và xay xát**

**Thuyết minh quy trình**

➢ **Quy trình sấy lúa**

- Vận chuyển lúa tươi: lúa tươi được vận trực tiếp vào buồng sấy, rải đều lúa trên vỉ sấy với độ dày phù hợp (khoảng 40-60 cm).

- Tạo hơi nước sạch từ lò hơi công nghiệp: Nước cấp đã được xử lý (làm mềm, khử khoáng để tránh đóng cặn và ăn mòn thiết bị), được bơm vào lò hơi. Nhiên liệu trấu được đốt cháy trong buồng đốt của lò hơi sinh ra nhiệt lượng lớn, nhiệt lượng từ quá trình đốt cháy được truyền cho nước bên trong lò hơi thông qua các bề mặt truyền nhiệt, nước hấp thụ nhiệt, sôi lên và chuyển hóa thành hơi

nước bão hòa có áp suất và nhiệt độ cao. Hơi nước bão hòa này được dẫn ra khỏi lò hơi và đi vào hệ thống đường ống cấp hơi, sẵn sàng cho quá trình sấy lúa.

- Hơi nước từ lò hơi, được dẫn vào bộ trao đổi nhiệt (bên trong các ống) bộ trao đổi nhiệt được thiết kế đặc biệt với diện tích bề mặt lớn để tối đa hóa hiệu quả truyền nhiệt. Quạt gió sẽ hút không khí từ môi trường bên ngoài thổi vào qua phía còn lại của bộ trao đổi nhiệt, khi không khí đi qua dàn ống có hơi nước nóng bên trong, nhiệt lượng từ hơi nước sẽ truyền qua thành ống sang không khí, quá trình này làm cho không khí tăng nhiệt độ lên mức cần thiết cho việc sấy lúa (từ $40^0$C -$60^0$C).

- Sau khi truyền nhiệt cho không khí, hơi nước bên trong các ống sẽ mất nhiệt và ngưng tụ trở lại thành nước, nước ngưng tụ này vẫn còn mang một nhiệt lượng đáng kể, nó sẽ được các bẫy hơi xả ra và dẫn về hệ thống thu hồi nước để đưa trở lại lò hơi, việc thu hồi nước giúp tiết kiệm năng lượng và nước, tối ưu hóa hiệu quả của toàn bộ hệ thống.

- Không khí đã được làm nóng bởi bộ trao đổi nhiệt (không khí sạch, không khói bụi) sẽ được quạt thổi vào buồng sấy lúa, trong buồng sấy không khí sẽ tiếp xúc với hạt lúa, làm bay hơi lượng ẩm có trong lúa. Hơi ẩm mang theo từ lúa sẽ được quạt hút đẩy ra môi trường bên ngoài, bụi và khí thải trong quá trình này sẽ được xử lý qua Cyclone thu bụi. Trong quá trình sấy hệ thống điều khiển sẽ liên tục theo dõi các thông số, điều chỉnh lưu lượng hơi vào bộ trao đổi nhiệt hoặc lưu lượng gió để duy trì nhiệt độ sấy ổn định và hiệu quả. Lúa sau khi sấy được băng tải đưa về bồn chứa lúa sau sấy (silo) công suất 3.000 tấn.

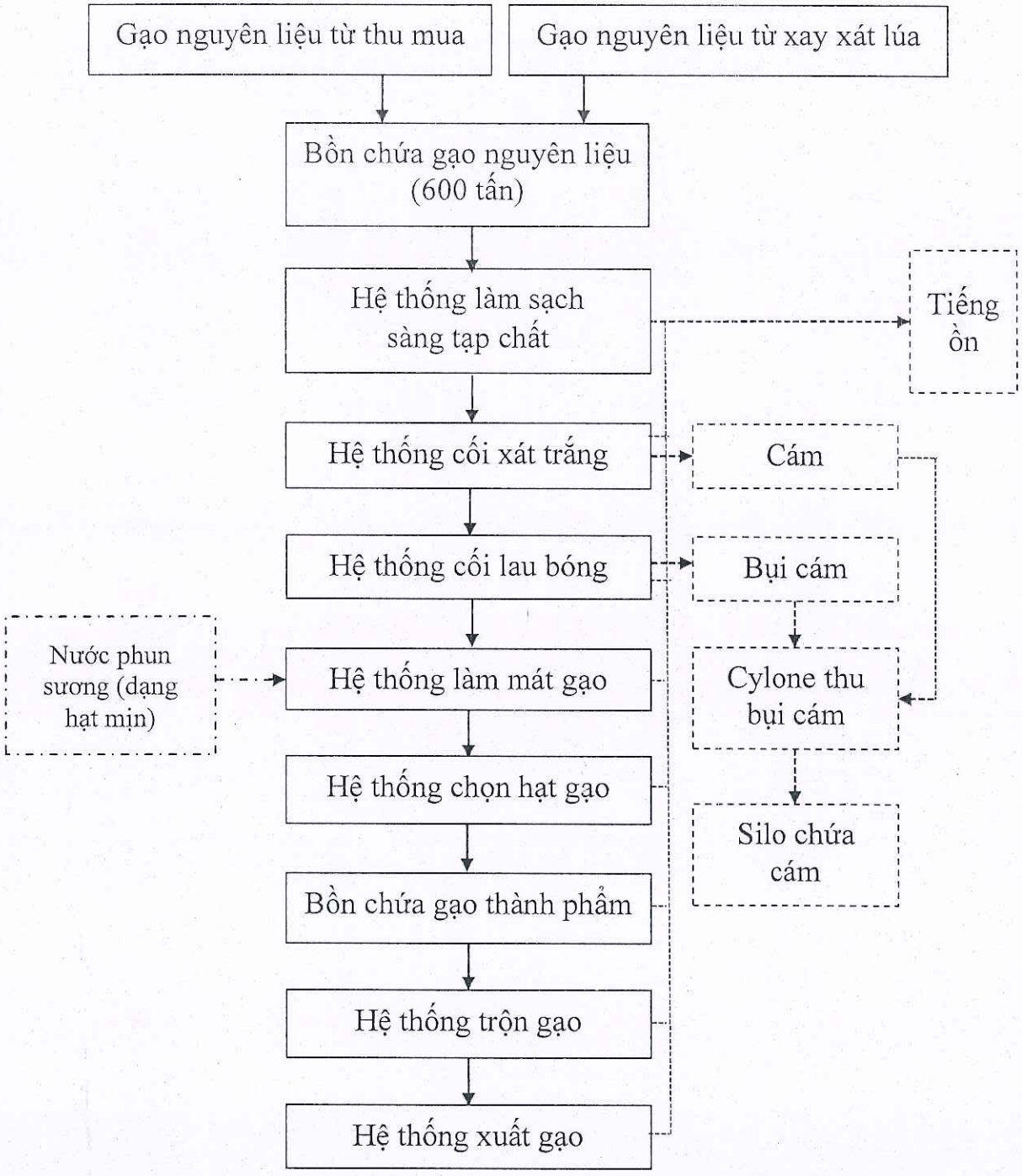
➢ **Quy trình xay xát – bóc vỏ lúa**

- Quy trình bóc vỏ lúa tại cơ sở sử dụng chủ yếu lúa khô nguyên liệu từ công đoạn sấy, lúa sau khi sấy chứa trong bồn chứa lúa khô (silo) được hệ thống băng tải chuyển lên sàng tạp chất. Tại đây, lúa nguyên liệu được tách các tạp chất (chủ yếu là rơm, cát, đá nhỏ,...) rồi chuyển sang công đoạn bóc vỏ tại cối bóc vỏ, cối bóc vỏ hoạt động theo nguyên lý ma sát bởi 02 ru-lô cao su tách lớp vỏ trấu ra khỏi hạt lúa nguyên liệu nhờ vào lực ma sát và lực ly tâm.

- Lúa nguyên liệu sau khi bóc vỏ được chuyển sang công đoạn tách cám tại máy tách cám tiếp tục chuyển qua công đoạn gằng tách thóc để tách các hạt thóc chưa được bóc vỏ ra khỏi các hạt gạo lứt và thu hồi ngược về cối bóc vỏ tiếp tục quy trình. Gạo lứt sau khi bóc vỏ được băng tải chuyển vào silo chứa gạo nguyên liệu để tiếp tục đưa vào dây chuyền xát trắng - lau bóng.

- Vỏ trấu được tách ra tại công đoạn tách trấu được thu gom về kho chứa trấu nhờ vào hệ thống hút và đường ống dẫn. Lượng bụi phát sinh tại công đoạn xay xát được thu gom và xử lý bằng các Cyclone thu bụi rồi cho vào bao chứa, lưu kho và bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng.

**3.2.2. Quy trình lau bóng gạo.**




**Hình 1.3: Quy trình công nghệ xát trắng – lau bóng gạo của cơ sở**

❖ **Thuyết minh quy trình:**

- Gạo lứt từ công đoạn bóc vỏ được chuyển qua sàng tạp chất để thu hồi các hạt thóc chưa được bóc vỏ còn sót lại và loại bỏ các tạp chất. Kế tiếp, gạo lứt được đưa vào máy xát trắng để tạo độ trắng của gạo theo yêu cầu sản xuất, công đoạn xát trắng rất quan trọng và ảnh hưởng lớn đến độ trắng của hạt gạo, đồng thời tạo ra nhiều cám và ảnh hưởng đến tỷ lệ thu hồi sản phẩm.

- Gạo sau khi xát trắng được bồ đài chuyển qua máy lau bóng (máy đánh bóng) để bóc tách lớp cám trên bề mặt hạt gạo và tạo độ bóng cho hạt gạo thành phẩm, giúp hạt gạo đẹp về mặt cảm quan của người tiêu dùng. Tại máy lau bóng, hạt gạo nhờ trục máy xoay đảo trộn, quá trình ma sát giữa các hạt gạo và giữa gạo với trục máy làm gạo trắng và bóng ra, nhằm tạo độ bóng đẹp tăng cảm quan và không còn bề mặt cám trên hạt gạo. Trong quá trình này, nước được phun dưới dạng sương mỏng với lượng vừa đủ, kết hợp với quá trình cọ xát trong máy lau để làm bong, loại bỏ lớp cám, protein và chất béo bám trên bề mặt hạt gạo, giúp gạo có màu trắng sáng, giảm gãy vụn và đẹp mắt hơn.

- Sau khi qua máy lau bóng, được làm mát hạt gạo tiếp tục được chuyển sang máy sàng đảo và trống chọn hạt để phân loại tạo ra các sản phẩm gạo thành phẩm theo yêu cầu sản xuất. Gạo thành phẩm được lưu trữ trong các silo và bao được chứa vào kho chứa gạo để bán cho khách hàng khi có yêu cầu.

- Cám được tách ra từ quy trình sản xuất nhờ vào các Cyclone tách cám và được thu gom vào tháp chứa cám, lưu kho và bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng. Lượng tấm được tách ra từ quy trình sản xuất được thu gom tập trung vào bao chứa và lưu kho, bán cho các cơ sở có nhu cầu để sử dụng.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm và khối lượng sản phẩm cụ thể được mô tả Bảng 1.4 như sau:

**Bảng 1.4. Khối lượng sản phẩm của cơ sở**

| TT | Nội dung | Nguyên liệu đầu vào (tấn/ năm) | Sản phẩm (tấn /năm) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Sản phẩm từ sấy lúa** | 15.000 | 13.500 | 90 |
| **II** | **Sản phẩm từ quy trình xay xát –bóc vỏ lúa** | | | |
| ** | Nguyên liệu lúa khô | 15.000 | | |
| 1 | Gạo lứt | | 11.700 | 78% |
| 2 | Cám | | 150 | 1% |
| 3 | Trấu | | 3.150 | 21% |

| TT | Nội dung | Nguyên liệu đầu vào (tấn/ năm) | Sản phẩm (tấn /năm) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| **III** | **Sản phẩm từ quy trình lau bóng gạo** | | | |
| ** | Nguyên liệu gạo lứt | 140.000 | | |
| 1 | Gạo thành phẩm | | 98.000 | 70% |
| 2 | Tấm (gạo vụn) | | 21.000 | 15% |
| 3 | Cám gạo | | 21.000 | 15% |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

**4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.**

**4.1.1. Nguyên liệu**

- Nguyên liệu chính của cơ sở là lúa và gạo lứt, nguồn cung cấp nguyên liệu được thương lái thu mua từ nông dân tại các xã phường trên địa bàn tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận. Tùy thuộc vào quá trình kinh doanh và mùa vụ, Chủ cơ sở sẽ lập kế hoạch thu mua đảm bảo cho hoạt động của nhà máy được thuận lợi. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho hoạt động theo công suất thiết kế là:

+ Lúa tươi: Khối lượng nguyên liệu khoảng 15.000 tấn/ năm.

+ Lúa khô sau khi sấy nguyên liệu cho dây chuyền xay xát: Khối lượng nguyên liệu vào khoảng 15.000 tấn/ năm.

+ Gạo lứt làm nguyên liệu cho dây chuyền lau bóng gạo: Khối lượng nguyên liệu khoảng 140.000 tấn/ năm (gồm khối lượng nguyên liệu tại cơ sở và khối lượng nguyên liệu cơ sở nhận gia công).

**4.1.2. Nhiên liệu**

- Trấu rời là nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của lò hơi, lượng trấu sử dụng khoảng 200 kg trấu/tấn hơi, cơ sở gồm 01 lò hơi công suất 05 tấn hơi/ giờ và 01 lò hơi công suất 08 tấn hơi/giờ, tuy nhiên không hoạt động đồng thời 02 lò hơi, do đó lượng trấu sử dụng được tính trong thời điểm vận hành lò hơi có công suất lớn nhất. Định mức sử dụng lượng trấu khoảng 200kg x 08 tấn/giờ = 1.600 kg trấu/giờ. Như vậy mỗi ngày hoạt động 16 giờ/mẻ sấy lượng trấu cần là: 1.600kg x 16 giờ = 25.600kg/ngày = 25,6 tấn/ngày.

- Trấu phát sinh từ dây chuyền bóc vỏ tại cơ sở: 15.000 x 21% = 3.150 tấn/năm, tương đương khoảng 17,5 tấn/ngày (hoạt động 180ngày/năm) trấu sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi, phần còn lại sẽ bán cho các đơn vị thu mua.

## 4.2. Điện năng, hóa chất sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

### 4.2.1. Điện năng và nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: từ hệ thống lưới điện quốc gia do Công ty điện lực An Giang cung cấp.

- Lượng điện năng tiêu thụ trung bình vào khoảng 53.977 kWh/tháng bao gồm cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại cơ sở, thống kê lượng điện năng tiêu thụ của cơ sở trong 09 tháng cuối năm 2025 như bảng sau:

**Bảng 1.5: Điện năng sử dụng của cơ sở trong năm 2025**

| Tháng | Mã KH: PB12050023941 | | | Mã KH PB12050016599 | | | Mã KH PB1205 0012181 | Tổng số kW/tháng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số kW tiêu thụ | | | Số kW tiêu thụ | | | | |
| | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 3 | Kỳ 1 | Kỳ 2 | Kỳ 3 | | |
| 4 | 46.016 | 20.111 | 113.189 | 167.898 | 12.513 | 103.780 | 6.683 | 470.190 |
| 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6.313 | 6.313 |
| 6 | 0 | 0 | 0 | 5.761 | 0 | 0 | 5.338 | 11.099 |
| 7 | 304.114 | 35.406 | 91.286 | 171.815 | 147.670 | 140.911 | 8.061 | 899.263 |
| 8 | 143.658 | 100.402 | 209.641 | 202.985 | 76.971 | 245.765 | 7.624 | 987.046 |
| 9 | 17.724 | 0 | 0 | 129.651 | 58.527 | 11.346 | 5.429 | 222.677 |
| 10 | 0 | 467 | 1.072 | 2.867 | 2.895 | 1.671 | 4.596 | 14,568 |
| 11 | 265.574 | 42.922 | 77.289 | 21.583 | 23.305 | 111.709 | 5.637 | 548.019 |
| 12 | 90.786 | 75.775 | 25.631 | 122.380 | 102.486 | 63.928 | 5.807 | 485.793 |
| **Trung bình** | | | | | | | | **53.977 kW/tháng** |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Ghi chú**: Mã khách hàng PB12050023941 và PB12050016599 sử dụng cho hoạt động sản xuất mã khách hàng PB12050012181 sử dụng cho cấp sinh hoạt.

### 4.2.2. Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước.

- Nhu cầu sử dụng nước chủ yếu cho các mục đích sau:

+ Nước phục vụ sinh hoạt;

+ Nước phục vụ sản xuất (cấp lò hơi và quá trình làm mát gạo);

+ Nước cấp hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

+ Nước phòng cháy chữa cháy.

**a. Nước cấp sinh hoạt và quá trình làm mát gạo:**

- Chủ cơ sở sử dụng nguồn nước từ hệ thống cấp nước chung của khu vực do Công ty Cổ phần điện nước An Giang cung cấp.

- Nhu cầu sử dụng nước được tính toán theo tiêu chuẩn cấp nước như sau:

+ Nước cấp sinh hoạt: chủ yếu là phục vụ vệ sinh cá nhân của người lao động trong ca làm việc. Tổng lượng nhân viên tối đa của nhà máy là 50 người, không ở lại nhà máy (bao gồm cả công đoàn), ăn uống tự túc.

Căn cứ TCVN 33:2006 cấp nước – mạng lưới đường ống và yêu cầu thiết kế: tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho một người là 25 lít/ ca, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khoảng 1.250 lít/ngày ~ 1,25 $m^3$/ngày (50 người *25 lít/ ca).

+ Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn làm mát gạo khoảng 05 $m^3$/ngày đến 10 $m^3$/ngày, tùy vào khối lượng sản xuất (phun sương hạt rất mịn, mức sử dụng khoảng 20-30 lít/ tấn nguyên liệu đầu vào).

- Như vậy: Tổng khối lượng nước sử dụng tính toán theo định mức vào khoảng đến 6,25 $m^3$/ngày đến 10,25 $m^3$/ngày (giao động chủ yếu tùy thuộc vào khối lượng gạo làm mát mỗi ngày).

- Khối lượng sử dụng thực tế của cơ sở thống kê theo hóa đơn sử dụng nước trong 09 tháng đầu năm 2025, bảng sau:

**Bảng 1.6: Khối lượng nước sử dụng của cơ sở năm 2025**

| THÁNG | Mã khách hàng | | | Tổng số ($m^3$/tháng) | Số trung bình ($m^3$/ngày) |
|---|---|---|---|---|---|
| | P176316 | P173887 | P029784 | | |
| 4 | 237,00 | 11,00 | 149,00 | 397,00 | 13,23 |
| 5 | 25,00 | 16,00 | 111,00 | 152,00 | 5,07 |
| 6 | 3,00 | 7,00 | 104,00 | 114,00 | 3,80 |
| 7 | 205,00 | 7,00 | 99,00 | 311,00 | 10,37 |
| 8 | 223,00 | 5,00 | 133,00 | 361,00 | 12,03 |
| 9 | 117,00 | 6,00 | 93,00 | 216,00 | 7,20 |
| 10 | 1,00 | 7,00 | 77,00 | 85,00 | 2,83 |
| 11 | 32,00 | 10,00 | 87,00 | 129,00 | 4,23 |
| 12 | 187,00 | 1,00 | 83,00 | 271,00 | 9,03 |
| | Trung bình | | | | 7,53 $m^3$/ngày |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Nhận xét**: Khối lượng sử dụng nước cấp của cơ sở giao động từ 2,83 $m^3$/ngày đến 13,23 $m^3$/ngày, ngoài sử dụng nước nước sinh hoạt và sản xuất lượng nước này còn phát sinh do hao hụt trên đường ống sử dụng và một phần sử dụng tưới cây và tưới đường giảm thiểu bụi đường phía trước cơ sở. Có thể kết luận khối lượng nước sử dụng theo thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng của cơ sở và phù hợp khối lượng nước cấp sử dụng tính theo định mức.

**b. Nước cấp hoạt động lò hơi và xử lý khí thải lò hơi.**

- Nguồn nước cấp được khai từ nguồn sông Cái Vừng.

- Định mức lượng nước cung cấp cho lò hơi là 01 $m^3$ nước tương đương với 01 tấn hơi, lò hơi hoạt động trong thời gian cao điểm là 08 tấn hơi/giờ x 24 giờ/ngày = 192 tấn hơi/ngày, như vậy khối lượng nước cấp cho hoạt động của lò hơi là 192 $m^3$/ngày. Khi vận hành lò hơi, lượng nước nóng được hoàn lưu sau khi sấy tại lò sấy lúa, tái sử dụng cho lò hơi chiếm 45% (hao hụt hơi nước 55%), như vậy lượng nước cấp thực tế theo thiết kế bổ sung cho lò hơi khoảng 30% nhu cầu sử dụng là: 192 $m^3$/ngày x 55% = 105,6$m^3$/ngày.

- Nước cấp cho bể chứa xử lý bụi lò hơi: Nước xử lý bụi lò hơi được lưu chứa trong bể lắng (có thể tích hữu dụng là 27,72$m^3$), nước được hoàn lưu tái sử dụng, lượng xả bỏ khoảng 1,0 $m^3$/ngày, lượng hao hụt sẽ được châm bù vào khi xả, nhu cầu sử dụng nước cho quá trình xử lý khí thải khoảng 1,0 $m^3$/ngày.

- Nước cấp lò hơi và quá trình xử lý khí thải lò hợi khai thác từ sông Cái Vừng, được xử lý qua hệ thống xử lý nước cấp công suất 70 $m^3$/ngày.đêm. Quy trình xử lý như sau: Nước mặt Sông Cái Vừng →Máy bơm nước →Bồn trộn→Bồn lắng→ Bể trung gian→Bồn lọc →Bồn làm mềm→Bồn chứa nước cấp cho lò hơi →Cấp nước.

**c. Nước cấp phòng cháy chữa cháy:** được lấy trực tiếp từ Sông Cái Vừng, đây là nguồn sử dụng không thường xuyên.

**d. Nhu cầu xả nước thải vào nguồn nước**

- Nhu cầu xả nước thải vào nguồn nước gồm: Nước thải sinh hoạt, với lượng xả bằng 100% lượng cấp ước tính khoảng 1,25$m^3$/ngày.đêm và nước thải từ hoạt động xả đáy lò hơi 1,0 $m^3$/ngày, tổng nhu cầu nước thải cần xử lý vào khoảng 2,25 $m^3$/ngày.đêm. Nước thải được xử lý qua hệ thống xử lý công suất 04$m^3$/ngày.đêm, chất lượng nước thải đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cái Vừng.

**e. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.**

**Bảng 1.7: Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở**

| STT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Xuất xứ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hệ thống tháp sấy lúa | Cái | 07 | Việt Nam |
| 2 | Hệ thống bóc vỏ lúa | HT | 02 | Việt Nam |
| 3 | Máy làm sạch gạo | Bộ | 06 | Việt Nam |
| 4 | Máy xát trắng gạo | Bộ | 16 | Việt Nam |
| 5 | Máy lau bóng gạo | Bộ | 20 | Việt Nam |
| 6 | Máy tách màu gạo | Bộ | 02 | Trung Quốc |
| 7 | Máy chọn hạt | Bộ | 08 | Việt Nam |
| 8 | Thùng làm mát gạo | Bộ | 04 | Việt Nam |
| 9 | Máy trộn gạo | Bộ | 06 | Việt Nam |
| 10 | Cân tịnh xuất gạo | Bộ | 05 | Việt Nam |
| 11 | Hệ thống băng tải | Ht | 05 | Việt Nam |
| 12 | Bồn chứa gạo nguyên liệu 600T | Bộ | 02 | Việt Nam |
| 13 | Bồn chứa gạo thành phẩm 900T | Bộ | 01 | Việt Nam |
| 14 | Bồn gạo thành phẩm 2100T | Bộ | 01 | Việt Nam |
| 15 | Bồn gạo thành phẩm 2100T | Bộ | 01 | Việt Nam |
| 16 | Bồn gạo thành phẩm 6000T | Bộ | 01 | Việt Nam |
| 17 | Bồn chứa lúa sau sấy 3000T | Bộ | 01 | Việt Nam |
| 18 | Máy phát điện | Cái | 02 | Việt Nam |

**5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.**

- Cơ sở "Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quản nông sản TCO AGRI – Chi nhánh An Giang" tên trước đây là "Nhà máy Chế biến – Lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh" do Công ty TNHH Khiêm Thanh là chủ đầu tư, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2001 các giấy chứng nhận đầu tư đã được phê duyệt gồm:

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 191/CN.UB ngày 29/11/2001 của UBND tỉnh An Giang cho dự án Xây dựng Kho chế biến gạo xuất khẩu (lĩnh vực chế biến nông sản).

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43/CN.UB ngày 24/7/2003 của UBND tỉnh An Giang cho dự án đầu tư Xây dựng hệ thống kho bảo quản nông sản (lĩnh vực dịch vụ bảo quản nông sản bao gồm đầu tư máy sấy các loại nông sản).

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 51/CN.UB ngày 28/6/2004 của UBND tỉnh An Giang cho dự án đầu tư Hệ thống kho bảo quản nông sản (lĩnh vực dịch vụ bảo quản nông sản).

- Đến năm 2009, cơ sở đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, đã được UBND tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 521021000250 ngày 15/7/2009 về việc Chứng nhận Công ty TNHH Khiêm Thanh thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh". Đồng thời được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường "Dự án đầu tư xây dựng kho chế biến gạo xuất khẩu" theo Quyết định số 115/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 10/ 7/ 2009 của Sở tài nguyên và Môi trường An Giang.

- Đến năm 2012, Công ty TNHH Khiêm Thanh đầu tư xây dựng và lắp đặt thêm dây chuyền xay xát lúa với công suất 15.000 tấn lúa nguyên liệu/năm. Tại thời điểm đó, Công ty TNHH Khiêm Thanh đã có văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư "Nhà máy chế biến — lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh". Sau khi được xem xét, Công ty TNHH Khiêm Thanh đã được UBND tỉnh An Giang chấp thuận điều chỉnh dự án đầu tư tại Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và đã được phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh *(đính kèm phụ lục của báo cáo)*.

- Đến năm 2019, nhà máy thay đổi chủ đầu tư từ Công ty TNHH Khiêm Thanh sang Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An và đã được điều chỉnh chủ cơ sở theo Quyết định số 914/QĐ-STNMT ngày 04/7/ 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Chủ cơ sở Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 *(đính kèm phụ lục của báo cáo)*.

- Đến năm 2024, Công ty Cổ phần TCO AGRI – Chi nhánh An Giang mua lại nhà máy từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An, các thủ tục bàn giao và chuyển nhượng được hoàn thành trong năm 2024 và đến đầu năm 2025 Công ty Cổ phần TCO AGRI – Chi nhánh An Giang chính thức tiếp nhận và vận hành lại nhà máy. Hoạt động của chủ cơ sở mới là Công ty Cổ phần TCO AGRI – Chi

nhánh An Giang không thay đổi loại hình sản xuất, kinh doanh so với nhà máy đã được phê duyệt, do đó chủ cơ sở tiếp tục kế thừa các văn bản, quyết định về môi trường đã được phê duyệt.

- Hoạt động của cơ sở có phát sinh bụi, khí thải ra môi trường phải được xử lý với lưu lượng từ 5.000 $m^3$/giờ trở lên. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường theo quy định, do đó chủ cơ sở tiến hành thực hiện Giấy phép môi trường cho cho cơ sở theo quy định hiện hành.

# CHƯƠNG II
# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

## 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

### 1.1. Cơ sở phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

- Cơ sở phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

- Cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cơ sở phù hợp quy hoạch tỉnh An Giang theo Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/ 11/ 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cơ sở phù hợp các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường gồm:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/ 01/ 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/ 01/ 2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/ 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/ 01/ 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/ 02/ 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6 /2025.

### 1.2. Cơ sở phù hợp với quy hoạch tỉnh An Giang

- Tại thời điểm xây dựng cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Phú Tân theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của UBND tỉnh An Giang và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Phú Tân đến năm 2020 theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở đã được Văn phòng đăng ký đất đai – tỉnh An Giang cấp, mục đích sử dụng đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất của tỉnh An Giang.

- Chủ cơ sở thực hiện các công trình bảo vệ môi trường quản lý chất thải phù hợp theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh An Giang - quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cơ sở "Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quản nông sản TCO AGRI – Chi nhánh An Giang" của Công ty cổ phần TCO AGRI – Chi nhánh An Giang mang lại hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giúp tăng thu nhập, ổn định đời sống cho lực lượng lao động của nhà máy trên địa bàn, góp phần thiết thực cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật và kinh tế trong khu vực và tăng nguồn thu cho địa phương qua các khoản thuế, phí và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp cho địa phương, tạo bộ mặt cho công nghiệp hóa tại khu vực.

## 2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

### 2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

- Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có công suất 04 $m^3$/ngày.đêm, chất lượng nước sau xử lý đạt cột B, theo QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Vị trí xả nước thải: thuộc xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cái Vừng

- Tọa độ xả thải: X= 1188728 và Y = 560107 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

- Dữ liệu chất lượng môi trường nước mặt sông Cái Vừng.

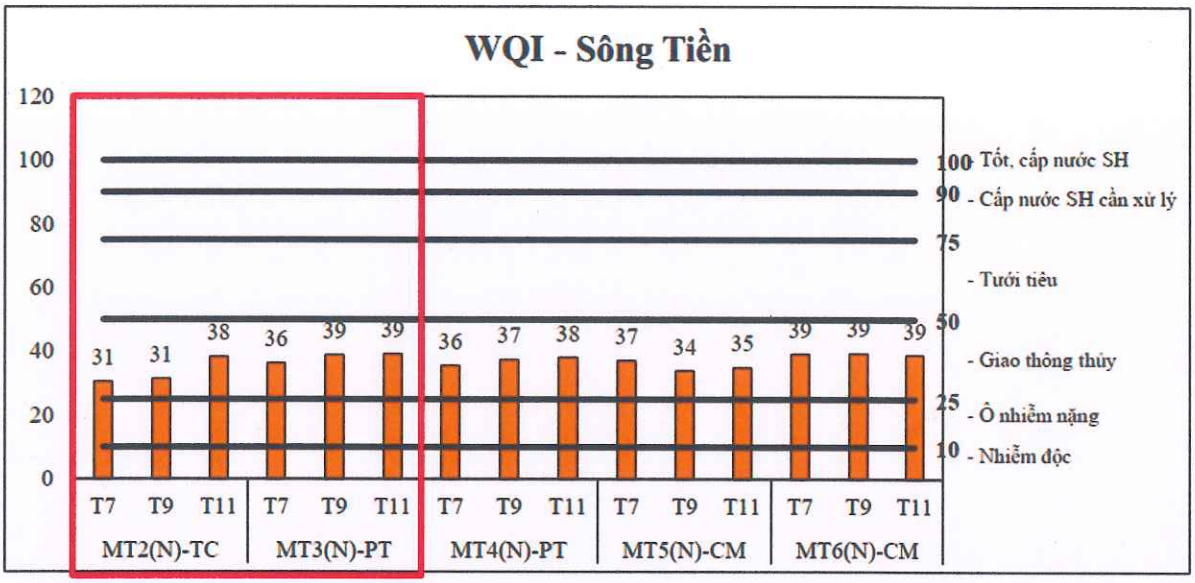
- Tham khảo báo cáo quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2024 tại vị trí điểm đầu sông Cái Vừng và sông Tiền, thuộc Phường Long Châu, Thị xã Tân Châu (nay thuộc Phường Long Phú, tỉnh An Giang), tọa độ $X_{(m)}$= 552211 và $Y_{(m)}$ =1194912 ; ký hiệu MT2(N)-TC) và vị trí tại thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân (nay thuộc xã Chợ Vàm, tỉnh An Giang), điểm cuối sông Cái Vừng và sông Tiền tọa độ $X_{(m)}$= 564988 và $Y_{(m)}$= 1185446 ; ký hiệu MT3(N)-PT (tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu $3^0$).

- Dữ liệu tham khảo là chỉ số chất lượng nước của Việt Nam (viết tắt là VN_WQI) là chỉ số được tính toán từ các thông số quan trắc chất lượng nước mặt ở Việt Nam, dùng để mô tả định lượng về chất lượng nước và khả năng sử dụng của nguồn nước đó, được biểu diễn qua một thang điểm.

**Bảng 2.1: Các mức VN_WQI và sự phù hợp với mục đích sử dụng**

| Khoảng WQI | Chất lượng nước | Màu sắc | Phù hợp với mục đích |
|---|---|---|---|
| 91-100 | Rất tốt | Xanh nước biển | Sử dụng tốt cho mục đích cấp sinh hoạt |
| 76-90 | Tốt | Xanh lá cây | Sử dụng cho mục đích cấp sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp |
| 51-75 | Trung bình | Vàng | Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác |
| 26-50 | Kém | Da cam | Sử dụng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích tương đương khác |
| 10-25 | Ô nhiễm nặng | Đỏ | Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai |
| <10 | Ô nhiễm rất nặng | Nâu | Nước nhiễm độc cần có biện pháp khắc phục xử lý |

- Kết quả tham khảo dữ liệu như sau:




*(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường tỉnh An Giang năm 2024)*

**Hình 2.1: Diễn biến WQI trên sông Tiền (vị trí tham khảo tại điểm đầu và điểm cuối sông Cái Vừng)**

**Nhận xét**: Qua biểu đồ diễn biến chất lượng nước theo chỉ số WQI sông Tiền năm 2024 tại điểm đầu sông Cái Vừng và sông Tiền-MT2(N)–TC và tại điểm cuối sông Cái Vừng và sông Tiền-MT3(N)–PT cho thấy, chất lượng nước mặt ở mức kém - sử dụng cho giao thông thủy.

Kết luận: Nhìn chung chất lượng nước mặt trên sông Cái Vừng phù hợp sử dụng cho giao thông thủy, do đó chất lượng nước sau xử lý của cơ sở đạt cột B, theo QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp là phù hợp đối với khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận.

### 2.2. Sự phù hợp và khả năng chịu tải đối với môi trường không khí

- Hiện tại khu vực thực hiện cơ sở chưa có dữ liệu môi trường không khí. Căn cứ kết quả khảo sát chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn xung quanh tại báo cáo quan trắc môi trường định kỳ của cơ thì thì khu vực cơ sở vẫn đảm bảo an toàn đối với sức khỏe cộng đồng, vì vậy có thể nhận định rằng sức chịu tải môi trường không khí ở mức cao.

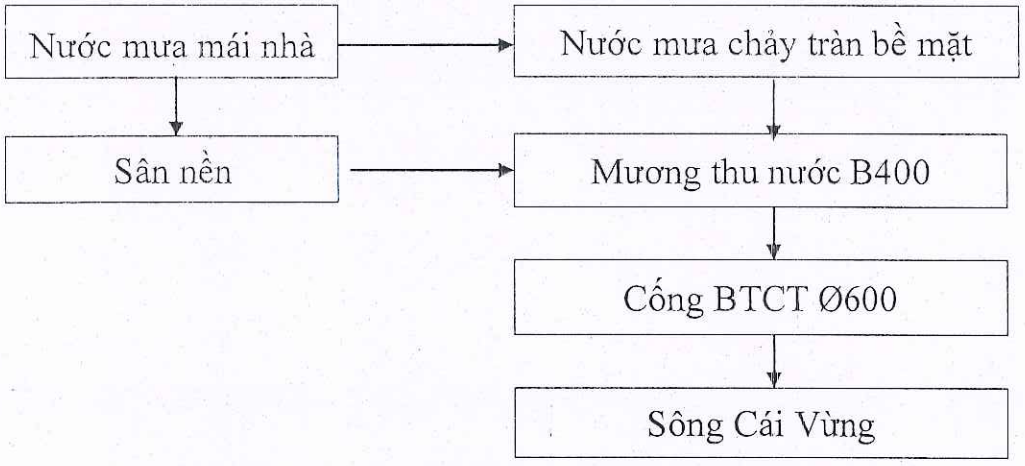
# CHƯƠNG III
# KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

#### 1.1.1. Mô tả chi tiết công trình thu gom, thoát nước mưa

- Sơ đồ minh họa thoát nước mưa của cơ sở như hình sau:




**Hình 3.1: Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở**

- Nước mưa mái từ mái nhà (tole) và nước mưa chảy tràn bề mặt sân nền được thu gom mương thu nước mưa B400 được bố trí dọc theo khuôn viên nhà máy. Sau đó, nước mưa tiếp tục được thoát theo tuyến cống BTCT Ø600 chảy ra nguồn tiếp nhận là Sông Cái Vừng.

**** Thông số kỹ thuật cơ bản công trình thu gom, thoát nước mưa sau:**

**Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thoát nước mưa**

| STT | Loại công trình | Kết cấu | Kích thước | Chiều dài |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Mương thu nước mưa B400 | Xây gạch | B400 | 345,4 |
| 2 | Cống BTCT Ø600 | BTCT | Ø600 | 106,0 |
| 3 | Hố ga xây gạch | Xây gạch | 0,8x0,8m | 07 cái |
| 4 | Cửa xả nước mưa | BTCT | - | 03 cái |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**** Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa:**

- Nguồn tiếp nhận: Sông Cái Vừng

- Vị trí thoát nước mưa: 03 điểm, tọa độ các điểm thoát nước mưa theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu $3^0$ như sau:

+ Vị trí 01: X= 1188649; Y= 560009;

+ Vị trí 02: X= 1188708; Y= 560059;

+ Vị trí 03: X= 1188719; Y= 560078;

- Hình thức thoát nước mưa: tự chảy *(đính kèm bản vẽ mặt bằng bố trí công trình thoát nước tổng thể tại phụ lục của báo cáo).*

**1.1.2. Mô tả các biện pháp khác giảm thiểu tác động do nước mưa**

- Khu vực tập kết nguyên liệu và xuất bán sản phẩm, phụ phẩm gọn gàng, hạt chế rơi vãi, thường xuyên quét dọn bụi rơi vãi trên mặt bằng cơ sở.

- Nạo vét định kỳ các hố ga và các rãnh thu nước để tránh gây tắc nghẽn ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở.

- Không để nước mưa rửa trôi các chất thải rắn, bụi trên bề mặt khu đất, bằng cách quy hoạch vị trí thu gom và lưu chứa chất thải rắn. Các thùng chứa rác ngoài trời đảm bảo đậy đậy kín nắp;

**1.2. Thu gom, thoát nước thải**

**1.2.1. Công trình thu gom nước thải**

- Cơ sở có 02 nguồn phát sinh nước thải: một là nước thải từ hoạt động sinh hoạt, lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 1,25$m^3$/ngày.đêm (không tổ chức nấu ăn tại cơ sở), hai là nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình dập bụi xử lý khí thải lò hơi, lưu lượng nước thải khoảng 1,0 $m^3$/ngày. Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa vào khoảng 2,25$m^3$/ngày, thu gom nước thải như sau:

** Công trình thu gom nước thải sinh hoạt*

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh → hầm tự hoại (bố trí ngầm) → hố ga → đường ống uPVC Ø60, cùng với nước thải từ các lavabo, vòi rửa tay → hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải công suất 04$m^3$/ngày.đêm.

** Công trình thu gom và thoát nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình dập bụi, xử lý khí thải lò hơi.*

- Nước thải từ quá trình dập bụi, xử lý khí thải lò hơi được xử lý sơ bộ bằng bể lắng 03 ngăn tại khu vực lò hơi, nước được hoàn lưu tái sử dụng và được châm bổ sung liên tục, phần nước thải bỏ sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 04$m^3$/ngày.đêm bằng đường ống uPVC Ø90 để được xử lý.

**Thông số kỹ thuật công trình thu gom nước thải bảng sau:

**Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thu gom nước thải**

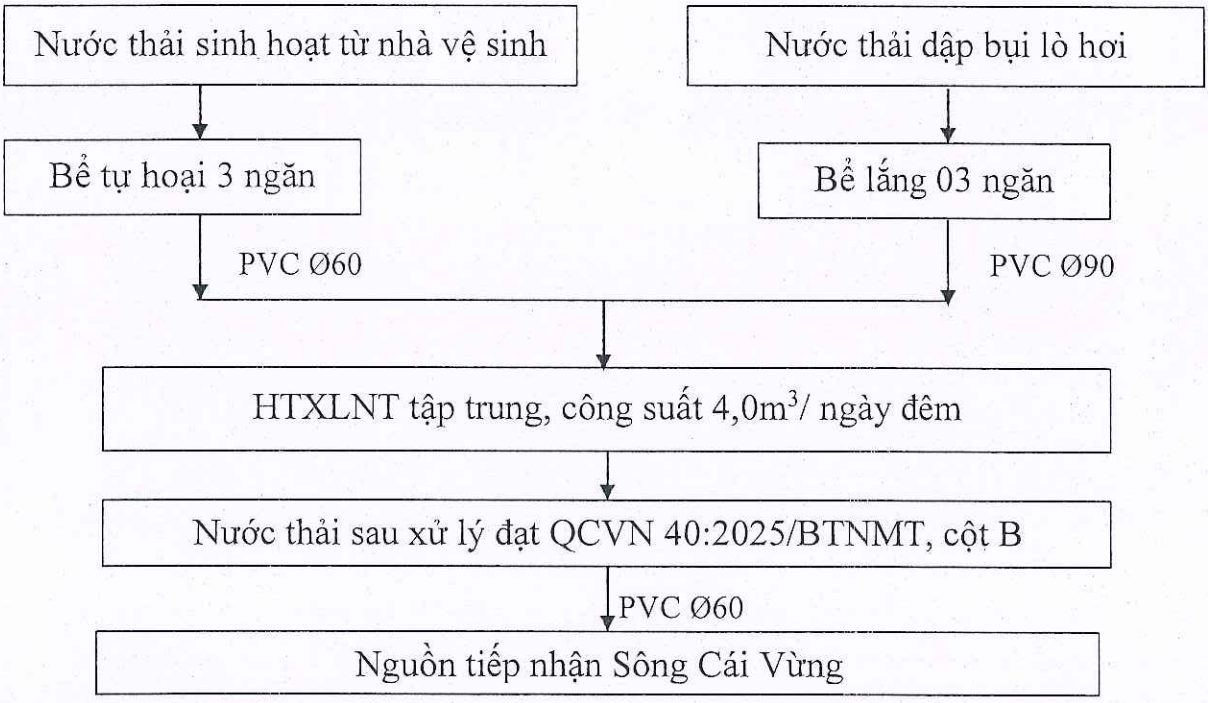
| TT | Loại công trình | Kết cấu | Kích thước | Số lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ống thu gom nước thải sinh hoạt | PVC | Ø60 | 104,2m |
| 2 | Ống thu gom nước thải dập bụi, xử lý khí thải lò hơi. | PVC | Ø90 | 16,00m |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

### 1.2.2. Công trình thoát nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, được thoát theo đường ống PVC Ø60, chiều dài L=25m, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận là Sông Cái Vừng.

### 1.2.3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom và thoát nước thải.




**Hình 3.2: Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom và thoát nước thải**

❖ **Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:**

- Đối với nước thải từ các khu nhà vệ sinh (còn được gọi là nước thải đen, chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh), nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải sau xử lý sơ bộ được thoát vào tuyến ống thu gom nước thải PVC Ø60. Đối với nước thải từ rửa chân tay, tắm, giặt (nước thải xám),

nước thải được thu gom trực tiếp vào tuyến ống thu gom nước thải PVC Ø60 sau đó cùng với nước thải sau bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) công suất 4,0 $m^3$/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ dập bụi lò hơi được xử lý sơ bộ tại bể lắng 03 ngăn, nước sau xử lý thoát theo đường ống PVC Ø90 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) công suất 4,0 $m^3$/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

**1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý.**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cái Vừng

- Vị trí thoát nước mưa: 01 điểm, vị trí có tọa độ: X= 1188728; Y= 560107 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$):

- Phương thức xả thải: tự chảy.

- Hình thức xả thải: xả mặt, ven bờ.

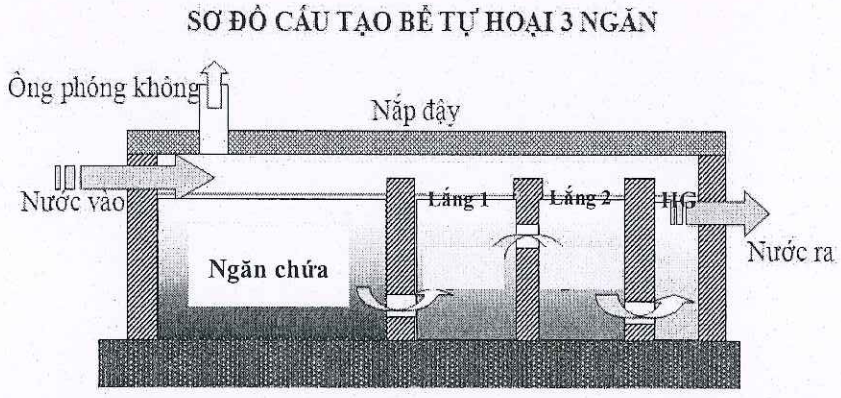
- Chế độ xả thải: không liên tục (xả thải khi có nước thải)

## 1.3. Xử lý nước thải

### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ

***a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt***

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, nguyên lý hoạt động bể tự hoại được mô tả hình sau:




**Hình 3.3: Mô hình hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt**

**Thuyết minh nguyên lý hoạt động của bể tự hoại.**

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ đồng thời thực hiện 2 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn lắng.

- Thời gian nước lưu trong bể từ 1 - 3 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ, trong quá trình chuyển động các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn và nhiệt độ, nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh, kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm $H_2O$, $CO_2$, $CH_4$, độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

- Bùn cặn ở đáy bể định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng sử dụng xe chuyên dùng hút bùn và đem đổ đúng nơi quy định, khoảng 20% lượng cặn đã lên men được giữ lại trong bể để tạo men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn.

**Số lượng và thông số kỹ thuật cơ bản của bể tự hoại**

**Bảng 3.3: Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật của các bể tự hoại**

| TT | Khu vực bố trí | Số lượng | Thể tích ($m^3$) | Kích thước (DxRxC) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Khu vực nhà điều hành (03 tầng) | 01 | 8,55 | 3,0mx1,9mx1,5m |
| 2 | Khu vực nhà ăn (02 tầng) | 01 | 4,28 | 1,9mx1,5mx1,5m |
| | **Tổng** | **02** | **10,83** | |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Đánh giá khả năng đáp ứng xử lý của công trình bể tự hoại:**

- Thể tích bể được tính theo công thức sau: $W_{ước} = W_n + W_c$

Với: + *$W_n$ Thể tích phần nước và $W_c$ Thể tích phần bùn;*

$$W_n = t_n \times Q\ (m^3) = 1 \times 1{,}25 = 1{,}25\ (m^3)$$

*+ Với Q là lưu lượng nước thải ($m^3$/ngày) và t là thời gian lưu nước trong bể. Chọn t = 24h (1 ngày.đêm).*

$$W_c = \frac{aT(100-P_1)bc.N}{(100-P_2).1000}\ (m^3);$$ *trong đó:*

a: lượng cặn trung bình tạo ra của 1 người trong 1 ngày, a= 0,6 (l/ng.ng/đêm);

T: thời gian hút cặn (ngày), T= 365 ngày (01 năm);

$P_1$, $P_2$ Độ ẩm của cặn tươi và cặn đã lên men, $P_1$ = 95%, $P_2$= 90%;

b: hệ số kể đến độ giảm thể tích khi lên men cặn, b= 0,7;

c: hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men sau mỗi lần hút, c =1,2;

N: số người mà bể phục vụ tối đa 50 người.

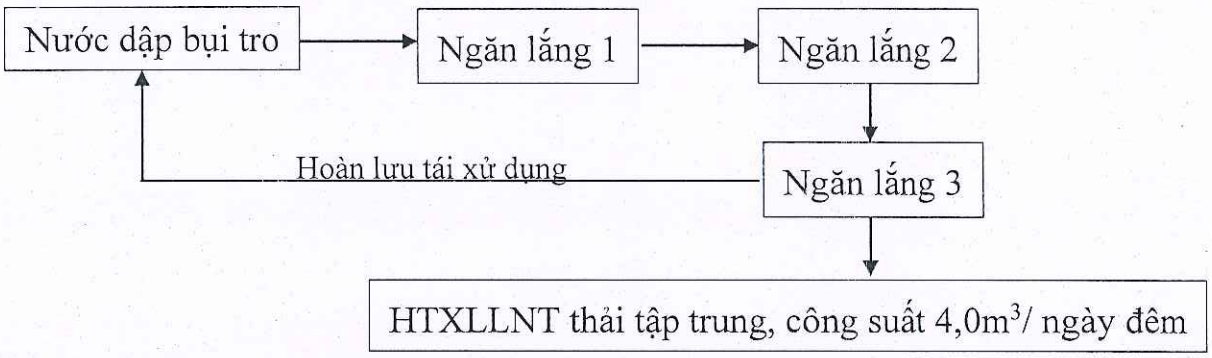
$$Wc = [0,6 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 50]/[(100 - 90) \times 1000] = 4,59\ m^3.$$

$$\text{Như vậy: } W_{\text{ướt}} = W_n + W_c = 1,25 + 4,59 = 5,85\ m^3$$

**Kết luận:** Số lượng nhà vệ sinh đã bố trí không thay đổi so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, đồng thời vẫn đáp ứng nhu cầu thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại cơ sở.

***b. Bể lắng 03 ngăn xử lý nước thải dập bụi tro***

- Nước thải từ quá trình dập bụi tro được xử lý bằng bể lắng 03 ngăn, nguyên lý hoạt động được mô tả theo sơ đồ sau:




**Hình 3.4: Quy trình xử lý sơ bộ nước thải dập bụi tro**

**Thuyết minh nguyên lý hoạt động của bể lắng 03 ngăn**

- Bụi tro trong dòng khí thải hoạt động dựa trên nguyên lý tách hạt bụi thô bằng cách phun nước làm ẩm các hạt bụi theo dòng nước lắng xuống đáy bể, dòng khí sạch sẽ được thoát ra ngoài.

- Dòng nước mang bụi được dẫn vào ngăn thứ nhất, làm giảm vận tốc và cho phép các hạt bụi lớn lắng xuống đáy. Nước đã lắng bụi một phần sẽ được dẫn sang ngăn thứ hai, quá trình giảm vận tốc và lắng bụi lặp lại trong các ngăn giúp tách thêm các hạt bụi tro có kích thước nhỏ hơn, sau đó qua tiếp ngăn thứ ba để tiếp tục quá trình lắng. Cuối cùng bụi được thu gom ở đáy bể, phần nước trong trên bề mặt được tuần hoàn lại quy trình xử lý bụi, nước được bổ sung để pha loãng đảm bảo dòng nước tuần hoàn về quy trình xử lý bụi sạch, phần nước thừa sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 4,0 $m^3$/ngày xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

**Thông số kỹ thuật cơ bản của bể lắng 03 ngăn.**

**Bảng 3.4: Thống kê số lượng và thông số kỹ thuật của bể lắng 03 ngăn**

| STT | Hạng mục | Kích thước hữu dụng (m) | | | Thể tích($m^3$) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | D | R | H | |
| 1 | Ngăn 1 | 2,20 | 3,5 | 1,20 | 9,24 |
| 2 | Ngăn 2 | 2,20 | 3,5 | 1,20 | 9,24 |
| 3 | Ngăn 3 | 2,20 | 3,5 | 1,20 | 9,24 |
| | **Tổng** | | | | **27,72** |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Kết luận:** Lưu lượng nước thải dập bụi, xử lý khí thải lò hơi khoảng 01 $m^3$/ngày, bể lắng 03 ngăn có tổng thể tích hữu dụng khoảng 27,72 $m^3$, đảm bảo được thời gian lưu và lắng nước thải.

### 1.3.2. Công trình HTXLNT tập trung

***a. Tổng lưu lượng nước thải cần xử lý***

- Nhu cầu xả nước thải vào nguồn nước gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: với lượng nước thải được tính bằng 100% lượng cấp có sinh hoạt, ước tính lưu lượng khoảng 1,25$m^3$/ngày.đêm.

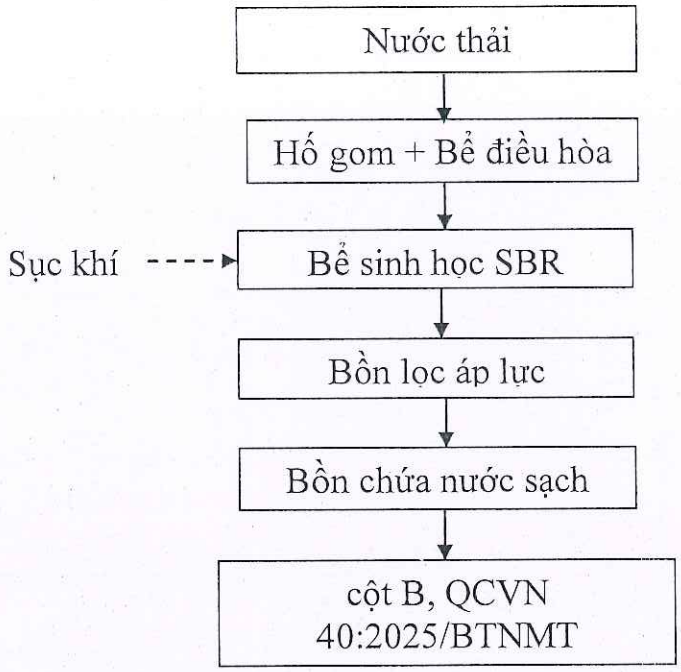
+ Nước thải bỏ từ bể dập bụi, xử lý khí thải lò hơi lưu lượng 1,0 $m^3$/ngày.

=> Tổng nhu cầu xả nước thải cần xử lý vào khoảng 2,25 $m^3$/ngày.đêm, hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) của cơ sở được thiết kế công suất 04$m^3$/ngày.đêm đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở.

- Chất lượng nước thải đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cái Vừng.

***b. Hệ thống xử lý nước thải tập trung***

**** Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải.**




**Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải tập trung**

**Thuyết minh nguyên lý hoạt động**

- Bể thu gom + điều hòa: tại đây nước thải được điều hòa lưu lượng và nồng độ, đồng thời được lắp đặt thiết bị tách rác thô có kích thước khe 5 mm ngay tại dòng vào nhằm loại bỏ rác có kích thước lớn chảy vào hệ thống xử lý tránh trường hợp gây tắc nghẽn đường ống, nghẹt bơm,... ở các công trình phía sau, rác thải sẽ được thu gom hằng ngày và đem đi xử lý hợp vệ sinh. Sau đó, nước thải được bơm lên Bồn sinh học SBR để tiếp tục quá trình xử lý.

- Bồn sinh học SBR: nguyên lý hoạt động của hệ thống SBR là hoạt động theo chu kỳ khép kín gồm 4 giai đoạn gồm: giai đoạn làm đầy, giai đoạn sục khí, giai đoạn lắng và giai đoạn rút nước:

+ Giai đoạn làm đầy: Đầu tiên nước thải sẽ được bơm trực tiếp vào bể và sẽ có thời gian xử lý từ 1 – 3 giờ. Lúc này trong bồn SBR sẽ diễn ra hoạt động phản ứng liên tiếp nhau: Làm đầy – tĩnh, làm đầy – hòa trộn và làm đầy sục – khí, hàm lượng BOD đầu vào sẽ quyết định tới các quá trình này. Giai đoạn làm đầy sẽ bổ sung nước thải vào bồn SBR đồng thời mang theo lượng thức ăn cho vi sinh vật nên có thể tạo ra được phản ứng sinh hóa.

+ Giai đoạn sục khí: Giai đoạn sục khí có tác dụng cung cấp oxy vào nước, khuấy đều hỗn hợp nước thải trong bể. Giai đoạn này sẽ tạo ra phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính, thời gian làm việc trung bình của giai đoạn sục khí sẽ kéo dài khoảng từ 2- 3 giờ.

+ Giai đoạn lắng: Giai đoạn này các hợp chất ô nhiễm sẽ lắng dần trong nước và quá trình sẽ được diễn ra trong môi trường tĩnh. Thời gian để lắng bùn sẽ diễn ra khoảng từ 02- 03giờ.

+ Giai đoạn rút nước: Lượng nước trong ở phía trên sau thời gian lắng sẽ được thoát khỏi bồn SBR, chỉ rút phần nước trong phía trên sau khi lắng chứ không đi kèm với bất kì lượng bùn hoạt tính nào.

❖ **Ưu điểm của bể SBR**: Tiết kiệm thời gian và chi phí xây dựng vì không cần bể lắng 1, bể lắng 2,... đồng thời, tiết kiệm tối đa năng lượng vận hành. Khả năng xử lý nước thải tốt, kể cả những chất hữu cơ có nồng độ ô nhiễm cao và dễ dàng kiểm soát, xử lý các sự cố; Hệ thống linh hoạt trong quá trình hoạt động, có thể áp dụng xử lý với nhiều loại hình nước thải khác nhau và ở nhiều mức công suất khác nhau.

- Bồn lọc áp lực: Nước thải sau bồn SBR sẽ được đưa vào bồn lọc. Nước thải được xử lý thông qua lớp cát lọc, lớp đỡ sau đó nước trong được thu về bồn chứa nước sạch sau xử lý. Bồn lọc áp lực được thiết kế chế độ rửa lọc tự động, quá trình rửa lọc nước sẽ chảy ngược từ dưới lên trên và đi qua lớp cát lọc rồi vào phễu thu rồi chảy vào ống thoát nước ra bên ngoài, nước thải rửa lọc được thu về hố gom + điều hoà của hệ thống để được xử lý.

❖ **Ưu điểm của bể lọc áp lực:**

+ Hiệu quả xử lý cao: Bể lọc áp lực có thể loại bỏ đến 90% các chất bẩn, cặn lơ lửng và vi sinh vật trong nước.

+ Hoạt động tự động: Bể lọc áp lực hoạt động tự động, không cần nhiều nhân công vận hành, chi phí vận hành thấp.

+ Bể lọc áp lực có thể được lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng, diện tích sử dụng nhỏ, bể lọc áp lực có thể được lắp đặt trong nhà hoặc ngoài trời.

- Bồn chứa nước sạch: Nước thải sau khi qua lọc áp lực sẽ được đưa về bể chứa và tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

**Yêu cầu quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:**

- Nước thải sau hệ thống xử lý đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

**Thông số kỹ thuật công trình xử lý nước thải bảng sau:**

**Bảng 3.5: Thông số kỹ thuật cơ bản của HTXLNT**

| TT | Tên thiết bị | ĐVT | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Hố thu** | **Bể** | **01** | Bể xây gạch M100, tô chống thấm; Kích thước (DxRxC): 3,0mx1,9mx1,6m |
| 1 | Bơm chìm nước thải | Bộ | 1,0 | Điện áp: 0,15kW-220v-50Hz<br>Xuất xứ: Đài Loan |
| 2 | Thiết bị đầu dò mực nước | Bộ | 1,0 | Bao gồm: Dạng trái nổi<br>Xuất xứ: Đài Loan |
| **II** | **Bồn xử lý sinh học SBR** | **Bộ** | **1,0** | Chất liệu: nhựa - 2000 lít<br>Xuất xứ: Việt Nam |
| 1 | Máy thổi khí | Bộ | 1,0 | Điện áp: 0,75kW-220v-50Hz<br>Xuất xứ: Trung Quốc |
| 2 | Đĩa phân phối khí | Bộ | 1,0 | Xuất xứ: Việt Nam |
| **III** | **Lọc áp lực + Vật liệu lọc** | **Bộ** | **1,0** | Vật liệu: Composite<br>Xuất xứ: Việt Nam |
| 1 | Thiết bị đầu dò mực nước | Bộ | 1,0 | Bao gồm: Dạng trái nổi<br>Xuất xứ: Hàn Quốc |
| 2 | Bơm lọc | Bộ | 1,0 | Điện áp: 0,75kW -220v-50Hz<br>Xuất xứ: Trung Quốc |
| **IV** | **Bể chứa nước sạch** | **Bộ** | **1,0** | Thể tích: 300 lít ; Vật liệu: nhựa; Xuất xứ: Việt Nam |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

****Danh mục máy móc thiết bị công trình xử lý nước thải:**

**Bảng 3.6: Danh mục máy móc thiết bị và điện năng tiêu thụ**

| TT | Tên thiết bị | Số lượng | Thời gian vận hành | Công suất thiết bị | Điện năng tiêu thụ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bơm chìm nước thải | 01 | 03 giờ/ngày | 0,15kW/h | 2,88 kW/ngày |
| 2 | Máy thổi khí | 01 | 03giờ/ngày | 0,75kW/h | 2,25 kW/ngày |
| 3 | Bơm lọc | 01 | 03 giờ/ngày | 0,75kW/h | 2,25 kW/ngày |
| **Tổng cộng** | | | | | **7,38 kW/ngày** |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

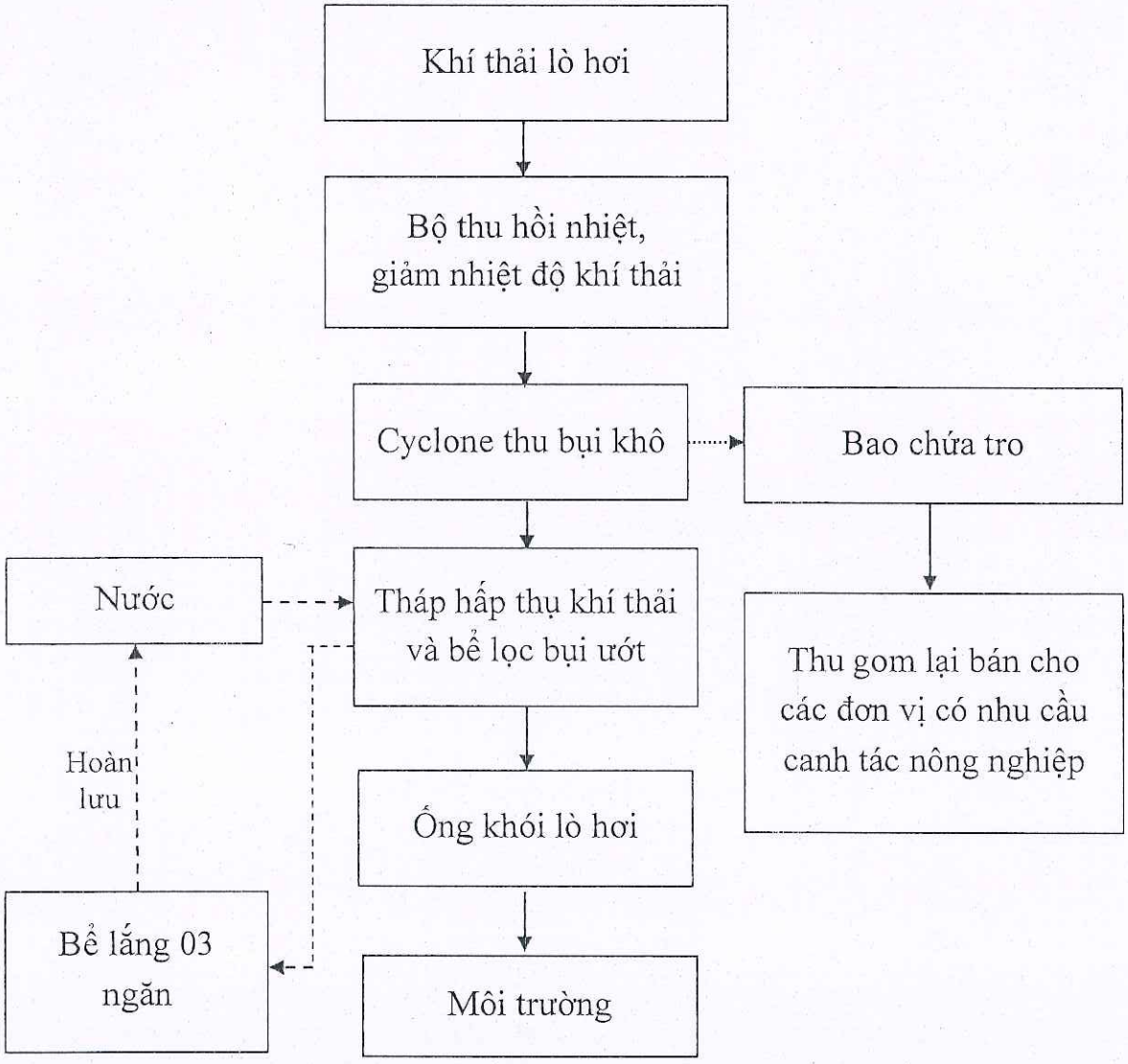
### 1.4. Quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Cơ sở không thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc nước thải định kỳ theo quy định.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1 Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

- Cơ sở sử dụng trấu để đốt cấp cho lò hơi với tổng lượng đốt 01 ngày là 200kg/tấn hơi, việc đốt trấu sẽ phát sinh khí thải, bụi tro từ quá trình đốt. Lò hơi tầng sôi của nhà máy đầu tư đã tích hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải, khí thải sau hệ thống xử lý khí thải thoát vào môi trường qua ống khói đường kính Ø600mm, quy trình xử lý khí thải hệ thống lò hơi đốt trấu được mô tả như sau:




**Hình 3.6: Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt trấu**

**Thuyết minh quy trình**

- Khí thải từ lò đốt trấu được hút vào Cyclone lắng bụi bằng quạt hút, các hạt bụi có kích thước lớn (>5µm) được giữ lại, loại khỏi dòng khí thải. Sau khi qua cyclone, khí thải đi vào tháp hấp thụ, tại đây khí thải được đi theo ống dẫn khí từ dưới đáy tháp hấp thụ, dịch chuyển theo hướng từ dưới lên, tiếp xúc ngược pha với nước rơi xuống từ lớp vật liệu rỗng phía trên, một phần bụi và các chất ô nhiễm được giữ lại, hấp thụ và lắng xuống đáy. Việc cho dòng khí thải đi vào tháp hấp thụ và tiếp xúc ngược pha với nước còn có tác dụng giảm vận tốc chuyển động của dòng khí và làm giảm nhiệt độ của dòng khí nóng, nhờ vậy quá trình xử lý tiếp theo được hiệu quả hơn.

- Lưu lượng khí thải lò hơi sau xử lý đo đạc thực tế tại cơ sở vào khoảng 6.518 $m^3$/giờ, cơ sở đề nghị cấp phép với lưu lượng là 8.000 $m^3$/giờ, không khí sạch sau xử lý được thoát ra ngoài qua ống khói cao khoảng 18m.

- Nước sau quá trình hấp thụ được dẫn vào bể lắng, phần nước trong được để tái sử dụng cho quá trình xử lý, phần bùn thải được thu gom vào bao chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý thích hợp theo đúng quy định. Phần nước thải sau khi thu cặn được đưa về qua HTXL tập trung để xử lý trước khi thải vào môi trường, lưu lượng nước xả trung bình khoảng 1,0 $m^3$/ngày.

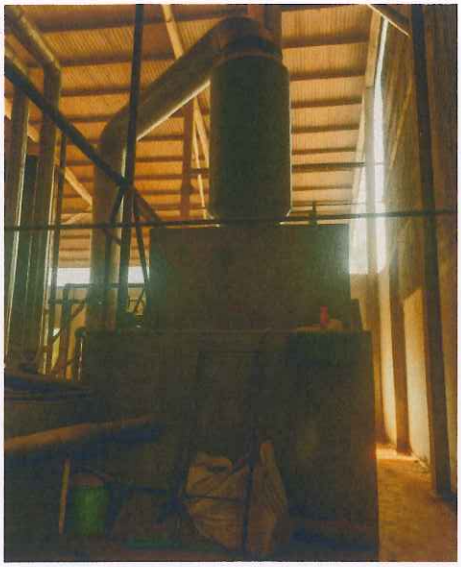
**Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình xử lý khí thải lò hơi**

**Bảng 3.7: Thông số kỹ thuật công trình xử lý khí thải lò hơi**

| STT | Thiết bị | Số lượng | Thông số kỹ thuật |
|---|---|---|---|
| 1 | Cyclone thu bụi tro | 01 cái | Kích thước: D=0,6m ; H=2,5m<br>Chất liệu sắt, sơn tĩnh điện. |
| 2 | Quạt hút | 01 cái | Công suất: 60 Hp (44,7 kW)<br>Lưu lượng: 22.000 $m^3$/h |
| 3 | Tháp thu bụi | 01cái | Kích thước: D=0,3m ; H=2,5m<br>Chất liệu Composite |
| 4 | Bể lọc bụi ướt | 01 cái | D x R x H=2,0 m x 6,5 m x1,5m<br>V= 19,5 $m^3$; Kết cấu: Xây gạch |
| 5 | Bể lắng 03 ngăn. | 01 cái | D x Rx H = 7,0m x 3,5mx 1,20m<br>$V_{hữu\ dụng}$= 27,72 $m^3$; Kết cấu: Xây gạch |
| 6 | Ống khói | 01 cái | D = 600mm, chiều cao tối thiểu 18,0 m |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Ảnh thực tế tại khu vực xử lý khí thải lò hơi hình sau:**



**Hình 3.7: Tháp dập bụi ướt**



**Hình 3.8: Bể lắng 03 ngăn**

❖ Ngoài ra, để giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ lò hơi, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- Vệ sinh lò hơi đúng kỹ thuật, tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Vệ sinh, bảo dưỡng lò hơi thường xuyên nhằm phát hiện hư hỏng, sự cố.

- Kiểm soát chế độ đốt để đảm bảo nồng độ CO đạt quy chuẩn: trong đó, sử dụng trấu đưa vào buồng đốt lò hơi. Buồng đốt được cấp gió cưỡng bức để đảm bảo oxy ở mức phù hợp nhằm oxy hóa CO thành $CO_2$, từ đó giảm thiểu hàm lượng CO trong khí thải.

- Thu gom toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ quá trình đốt trấu ở lò hơi về hệ thống xử lý khí thải và phát tán khí thải qua ống khói để hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng đến không khí xung quanh.

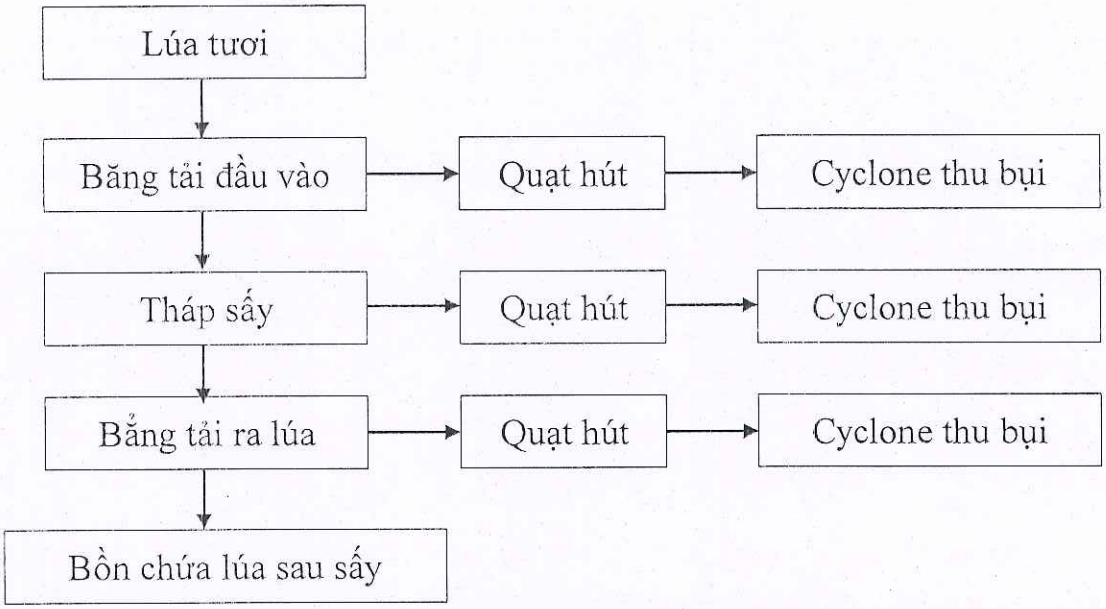
**2.2. Giảm thiểu bụi từ các công đoạn sản xuất của cơ sở**

- Trong quá trình sản xuất, các công đoạn phát sinh bụi gồm: Bụi từ khâu vận chuyển nguyên liệu vào hệ thống sấy lúa; Bụi từ quá trình sấy lúa; bụi từ quá trình ra lúa thành phẩm sau khi sấy; Bụi từ quá trình xay xát – bóc vỏ lúa và Bụi từ quá trình xát trắng - lau bóng gạo.

- Để giảm thiểu đến mức thấp nhất lượng bụi phát sinh (chủ yếu là bụi cám, trấu và bụi trấu) và tận thu các phụ phẩm có giá trị về kinh tế để tăng lợi nhuận

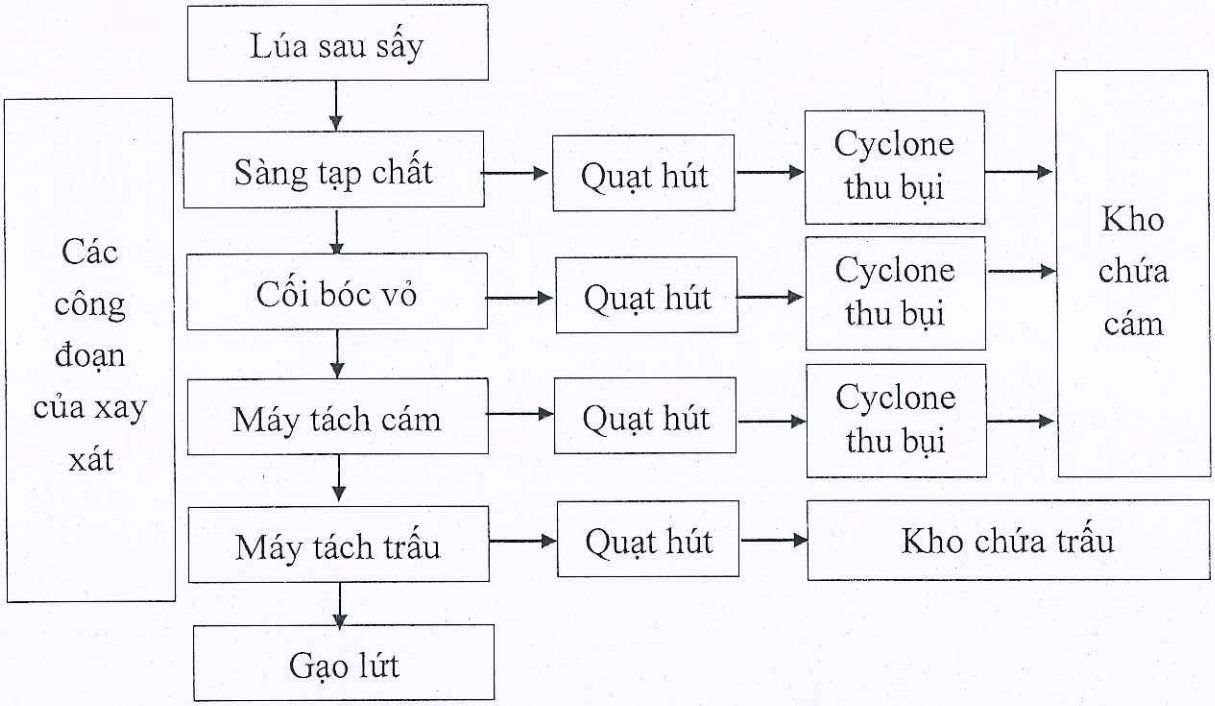
sản xuất, Chủ cơ sở đầu tư lắp đặt đồng bộ các máy móc, thiết bị hệ thống thu hồi và xử lý lượng bụi (phụ phẩm) phát sinh, các thiết bị xử lý chủ yếu là các Cyclone và hệ thống ống dẫn kín đảm bảo hạn chế phát tán bụi. Quy trình thu gom và xử lý bụi trong các công đoạn sản xuất được mô tả trong các sơ đồ sau:

**Quy trình giảm thiểu bụi từ quá trình sấy lúa**



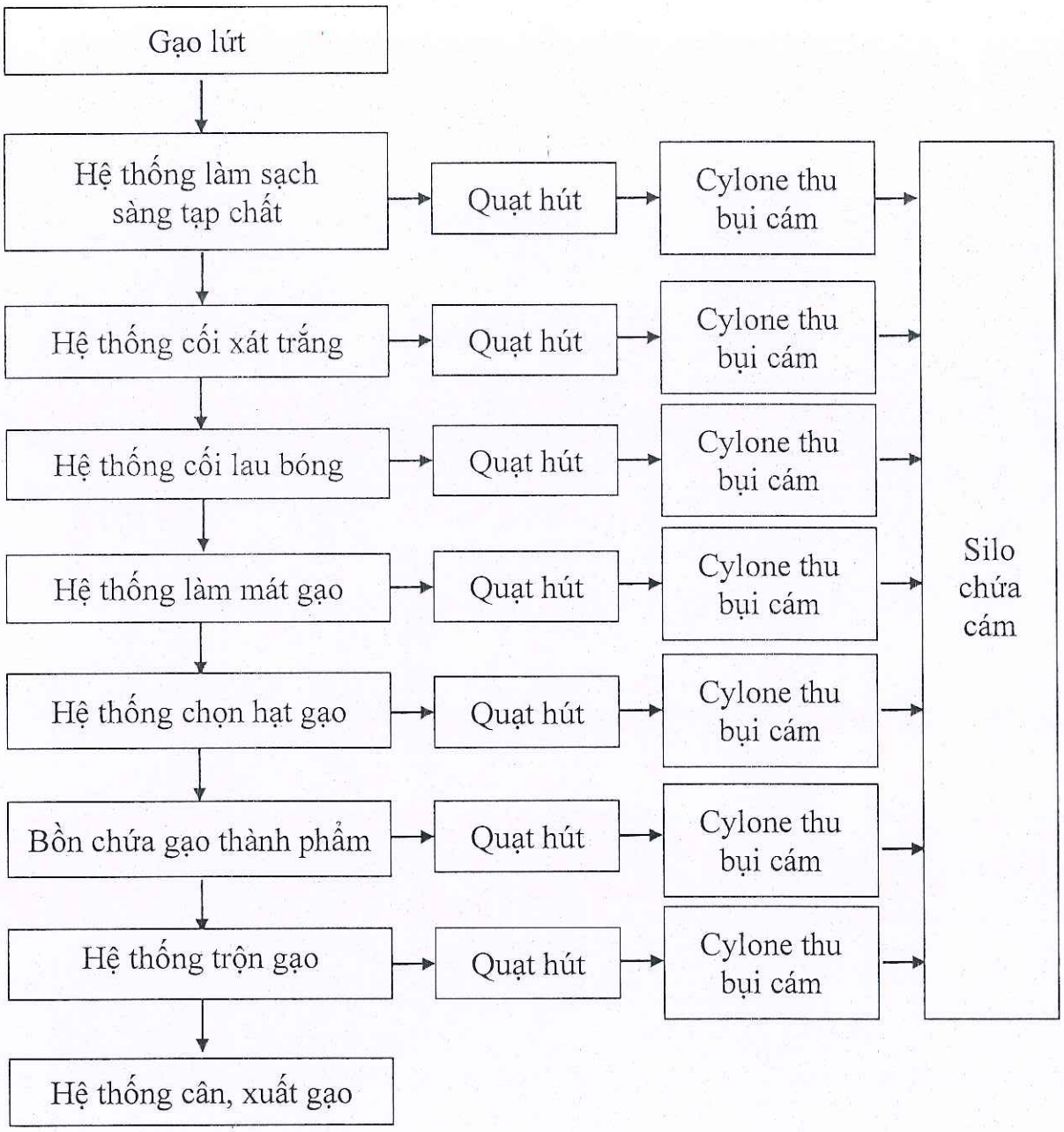

**Hình 3.9: Quy trình thu gom xử lý bụi tại công đoạn sấy lúa**

**Quy trình xử lý bụi tại khu vực xay xát**




**Hình 3.10: Quy trình thu gom bụi trong giai đoạn xay xát**

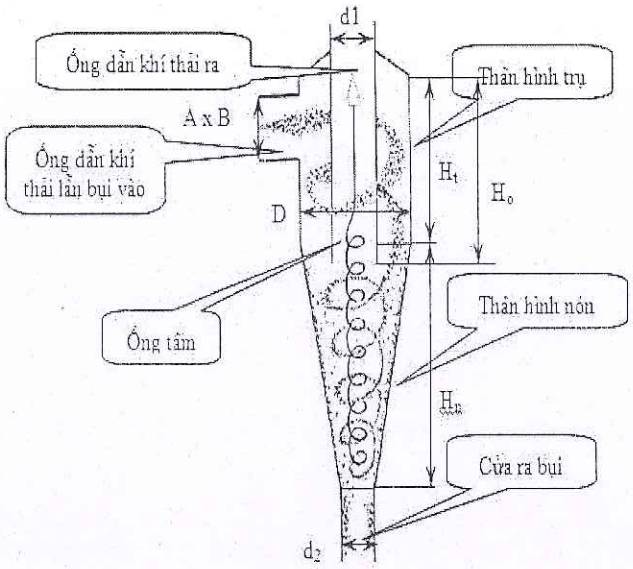
**Quy trình xử lý bụi tại khu vực xát trắng – lau bóng**




**Hình 3.11: Quy trình thu gom bụi trong giai đoạn xay xát**

- Như vậy, tại các công đoạn như: sấy lúa, bóc vỏ, lau bóng đều được trang bị đường ống dẫn thu gom bụi và các quạt hút để hút bụi vào cyclone lắng bụi. Bụi được thu gom từ các công đoạn này chủ yếu gồm: bụi lúa, bụi trấu (được vận chuyển về kho chứa trấu); bụi cám (được vận chuyển vào kho chứa cám), đây là phụ phẩm có giá trị kinh tế cao, do đó Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị thu mua để bán trấu và cám nguyên liệu.

- Nguyên lý hoạt động của các Cyclone thu bụi được mô tả hình sau:




**Hình 3.12: Nguyên lý hoạt động của của Cyclone thu bụi**

Thuyết minh quy trình xử lý và nguyên lý hoạt động của Cyclone thu bụi:

- Cyclone thu bụi là thiết bị hình trụ tròn có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào cyclone sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ, lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone. Đồng thời, hạt bụi sẽ chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclone va chạm với phần vỏ ngoài, sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu và được thu gom ra ngoài. Các Cyclone có hiệu quả xử lý bụi lên đến 90% đối với bụi có kích thước > 5µm, trở lực 750 – 1.500 Pa, nhiệt độ giới hạn 350 – 550$^0$C (*Nguồn: Trần Ngọc Chấn, 1999).*

- Số lượng và thông số kỹ thuật các Cyclone thu bụi được thống kê bảng sau:

**Bảng 3.8: Thông số cơ bản của thiết bị cyclone thu bụi**

| STT | Thiết bị | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|---|---|---|---|
| **I** | **Khu vực sấy lúa** | | |
| 1 | Quạt hút ly tâm | - Công suất 10 Hp.<br>- Lưu lượng: 12.000 $m^3$/giờ.<br>- Vòng quay Motor: 1.400 rpm | 03 cái |
| 2 | Cyclone thu bụi trên băng tải lúa đầu vào tháp sấy. | - Đường kính: Ø500mm<br>- Chiều cao: 2,4m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 01 bộ |

| STT | Thiết bị | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 3 | Cyclone thu bụi từ tháp sấy lúa. | - Đường kính: Ø700mm<br>- Chiều cao: 3,7m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 01 bộ |
| 4 | Cyclone thu bụi công đoạn ra lúa sau sấy | - Đường kính: Ø600mm<br>- Chiều cao: 2,5m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 01 bộ |
| **II** | **Khu vực xay xát – bóc vỏ lúa** | | |
| + | Quạt hút ly tâm | - Công suất 40 Hp.<br>- Lưu lượng: 28.000 $m^3/h$<br>- Vòng quay Motor: 1.400 rpm | 11 bộ |
| + | Cyclone thu bụi trấu | - Đường kính: Ø400mm<br>- Chiều cao: 2,0m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 05 bộ |
| + | Cyclone thu bụi trấu | - Đường kính: Ø400mm<br>- Chiều cao: 1,5m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 06 bộ |
| **3** | **Khu vực lau bóng – xát trắng gạo.** | | |
| + | Quạt hút ly tâm | - Công suất 40 Hp.<br>- Lưu lượng: 28.000 $m^3/h$<br>- Vòng quay Motor: 1.400 rpm | 18 bộ |
| + | Cyclone thu bụi cám | - Đường kính: Ø500mm<br>- Chiều cao: 2,0m.<br>- Vật liệu: thân tháp vật liệu thép CT3 dầy 3mm, sơn chống ăn mòn. | 18 cái |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

- Ngoài ra, để đảm bảo sức khỏe cho CNV làm việc tại cơ sở, Chủ cơ sở trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp tại các công đoạn sản xuất như khẩu trang chống bụi, kính, găng tay,…



**Hình 3.13: Cyclone thu bụi trên băng tải lúa đầu vào tháp sấy.**



**Hình 3.14: Cyclone thu bụi từ tháp sấy lúa.**



**Hình 3.15: Cụm cyclone thu bụi khu vực xay xát – bóc vỏ lúa**



**Hình 3.16: Cụm cyclone thu bụi khu vực lau bóng – xát trắng**

**2.2.5. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện.**

- Sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh trong giới hạn cho phép (S<5%); Khu vực đặt máy phát điện tách biệt với khối nhà chức năng;

- Máy phát điện đặt trên bệ đúc có lắp đặt thêm các đệm giảm rung, động.

- Máy phát điện chỉ hoạt động khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố, do đó tác động đến môi trường không khí của khí thải từ phát máy phát điện hầu như không đáng kể.

## 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

### 3.1. Công trình công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 3.1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

- Căn cứ QCXDVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, khu vực cơ sở ước tính mỗi người một ngày phát thải 0,9 kg rác thải sinh hoạt. Với số lượng công nhân viên của nhà máy khoảng 50 người, lượng rác thải được tính tính bằng 50% so với định mức, khối lượng như sau: 50 người*0,45 kg= 22,5 kg

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, chất hữu cơ, bọc nilon, giấy, hộp thức ăn sử dụng 1 lần … Chất thải rắn hữu cơ, thực phẩm dư thừa dễ phân hủy gây mùi hôi ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động và môi trường xung quanh.

#### 3.1.2. Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở được thu gom vào thùng chứa rác PVC dung tích 120 lít , được bố trí tại khu vực nhà ăn và thùng rác loại 20 lít được bố trí tại khu vực văn phòng làm việc, thực hiện phân loại rác thải theo quy định:

+ Các chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: chai nhựa, giấy, kim loại, thủy tinh, cao su, bọc nilon,… và rác tại văn phòng gồm: giấy in, hồ sơ hỏng hủy bỏ, các bao bì, thùng chứa giấy in, các vật dụng từ văn phòng thải bỏ,…. sẽ được lưu chứa thùng rác màu vàng.

+ Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác (gồm: thức ăn thừa, rau củ quả, xác động vật, lá cây,…) được chứa, trong các thùng rác màu xanh.

- Số lượng thùng rác thải sinh hoạt được thống kê bảng sau:

**Bảng 3.9: Thống kê số lượng thùng rác thải sinh hoạt tại cơ sở**

| STT | Dung tích | Màu xanh | Màu vàng | Vị trí bố trí |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dung tích 120 lít | 02 | 01 | Khu vực nhà ăn và cổng bảo vệ |
| 2 | Dung tích 20 lít | 02 | 02 | Khu vực văn phòng |
| | **Tổng** | **04** | **03** | |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

- Toàn bộ rác sinh hoạt phát sinh vào cuối ngày được nhân viên tập kết phía trước khu vực cổng ra vào cơ sở và được đơn vị thu gom CTR sinh hoạt tại địa phương đến thu gom, chuyển đi xử lý.

### 3.2. Công trình công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp

#### 3.2.1. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy. Thành phần chủ yếu bao gồm: bao bì chứa gạo nguyên liệu, dây buộc bao, tro, sạn, sỏi, ... và phụ phẩm. Chất thải phát sinh phụ thuộc vào công suất sản xuất của các dây chuyền sản xuất và nguồn nguyên liệu đầu vào, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh như sau:

- **Trấu:** Nhà máy hoạt động sản xuất với nhu cầu nguyên liệu là 15.000 tấn lúa nguyên liệu/năm. Tỷ lệ trấu chiếm 21% nguyên liệu. Từ đó tính được lượng trấu phát sinh hàng năm là 3.150 tấn vỏ trấu/năm, tương đương 17,5 tấn vỏ trấu/ngày. Lượng trấu này nếu lưu trữ không hợp lý sẽ phát sinh bụi, nhất là lúc trời có gió sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và người dân lân cận. Lượng trấu sử dụng làm nguyên liệu cho đốt lò hơi, cung cấp hơi phục vụ hệ thống sấy lúa tại cơ sở.

- **Tro:** Phát sinh trong công đoạn đốt trấu tại lò hơi phục vụ vận hành lò sấy lúa. Lượng tro phát sinh thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình hoạt động của lò hơi phục vụ sấy lúa, lượng tro phát sinh ước tính khoảng 10 – 12% lượng nguyên liệu sử dụng, ước tính khối lượng phát sinh như sau:

$$M_{tro} = (m_{trấu} \times f_{trấu})/100 = (1,6 \text{ tấn/h x } 24h \times 12\%) \approx 4,6 \text{ tấn tro/ngày}$$

- **Cám, bụi cám:** Cám phát sinh là phụ phẩm từ quá trình lau bóng và xay xát có thể bán lại cho các cơ sở sản xuất thức ăn, do đó được chủ cơ sở thu gom lưu chứa tại cơ sở. Tỷ lệ phát sinh cám khoảng 15% nguyên liệu cho công đoạn lau bóng và khoảng 1,0% trong công đoạn xay xát, khối lượng cụ thể như sau:

+ Tổng khối lượng nguyên liệu cho công đoạn lau bóng là 140.000 tấn nguyên liệu/ năm (một năm hoạt động 250 ngày), khối lượng bụi cám phát sinh ước tính khoảng 21.000 tấn/ năm ~ 84 tấn/ngày.

+ Tổng khối lượng nguyên liệu cho công đoạn xay xát là 15.000 tấn/ năm (hoạt động 180 ngày/ năm), khối lượng bụi cám phát sinh ước tính khoảng 150 tấn/ năm ~ 0,83 tấn/ngày.

- **Tạp chất:** Các tạp chất bao gồm: lúa rơi vãi, bụi cám, đất, đá, cát, bụi đất, bụi lúa, rơm rạ, dây bao, lúa lép,... theo số liệu thực tế tại Nhà máy trong thời gian qua thì lượng tạp chất phát sinh khoảng 30 kg/ngày.

### 3.2.2. Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp

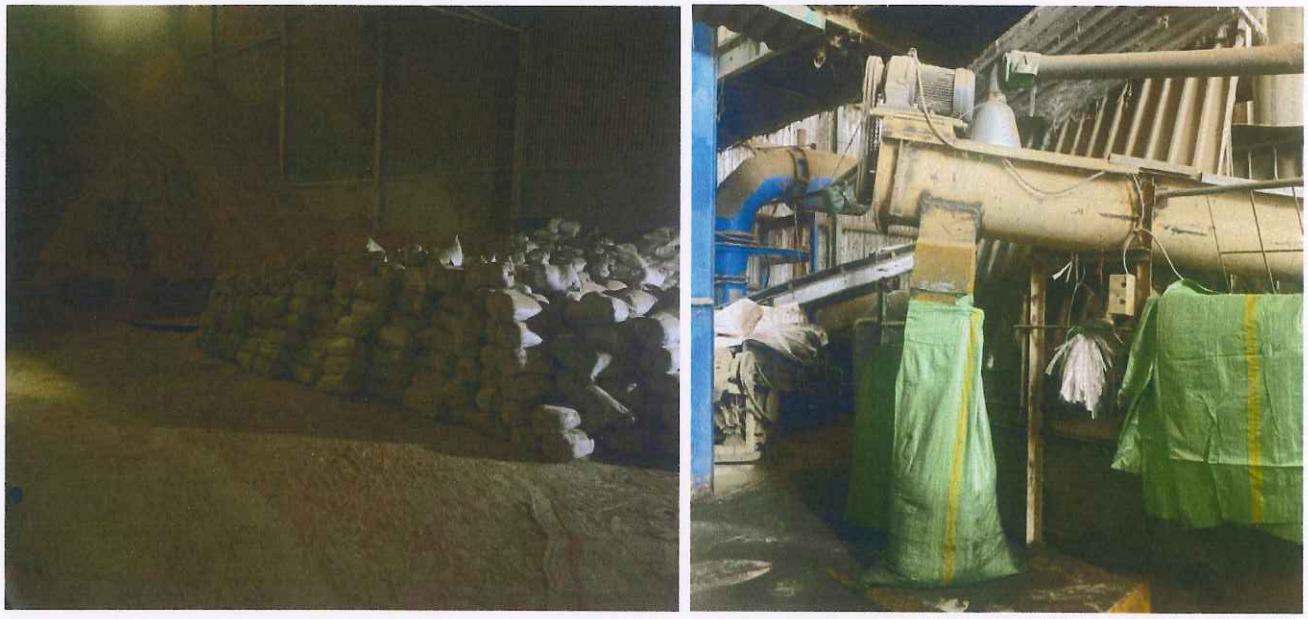
**- Trấu và tro:** Theo tính toán tại mục 3.2.1. thì lượng trấu phát sinh khoảng 17,5 tấn/ngày, lượng trấu dùng cung cấp cho lò hơi sấy lúa của Nhà máy, một phần bán cho các thương lái có nhu cầu. Chủ cơ sở bố trí kho với diện tích 588,2 $m^2$ (34,6mx17m) trong đó sử dụng khoảng 500 $m^2$ để lưu chứa tạm lượng trấu phát sinh và khoảng 88,2 $m^2$ để lưu chứa tạm thời lượng tro phát sinh, thông số kỹ thuật cơ bản kho chứa tro và trấu như sau:

+ Diện tích: 588,2$m^2$, chiều cao H=14m, thể tích 8.234,8 $m^3$.

+ Kết cấu: kho được che chắn, vách và mái bằng tole, nên tráng xi măng.

+ Tính toán thời gian chứa của kho trấu như sau: Tham khảo một số tài liệu và kiểm chứng thực tế khối lượng riêng của trấu là 0,13 tấn/$m^3$. Trường hợp trấu không được sử dụng cho lò hơi lượng trấu phát sinh từ quá trình xay xát trung bình 17,5 tấn/ngày, tương đương 134,6 $m^3$ trấu/ngày. Khu vực chứa trấu diện tích 500$m^2$ (V=500$m^2$x14m=7.000$m^3$) giả sử sức chứa đạt 80% thì thời gian chứa của kho trấu như sau: (7.000 $m^3$ *80%)/134,6$m^3$/ngày = 41,6 ~ 42 ngày.

+ Đối với tro sẽ được đóng bao, lưu trữ tại khu vực chứa tro diện tích bố trí 88,2 $m^2$, khối lượng riêng của tro là 1,8–2,3g/$cm^3$~ 1.800 kg/$m^3$ - 2.300 kg/$m^3$, với khối lượng phát sinh khoảng 4,6 tấn/ ngày ~ 02 $m^3$/ngày đảm bảo thời gian lưu chứa khoảng 6 - 9 tháng, tro được đóng bao bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng, đảm bảo không để rơi vãi ra môi trường xung quanh.



**Hình 3.18: Hiện trạng khu vực chứa trấu và đóng bao tro**

**Nhận xét:** Quá trình xay xát và sấy lúa diễn ra song song nên sẽ không có trấu tồn động nhiều trong kho, kho trấu chủ yếu chứa trấu thừa để bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng. Cam kết tuyệt đối không để trấu tràn đổ ra bên ngoài ảnh hưởng đến người dân xung quanh và gây ô nhiễm môi trường.

- **Cám:** Khối lượng phát sinh 84,83 tấn/ngày được đưa vào Silo chứa cám thể tích 800 $m^3$ (DxRxC=10m x10mx 8m, kết cấu vật liệu bằng sắt), cám phụ phẩm sẽ được đóng bao bán cho các cơ sở chế biến thức ăn trong và ngoài tỉnh.




**Hình 3.19: Silo chứa cám và khu vực đóng bao cám xuất bán**

- **Tạp chất:** Các bao bì hư hỏng, dây buộc, các tạp chất (đá, sỏi, rơm rạ, dây bao, lúa lép,...) phát sinh tại sàn tạp chất được thu gom để vào các bao tải, có thể tái chế, phần không thể tái chế xử lý được giao cho đơn vị thu gom rác tại địa phương.

## 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

### 4.1. Khối lượng phát sinh tại cơ sở

- Trong quá trình vận hành cơ sở sẽ phát sinh các loại chất thải nguy hại với thành phần như sau: Dầu, nhớt thải; giẻ lau có dính dầu, nhớt; Bóng đèn huỳnh quang. Tại thời điểm tiếp nhận cơ sở, chủ cơ sở không ghi nhận được số liệu khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trước đây.

- Khối lượng dự kiến phát sinh trong năm như sau:

**Bảng 3.10. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở**

| STT | Tên chất thải | Mã CTNH | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | Rắn | 2,0 |

| STT | Tên chất thải | Mã CTNH | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Rắn | 10,0 |
| 3 | Dầu nhớt thải | 17 02 03 | Lỏng | 19,92 |
| | **Tổng khối lượng** | - | | **31,92** |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026).*

### 4.2. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Chủ cơ sở bố trí kho chứa CTNH, kho được che chắn kín đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa; bên ngoài đặt biển cảnh báo "Kho chứa chất thải nguy hại".

- Diện tích: 03 $m^2$; DxR = 2,0mx1,5m.

- Các loại CTNH được tập trung về kho chứa này, vị trí bố trí thuận lợi cho đơn vị thu gom đến thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định. Bên trong bố trí bố trí 01 phuy nhựa 20 lít để lưu giữ dầu nhớt thải, 02 thùng rác nhựa 20 lít có nắp đậy chứa giẻ lau dính dầu nhớt và bóng đèn huỳnh quang thải dán nhãn CTNH trên thùng theo quy định.

❖ Đồng thời chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Hướng dẫn cho cán bộ, công nhân các kiến thức cơ bản về CTNH và nhận diện chất thải nào là CTNH theo quy định về quản lý CTNH. Cán bộ này có trách nhiệm hướng dẫn công nhân rác thải nào có tính nguy hại và yêu cầu họ bỏ rác thải nguy hại đúng nơi quy định.

- Thu gom và lưu giữ đúng quy cách: toàn bộ dầu nhớt thải và chất thải chứa dầu bảo dưỡng máy móc thiết bị của cơ sở sẽ được thu gom vào kho lưu giữ CTNH chờ chuyển đi xử lý.

### 5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và rung động đã thực hiện:

- Các thiết bị, máy móc được lựa chọn từ nhà cung cấp uy tín (Công ty TNHH Cơ khí công nông nghiệp Bùi Văn Ngọ), có các tiêu chuẩn kỹ thuật đạt yêu cầu giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường;

- Toàn bộ máy móc thiết bị được đặt trên các bệ đúc có nền móng gia cố chắc chắn, nền phẳng và lắp đặt thêm các đệm cao su/lò xo chống rung, có kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt,...;

- Kiểm tra, thay thế định kỳ các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị, đồng thời thay mới các thiết bị máy móc trong dây chuyền sản xuất khi có dấu hiệu hư hỏng, bảo dưỡng bôi dầu máy móc thiết bị 06 tháng/lần.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy gồm: khẩu trang, nút tai chống ồn, nón bảo hộ lao động, mắt kính,…

**Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung**

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về độ rung.

***Ghi chú***: Quy chuẩn này không áp dụng để đánh giá tiếng ồn tiếp xúc trong môi trường lao động, nơi làm việc; bên trong khuôn viên của các cơ sở sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ bị tác động bởi tiếng ồn do chính các cơ sở tự gây ra.

## 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

### 6.1. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

#### 6.1.1. Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng kỹ thuật để đảm bảo tuyệt đối an toàn.

- Định kỳ hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động, đồng thời không sử dụng các lao động chưa được đào tạo, chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Cung cấp, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân viên làm viên là việc tại nhà máy. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.

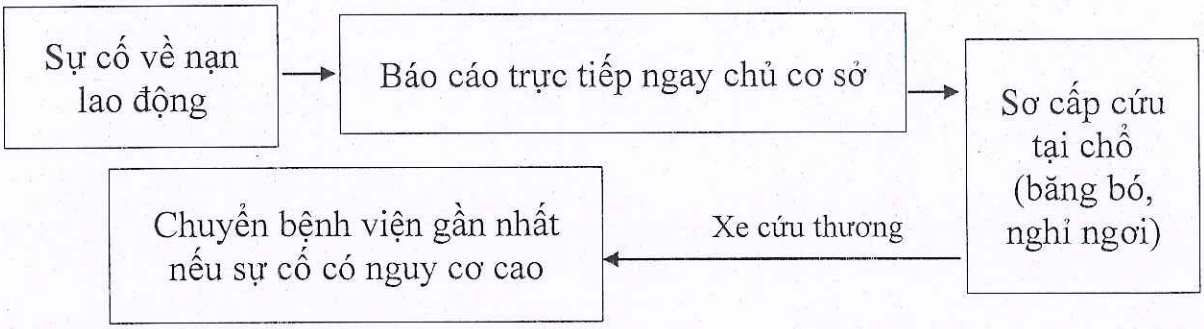
- Xây dựng các nội quy an toàn lao động trong nhà máy. Trang bị các thiết bị cấp cứu tại chỗ, tủ thuốc với bảng chỉ dẫn sử dụng,…

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo hiệu quả vận hành cao.

- Thiết lập bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu như nhập, xuất, trữ, đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động cho công nhân.

### 6.1.2. Biện pháp xử lý khi có tai nạn xảy ra

Khi có tai nạn lao động xảy ra, báo ngay đến Tổ ứng phó sự cố môi trường để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và có biện pháp xử lý, giải quyết, cấp cứu kịp thời cho người bị tai nạn. Đồng thời, báo cáo đến chính quyền địa phương nếu tai nạn xảy ra nghiêm trọng để kiểm tra, khắc phục và bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của nhà nước ban hành.




**Hình 3.20: Sơ đồ ứng phó sự cố tai nạn lao động**

## 6.2. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện

### 6.2.1. Biện pháp phòng ngừa

Các biện pháp phòng chống cháy nổ thực hiện như sau:

- Luôn luôn nâng cao ý thức của công nhân viên về các khả năng gây cháy nổ và các ảnh hưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ đặc biệt là khu vực có vật liệu dễ bắt cháy (kho chứa trấu).

- Thực hiện đầy đủ bảng nội quy tiêu lệnh PCCC, không cho mang các thành phần dễ phát sinh cháy nổ vào kho chứa như cấm lửa, cấm hút thuốc.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy như: lắp đặt hệ thống báo cháy, đèn tín hiệu, còi cứu hỏa hoạt động bằng đầu cảm biến điện tử, các phương tiện và thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, bơm nước...) tại chỗ để sẵn sàng sử dụng khi có sự cố xảy ra.

- Trong từng hạng mục công trình của cơ sở, chủ cơ sở trang bị chu đáo các thiết bị phòng cháy, chữa cháy nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại đến sự cố cháy nổ có thể xảy ra.

- Thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng để tập huấn về công tác PCCC cho cán bộ, công nhân viên.

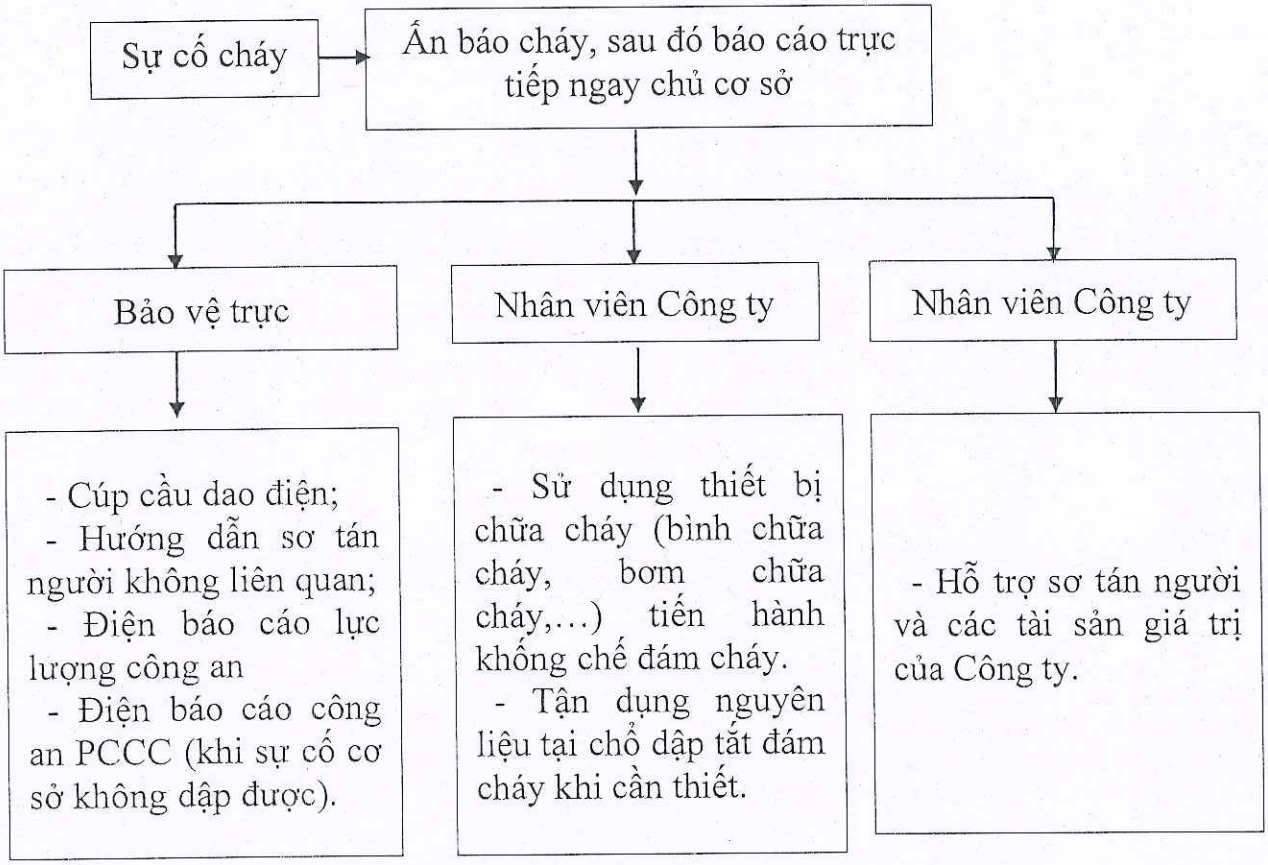
- Hệ thống cấp nước cho công tác chữa cháy: do vị trí cơ sở nằm gần sông Cái Vừng nên có thể sử dụng trực tiếp nước từ này để cung cấp cho công tác

phòng cháy chữa cháy. Chủ cơ sở đã bố trí hệ thống ống dẫn nước tới nguồn cung cấp nước để có thể sử dụng khi cần thiết.

- Có hệ thống tiếp đất, chống sét cho khu vực kho, nhà xưởng, trạm điện.

### 6.2.2. Kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ

Khi có cháy xảy ra tiến hành khẩn trương các công việc theo sơ đồ sau:




**Hình 3.21: Sơ đồ ứng phó sự cố cháy nổ**

- Công việc cụ thể:

- Báo động cháy (tự động, kẻng, tri hô); Cắt điện khu vực cháy.

- Tổ chức cứu người bị nạn, tổ chức giải thoát cho người và di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cháy.

- Tổ chức lực lượng sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để cứu chữa đám cháy.

- Gọi điện báo cháy cho đội chữa cháy chuyên nghiệp gần nhất hoặc báo về trung tâm chữa cháy của địa phương hỗ trợ.

- Hướng dẫn đường nơi đỗ xe nguồn nước chữa cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi tới hỗ trợ; Phối hợp chặt chẽ với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp cứu chữa đám cháy.

- Triển khai lực lượng bảo vệ hiện trường cháy sau khi dập tắt đám cháy.

**6.3. Giảm thiểu sự cố sét đánh**

Để giảm hạn chế tối đa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu sự cố sét đánh như sau:

- Lắp đặt cột thu lôi cho tiếp địa.

- Phổ biến kiến thức cho công nhân có ý thức tự bảo vệ mình như: đối với những ngày mưa bão, sấm chớp, tuyệt đối không trú mưa dưới gốc cây, tránh các khu vực cao hơn chung quanh và các vật dụng kim loại. Tránh những nơi đang tiềm ẩn nguy cơ tai nạn, như đường dây điện bị đứt, trạm điện rò rỉ. Ngoài ra, tránh các đồ dùng điện; tránh các chỗ ẩm ướt như buồng tắm, bể nước, vòi nước, không nên dùng điện thoại, trừ trường hợp rất cần thiết.

- Trong trường hợp có sự cố xảy ra gọi điện báo ngay với các cơ quan chức năng để kịp thời hỗ trợ.

**6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại bến thuỷ nội địa**

Để hạn chế tai nạn giao thông có thể xảy ra, gây tổn hại đến con người, tài sản và môi trường. Chủ cơ sở yêu cầu cán bộ, công nhân của nhà máy chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn giao thông; kiểm tra thường xuyên các phương tiện vận chuyển về tính năng kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ phương tiện theo đúng quy định.

- Các biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông thủy:

- Các phương tiện trong quá trình chuyên chở nguyên liệu, thành phẩm được che kín để tránh phát tán bụi và gây ô nhiễm môi trường;

- Trên đường vận chuyển hàng hóa các phương tiện giao thông phải tuân thủ đúng Luật giao thông đường thủy nội địa;

- Các phương tiện giao thông cần phải tuân thủ hàng lối khi ra vào, trang bị đèn pha khi hoạt động vào ban đêm;

- Không chở quá tải trọng quy định.

- Khi neo đậu tại bến, các chủ phương tiện vận chuyển tuân thủ các quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa:

+ Neo đậu tàu thuyền đúng nơi quy định và phải bố trí người trông coi;

+ Các phương tiện không được neo đậu giữa luồng, khu vực luồng giao nhau, luồng cong gấp và những nơi có báo hiệu cấm neo đậu;

+ Trước khi rời bến, các phương tiện phải phát tín hiệu, thấy bảo đảm an toàn mới được nhổ neo.

### 6.5. Biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở bờ sông

#### 6.5.1. Biện pháp phòng ngừa

- Để tránh sự cố sạt lở bờ sông, cơ sở đã xây dựng bờ kè tại khu vực xuất nhập hàng. Bên cạnh đó, các ghe, sà lan chỉ neo đậu tại bến chờ bốc dỡ hàng hóa, các động cơ ngừng hoạt động nên làm giảm nguy cơ sạt lở bờ sông.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện theo đúng giấy phép hoạt động bến thủy nội địa theo quy định của Sở Giao thông Vận tải.

- Ngoài ra, Chủ cơ sở còn thực hiện các biện pháp như sau:

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các ghe, sà lan giảm tốc độ khi gần cập bến và ngừng các động cơ trong quá trình bốc dỡ hàng hóa để giảm áp lực cho bờ sông.

+ Bố trí vị trí neo đậu, phân phối thời gian cập bến vận chuyển phù hợp để hạn chế tập trung nhiều phương tiện gây tác động đến dòng chảy và bờ sông.

+ Thực hiện gia cố bờ kè cơ sở bằng các cọc bêtông.

+ Thường xuyên giám sát sạt lở bờ sông, đặc biệt là vào mùa nước lên để có thể đưa ra phương án giải quyết và khắc phục kịp thời.

#### 6.5.2. Biện pháp ứng phó

- Khi có sự cố sạt lở xảy ra, cần thực hiện các công việc như sau:

+ Truy hô, báo động, sơ tán người khỏi khu vực đang có dấu hiệu sạt lở;

+ Lập tức tổ chức ngay việc di dời tài sản quan trọng trong nhà máy.

+ Thông báo cho cơ quan chức năng phối hợp hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục sự cố.

### 6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rơi vãi trấu, lúa trên sông

#### 6.6.1. Biện pháp phòng ngừa

- Yêu cầu công nhân thao tác cẩn thận, chú ý khi cho xuất nhập hàng.

- Khi neo đậu tại bến, các chủ phương tiện vận chuyển tuân thủ các quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa:

+ Neo đậu tàu thuyền đúng nơi quy định và phải bố trí người trông coi.

+ Các phương tiện không được neo đậu giữa luồng, khu vực luồng giao nhau, luồng cong gấp và những nơi có báo hiệu cấm neo đậu.

+ Trước khi rời bến, các phương tiện phải phát tín hiệu, thấy bảo đảm an toàn mới được nhổ neo.

- Tự trang bị các dụng cụ cứu hộ để ứng cứu kịp thời những trường hợp bị đắm tàu làm rơi vãi lúa khi tàu thuyền cập bến.

**6.6.2. Biện pháp ứng phó**

Khi có sự cố rơi vãi trấu, lúa xảy ra cần thực hiện các công việc như sau:

- Với trường hợp rơi vãi lúa, trấu với số lượng ít, dùng các dụng cụ như vợt lưới để vớt lúa lên.

- Trường hợp rơi vãi lúa, trấu do đắm tàu:

+ Truy hô, báo động để nhận được sự hỗ trợ của mọi người xung quanh.

+ Tổ chức cứu người bị nạn, trục vớt tài sản. Dùng các dụng cụ như vợt lưới để vớt lúa lên.

+ Báo ngay với các cơ quan chức năng để nhận được hướng giải quyết thích hợp.

+ Phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác khắc phục sự cố.

**6.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải**

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải. bố trí nhân sự vận hành và theo dõi thường xuyên hoạt động của hệ thống.

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống; kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, đồng thời đào tạo khả năng ứng phó sự cố tại chỗ.

- Thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của HTXLNT theo quy định.

- Đảm bảo hoạt động liên tục, có đồng hồ đo lưu lượng và theo dõi vận hành hệ thống hàng ngày.

- Trường hợp gặp sự cố, có biện pháp bố trí bồn, bể lưu chứa nước thải tạm thời chờ khắc phục sự cố.

**7. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.**

- Các nội dung điều chỉnh so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được tóm tắt cụ thể như sau:

**Bảng 3.11: Tóm tắt các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

| STT | Nội dung theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | Nội dung điều chỉnh | Lý do điều chỉnh |
|---|---|---|---|
| 1 | Tổng diện tích cơ sở: 11.623,2$m^2$ | 12.279,2 $m^2$ | - Cập nhật theo hiện trạng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ sở. |
| 2 | Không có hệ thống xử lý nước thải tập trung | Bổ sung Hệ thống XLNT công suất 04 $m^3$/ngày.đêm | - Bổ sung Hệ thống xử lý nước thải theo biên bản kiểm tra ngày 17/03/2025 đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2025/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. |

# CHƯƠNG IV
# NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

## 1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay,...); lưu lượng phát sinh tối đa 1,25 $m^3$/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp từ hệ thống xử lý bụi lò hơi, lưu lượng phát sinh 1,0 $m^3$/ngày.đêm.

### 1.2. Dòng nước thải.

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 dòng.

### 1.3. Lưu lượng xả thải tối đa:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là: 4,0 $m^3$/ngày.đêm ~ 0,125 $m^3$/giờ.

### 1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận: Sông Cái Vừng.

- Vị trí xả thải: thuộc ấp Long Hòa 2, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang, tọa độ vị trí như sau: X = 1188728; Y = 560107 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

- Phương thức xả thải: Tự chảy, nước thải sau xử lý thoát theo đường ống PVC Ø60 thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Cái Vừng.

### 1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải nằm trong giới hạn của cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, chi tiết bảng sau:

**Bảng 4.1: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

| STT | Thông số | ĐVT | Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm | Quan trắc trắc định kỳ | Quan trắc trắc tự động, liên tục |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | - | 6 -9 | Không thuộc đối | Không thuộc đối tượng |
| 2 | $BOD_5$ ở 20°C | mg/l | ⩽ 60,0 | | |

| STT | Thông số | ĐVT | Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm | Quan trắc trắc định kỳ | Quan trắc trắc tự động, liên tục |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Độ màu | Pt/Co | ⩽ 100,0 | tượng | |
| 4 | COD | mg/l | ⩽ 90,0 | | |
| 5 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | ⩽ 80,0 | | |
| 6 | Tổng Nitơ (tính theo N) | mg/l | ⩽ 40,0 | | |
| 7 | Tổng Photpho (tính theo P) | mg/l | ⩽ 6,0 | | |
| 8 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | ⩽ 30,0 | | |
| 9 | Tổng Coliforms | MPN | ⩽ 5.000 | | |

**2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải**

**2.1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ băng tải lúa đầu vào tháp sấy.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quy trình sấy lúa
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn ra lúa sau khi sấy.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ quy trình xay xát bóc vỏ lúa.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ quy trình lau bóng – xát trắng gạo.

**2.2. Dòng khí thải**

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép là 06 dòng (tương ứng với 06 nguồn phát sinh khí thải tại cơ sở).

**2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 8.000 $m^3$/giờ.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ băng tải lúa đầu vào tháp sấy; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 12.000 $m^3$/giờ.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quy trình sấy lúa; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 12.000 $m^3$/giờ.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn ra lúa sau khi sấy; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 12.000 $m^3$/giờ.

- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ quy trình xay xát bóc vỏ lúa; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 28.000 $m^3$/giờ.

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ quy trình lau bóng – xát trắng gạo; lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép khoảng 28.000 $m^3$/giờ.

**2.3. Vị trí và phương thức xả khí thải:**

- Vị trí xả thải: ấp Long Hòa 2, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang, vị trí như sau:

+ Dòng khí thải số 01: tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tương ứng với nguồn số 1. Tọa độ vị trí: X = 1188717; Y= 0560096 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng khí thải số 02: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ băng tải lúa đầu vào tháp sấy tương ứng với nguồn số 2. Tọa độ vị trí: X = 1188699; Y= 560044 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng khí thải số 03: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình sấy lúa, tương ứng với nguồn số 3. Tọa độ vị trí: X = 1188717; Y= 560079 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng khí thải số 04: tại Cyclone xử lý bụi từ công đoạn ra lúa sau khi sấy, tương ứng với nguồn số 4. Tọa độ vị trí: X = 1188730; Y= 560065 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng khí thải số 05: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình xay xát bóc vỏ lúa, tương ứng với nguồn số 05. Tọa độ vị trí: X = 1188697; Y= 560070 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Dòng khí thải số 06: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình lau bóng – xát trắng gạo, tương ứng với nguồn số 6. Tọa độ vị trí: X = 1188698; Y=559969 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

- Phương thức xả thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục khi hệ thống, thiết bị tương ứng hoạt động.

### 2.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải sau xử lý đảm bảo đạt cột C, QCVN 19:2024/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, được trình bày bảng sau:

**Bảng 4.2: Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm | Quan trắc trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các giá trị giới hạn đối với nguồn số 01.** | | | | |
| 1 | Bụi tổng | $mg/Nm^3$ | ⩽ 60 | 06 tháng/ lần | Không thuộc đối tượng |
| 2 | CO | $mg/Nm^3$ | ⩽450 | | |
| 3 | $NO_x$ | $mg/Nm^3$ | ⩽ 450 | | |
| 4 | $SO_2$ | $mg/Nm^3$ | ⩽ 400 | | |
| **II** | **Các giá trị giới hạn đối với nguồn số 02, 03, 04, 05 và 06** | | | | |
| 1 | Bụi tổng | $mg/Nm^3$ | ⩽ 100 | 06 tháng/ lần | Không thuộc đối tượng |

**Ghi chú**: Cơ sở có tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp trên 50.00 $m^3$/giờ, thuộc cột 6, số thứ tự 09, mục II của phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ "*Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ*"=> Cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải.

## 3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 3.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ quá trình vận hành lò hơi tại khu vực lò hơi.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của hệ thống xay xát.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động của hệ thống lau bóng- xát trắng gạo.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ cụm máy thổi khí tại HTXLNT tập trung.

### 3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn

- Giới hạn đối với tiếng ồn từ các nguồn phát sinh nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**Bảng 4.3: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn**

| Khu vực bị ảnh hưởng | Khoảng thời gian | | |
|---|---|---|---|
| | Ngày: (6h00 đến trước 18h00) | Tối: (18h00 đến trước 22h00) | Đêm: (22h00 đến trước 06h00) |
| Khu vực E | 70 dBA | 65 dBA | 60 dBA |

***Ghi chú***: Quy chuẩn này không áp dụng để đánh giá tiếng ồn tiếp xúc trong môi trường lao động, nơi làm việc; bên trong khuôn viên của các cơ sở sản xuất.

### 3.4. Giới hạn đối với độ rung của các nguồn phát sinh

- Giới hạn đối với độ rung: nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**Bảng 4.4: Giá trị giới hạn đối với độ rung**

| Khu vực bị ảnh hưởng | Khoảng thời gian | |
|---|---|---|
| | Ngày (06:00 ~ trước 22:00) | Đêm (22:00 ~ trước 06:00) |
| Khu vực D | 75 dB | 70 dB |

***Ghi chú:*** Quy chuẩn này không áp dụng để đánh giá tiếng ồn tiếp xúc trong môi trường lao động, nơi làm việc; bên trong khuôn viên của các cơ sở sản xuất.

# CHƯƠNG V
# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và tình hình thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã phê duyệt được trình bày chi tiết như sau:

**Bảng 5.1: Tóm tắt tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

| STT | Các tác động môi trường | Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở | Tình hình thực hiện công trình bảo vệ môi trường của cơ sở |
|---|---|---|---|
| 1 | Nước mưa chảy tràn | Thường xuyên vệ sinh, kiểm tra các đường ống, cống rãnh và các hố ga thu gom nước mưa để đảm bảo không lắng cặn dọc theo tuyến thu gom và thoát nước mưa. | Toàn bộ khu vực nhà máy được che chắn bằng vách tole. Nước mưa chảy tràn theo mái tole và tuyến mương thoát nước thoát ra nguồn tiếp nhận. |
| 2 | Nước thải sinh hoạt | Định kỳ hút hầm cầu các hầm tự hoại của các khu nhà vệ sinh và bổ sung thêm vi sinh vào hầm. | Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, chủ cơ sở đầu tư Hệ thống xử lý nước thải công suất 04 $m^3$/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. |
| 3 | Chất thải rắn sinh hoạt | Tuyên truyền nâng cao ý thức công nhân viên trong cơ sở về vấn đề rác thải.<br>Bố trí thêm các thùng rác để thu gom rác thải ở cơ sở | Bố trí các thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong cơ sở, hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị thu gom rác địa phương đến |

| STT | Các tác động môi trường | Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở | Tình hình thực hiện công trình bảo vệ môi trường của cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | | thu gom và xử lý. |
| 4 | Rác thải sản xuất (bao bì, dây buộc) | Trấu thải: Làm nhiên liệu sấy lúa và bán cho những đối tượng có nhu cầu. Đồng thời bố trí thêm kho chứa trầu để thuận lợi cho hoạt động sản xuất | Trấu thải: Bố trí kho chứa trấu diện tích 588,2m$^2$, trấu sử dụng làm nhiên liệu lò hơi và bán cho các đơn vị thu mua. |
| | | Tro: được thu gom vào bao nilon, tập kết rác tại nhà và bán cho các cơ sở thu mua. | Tro: được thu gom vào bao nilon, tập kết tại nhà kho chứa trấu và bán cho các cơ sở thu mua. |
| | | Dây buộc, bao bì hư,.. sẽ được thu gom phân loại và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu. | Dây buộc, bao bì hư,.. sẽ được thu gom phân loại và bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương. |
| | | Bụi lắng từ Cyclone thu bụi của hệ thống xay xát: bố trí kho chứa thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị thu gom. | Bụi cám từ quá trình xay xát và lau bóng gạo được thu gom và silo chứa cám và bán lại cho các đơn vị có nhu cầu.<br>Đối với bụi từ quá trình sấy lúa được thu gom vào các bao nilon và bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. |
| | | Bụi lắng từ cyclone thu bụi từ tháp sấy và bồn chứa nguyên liệu: bố trí kho chứa thu gom lưu giữ và chuyển cho đơn vị thu gom. | |
| 5 | Chất thải nguy hại | Bố trí khu vực chứa CTNH 06 m$^2$ và 01 thùng chứa CTNH 50 lít. Hợp đồng thu gom khi đủ khối lượng. | Do khối lượng CTNH không nhiều, chủ cơ sở bố trí khu vực chứa CTNH diện tích 03 m$^2$ và bố trí thùng chứa CTNH để thu gom và hợp đồng thu gom khi đủ khối lượng. |
| 6 | Bụi, khí thải | Thường xuyên bảo trì, bảo | Thường xuyên bảo trì, |

| STT | Các tác động môi trường | Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở | Tình hình thực hiện công trình bảo vệ môi trường của cơ sở |
|---|---|---|---|
| | | dưỡng hệ thống Cyclone thu gom bụi để tăng hiệu suất thu gom của hệ thống<br>Trang bị hệ thống kín, các bộ phận lắp ghép, mối nối công nghệ kín tránh sự phát tán bụi vào môi trường không khí. | bảo dưỡng hệ thống Cyclone thu gom bụi để tăng hiệu suất thu gom của hệ thống.<br>Trang bị hệ thống kín, các bộ phận lắp ghép, mối nối công nghệ kín tránh sự phát tán bụi vào môi trường không khí. |
| 7 | Tiếng ồn, độ rung | Trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại, máy móc thiết bị điều vận hành bằng điện nên hạn chế đáng kể nguồn phát sinh tiếng ồn.<br>Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn sử dụng theo quy định. | Trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại, máy móc thiết bị điều vận hành bằng điện nên hạn chế đáng kể nguồn phát sinh tiếng ồn.<br>Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn sử dụng theo quy định. |

**Ghi chú**: Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được đánh giá theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh được phê duyệt tại Quyết định số 366/QĐ-STNMT của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 26/04/2017.

**2. Kết quả hoạt động công trình xử lý nước thải**

- Căn cứ nội dung đề bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn, do đó cơ sở không thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải.

- Chủ cơ sở đầu tư xây dựng bổ sung hệ thống xử lý nước thải công suất 04 $m^3$/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải sinh tại cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép theo quy định trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Kết quả quan trắc nước thải trong quá trình thực hiện báo cáo bảng sau:

**Bảng 5.2: Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở**

| STT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị tính | Kết quả | Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT |
|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | - | 7,67 | 6-9 |
| 2 | Tổng chất rắn lơ lửng | mg/l | 12,0 | ⩽80 |
| 3 | BOD5 | mg/l | 06,0 | ⩽60 |
| 4 | COD | mg/l | 10,0 | ⩽90 |
| 5 | Tổng Nitơ | mg/l | 1,74 | ⩽ 40 |
| 6 | Tổng Phốtpho | mg/l | 0,09 | ⩽6,0 |
| 7 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | KPH | ⩽30 |
| 8 | Coliforms | mg/l | 230,0 | ⩽5000 |

*(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Môi trường và Tài nguyên Đồng Tháp, 2026).*

- Đính kèm kết quả quan trắc nước thải tại phụ lục báo cáo.

**3. Kết quả hoạt động công trình xử lý bụi và khí thải**

**3.1. Tóm tắt thông tin về hoạt động của cơ sở.**

- Chương trình quan trắc môi trường của cơ sở đã được phê duyệt tại đề án bảo vệ môi trường chi tiết như sau:

- Giám sát khí thải (ký hiệu: KT1-NA và KT2-NA):

+ Số lượng 02 mẫu

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần

+ Vị trí giám sát: 02 đầu ra từ 02 Cyclone thu bụi của hệ thống sấy lúa

+ Thông số: Lưu lượng thải, Bụi tổng, $SO_2$, $NO_2$, CO, HF

- Giám sát không khí xung quanh (Ký hiệu: KK-NA)

+ Số lượng 01 mẫu

- Tần suất giám sát: 06 tháng/ lần

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại nhà dân gần nhất

+ Thông số: Bụi tổng, tiếng ồn

- Thời điểm năm 2024 và 2025 cơ sở hoạt động không liên tục (hoạt động mang tính chất cầm chừng), vì vậy việc thực hiện chương trình quan trắc môi trường đối với bụi và khí thải không liên tục, tại một số thời điểm cơ sở không hoạt động do đó không có kết quả quan trắc môi trường định kỳ.

### 3.2. Kết quả quan trắc môi trường

**Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường trong 02 năm gần nhất của cơ sở**

| Thời gian | Vị trí thu mẫu | Chỉ tiêu phân tích | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lưu lượng | Bụi tổng | $SO_2$ | $NO_2$ | CO | HF | Tiếng ồn |
| | | $m^3/h$ | $mg/Nm^3$ | $mg/Nm^3$ | $mg/Nm^3$ | $mg/Nm^3$ | $mg/Nm^3$ | dBA |
| **Kết quả quan trắc năm 2024** | | | | | | | | |
| Quý 1 | KT1-NA | 1.534 | - | 47,16 | 43,24 | 85,12 | < 0,3 | - |
| | KT2-NA | 1.475 | - | 33,19 | 48,88 | 92,34 | < 0,3 | - |
| Quý 2 | KT1-NA | 1.531 | - | 26,20 | 28,20 | 9,12 | < 0,3 | - |
| | KT2-NA | 1.477 | - | 29,69 | 31,96 | 13,68 | < 0,3 | - |
| | *KK-NA* | - | *0,0759* | *0,0825* | *0,0734* | *7,33* | - | *65,8* |
| Quý 3 | KT1-NA | Thời điểm quan trắc cơ sở không hoạt động | | | | | | |
| Quý 4 | KT2-NA | Thời điểm quan trắc cơ sở không hoạt động | | | | | | |
| | *KK-NA* | - | *0,093* | *0,1013* | *0,0819* | *8,201* | - | *68,6* |
| **Kết quả quan trắc năm 2025** | | | | | | | | |
| Quý 1 | KT1-NA | Thời điểm quan trắc cơ sở không hoạt động | | | | | | |
| Quý 2 | KT2-NA | Thời điểm quan trắc cơ sở không hoạt động | | | | | | |
| | KK-NA | | 0,0866 | 0,0908 | 0,0815 | 7,603 | - | 66,1 |

*(Nguồn: Trung tâm quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và môi trường An Giang).*

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở điều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn quy định.

### 3.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình thực hiện GPMT

- Trong quá trình thực hiện giấy phép môi trường chủ cơ sở thực hiện thu mẫu bổ sung đối với khí thải lò hơi, thông tin về quá trình quan trắc như sau:

**Bảng 5.4: Thông tin về quá trình quan trắc môi trường**

| Vị trí thu mẫu | Thời gian thu mẫu | Thông số quan trắc |
|---|---|---|
| Khí thải lò hơi của cơ sở (X:1188717; Y=560096) | Đợt 1: Ngày 17/04/2025 | Lưu lượng, Bụi tổng |
| | Đợt 2: Ngày 29/9/2025 | Lưu lượng, Bụi tổng, NOx, $SO_2$, CO và tiếng ồn |

- Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình thực hiện giấy phép môi trường của cơ sở được thể hiện bảng sau:

**Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường**

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kết quả | | cột B, QCVN 19:2009/BTNMT | cột C, QCVN 19:2024/BTNMT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đợt 1 | Đợt 2 | | |
| 1 | Lưu lượng | $m^3$/giờ | 6.231 | 6.518 | - | - |
| 2 | Hàm lượng Bụi tổng | $mg/Nm^3$ | 5,23 | 5,66 | 200 | ⩽ 60 |
| 3 | Hàm lượng $NO_x$ (tính theo $NO_2$) | $mg/Nm^3$ | - | 41,0 | 850 | ⩽ 450 |
| 4 | Hàm lượng $SO_2$ | $mg/Nm^3$ | - | <2,62 | 500 | ⩽ 400 |
| 5 | Hàm lượng CO | $mg/Nm^3$ | - | 825,0 | 1.000 | ⩽450 |
| 6 | Tiếng ồn | $mg/Nm^3$ | - | 82,7 | - | - |

**Ghi chú**: **Tiếng ồn được so sánh QCVN 24:2026/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (thời gian tiếp xúc tiếng ồn trong 08 giờ) là 85dBA, đạt quy chuẩn.

**Nhận xét**: Kết quả quan trắc cho thấy các chỉ tiêu quan trắc đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Ngày 15/04/2025, QCVN 19:2024/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp có hiệu lực và thay thế QCVN

19:2009/BTNMT, so sánh đối chiếu theo quy chuẩn hiện hành thì các chỉ tiêu quan trắc đạt cột C, QCVN 19:2024/BTNMT, riêng chỉ tiêu CO có giá trị vượt 1,8 lần so với quy chuẩn, nguyên nhân hoạt động của ống khói thời gian dài chưa được vệ sinh. Chủ cơ sở đã tiến hành vệ sinh thiết bị và sẽ thực hiện thu mẫu lại trong thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định.

**4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải**

**4.1. Tóm tắt tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường.**

**Bảng 5.6: Thống kê các công trình thu gom xử lý chất thải rắn tại cơ sở**

| TT | NỘI DUNG | KHỐI LƯỢNG | TÌNH HÌNH THU GOM VÀ XỬ LÝ CỦA CƠ SỞ |
|---|---|---|---|
| I | Chất thải rắn sinh hoạt | 22,5 kg/ngày | - Được phân loại vào các thùng rác thải bố trí trong cơ sở, phần không thể tái chế được giao cho đơn vị thu gom rác tại địa phương đến thu gom và xử lý mỗi ngày. |
| **II** | **Chất thải rắn công nghiệp thông thường** | | |
| 1 | Trấu | 17,5 Tấn/ngày | - Bố trí kho chứa diện tích 588,2 $m^2$, trong đó sử dụng khoảng 500 $m^2$ để lưu chứa tạm trấu phát sinh và khoảng 88,2 $m^2$ để lưu chứa tạm tro phát sinh.<br>+ Diện tích: 588,2 $m^2$, chiều cao H=14m, thể tích 8.234,8$m^3$ (588,2 $m^2$ x 14m);<br>+ Kết cấu: kho được che chắn, vách và mái bằng tole, nên tráng xi măng.<br>- Đối với trấu được tái sử dụng cho hoạt động của lò hơi, lượng trấu dư được bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng (đính kèm hợp đồng mua bán trấu tại phần phụ lục)<br>- Đối với tro sẽ được đóng bao đưa vào kho chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu (đính kèm phiếu mua bán tro tại phụ lục). |
| 2 | Tro | 4,6 Tấn/ngày | |
| 3 | Cám (phụ phẩm) | 84,83 Tấn/ngày | - Cám được đưa vào Silo chứa cám thể tích 800 $m^3$ (kích thước: DxRxC=10m x10m x 8m, |

| TT | NỘI DUNG | KHỐI LƯỢNG | TÌNH HÌNH THU GOM VÀ XỬ LÝ CỦA CƠ SỞ |
|---|---|---|---|
| | | | vật liệu sắt), cám phụ phẩm sẽ được đóng bao bán cho các cơ sở chế biến thức ăn khu vực trong và ngoài tỉnh (đính kèm hợp đồng mua bán cám tại phần phụ lục của báo cáo). |
| 4 | Tạp chất khác (Đá, sỏi, rơm rạ, dây bao,…) | 30 Kg/ngày | - Đối với các loại có thể tái chế được thu gom để tái sử dụng, phần không thể tái chế được giao cho đơn vị thu gom rác tại địa phương đến thu gom và xử lý mỗi ngày. |

**4.2. Tóm tắt tình hình xử lý chất thải nguy hại**

- Chủ cơ sở bố trí kho chứa CTNH, kho được che chắn kín đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa; bên ngoài đặt biển cảnh báo "Kho chứa chất thải nguy hại".

- Diện tích: 03 $m^2$; DxR = 2,0mx1,5m.

- Các loại CTNH được tập trung về kho chứa, bên trong bố trí bố trí 01 phuy nhựa 20 lít để lưu giữ dầu nhớt thải, 02 thùng rác nhựa 20 lít có nắp đậy chứa giẻ lau dính dầu nhớt và bóng đèn huỳnh quang thải dán nhãn CTNH trên thùng theo quy định.

- Tại thời điểm lập báo cáo cơ sở chưa ghi nhận khối lượng chất thải nguy hại phát sinh. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

**5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.**

**5.1. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối của cơ sở**

**5.1.1. Kết quả kiểm tra năm 2024**

**a. Thời gian kiểm tra:** Ngày 16/04/2024 (thời điểm cơ sở thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Tập đoàn Nam An).

**b. Nội dung kiểm tra:**

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Công an huyện và UBND xã Long Hòa tiến hành kiểm tra thực tế hoạt động của công ty Cổ phần tập đoàn Nam An, kết quả ghi nhận như sau:

*1. Về thủ tục pháp lý liên quan.*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602084376 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 28/12/2022 (đăng ký thay đổi lần thứ 4).

- Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến, lau bóng xuất khẩu Khiêm Thanh.

- Quyết định số 914/QĐ0 STNMT ngày 04/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh chủ cơ sở Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh.

*2. Kết quả kiểm tra hiện trạng*

- Tại thời điểm kiểm tra nhà máy xay xát, dây chuyền lau bóng và hệ thống sấy gồm 12 lò sấy, công suất 50 tấn/ lò và 04 lò sấy tháp, công suất 250 tấn/ tháp đang hoạt động có phát sinh bụi tại cơ sở và phát tán ra môi trường xung quanh.

- Nguyên nhân phát sinh bụi là 04 tháp sấy chưa trang bị hệ thống hút bụi nên khi hoạt động đã phát sinh bụi ra môi trường xung quanh.

- Dây chuyền xay xát, lau bóng và sấy lúa (12 lò) có trang bị hệ thống hút bụi nên ít phát sinh bụi.

- Trấu phát sinh trong quá trình xay xát thu gom vào kho và bán ra bên ngoài.

- Bụi phát sinh từ hệ thống xay xát, lau bóng, lò sấy (12 lò) được thu gom theo bao chứa để bán ra bên ngoài.

- Rác thải sinh hoạt được ký thu gom với xí nghiệp môi trường đô thị huyện Phú Tân.

- Nước thải chủ yếu nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn.

- Đề án bảo vệ môi trường năm 2017 không đúng và không phù hợp với hiện trạng hoạt động thực tế của cơ sở.

*3. Yêu cầu của đoàn kiểm tra*

- Công ty lập lại thủ tục môi trường theo đúng hiện trạng thực tế và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (trong thời gian 30 ngày).

- Yêu cầu công ty khắc phục việc phát sinh bụi từ hệ thống tháp sấy (thời gian thực hiện 10 ngày). Trong thời gian khắc phục, công ty cần có biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh ra khu vực xung quanh.

*4. Ý kiến của công ty*

- Thống nhất nội dung biên bản và yêu cầu của đoàn kiểm tra

- Do đang vào mùa vụ công ty hoạt động liên tục nên việc lắp đặt hệ thống hút bụi từ tháp sấy gặp khó khăn, công ty cũng đang lắp đặt hệ thống hút bụi tháp sấy vào cam kết thực hiện đúng thời gian theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

**5.1.2. Kết quả kiểm tra năm 2025**

**a. Thời gian kiểm tra:** ngày 17/03/2025 (chủ cơ sở là Công ty cổ phần Tập đoàn Nam An).

**b. Nội dung kiểm tra:**

- Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cùng với Phòng Nông Nghiệp và Môi trường, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Long Hòa làm việc với Công ty cổ phần tập đoàn Nam An để trao đổi, xử lý các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty.

- Theo phản ánh của các hộ dân xung quanh khu vực Công ty và phản ánh trên mạng xã hội đã phản ánh Công ty hoạt động phát sinh bụi ra môi trường xung quanh ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân thì Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Công an huyện, UBND xã Long Hòa kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty, qua kiêm tra nhiều lần thì đoàn kiểm tra đã phát hiện khi Công ty hoạt động phát sinh ra môi trường xung quanh, qua đó đã yêu cầu Công ty khắc phục vân đê này nhưng đến thời điểm hiện nay thì Công ty chưa khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế mà đoàn kiểm tra đã yêu cầu (lập lại Giấy phép môi trường, khắc phục bụi phát sinh ra môi trường xung quanh từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu), hiện nay Công ty đang hoạt động còn phát sinh bụi rất nhiều ra môi trường xung quanh. Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra hôm nay đoàn kiểm tra đã phát hiện nước xử lý bụi thải trực tiếp xuống sông Cái Vừng chưa qua hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- *Ý kiến của Đảng ủy, UBND xã Long Hòa:* Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã Long Hòa góp phần phát triển kinh tế, xã hội và tạo việc làm cho người dân tại địa phương. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải khắc phục các tồn tại, hạn chế để đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường để không ảnh hưởng đến các

hộ dân khu vực xung quanh, đăng ký lập Giấy phép môi trường theo đúng thời gian như đã cam kết.

- *Ý kiến của Phòng Nông nghiệp và Môi trường*: Theo phản ánh của các hộ dân thì Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND xã Long Hòa kiểm tra nhiều lần đối với Công ty, yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, hạn chế như phát sinh bụi từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu tuy nhiên đến nay thì Công ty có khăc phục vẫn chưa triệt để, hoạt động còn phát sinh bụi ra môi trường, đồng thời phát hiện nước xử lý bụi thải trực tiếp xuống sông Cái Vừng chưa qua hệ thống xử lý nước thải và đến thời điểm hiện nay thì Công ty chưa lập lại Giấy phép môi trường theo quy định.

- *Ý kiến của Văn phòng HĐND và UBND huyện*: Căn cứ theo kết quả kiểm tra, ý kiến của Công ty, trách nhiệm ghi nhận và báo cáo lại Thường trực UBND huyện. Đồng thời, đề nghị Công ty khắc phục ngay việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh để không ảnh hưởng đến người dân và đăng ký lập lại Giấy phép môi trường theo quy định.

- *Ý kiến của Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An:* Công ty thừa nhận hiện nay đang Công ty hoạt động có phát sinh bụi ra môi trường xung quanh, nước thải từ hệ thống hút bụi có thải trực xuống sông Cái Vừng và chưa lập lại Giấy phép môi trường theo quy định. Đối với các tồn tại, hạn chế này thì Công ty cũng đang tiếp tục khắc phục nhưng chưa triệt để. Do đó, để đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định thì Công ty sẽ tiếp tục khắc phục ngay các vấn đề bụi phát sinh trong thời gian 02 tuần, đăng ký với đơn vị tư vấn lập lại Giấy phép môi trường theo quy định trong thời gian 01 tuần và khắc phục ngay nước thải từ hệ thống xử lý bụi, cam kết không thải trực tiếp ra môi trường.

- *Ý kiến kết luận của ông Nguyễn Quốc Bảo - PCT. UBND huyện:*

Qua khảo sát việc thực hiện theo yêu cầu của các đợt kiểm tra trước; Đoàn kiểm tra ghi nhận công ty có khắc phục nhưng chưa triệt kể đến nay vẫn còn những tồn tại như sau: Công ty hoạt động còn phát sinh bụi ra môi trường xung quanh từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu, nước thải xử lý bụi thải trực tiếp ra môi trường và chưa có Giấy phép môi trường được phê duyệt theo quy định, từ các tồn tại, hạn chế này thì Công ty hoạt động chưa đảm bảo theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty phải khắc phục ngay việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh chậm nhất đến ngày 03/4/2025 và đăng ký lại Giấy phép môi trường với đơn vị có chức năng chậm nhất đến ngày 25/03/2025. Ngưng ngay việc xả nước thải

trực tiếp xuống sông Cái Vừng và khắc phục việc phát sinh bụi từ khâu vận chuyển trấu xuống ghe.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, ý kiến của địa phương, Công ty thì đoàn kiểm tra sẽ ghi nhận và tổng hợp báo cáo Thường trực UBND huyện xem xét cho ý kiến xử lý. Giao UBND xã Long Hòa quan tâm, nắm bắt tình hình dư luận của người dân trong khu vực này, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát sát sao cho việc khắc phục của công ty và kịp thời báo cáo về Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND xã Long Hòa tiếp tục thường xuyên kiểm tra, giám sát việc khắc phục của Công ty như theo cam kết và báo cáo kịp thời về UBND huyện.

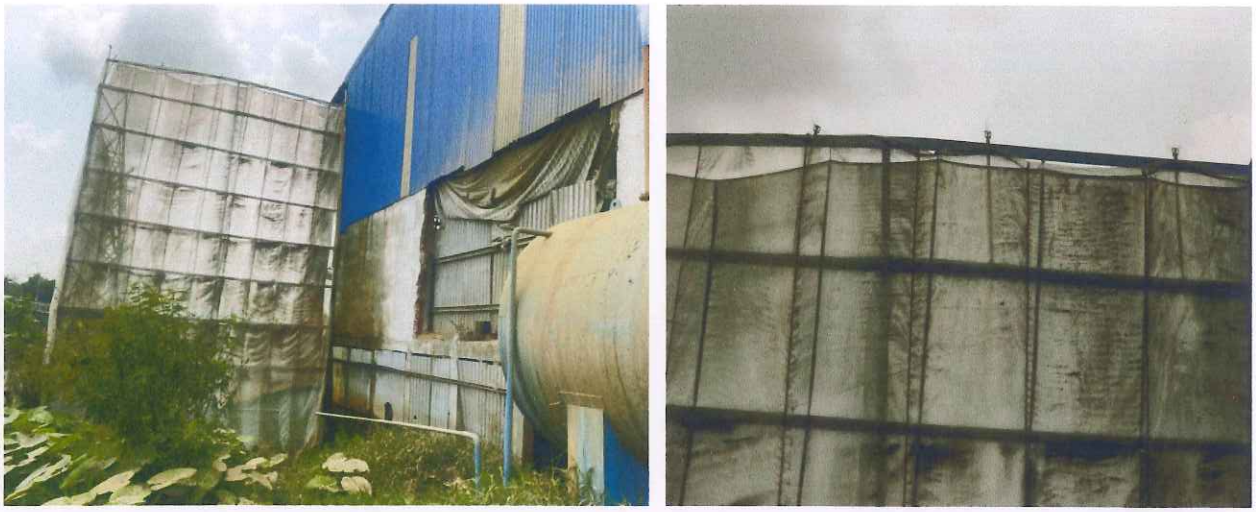
### 5.2. Báo cáo tình hình khắc phục các tồn tại về môi trường của cơ sở

- Sau khi tiếp nhận cơ sở chủ cơ sở - Công ty cổ phần TCO AGI – Chi nhánh An Giang đã thực hiện khắc phục các tồn tại về môi trường như sau:

**Bảng 5.7: Báo cáo tình hình khắc phục các tồn tại về môi trường của cơ sở**

| STT | Các vấn đề về môi trường còn tồn tại | Nội dung khắc phục |
|---|---|---|
| 1 | Công ty hoạt động còn phát sinh bụi ra môi trường xung quanh từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu. | - Tại khu vực xay xát, lau bóng và tháp sấy lúa thực hiện kiểm tra lắp đặt và vệ sinh các Cyclone thu bụi đảm bảo hiệu suất hoạt động của công trình xử lý |
| | | - Tại khu vực xuống trấu chủ cơ sở lắp đặt lưới che chắn và hệ thống phun sương để xử lý bụi phát sinh. |
| 2 | Nước thải xử lý bụi thải trực tiếp ra môi trường. | - Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 04 $m^3$/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. |
| 3 | Chưa có Giấy phép môi trường được phê duyệt theo quy định. | - Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bách Phúc Khang tư vấn lập Giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt theo quy định. |

- Hình ảnh thực tế về khắc phục các tồn tại về môi trường của cơ sở:



**Hình 5.1: Hệ thống lưới chắn và phun sương tại khu vực xuống trấu**



**Hình 5.2: Hệ thống xử lý nước thải công suất 4,0 $m^3$/ngày.đêm của cơ sở**

# CHƯƠNG VI
# KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian lấy mẫu vận hành thử nghiệm của cơ sở theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

**Bảng 6.1: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở**

| STT | Công trình thực hiện vận hành thử nghiệm | Thời gian vận hành thử nghiệm | Công suất dự kiến |
|---|---|---|---|
| 1 | HTXLNT công suất 04 $m^3$/ngày.đêm | Không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường | Công suất dự kiến khoảng 70 -80%, công suất thiết kế |
| 2 | Hệ thống xử lý khí thải lò hơi. | | |

**Ghi chú:** Chủ cơ sở lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

- Căn cứ khoản 5, điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó việc quan trắc chất thải Chủ đầu tư tự quyết định (đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định), kế hoạch quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, như sau:

#### 1.2.1. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của HTXLNT

- Giai đoạn hiệu chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý chất thải.

- Thông số quan trắc: pH; $BOD_5$ (20°C); Độ màu; COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng Nitơ (tính theo N); Tổng Photpho (tính theo P); Dầu, mỡ động thực vật; Tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Kế hoạch lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

**Bảng 6.2: Kế hoạch quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm**

| Stt | Vị trí thu mẫu | Số lượng | Chỉ tiêu phân tích |
|---|---|---|---|
| 1 | Nước thải đầu vào của HTXLNT (tại hố thu gom nước thải). | 01 mẫu đơn | pH; độ màu; $BOD_5$ (20°C); COD; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng Nitơ (tính theo N); Tổng Photpho (tính theo P); Dầu, mỡ động thực vật; Tổng Coliforms. |
| | Nước thải đầu ra sau xử lý của HTXLNT (tại miệng ống thoát nước thải). | 01 mẫu đơn | |
| 2 | Nước thải đầu ra sau xử lý của HTXLNT (tại miệng ống thoát nước thải). | 01 mẫu đơn | |
| 3 | Nước thải đầu ra sau xử lý của HTXLNT (tại miệng ống thoát nước thải). | 01 mẫu đơn | |

**1.2.2. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi.**

- Giai đoạn hiệu chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý chất thải.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, NO2, SO2, CO.

- Quy chuẩn so sánh: Cột C, QCVN 19:2024/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

- Kế hoạch lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình như bảng sau:

**Bảng 6.3: Kế hoạch quan trắc khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm**

| Stt | Vị trí thu mẫu | Số lượng | Chỉ tiêu phân tích |
|---|---|---|---|
| 1 | Đầu ra tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi | 01 | Lưu lượng, bụi tổng, $NO_2$,$SO_2$,CO. |
| 2 | Đầu ra tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi | 01 | Lưu lượng, bụi tổng, $NO_2$,$SO_2$,CO. |
| 3 | Đầu ra tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi | 01 | Lưu lượng, bụi tổng, $NO_2$,$SO_2$,CO. |

**1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

*1. Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường An Giang*

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS số 041.

- Địa chỉ: Số 83, đường Trần Quang Diệu, khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*2. Trung tâm quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ*

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS số 131.

- Địa chỉ: số 08, đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

*3. Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ*

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 019.

- Địa chỉ: Số 45, đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ

Ghi chú: Các đơn vị dự kiến phối hợp thực hiện sẽ tùy vào từng thời điểm thực tế, khi tiến hành vận hành thử nghiệm chủ cơ sở lựa chọn đơn vị phù hợp để thực hiện quan trắc theo kế hoạch đề xuất trong báo cáo.

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

**a. Quan trắc định kỳ đối với nước thải**

- Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điểm b, khoản 1 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/ 01/ 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

**b. Quan trắc định kỳ đối với khí thải công nghiệp**

- Cơ sở có tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp trên 50.00 $m^3$/giờ, thuộc cột 6, số thứ tự 09, mục II của phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ "*Dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ*", do đó cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải.

- Vị trí quan trắc khí thải:

+ Nguồn thải số 01: tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí: X = 1188717; Y= 0560096 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Nguồn thải số 02: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ băng tải lúa đầu vào tháp sấy. Tọa độ vị trí: X = 1188699; Y= 560044 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Nguồn thải số 03: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình sấy lúa. Tọa độ vị trí: X = 1188717; Y= 560079 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Nguồn thải số 04: tại Cyclone xử lý bụi từ công đoạn ra lúa sau khi sấy. Tọa độ vị trí: X = 1188730; Y= 560065 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Nguồn số thải 05: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình xay xát bóc vỏ lúa. Tọa độ vị trí: X = 1188697; Y= 560070 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

+ Nguồn thải số 06: tại Cyclone xử lý bụi phát sinh từ quy trình lau bóng – xát trắng gạo. Tọa độ vị trí: X = 1188698; Y= 559969 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$, múi chiếu $3^0$).

- Tần suất, thông số và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng bảng sau:

**Bảng 6.4: Tần suất, thông số và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng quan trắc môi trường định kỳ**

| STT | Thông số quan trắc | Đơn vị | Cột C, QCVN 19:2024/BTNMT | Tần suất quan trắc |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các thông số quan trắc đối với nguồn số 01.** | | | |
| 1 | Bụi tổng | $mg/Nm^3$ | ⩽ 60 | 06 tháng/ lần |
| 2 | CO | $mg/Nm^3$ | ⩽450 | |
| 3 | $NO_x$ | $mg/Nm^3$ | ⩽ 450 | |
| 4 | $SO_2$ | $mg/Nm^3$ | ⩽ 400 | |
| **II** | **Các thông số quan trắc đối với nguồn số 02,03,04,05, 06.** | | | |
| 1 | Bụi tổng | $mg/Nm^3$ | ⩽ 100 | 06 tháng/ lần |

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

- Căn cứ điều 97, điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.**

- Chủ cơ sở không đề suất quan trắc môi trường định kỳ đối với cơ sở.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

**Bảng 6.5: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | Số lượng | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Chi phí thu mẫu** | | | | **46.000.000** |
| 1 | Chi phí thu mẫu và phân tích mẫu khí thải nguồn số 01 | Đợt | 02 | 8.000.000 | 16.000.000 |
| 2 | Chi phí thu mẫu và phân tích mẫu khí thải nguồn số 02, 03, | Đợt | 02 | 15.000.000 | 30.000.000 |

| TT | NỘI DUNG | ĐVT | Số lượng | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|
| | 04, 05, 06. | | | | |
| **II** | **Chi phí khác** | | | | **18.000.000** |
| 1 | Chi phí nhân công (02 người/ đợt) | Công | 04 | 500.000 | 2.000.000 |
| 2 | Chi phí xe thu mẫu và bảo quản mẫu | Đợt | 02 | 3.000.000 | 6.000.000 |
| 3 | Chi phí lập báo cáo | - | 01 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| | **Tổng (I+II)** | | | | **64.000.000** |
| | *Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu đồng* | | | | |

*(Nguồn: Chủ cơ sở, 2026)*

**Ghi chú**: Chi phí quan trắc môi trường hàng năm được khái toán trong quá trình lập Giấy phép môi trường, chi phí chi tiết dựa trên thực tế tại từng thời điểm lập báo cáo quan trắc môi trường của cơ sở.

# CHƯƠNG VII
# CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty Cổ phần TCO AGI – Chi nhánh An Giang cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Đối với khí thải lò hơi và bụi từ các dây chuyền sản xuất cam kết đạt Cột C, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải công nghiệp.

+ Đối với nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Cột B, QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Đối với tiếng ồn, độ rung: đảm bảo trong giới hạn cho phép theo quy định của QCVN 26:2025/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT áp dụng đối với độ rung, và cập nhật quy chuẩn Việt Nam hiện hành theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH: thu gom triệt để và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của các văn bản pháp luật hiện hành gồm Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản chỉnh sửa bổ sung có liên quan.

- Cam kết thực hiện và hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Đồng thời, tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành và thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

- Cam kết các dữ liệu, số liệu được thu thập và trình bày trong báo cáo là thực tế, chính xác và đáng tin cậy, chủ cơ sở chịu trách nhiệm về nội dung và tính xác thực của các dữ liệu, số liệu trong báo cáo.

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

# PHỤ LỤC I
# VĂN BẢN PHÁP LÝ VÀ GIẤY TỜ VỀ ĐẤT ĐAI CỦA CƠ SỞ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

**Mã số chi nhánh: 0318204118-001**

*Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 11 năm 2024*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 19 tháng 12 năm 2024*

**1. Tên chi nhánh:**

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: TCO AGRI JOINT STOCK COMPANY – AN GIANG BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

*Quốc lộ 80B, tổ 10, ấp Long Hòa 2, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Điện thoại: *0768064686* Fax:

Email: Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: TRẦN THỊ NGỌC TRÂM Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *13/11/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *089185021784*

Ngày cấp: *09/08/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Ấp Phú Thuận B, Xã Phú Lâm, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Phú Thuận B, Xã Phú Lâm, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

**4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI

Mã số doanh nghiệp: 0318204118

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ AN GIANG

**Nguyễn Văn Dũng**

VIỆT NAM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2024*

Số:




# GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh**

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh An Giang*
Địa chỉ trụ sở: *Số 3 Lê Triệu Kiết, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam*
Điện thoại: *02963854692* Fax: *02963.853380*
Email: *dkkd.sokhdt@angiang.gov.vn* Website: *sokhdt.angiang.gov.vn*

**Xác nhận:**

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI
Mã số /Mã số thuế: 0318204118

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG
Mã số chi nhánh/Mã số thuế: 0318204118-001

**Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:**

**Thông tin đăng kí thuế:**

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế |
|---|---|
| 1 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:<br>Điện thoại: |

| | |
|---|---|
| 2 | Địa chỉ nhận thông báo thuế:<br>Quốc lộ 80B, tổ 10, ấp Long Hòa 2, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam<br>Điện thoại: *0768064686*<br>Fax:<br>Email: |
| 3 | Hình thức hạch toán: *Hạch toán phụ thuộc* |
| 4 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12* |
| 5 | Tổng số lao động: *10* |
| 6 | Phương pháp tính thuế GTGT: *Khấu trừ* |
| 7 | Có báo cáo tài chính hợp nhất: *Không* |
| 8 | Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: *Không* |

***Nơi nhận:***
-CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG. Địa chỉ:Quốc lộ 80B, tổ 10, ấp Long Hòa 2, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Lê Thị Bạch Mai.....

**TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - AN GIANG

**Nguyễn Văn Dũng**

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 1

1693/05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556308

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 49 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 731,4m², (bằng chữ: Bảy trăm ba mươi mốt phẩy bốn mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

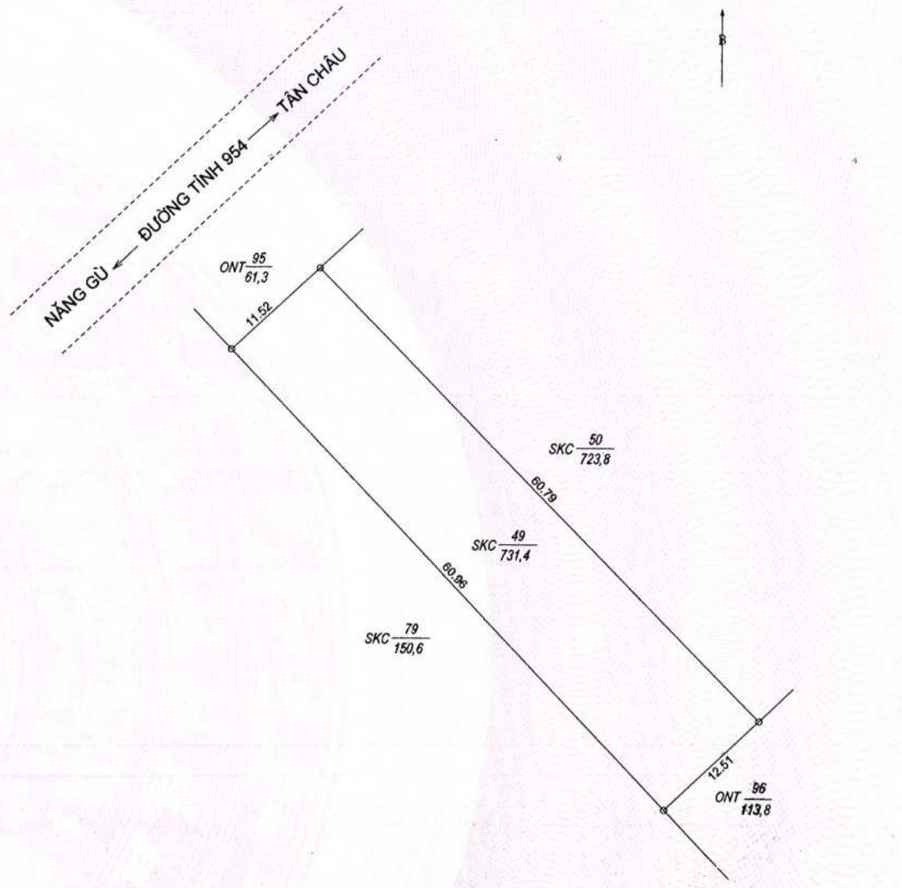
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17047

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11/11/2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415180000011

1693/165

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556309

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 50 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 723,8m², (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi ba phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

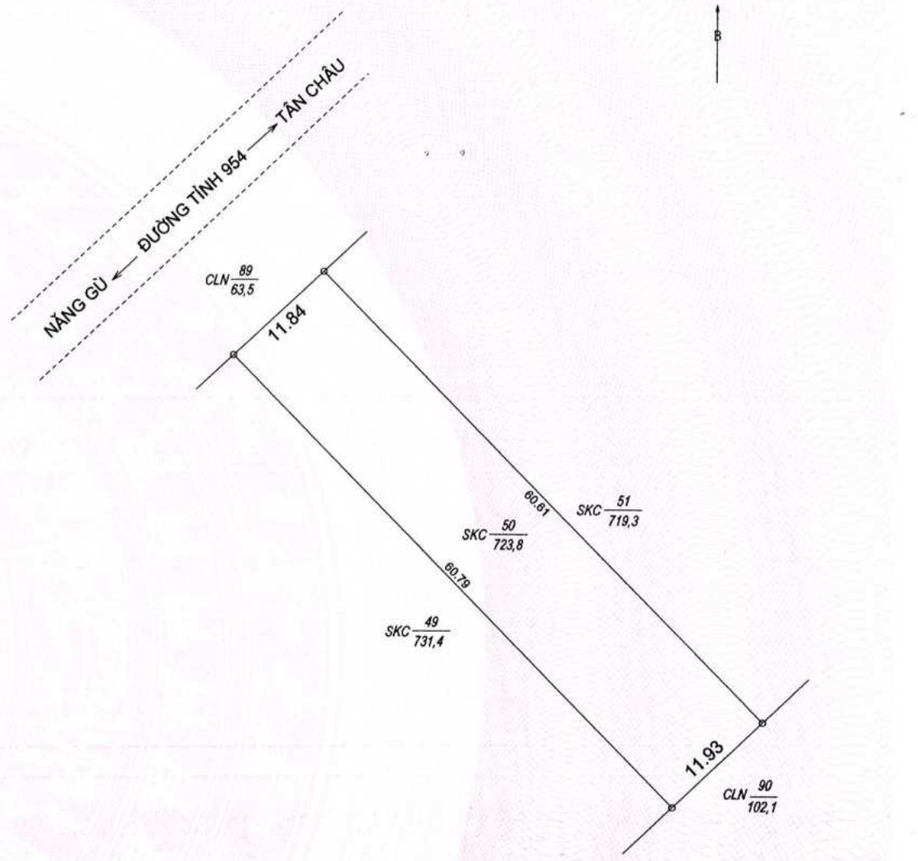
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17048

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11/11/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415180000011

1695/G.5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556310

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 51 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 719,3m², (bằng chữ: Bảy trăm mười chín phẩy ba mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

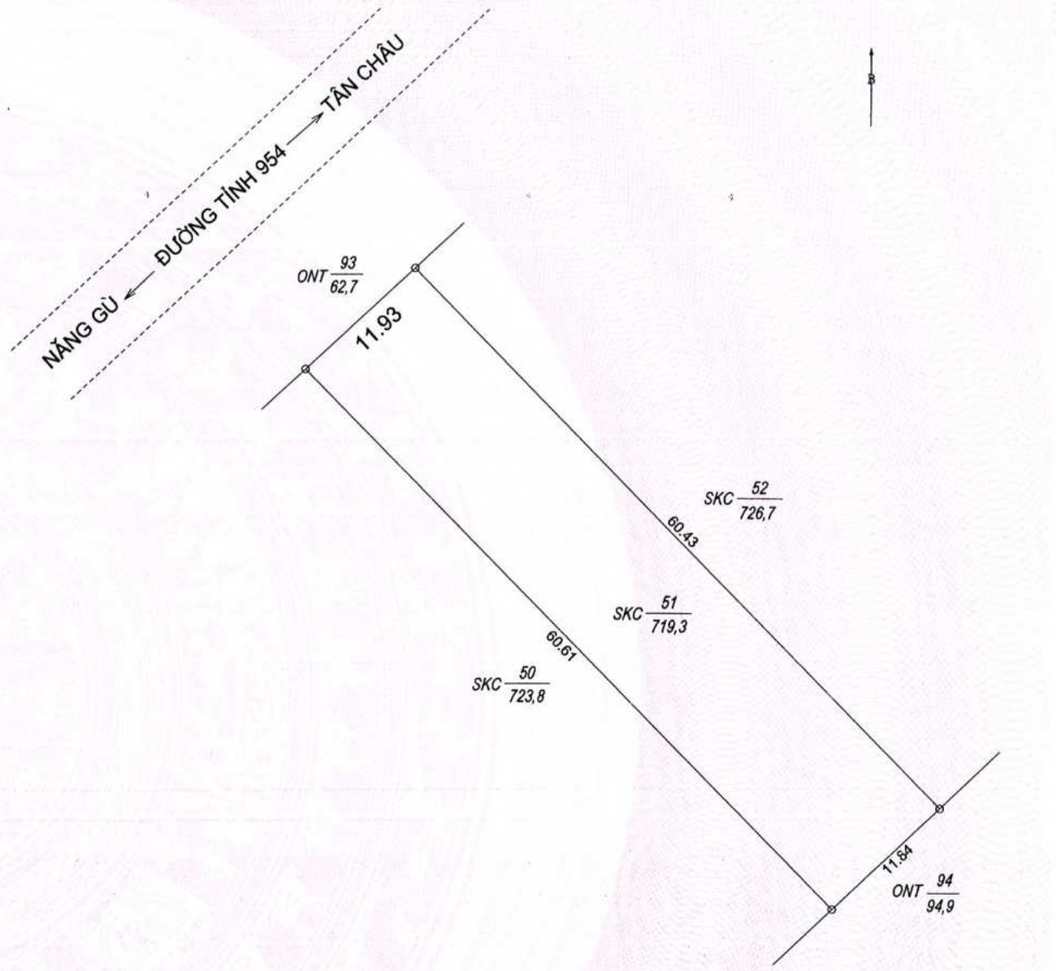
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sô cấp GCN: CT17049

| IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 1

1693/16.5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556313

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 79 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 150,6m², (bằng chữ: Một trăm năm mươi phẩy sáu mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

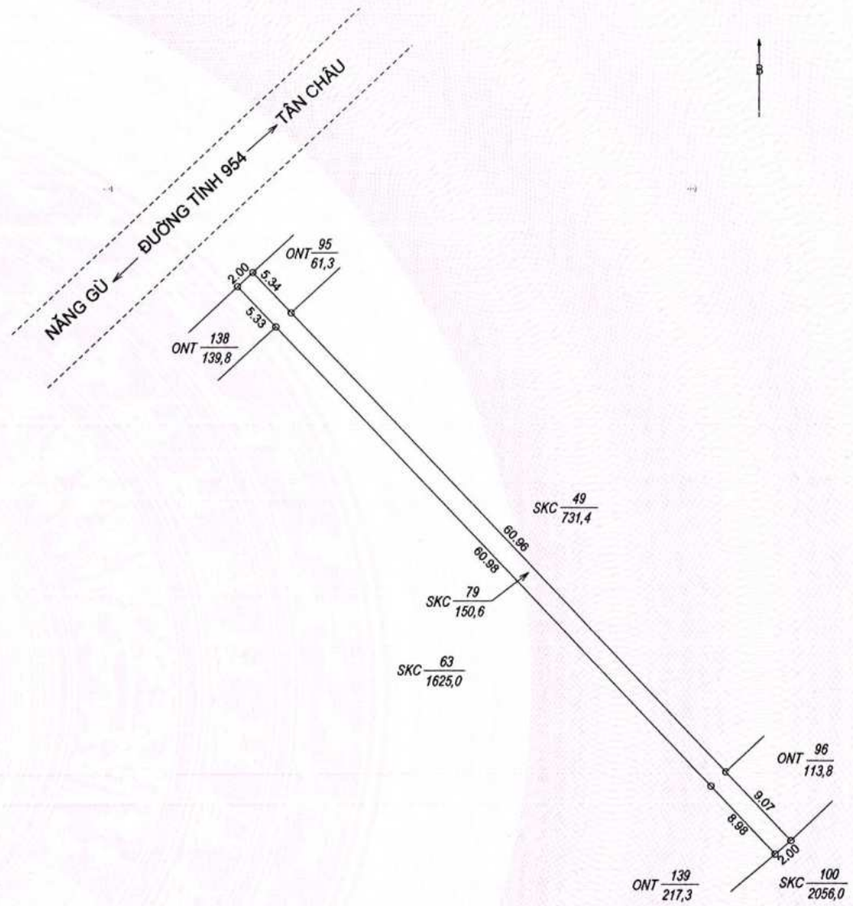
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17052

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9304151800011

1693/QĐ-

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556314

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 89 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 63,5m², (bằng chữ: Sáu mươi ba phẩy năm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 19/10/2051

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

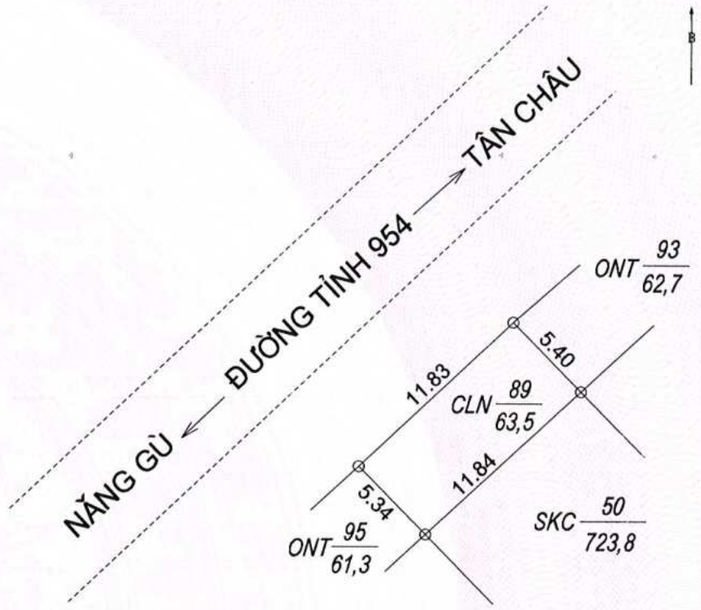
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17053

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../11.../2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9304151800011

1693/Q.5

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556315

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 91 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 61,7m², (bằng chữ: Sáu mươi mốt phẩy bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 19/10/2051

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

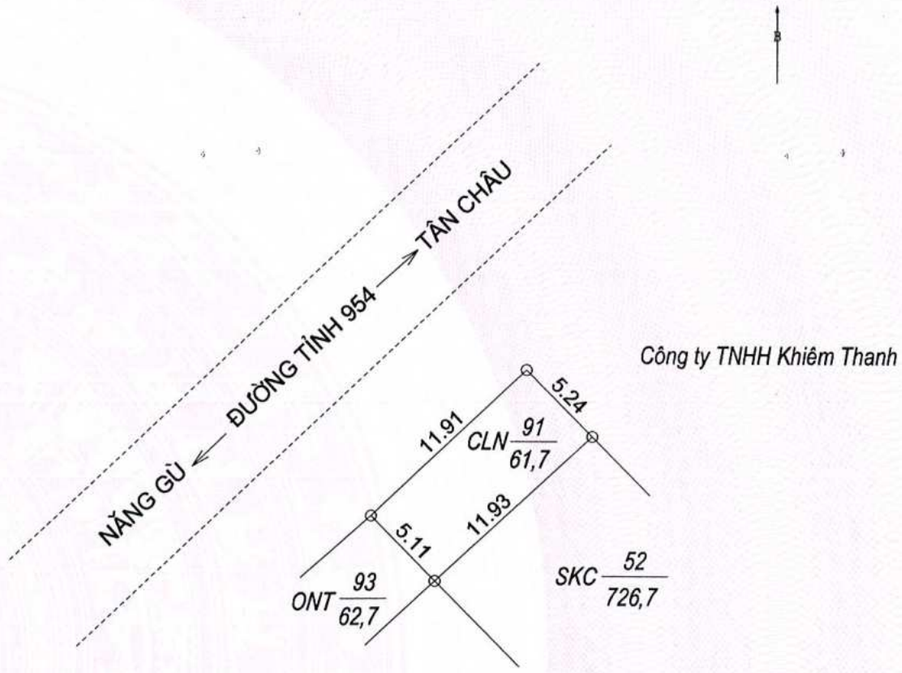
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17054

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415180000011

1693/185

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556316

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 93 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 62,7m², (bằng chữ: Sáu mươi hai phẩy bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

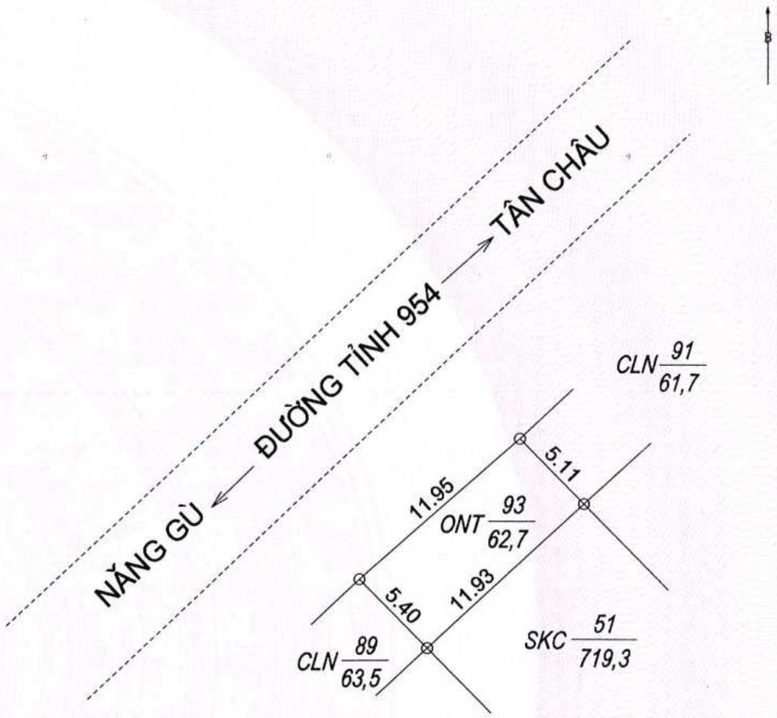
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17055

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 3 0 0 0 0 1 1

1693105

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556317

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 95 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 61,3m², (bằng chữ: Sáu mươi mốt phẩy ba mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

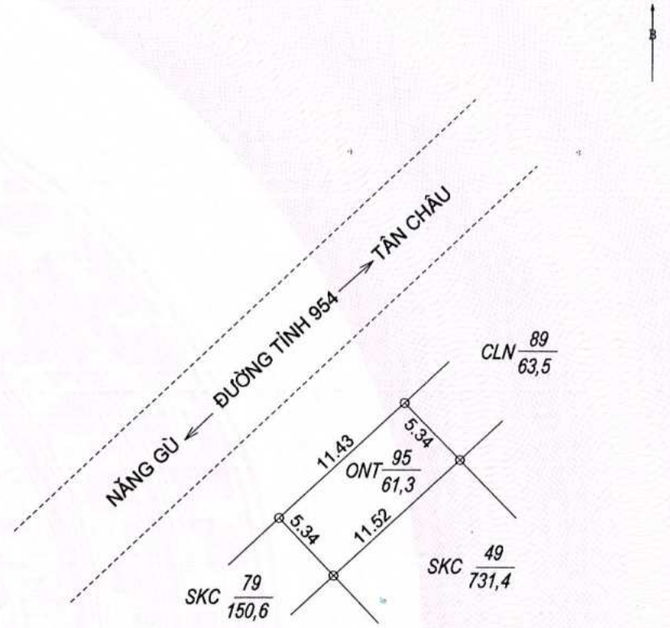
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17056

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 1

1693/05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556318

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 138 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 139,8m², (bằng chữ: Một trăm ba mươi chín phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

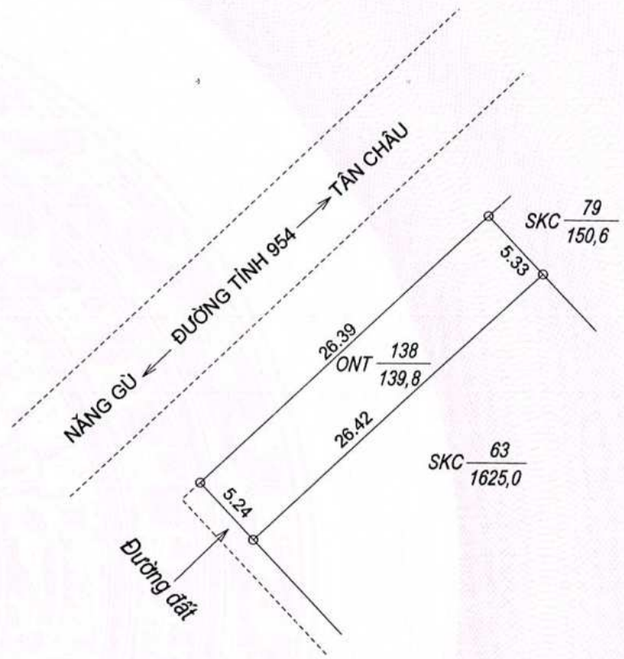
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17057

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../11..../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415180000011

1693/65

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556319

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 52 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 726,7m², (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi sáu phẩy bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà kho | 715,8 | 715,8 | Sở hữu riêng | Loại 2 (theo QĐ10) | -/- |

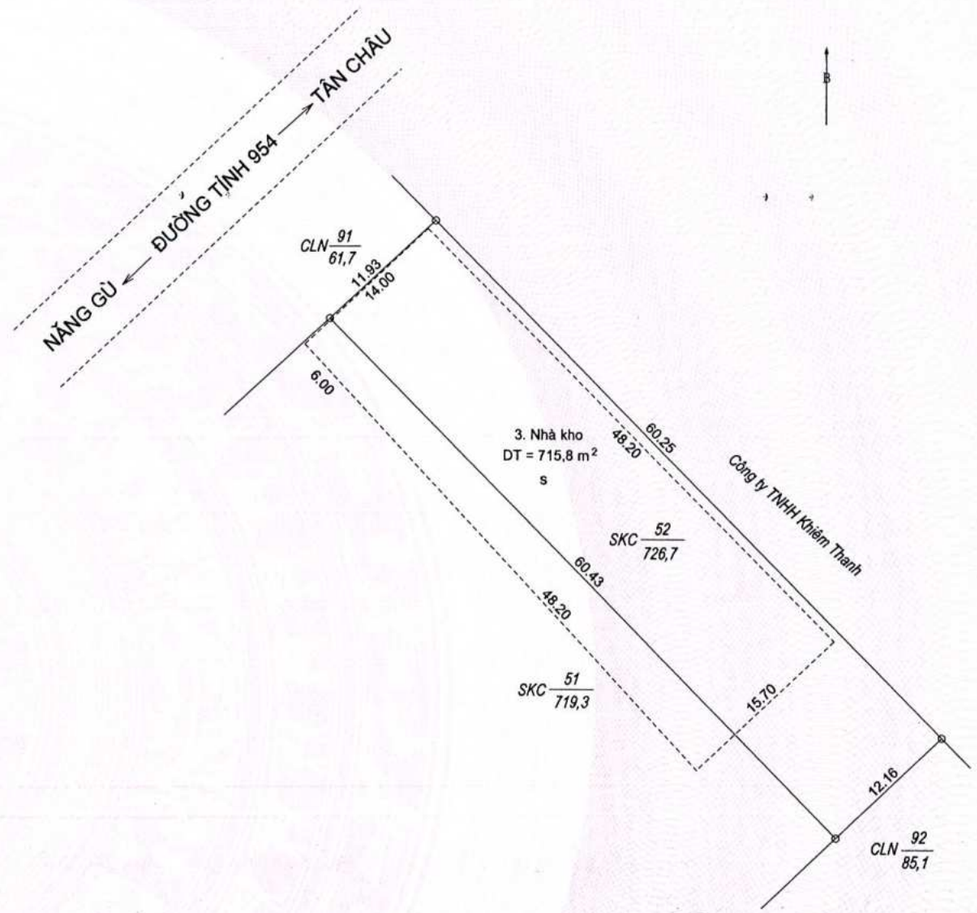
***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

Công trình xây dựng: Nhà kho có một phần diện tích 177m² nằm trên thửa đất số 51 tờ bản đồ số 39 đã được cấp giấy chứng nhận số CT17049 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An.

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2024*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17050

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415180000011

1693/05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556320

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 63 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 1625,0m², (bằng chữ: Một nghìn sáu trăm hai mươi lăm phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 10/9/2051

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

Tên công trình: Văn phòng làm việc + Nhà kho

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Văn phòng làm việc | 324,0 | 648,0 | Sở hữu riêng | Loại 1 (theo QĐ10) | -/- |
| Nhà kho | 2916,0 | 2916,0 | Sở hữu riêng | Loại 2 (theo QĐ10) | -/- |

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

Công trình xây dựng: Văn phòng làm việc có một phần diện tích 12m², 69,5m², 71m², 53,2m² nằm trên các thửa đất số 79, 49, 50, 51 tờ bản đồ số 39, Nhà kho có một phần diện tích 108m², 651,3m², 641,9m², 428,9m² nằm trên các thửa đất số 79, 49, 50, 51 tờ bản đồ số 39 đã được cấp giấy chứng nhận số CT17047, CT17048, CT17049, CT17052 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An.

*An Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

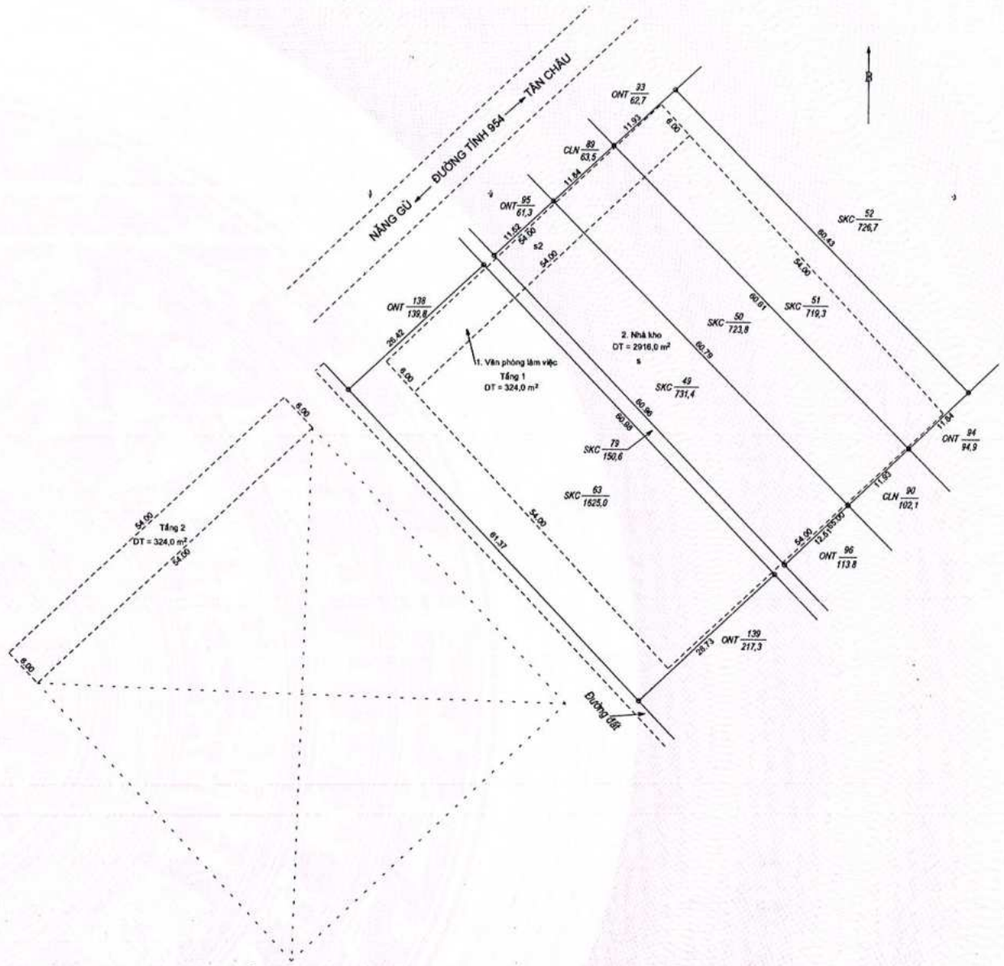
**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17051

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11/11/2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 2

1693/QS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556882

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 92 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 85,1m², (bằng chữ: Tám mươi lăm phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/11/2068

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

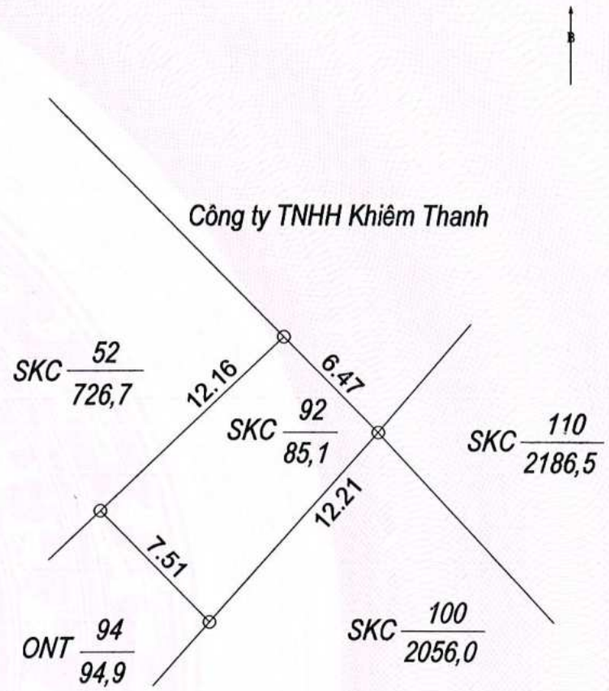
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17089

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11/11/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 2

1693/05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556883

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 94 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 94,9m², (bằng chữ: Chín mươi bốn phẩy chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

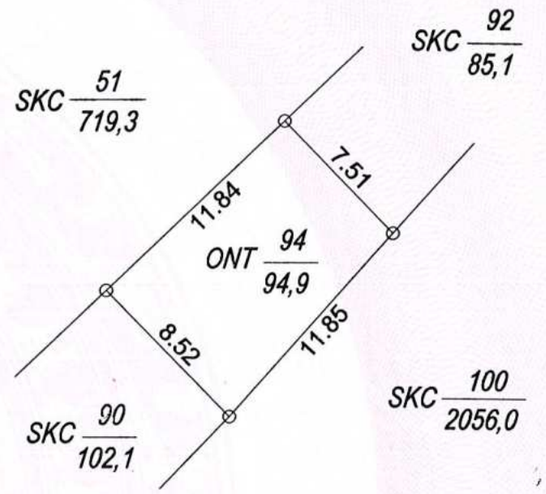
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17090

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 2

1693/Q.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556884

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 90 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 102,1m², (bằng chữ: Một trăm linh hai phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/11/2068

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

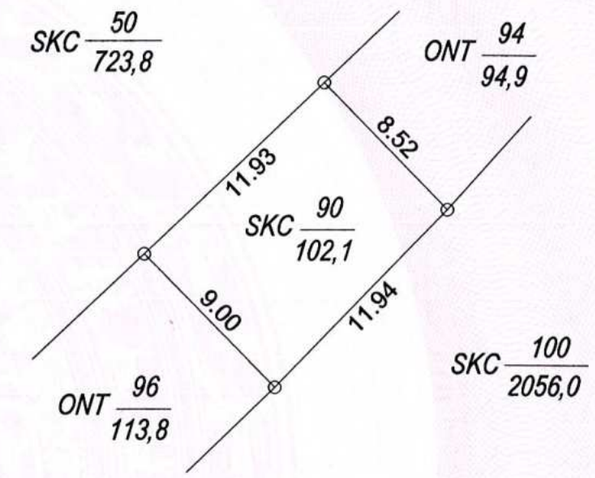
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2024*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17091

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11/11/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 2

1693/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556885

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 96 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 113,8m², (bằng chữ: Một trăm mười ba phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

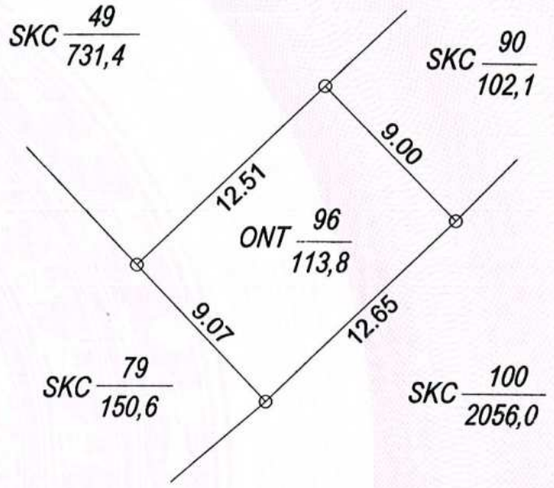
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày..29..tháng..11..năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17092

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../..11.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 8 0 0 0 0 1 2

1693/05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556886

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 139 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 217,3m², (bằng chữ: Hai trăm mười bảy phẩy ba mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

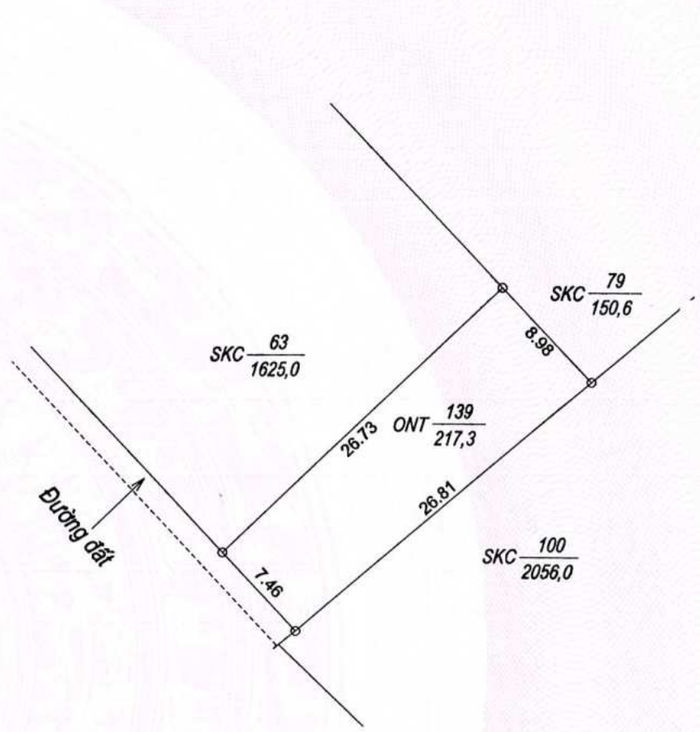
***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-.

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**




*An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17093

| **IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận** | |
|---|---|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../11..../2024<br>GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 930415 180000 12

1693/K.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556888

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 100 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 2056,0m², (bằng chữ: Hai nghìn không trăm năm mươi sáu phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

Tên công trình: Nhà kho

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà kho | 1579,5 | 1579,5 | Sở hữu riêng | Loại 2 (theo QĐ10) | -/- |

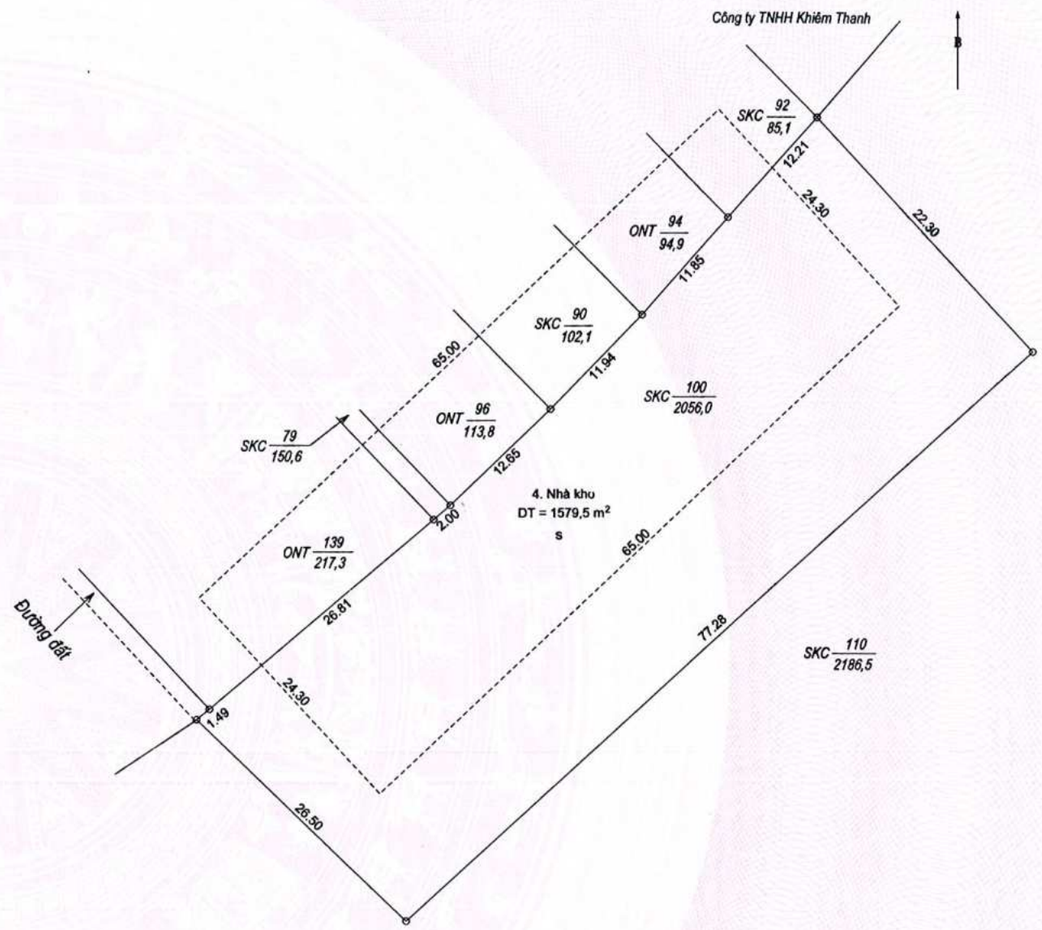
***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

Công trình xây dựng: Nhà kho có một phần diện tích 44,7m², 94,9m², 102,1m², 113,8m², 18,9m², 172,3m² nằm trên các thửa đất số 92, 94, 90, 96, 79, 139, tờ bản đồ số 39 đã được cấp giấy chứng nhận số CT17089, CT17090, CT17091, CT17092, CT17052, CT17093 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An.

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG – CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17094

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN301/24. | Ngày 11../.11.../2024<br>KT.GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Xoá nội dung đăng ký thay đổi ngày 21/10/2024, theo hồ sơ số XC307/24. | Ngày 20/11/2024<br>GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>*Mai Thị Vân Anh* |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN326/24. | Ngày 04.../12.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Nguyễn Văn Viễn** |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 1 9 0 0 0 0 1 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556910

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 35 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 958,6m², (bằng chữ: Chín trăm năm mươi tám phẩy sáu mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

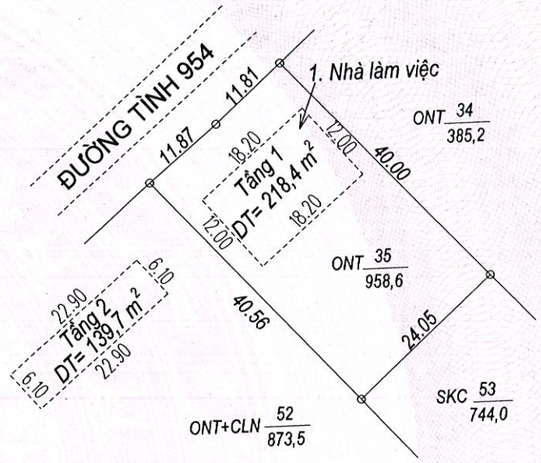
| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà làm việc | 218,4 | 358,1 | Sở hữu riêng | Loại 1 (theo QĐ10) | -/- |

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17899

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 29/03/2019 có thay đổi: thay đổi tên bên nhận thế chấp từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho, địa chỉ: số 77-79 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang thành **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang, địa chỉ: Số 1A Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang** theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 61/EIB-MT/TC/2019-01 ngày 18/10/2024, theo hồ sơ số DT286/24. | Ngày 21/10/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Mai Thị Vân Anh** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Xoá nội dung đăng ký thay đổi ngày 21/10/2024, theo hồ sơ số XC307/24. | Ngày 20/11/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br><br>Mai Thị Vân Anh |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5, Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN326/24. | Ngày 04.../12.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br><br>Nguyễn Văn Viễn |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8930415190000013

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556911

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 53 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 744,0m², (bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi bốn phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 22/05/2059

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà kho 1 | 1637,0 | 1637,0 | Sở hữu riêng | Loại 2 (theo QĐ10) | -/- |

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

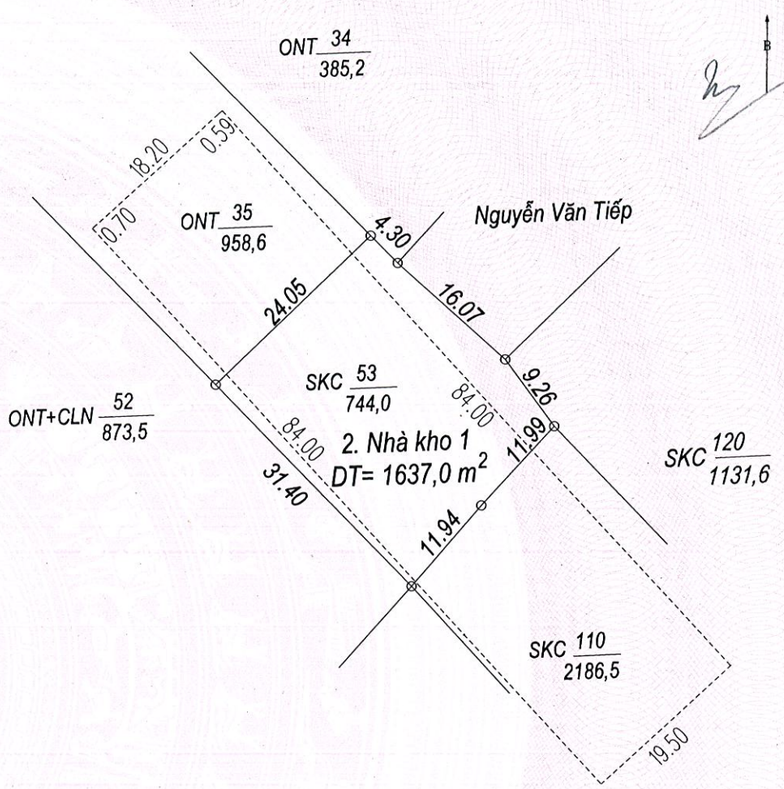
***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

Công trình xây dựng: Nhà kho 1 có một phần diện tích 424,8m², 618,4m² nằm trên thửa đất số 35, 110 tờ bản đồ số 39 đã được cấp giấy chứng nhận số CT17899 và CT17901 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An.

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

567




*An Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17900

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 29/03/2019 có thay đổi: thay đổi tên bên nhận thế chấp từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho, địa chỉ: số 77-79 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang thành **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang, địa chỉ: Số 1A Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang** theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 61/EIB-MT/TC/2019-01 ngày 18/10/2024, theo hồ sơ số DT286/24. | Ngày 21/10/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>**PHÓ GIÁM ĐỐC**<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>**Mai Thị Vân Anh** |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Xoá nội dung đăng ký thay đổi ngày 21/10/2024, theo hồ sơ số XC307/24. | Ngày 20/11/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>Mai Thị Vân Anh |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN326/24. | Ngày ..04..../..12.../2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>Nguyễn Văn Viễn |

Xem trang bổ sung

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

093041519000013

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

CO 556912

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: 110 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 2186,5m², (bằng chữ: Hai nghìn một trăm tám mươi sáu phẩy năm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/12/2058

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

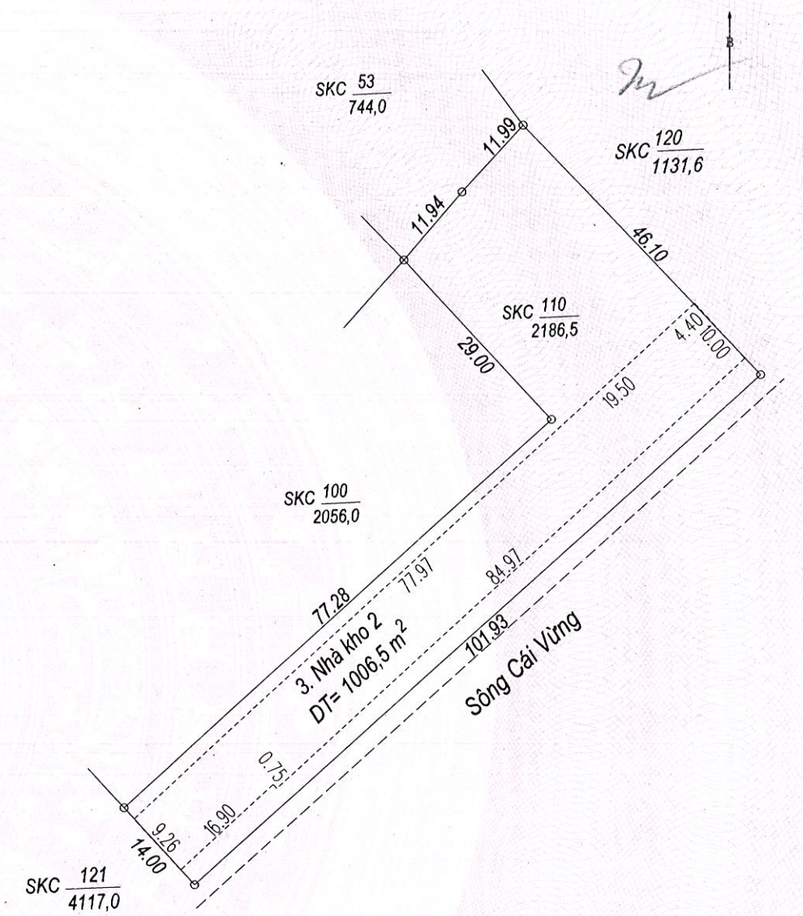
| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà kho 2 | 1006,5 | 1006,5 | Sở hữu riêng | Loại 3 (theo QĐ10) | -/- |

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG – TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

Số vào sổ cấp GCN: CT17901

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 29/03/2019 có thay đổi: thay đổi tên bên nhận thế chấp từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho, địa chỉ: số 77-79 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang thành **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang, địa chỉ: Số 1A Hùng Vương, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang** theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 61/EIB-MT/TC/2019-01 ngày 18/10/2024, theo hồ sơ số DT286/24. | Ngày 21/10/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>Mai Thị Vân Anh |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty Cổ phần TCO AGRI.**<br>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0318204118 cấp lần đầu ngày 07/12/2023.<br>Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo hồ sơ số CN329/24. | Ngày 05/12/2024<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>Mai Thị Vân Anh |

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

8 9 3 0 4 1 5 2 2 0 0 0 0 0 8

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602084376, cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2018
Địa chỉ: Tỉnh lộ 954, Tổ 10, Ấp Long Hòa 2, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang.

**DĐ 928619**

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

***1. Thửa đất:***

a) Thửa đất số: **120** , tờ bản đồ số: **39**

b) Địa chỉ: Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, An Giang

c) Diện tích: 1131,6m², (bằng chữ: Một nghìn một trăm ba mươi mốt phẩy sáu mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/7/2059

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

***2. Nhà ở:*** -/-.

***3. Công trình xây dựng khác:***

Tên công trình: Nhà kho chứa trấu

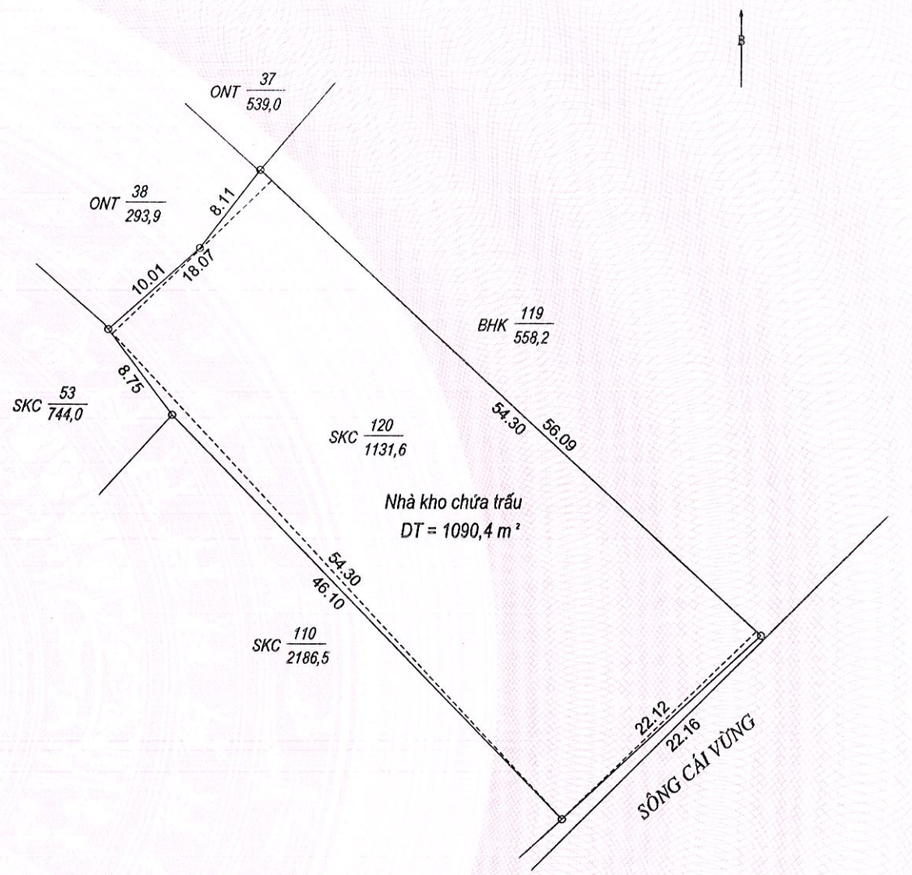
| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m²) | Diện tích sàn (m²) hoặc công suất | Hình thức sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|
| Nhà kho chứa trấu | 1090,4 | 1090,4 | Sở hữu riêng | CT2 (theo QĐ23) | -/- |

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-.

***5. Cây lâu năm:*** -/-.

***6. Ghi chú:***

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất




*An Giang, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**
**TUQ.CHỦ TỊCH**
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Nguyễn Việt Trí**

Số vào sổ cấp GCN: CT25541

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho **Công ty TNHH Chế biến Lương thực KTP.** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1602172008 cấp lần đầu ngày 07/07/2023. Địa chỉ: Tổ 10, Ấp Long Hòa 2, Xã Long Hòa, Huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; Theo hồ sơ số CN236/23. | Ngày 29/8/2023<br>KT. GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC<br>VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH AN GIANG<br>Mai Minh Trang Khôi |

# PHỤ LỤC II
# CÁC PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TC ĐL CL CẦN THƠ

# BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số : 082909
Trang : 1/1

1. Nơi Y/C lấy mẫu, thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÁCH PHÚC KHANG**
2. Địa chỉ: Số 573, Ấp Nhơn An, Xã Nhơn Mỹ, Tỉnh An Giang, Việt Nam
3. Mục đích lấy mẫu: ☑ YC khách hàng; ☐ Chương trình GS
4. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản: Hướng dẫn quan trắc 5.7
5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 082909MT
6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ 11 h 30 đến 12 h 30 ngày 29 /09 /2025 tại Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quan nông sản TCO AGRI-Chi nhánh An Giang - Ấp Long Hoà 2, Xã Long Hoà, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
7. Thiết bị quan trắc: ☑ Máy ồn Rion NL21, 42, ☐ Máy thu bụi HI-Q, ☐ Máy thu mẫu khí SKC, ☐ Máy Extech SD700, ☑ Testo 340, 350, ☐ Tecora G4, ☑ GPS Garmin, ☐ Máy đo đa chỉ tiêu Hanna HI991301, ☐ Máy đo DO-HQ40D, ☐ Máy đo độ đục, ☐ Máy đo độ rung, ☐ Thiết bị đo lưu tốc, ☐ Dụng cụ thu mẫu nước, ☐ Dụng cụ thu mẫu đất, ☐ TB khác .....
8. Điều kiện lấy mẫu: + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng ☐; Trời mưa ☐; Nước lớn ☐; Nước ròng ☐; Đặc điểm khác: .....
+ Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường ☑; Ngừng hoạt động ☐; Điều kiện khác: .....

| STT | Tên mẫu/Kí hiệu | Vị trí thu mẫu | Tọa độ địa lý | Độ ồn | Vận tốc nước | H (m) | D (m) | Áp suất | Nhiệt độ | Độ ẩm | Độ rung | TDS | pH | DO | Độ đục | Clo dư | Độ màu | Tốc độ gió | Ánh sáng | Chỉ tiêu ..... |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Khí thải 202909MT | Tại ĐR HTXL ống thải lò hơi | 0560098<br>1188718 | 82,7<br>82,7<br>82,8 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

9. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: ☐ *$SO_2$: 1L/p; 30 phút;* ☐ *$NO_2$: 0,5L/p; 30 phút;* ☐ *$NH_3$: 0,5L/p; 30 phút;* ☐ *$H_2S$: 1L/p; 40 phút;* ☐ *HF: 1L/p; 20 phút;* ☐ *VOC, $C_nHm$: 0,2L/p; 25 phút;* ☐ *$Cl_2$: 1L/p; 30 phút;;* ☐ Bụi chì: 100L/p; 20 phút; ☐ *$CH_3SH$, Napthalene*: 0,2L/p; 50 phút; ☐ *$H_2SO_4$, $H_3PO_4$: 1,5L/p; 20 phút;* ☐ *HCl, HBr, $HNO_3$: 2L/p; 20 phút;* ☐ *Xyanua: 1L/p; 2 giờ;* ☐ *Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút;* ☐ *Cloroform: 0,2L/p; 20 phút;* ☐ *Asen: 2L/p; 4 giờ;* ☐ *Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút;* ☐ *Kim loại: 2L/p; 20 phút:* ☐ *Phenol: 0,1L/p; 20 phút;* ☐ *Khác.....*

| | Quan trắc viên | Trưởng nhóm quan trắc | Đại diện cơ sở | Đại diện Cơ sở Bách Phúc Khang |
|---|---|---|---|---|
| Chữ ký | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Họ và tên | ..... | ..... | Trần Anh Phương | Trần Kim Thi |
| Chức vụ | ..... | ..... | ..... | ..... |

Danh Lê Minh Danh Lê Minh

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn

VILAS 086

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Số:202909/MT/082909/25



1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải (Tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi)
Tọa độ: 0560096/1188717
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 29/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG**
**Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem biên bản quan trắc môi trường số 082909MT

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 11h30 - 12h30 ngày 29/09/2025 tại Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quan nông sản TCO AGRI - Chi nhánh An Giang - ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lưu lượng | $m^3$/giờ | US EPA Method 2 | 6.518 |
| 2 | Hàm lượng bụi tổng | $mg/Nm^3$ | US EPA Method 5 | 5,66 |
| 3 | Hàm lượng NOx (Tính theo $NO_2$) | $mg/Nm^3$ | HD 5.7 - QT - 27 | 41 |
| 4 | Hàm lượng $SO_2$ | $mg/Nm^3$ | HD 5.7 - QT - 27 | < 2,62 |
| 5 | (#) Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 82,7 |
| 6 | Hàm lượng CO | $mg/Nm^3$ | HD 5.7 - QT - 27 | 825 |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) chỉ tiêu không quy định trong QCVN 19 : 2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
**HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TC ĐL CL CẦN THƠ

# BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số :..061704MT
Trang :..1/1..

1. Nơi Y/C lấy mẫu, thử nghiệm: CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG
2. Địa chỉ: Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
3. Mục đích lấy mẫu: ☒ YC khách hàng; ☐ Chương trình GS
4. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản: Hướng dẫn quan trắc 5.7
5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 061704MT
6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ ..13...h...45. đến ..15...h..00... ngày ...17../..04../2025 tại Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quản nông sản TCO AGRI – Chi nhánh An Giang - Ấp Long Hòa 2. Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
7. Thiết bị quan trắc: ☐ Máy ồn Rion NL21, 42, ☐ Máy thu bụi HI-Q, ☐ Máy thu mẫu khí SKC, ☐ Máy Extech SD700, ☒ Testo 340, ~~350,~~ ☒ Tecora G4, ☒ GPS Garmin, ☐ Máy đo đa chỉ tiêu Hanna HI991301, ☐ Máy đo DO-HQ40D, ☐ Máy đo độ đục, ☐ Máy đo độ rung, ☐ Thiết bị đo lưu tốc, ☐ Dụng cụ thu mẫu nước, ☐ Dụng cụ thu mẫu đất, ☐ TB khác .....
8. Điều kiện lấy mẫu: + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng ☒; Trời mưa ☐; Nước lớn ☐; Nước ròng ☐; Đặc điểm khác: .....
+ Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường ☒; Ngừng hoạt động ☐; Điều kiện khác:.....

| STT | Tên mẫu/Kí hiệu | Vị trí thu mẫu | Tọa độ địa lý | Độ ồn | Vận tốc nước | H (m) | D (m) | Áp suất | Nhiệt độ | Độ ẩm | Độ rung | TDS | pH | DO | Độ đục | Clo dư | Độ màu | Tốc độ gió | Ánh sáng | Chỉ tiêu ..... |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Khí thải 1301704 | Sau đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi | 0560096 1188717 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | ..... | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | ..... | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | ..... | ..... | ..... | | | | | | | | | | | | | | | | | |

9. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: ☐ $SO_2$: 1L/p; 30 phút; ☐ $NO_2$: 0,5L/p; 30 phút; ☐ $NH_3$: 0,5L/p; 30 phút; ☐ $H_2S$: 1L/p; 40 phút; ☐ HF: 1L/p; 20 phút; ☐ VOC, $C_nHm$: 0,2L/p; 25 phút; ☐ $Cl_2$: 1L/p; 30 phút;; ☐ Bụi chì: 100L/p; 20 phút; ☐ $CH_3SH$, Napthalene: 0,2L/p; 50 phút; ☐ $H_2SO_4$, $H_3PO_4$: 1,5L/p; 20 phút; ☐ HCl, HBr, $HNO_3$: 2L/p; 20 phút; ☐ Xyanua: 1L/p; 2 giờ; ☐ Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; ☐ Cloroform: 0,2L/p; 20 phút; ☐ Asen: 2L/p; 4 giờ; ☐ Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút; ☐ Kim loại: 2L/p; 20 phút; ☐ Phenol: 0,1L/p; 20 phút; ☐ Khác.....

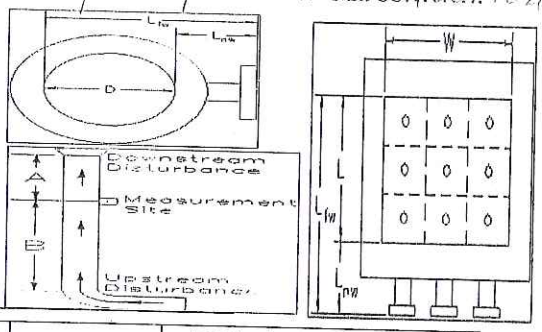
| | Quan trắc viên | Trưởng nhóm quan trắc | Đại diện cơ sở | Đại diện Công ty Bách Phúc Khang | |
|---|---|---|---|---|---|
| Chữ ký | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Họ và tên | Trần Nguyên Gia Bảo | Trần Nguyên Gia Bảo | Trần Anh Phương | ..... | ..... |
| Chức vụ | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TC ĐL CL CẦN THƠ

# BIÊN BẢN LẤY MẪU ĐẲNG TỐC KHÍ THẢI TẠI HIỆN TRƯỜNG

Số: 061.70/4
Trang: ...1/1

- Đơn vị y/c: CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG
- Địa chỉ: Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
- Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ ...13...h.45... - ...15..h...02....ngày ..17.../.04..../2025 tại Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quản nông sản TCO AGRI – Chi nhánh An Giang - Ấp Long Hòa 2. Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Tên mẫu/kí hiệu: Khí thải ..... Vị trí: Ống thải khí lò sấy Mã số: 130.70/4
- Phương pháp lấy mẫu: HD QT 5.7 tại chỗ




**1. Đặc điểm ống khói:**

- Dạng ống: ☑ Hình tròn; ☐ Hình chữ nhật; ☐ Khác.....;
- Chiều dài đoạn A:...10....(m); Chiều dài đoạn B:.....2.....(m)
- Chiều dài đoạn $L_{fw}$:..0,85..(m); Chiều dài đoạn $L_{nw}$:..0,15..(m)
- Chiều dài đoạn L:...0,7.....(m); Chiều dài đoạn W:..0,7...(m)

**2. Điều kiện đạt được:**

- Tỷ lệ A/D:.....; Tỷ lệ B/D:.....; Số điểm thu mẫu:.....

| Điểm | K/C từ bên ngoài lỗ lấy mẫu | Điểm | K/C từ bên ngoài lỗ lấy mẫu | Điểm | K/C từ bên ngoài lỗ lấy mẫu |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | 9 | | 17 | |
| 2 | | 10 | | 18 | |
| 3 | | 11 | | 19 | |
| 4 | | 12 | | 20 | |
| 5 | | 13 | | 21 | |
| 6 | | 14 | | 22 | |
| 7 | | 15 | | 23 | |
| 8 | | 16 | | 24 | |

**3. Thông số đo tại hiện trường:**

| Thông số | N.d mm | Den. kg/m³ | Bws % | $P_{bar}$ kPa | T °C | $P_{std}$ kPa | $T_{std}$ °C | ΔP kPa | I % |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 10 | 1,318 | 9,6 | 100,0 | 34,6 | 101,5 | 56,7 | | 93,6 |
| Thông số | $CO_2$ (%) | $O_2$ (%) | $T_{probe}$ °C | $T_{box}$ °C | Aux1 °C | Aux2 °C | $Q_{std}$ m³/h | $V_s$ m/s | $V_{std}$ m³ |
| | 3,08 | 17,16 | 121,3 | 123,1 | 19 | 17 | 6231 | | 1,07 |

*Ghi chú:*

*- N.d: đường kính đầu thu mẫu; -Den: khối lượng riêng; -Bws: hàm ẩm; -$P_{par}$ : áp suất không khí; - T:nhiệt độ không khí;*
- ΔP: Chênh áp;; - I: tỷ lệ đẳng tốc; -$T_{probe}$: nhiệt độ đường ống thu mẫu ; - $T_{box}$: nhiệt độ hộp bụi; - Aux1,2: nhiệt độ bộ gia nhiệt - $Q_{std}$: lưu lượng trung bình ở đktc; - $V_s$: vận tốc khí thải ở đktc; - $V_{std}$: thể tích khí khô ở đktc

| Đại diện Cơ sở | Đại diện Công ty. Bách Phúc Khang | PT.Nhóm quan trắc | Quan trắc viên |
|---|---|---|---|
| Trần Anh Phương | Trần Kim Thịnh | | Trần Nguyễn Gia Bảo |

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn

Số:1301704/MT/061704/25

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Ngày: 28/04/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải (Tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi)
Tọa độ: 0560096/1188717
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/04/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/04/2025 đến 26/04/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG**
**Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 061704

- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
- Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
- Thời gian và địa điểm: Từ 13h45 - 15h00 ngày 17/04/2025 tại Nhà máy chế biến lúa, gạo và kho bảo quản nông sản TCO AGRI - Chi nhánh An Giang - Ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng bụi tổng | mg/Nm³ | US EPA Method 5 | 5,23 |
| 2 | Lưu lượng | m³/giờ | US EPA Method 2 | 6.231 |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

**GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG THÁP
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN**
**(VIMCER 109; VILAS 412)**
Trụ sở chính: 264A, Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Cơ sở 2: QL 30, khóm An Lạc, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 02733 979 200 - 02773 870 933; Email: ttqt.stnmt@dongthap.gov.vn

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 291.26

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần TCO AGRI – Chi nhánh An Giang.
Địa chỉ : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.
Tên mẫu : Nước thải. Mã mẫu: T2040226-08
Ngày nhận mẫu : 04/02/2026.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| TT | Thông số | Phương pháp | Đơn vị | Kết quả | QCVN 14:2025/BTNMT (Cột A) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH (a) (b) | TCVN 6492:2011 | - | 7,67 | 6 - 9 |
| 2 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (a) (b) | TCVN 6625:2000 | mg/L | 12 | ≤ 50 |
| 3 | $BOD_5$ (a) (b) | SMEWW 5210 B:2023 | mg/L | 6 | ≤ 30 |
| 4 | COD (a) (b) | SMEWW 5220 C:2023 | mg/L | 10 | ≤ 80 |
| 5 | Tổng nitơ (a) (b) | TCVN 6638:2000 | mg/L | 1,74 | ≤ 25 |
| 6 | Tổng phốtpho (a) (b) | TCVN 6202:2008 | mg/L | 0,09 | ≤ 4,0 |
| 7 | Dầu mỡ động thực vật (b) | SMEWW 5520B&F:2023 | mg/L | KPH (MDL=1,1) | ≤ 10 |
| 9 | *Coliforms* (b) | SMEWW 9221B:2023 | MPN/100mL | 230 | ≤ 3.000 |

**Ghi chú:**
*(a): Thông số được VILAS công nhận.*
*(b): Thông số được chứng nhận Vimcerts 109.*
*KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.*
*Mẫu do khách hàng mang đến trung tâm và phân tích theo yêu cầu của khách hàng, kết quả không sử dụng quan trắc môi trường.*

*Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

**P.TRƯỞNG PHÒNG**
**QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH**

**Lê Thị Ngọc Giàu**

**KT.GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

**Nguyễn Hiếu Nhẫn**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này có giá trị đối với mẫu thử.
2. Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao chép không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Môi trường và Tài nguyên.
3. Trung tâm Quan trắc Môi trường và Tài nguyên cam kết bảo mật mọi thông tin khách hàng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG

Số: 10/02012025/HĐ-QTKTTNMT-MT

(Về việc thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 cho Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh)

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường về việc quy định chi tiết một số của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trương chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh;

Căn cứ Công văn số 24/2019/CV ngày 29/5/2019 của Công ty CP tập đoàn Nam An về việc giải trình những nội dung điều chỉnh trong Đề án BVMT chi tiết.

Căn cứ Công văn số 1615/STNMT-MT ngày 21/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc ý kiến tạm ngưng hoạt động sấy và xay xát lúa của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ.QTKTTNMT ngày 17/07/2013 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường về việc ban hành đơn giá dịch vụ hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa, không khí, tiếng ồn, đất và nước dưới đất;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh An Giang;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Văn phòng Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường. Chúng tôi gồm có:

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**

- Do Ông: **Nguyễn Minh Khoa**; Chức vụ: Tổng giám đốc, làm đại diện.
- Địa chỉ: Tỉnh lộ 954, tổ 10, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Điện thoại:02963.820966
- Mã số thuế: 1602084376

**Bên B: TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

- Do Ông: **Trần Hưng Thịnh**; Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện.

- Địa chỉ: 822 Trần Hưng Đạo, P.Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.

- Điện thoại: (0296).3955 009

- Số tài khoản 7011.0000.442.717 tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang (BIDV – Chi nhánh An Giang).

- Mã số thuế: 1600251455

*Sau khi trao đổi, bàn bạc các Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với các Điều, Khoản sau:*

**Điều 1. Nội dung công việc**

Bên A giao cho Bên B thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 "Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh" thuộc ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (tần suất, chỉ tiêu và số lượng mẫu được thực hiện theo yêu cầu của Công ty), khối lượng công việc cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A**

2.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, văn bản pháp lý của dự án (tại Điều 1) trong quá trình thực hiện nội dung công việc của Hợp đồng.

2.2. Bên A chịu trách nhiệm về tính pháp lý và nội dung đối với các tài liệu, văn bản pháp lý do bên A cung cấp. Trường hợp bên B đã thực hiện các nội dung công việc tại Điều 1 theo các tài liệu, văn bản pháp lý do bên A cung cấp, sau đó bên A có thông báo thay đổi các nội dung so với các tài liệu, văn bản pháp lý mà bên A đã cung cấp theo khoản 2.1 Điều 2, thì bên A phải thanh toán cho bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo thay đổi.

2.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình triển khai thực hiện.

2.4. Trường hợp có thu mẫu bổ sung theo yêu cầu của bên A thì bên A phải chi hoàn toàn chi phí thu mẫu phát sinh này *(nếu có)*.

2.5. Thanh toán cho Bên B đầy đủ, kịp thời và đúng quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.6. Nhận đủ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán, thanh lý theo đúng quy định Hợp đồng này.

2.7. Thực hiện đúng các điều, khoản ghi trong hợp đồng.

2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B**

3.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung và yêu cầu công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

3.2. Bàn giao đầy đủ số lượng sản phẩm cho Bên A theo quy định Điều 5 của hợp đồng này.

3.3. Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan đến việc thực hiện các nội dung công việc của Hợp đồng.

3.4. Ấn định ngày để Bên A cung cấp hồ sơ, gửi thông báo tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng cho Bên A theo quy định tại Điều 9.

3.5. Từ chối thực hiện công việc ngoài nội dung, phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

3.6. Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi do chậm thanh toán theo quy định.

3.7. Thực hiện đúng các điều, khoản ghi trong hợp đồng.

3.8. Xuất hoá đơn tài chính cho Bên A theo quy định.

**Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

4.1. Tổng giá trị hợp đồng là**: 28.461.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng),* đã bao gồm thuế GTGT 8% và mức thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định, chính sách thuế của Nhà nước hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn, chưa bao gồm các khoản phí phát sinh khác ngoài giá trị đã nêu theo hợp đồng và phụ lục này.

4.2. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng phương thức chuyển khoản như sau:

a) Đợt 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi 02 bên ký kết hợp đồng, tương đương với số tiền là: **14.231.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bốn triệu, hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng).*

b) Đợt 2: Thanh toán giá trị còn lại trong vòng 10 ngày sau khi bên B hoàn tất việc thu mẫu quan trắc môi trường quý IV năm 2025.

4.3. Trường hợp phải ngưng, không thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng có liên quan thì Bên A phải tiến hành thanh toán khối lượng công việc thực hiện hoàn thành thực tế.

4.4. Thời hạn thanh toán

a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Bên A chậm thanh toán 30 (ba mươi) ngày sau thời hạn nêu trên thì phải bồi thường cho Bên B theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà Bên B mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên A đó thanh toán đầy đủ cho Bên B.

4.5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**Điều 5. Thời gian thực hiện, hoàn thành và sản phẩm bàn giao**

5.1. Thời gian triển khai thực hiện và thời gian hoàn thành

a) Thời gian triển khai thực hiện: quý I, II, III, IV năm 2025.

b) Thời gian hoàn thành:

- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I, II, III, IV: 07 (bảy) ngày làm việc (tính từ ngày có kết quả phân tích mẫu quan trắc môi trường tại thực địa).

- Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025: 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thu mẫu của quý IV và Bên B nhận đủ các thông tin, tài liệu cần thiết (thời gian thực hiện không bao gồm thời gian bổ sung hồ sơ, thời gian thu và phân tích mẫu bổ sung, các ngày nghỉ, lễ theo quy định, không kể thời gian bên A đọc, góp ý, chỉnh sửa, trình ký báo cáo).

5.2. Sản phẩm bàn giao:

- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I/2025: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý II/2025: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý III/2025: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý IV/2025: 01 bản chính.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025: 02 quyển chính.

**Điều 6. Trường hợp bất khả kháng**

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như thiên tai, động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, dịch bệnh…và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền, hoặc sự thay đổi của các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng.

6.2. Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 45 ngày do bất khả kháng đã được thông báo hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 90 ngày, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo và việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký thông báo.

**Điều 7. Ủy thác**

Bên B không được ủy thác toàn bộ các nghĩa vụ phải thực hiện của mình theo Hợp đồng cho Bên thứ ba. Trong trường hợp cần thiết, được phép ký ủy thác thực hiện một phần Hợp đồng.

**Điều 8. Xử phạt khi vi phạm Hợp đồng**

Trường hợp chậm trễ trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng theo tiến độ đã ký kết mà hoàn toàn do nguyên nhân chủ quan của các bên gây ra, cứ chậm 15 ngày bên nào vi phạm sẽ bị phạt 01% tổng giá trị phần công việc bị chậm tiến độ nhưng tối đa không quá 10% tổng giá trị của phần công việc bị chậm tiến độ.

**Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng bởi các Bên**

9.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong những Điều, Khoản của Hợp đồng.

b) Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

9.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A:

a) Không thực hiện hoặc vi phạm một trong những Điều, Khoản của Hợp đồng.

b) Đã gửi thông báo 02 lần đề nghị Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản pháp lý và bản vẽ có liên quan đến việc thực hiện các nội dung được nêu tại Điều 1 thì bên B sẽ thanh lý, kết thúc hợp đồng và Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc Bên B đã thực hiện đến thời điểm bên B tiến hành thanh lý, kết thúc hợp đồng.

c) Việc tạm ngừng công việc bị kéo dài hơn 30 ngày.

d) Tạm ứng, thanh toán không đúng thời gian quy định tại Điều 4.

e) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

f) Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (e) Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

g) Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng.

h) Việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên B ký thông báo chấm dứt Hợp đồng.

**Điều 10. Giải quyết tranh chấp**

Hai Bên cam kết thực hiện đúng những thỏa thuận ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu Bên nào có khó khăn, vướng mắc nảy sinh phải kịp thời thông báo cho Bên kia bằng Văn bản để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thoả thuận được, các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định. Quyết định của Tòa án là chung thẩm ràng buộc giữa hai bên có liên quan, bên có lỗi sẽ chịu chi phí của Tòa án.

**Điều 11. Các thỏa thuận khác**

11.1. Trường hợp do những điều kiện khách quan phải ngưng; không thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng thì hai Bên A và Bên B tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng công việc thực hiện hoàn thành để làm cơ sở tính toán và thanh lý hợp đồng theo đúng trình tự quy định.

11.2. Trong những trường hợp khách quan khác làm chậm trễ tiến độ hoàn thành công việc, Bên B ghi nhận bằng biên bản, được Bên A thống nhất. Trên cơ sở đó, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được tính lại theo thời điểm ghi nhận tại biên bản được thống nhất giữa Bên A và Bên B.

11.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu phụ có điều chỉnh đơn giá thu mẫu, phân tích mẫu các thông số quan trắc môi trường liên kết với nhà thầu

phụ so với Hợp đồng đã ký thì các Bên A và Bên B sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

**Điều 12. Điều khoản chung**

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đúng các Điều, Khoản ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc thay đổi nội dung so với Hợp đồng theo yêu cầu của cơ quan quản lý hoặc theo quy định pháp luật, thì các Bên sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

12.2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và hết hiệu lực sau khi Hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật quy định hoặc hợp đồng bị chấm dứt.

12.3. Hợp đồng này bao gồm 06 (sáu) trang và phụ lục đính kèm, được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ **02** (hai) bản, Bên B giữ **02** (hai) bản./.

| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**<br>**GIÁM ĐỐC** |
|---|---|
| M.S.D.N: 1602084276 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN H.PHÚ TÂN-T.AN GIANG | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG |
| Nguyễn Minh Khoa | **TRẦN HƯNG THỊNH** |

# PHỤ LỤC

(Đính kèm hợp đồng số: 10/02012025/HĐ-QTKTTNMT-MT ngày 02/01/2025 về việc thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025)

Đơn vị yêu cầu: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Nam An
Địa chỉ: Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
Địa điểm công trình: Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh
(ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang)
Điện thoại liên hệ: 0937133000 aphong; phong.chau@namanrice.com;
Điện thoại kế toán: 0977092410 c.Tuyền;tuyen.nguyen@namanrice.com
0949733314

**A. CHI PHÍ PHÂN TÍCH MẪU**

| TT | CHỈ TIÊU | VỊ TRÍ | TẦN SUẤT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I. Không khí xung quanh** | | | | | **1.174.000** |
| 1 | Tổng bụi lơ lửng (TSP) | 1 | 2 | 2 | 80.000 | 160.000 |
| 2 | NO2 | 1 | 2 | 2 | 133.000 | 266.000 |
| 3 | SO2 | 1 | 2 | 2 | 163.000 | 326.000 |
| 4 | CO | 1 | 2 | 2 | 141.000 | 282.000 |
| 5 | Tiếng ồn | 1 | 2 | 2 | 70.000 | 140.000 |
| | **II. Khí thải** | | | | | **11.200.000** |
| 1 | Lưu lượng | 2 | 4 | 8 | 300.000 | 2.400.000 |
| 2 | NOx (tính theo NO2) | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 3 | SO2 | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 4 | CO | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 5 | HF** | 2 | 4 | 8 | 500.000 | 4.000.000 |
| | **TỔNG A** | | | | | **12.374.000** |

**B. CHI PHÍ KHÁC**

| TT | CÔNG VIỆC | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công tác phí | Người*ngày | 2*4 | 200.000 | 1.600.000 |
| 2 | Công thu mẫu không khí xung quanh/cơ sở (1 công/từ 1-3 điểm) | Đợt | 2 | 200.000 | 400.000 |
| 3 | Công thu mẫu ống khói (1 công/ống khói) | Đợt | 4 | 300.000 | 1.200.000 |
| 3 | Dụng cụ thu mẫu và bảo quản mẫu | Mẫu | 10 | 50.000 | 500.000 |
| 4 | Xe vận chuyển và bảo quản mẫu | Ngày*đợt | 4 | 1.500.000 | 6.000.000 |
| 5 | Nhận xét, thông báo kết quả từng quý | Đợt | 4 | 200.000 | 800.000 |
| 6 | Lập báo cáo công tác BVMT | Báo cáo | 1 | 3,479,000 | 3,479,000 |
| | **Tổng B** | | | | **13.979.000** |
| | **Tổng A+B** | | | | **26.353.000** |
| | **VAT 8%** | | | | 2.108.240 |
| | **Thành tiền** | | | | **28.461.240** |
| | **LÀM TRÒN** | | | | **28.461.000** |

| C. THỜI GIAN THU MẪU MÔI TRƯỜNG | | | |
|---|---|---|---|
| **Stt** | **Số lượng mẫu** | **Thời gian thu mẫu** | **Ghi chú** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. | Quý I | |
| 2,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa.<br>01 KKXQ: Tại nhà dân gần nhất. | Quý II | |
| 3,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. | Quý III | |
| 4,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa.<br>01 KKXQ: Tại nhà dân gần nhất. | Quý IV | |

** **Ghi chú:** Chỉ tiêu (**) gửi nhà thầu phụ phân tích. Giá chỉ tiêu này tham khảo nhà thầu phụ tại thời điểm báo giá. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu phụ có thay đổi giá so với Hợp đồng đã ký thì các Bên sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.*

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002 / 02963.955.008; Fax: 02963.857.534

VILAS 515

# BIÊN BẢN THU MẪU

Số: 363/25/121KK../TTQT-HĐ

- Căn cứ chức năng hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh AG
- Theo yêu cầu của: ..Công..Ty....Cổ..Phần...Tập..Đoàn..Nam An.....
- Hôm nay vào lúc..7..giờ..30..phút, ngày..27..tháng..5..năm 2025

## I. CHÚNG TÔI GỒM CÓ

**1. Đại diện Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang**

- Ông (Bà): ..Nguyễn...Khoa..Nam..Chức vụ:..NV.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà): ..Lê..Phước...Sang.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**2. Thành phần giám sát**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**3. Đại diện đơn vị yêu cầu**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**4. Đại diện cơ sở**

- Ông (Bà):...Nguyễn...Thanh..Giang..Chức vụ:...N.....Điện thoại:.....

## II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Địa điểm: ...Nhà máy...chế...biến...lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh
.....
2. Địa chỉ: ..Xã Long Thạnh..Phú Tân..An Giang.....
3. Mục đích thu mẫu: .....Công.....
4. Loại hình/dạng mẫu được quy định cho từng biểu mẫu theo thứ tự như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4.1. Nước mặt/nước thải/nước ngầm:** | **NM:** ☐ | **NT:** ☑ | **NN:** ☐ |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | **01** | ..... |
| **4.2. Khí xung quanh/khí thải lò đốt :** | **KK:** ☑ | **KT:** ☑ | |
| **Số lượng mẫu :** | .....01... | .....01.... | |
| **4.3. Đất/đất trầm tích (bùn) :** | **Đ:** ☐ | **TT:** ☐ | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |

Biên bản được lập thành 02 bản, kết thúc lúc.....giờ.....phút, ngày..27..tháng..05..năm 2025, đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

| **Đơn vị yêu cầu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Đại diện TTQT** |
|---|---|---|---|
| | | Nguyễn Thanh Giang | Nguyễn Khoa Nam |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

| Loại mẫu | Phương pháp lấy mẫu | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Nước mặt | TCVN 6663-6:2008; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011 | | | | |
| Nước thải | TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011 | | | | |
| Nước ngầm | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | | |
| Nước biển | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | | |
| Đất | TCVN 7538-2:2005; TCVN 5297:1995 | | | | |
| Bùn, trầm tích | TCVN 6663-15:2004; TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004 | | | | |
| Chất thải rắn | TCVN 9466:2012 | | | | |
| Thủy sinh | SMEWW 10200B:2017; SWEWW 10500B:2017 | | | | |
| Không khí xung quanh | Đo tại hiện trường | ☐ Nhiệt độ<br>☐ Độ ẩm<br>☐ Tốc độ gió | QCVN 46:2012/BTNMT;<br>QCVN 46:2012/BTNMT;<br>TT-QTHT 17; | ☐ Tiếng ồn<br>☐ Độ rung | TCVN 7878-2:2010;<br>TCVN 6963:2001; |
| | Lấy & bảo quản mẫu | ☐ Bụi tổng<br>☐ SO2<br>☐ NO2<br>☐ CO<br>☐ NH3<br>☐ H2S<br>☐ HF<br>☐ Bụi chì<br>☐ Ozone<br>☐ Benzen<br>☐ Toluen<br>☐ Xylen<br>☐ Styren | TCVN 5067:1995<br>TCVN 5971:1995<br>TCVN 6137:2009<br>HDCV-QTMT- CO<br>MASA Method 401<br>MASA Method 701<br>MASA Method 809<br>TCVN 5067:1995<br>MASA Method 411<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501 | ☐ Phenol<br>☐ $C_xH_y$<br>☐ $CH_4$<br>☐ Methyl Mercaptan<br>☐ $Cl_2$<br>☐ $HNO_3$<br>☐ HCl<br>☐ $H_2SO_4$<br>☐ Arsen (As)<br>☐ Cadimi (Cd)<br>☐ Mangan (Mn)<br>☐ Nikel (Ni)<br>☐ Thủy ngân (Hg)<br>☐ Chrome VI ($Cr^{6+}$) | NIOSH 2546<br>NIOSH 1500<br>MASA Methods 101<br>NIOSH 2542<br>MASA Methods 202<br>NIOSH 7907<br>NIOSH 7907<br>NIOSH 7908<br>OSHA Method ID 105<br>OSHA Method ID 704<br>OSHA Method ID 121<br>OSHA Method ID 121<br>OSHA Method ID 140<br>OSHA Method ID 215 |
| Khí thải | Đo tại hiện trường | ☐ Lưu lượng<br>☐ Vị trí lấy mẫu<br>☐ Hàm ẩm<br>☐ KL mol ptử khí khô | EPA Method 2<br>EPA Method 1<br>EPA Method 4<br>EPA Method 3 | ☐ $O_2$<br>☐ $CO_2$<br>☐ CO<br>☐ $NO_x$ ($NO+NO_2$)<br>☐ $SO_2$ | TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59 |
| | Lấy & bảo quản | ☐ Bụi tổng<br>☐ Cadimi (Cd)<br>☐ Chì (Pb)<br>☐ Arsen (As)<br>☐ Thủy ngân (Hg) | EPA Method 5<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29 | ☐ Đồng (Cu)<br>☐ Kẽm (Zn)<br>☐ $H_2SO_4$<br>☐ HF<br>☐ HCl | EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 8<br>EPA Method 26A<br>EPA Method 26A |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 82, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KK

## 1. Thông tin mẫu: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH/KHM: ..KK-NA....

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | ...Tại nhà dân gần nhất..... | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: 560014..... | Y: 1188808..... |
| 3.Thời gian thu mẫu | .....giờ: 30...phút | Ngày: 22 tháng 5 năm 2025 |
| 4.Người lấy mẫu | ....Nam, Sang..... | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu (Nguồn tác động như dòng xe qua lại, bụi, hướng gió,....) | Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: xe qua lại nhiều | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát; gió nhẹ | |
| 7.Tên thiết bị | ☑ Bơm Hi-Q; ☐ Bơm Sigma 500/Sibata; ☑ Bơm AP Buck | |
| 8.Vật liệu thu mẫu | ☑ Bình hấp thụ thủy tinh (dung tích 50ml); ☑ Ống xốp thủy tinh; ☐ Cái lọc bụi (sợi thủy tinh); ☑ Ống nối PVC 8mm; ☑ Giá đỡ; ☐ khác..... | |

9. Chỉ tiêu đo hiện trường

| Tên thiết bị | T° (°C) | P (hPA) | Ồn (dBA) | Rung (dB) | Ẩm độ (%) | Tốc độ gió (m/s) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| NL53 EX1Bm | | | M = 65,9 | | | |
| | | | M = 66,1 | | | |
| | | | M = 66,3 | | | |

TB = 66,1

## 2.Thông tin thu & bảo quản mẫu

| Chỉ tiêu phân tích | $T_{bắt đầu}$ | $T_{kết thúc}$ | Lưu lượng (lít/phút) | Vật liệu thu mẫu | $V_{không khí}$ (lít) | Bảo quản mẫu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ☐ Bụi chì; ☑ Tổng bụi lơ lửng (TSP); | 7h30 | 8h30 | 600 | Giấy lọc | 36000 | Túi bảo quản |
| ☑ $NO_2$; ☑ $SO_2$; ☐ $NH_3$; ☐ $H_2S$; ☐ HF; ☐.....; ☐ $O_3$; ☐.....; | 7h30 | 8h30 | 0.5 | 10mL | 30 | Lạnh |
| ☑ CO | 7h30 | 8h30 | - | 1ml $PdCl_2$ (1‰) | 1 | Lạnh |
| ☐ Phenol; ☐.....; ☐.....; | ..... | ..... | 0.1 | XAD-7 | ..... | ..... |

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Hoài Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
- ĐC: Số [illegible] Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu:

**KHÍ THẢI/KHM:** ...KT1...NA

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tại đầu ra cyclone của HT sấy lúa 01 | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: | Y: |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ:..... | Ngày:.....tháng... năm 20.. |
| 4.Người lấy mẫu | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: Không đủ điều kiện thu mẫu | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☐ EPA Methods 1; ☐ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☐ EPA Methods 4; ☐ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29: ☐ EPA Methods 8; | |
| 8.Tên thiết bị | ☐ Bộ ESC 5000; ☐ Testo 350; | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ ☐ $CO_2$ ☐ $SO_2$ ☐ ... | |
| | ☐ $NO_x$ ☐ $NO_2$ ☐ CO ☐ ... | |

## II. Thông tin đo mẫu

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | | | | | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³ ; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Hoa Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
Đ/c: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu:

**KHÍ THẢI/KHM:** KT2 - NA

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tại đầu ra cyclone của HT Sấy lúa 02 | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: | Y: |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ:..... | Ngày:.....tháng... năm 20.. |
| 4.Người lấy mẫu | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: Không chỉ điểm lấy mẫu | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☐ EPA Methods 1; ☐ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☐ EPA Methods 4; ☐ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | |
| 8.Tên thiết bị | ☐ Bộ ESC 5000; ☐ Testo 350; | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ / ☐ $CO_2$ / ☐ $SO_2$ / ☐ ... | |
| | ☐ $NO_x$ / ☐ $NO_2$ / ☐ CO / ☐ ... | |

## II. Thông tin đo mẫu

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | - | | | | | |

## Kết quả đo

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | - | | | | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
*Center for Environmental Monitoring*
*and techniques, Resources*

VIMCERTS 041 VILAS 515

Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

*ANALYSIS REPORT*

**KQ:0625601/121KK**

- **Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**
- **Địa điểm thu mẫu: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN – LAU BÓNG GẠO XK KHIÊM THANH**
- **Địa chỉ:** Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam **- Ngày thu mẫu:** 27/05/2025
- **Loại mẫu:** Không khí
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại nhà dân gần nhất/ **KK-NA**
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo TCVN, PHƯƠNG PHÁP NỘI BỘ và METHODS OF AIR SAMPLING AND ANALYSIS.

+ Tiếng ồn: Máy đo cầm tay NL53EX/RION.

- **Kết quả phân tích:**

| Vị Trí | (2) Tiếng ồn (dBA) | (2)Tổng bụi lơ lửng ($\mu g/Nm^3$) | (2)CO ($\mu g/Nm^3$) | (2)$NO_2$ ($\mu g/Nm^3$) | (2)$SO_2$ ($\mu g/Nm^3$) |
|---|---|---|---|---|---|
| **KK-NA** | 66,1 | 86,6 | 7603 | 81,5 | 90,8 |

** Ghi chú: + (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
*+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
*+ Tiếng ồn: Chỉ tiêu đo hiện trường.*

An Giang, ngày 02 tháng 06 năm 2025

**Phòng Phân tích môi trường**
**P.Trưởng phòng**

**Nguyễn Tuấn Huy**

**GIÁM ĐỐC**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Trần Hưng Thịnh**

*Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG

Số: 75/2024/HĐ-QTKTTNMT-MT

(Về việc thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV năm 2024 và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 "Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh")

Căn cứ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường về việc quy định chi tiết một số của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/04/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trương chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh;

Căn cứ Công văn số 24/2019/CV ngày 29/5/2019 của Công ty CP tập đoàn Nam An về việc giải trình những nội dung điều chỉnh trong Đề án BVMT chi tiết.

Căn cứ Công văn số 1615/STNMT-MT ngày 21/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc ý kiến tạm ngưng hoạt động sấy và xay xát lúa của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ.QTKTTNMT ngày 17/07/2013 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường về việc ban hành đơn giá dịch vụ hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa, không khí, tiếng ồn, đất và nước dưới đất;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh An Giang;

Hôm nay, ngày 06 tháng 03 năm 2024, tại Văn phòng Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường. Chúng tôi gồm có:

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**

- Do Ông: **Nguyễn Minh Khoa**; Chức vụ: Tổng giám đốc, làm đại diện.

- Địa chỉ: Tỉnh lộ 954, tổ 10, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Điện thoại:02963.820966

- Tài khoản:

- Mã số thuế: 1602084376

**Bên B: TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

- Do Ông: **Trần Hưng Thịnh**; Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện.

- Địa chỉ: 822 Trần Hưng Đạo, P.Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.

- Điện thoại: (0296).3955 009

- Số tài khoản 7011.0000.442.717 tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang (BIDV – Chi nhánh An Giang).

- Mã số thuế: 1600251455

*Sau khi trao đổi, bàn bạc các Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với các Điều, Khoản sau:*

**Điều 1. Nội dung công việc**

Bên A giao cho Bên B thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 "Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh" thuộc ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (tần suất, chỉ tiêu và số lượng mẫu được thực hiện theo yêu cầu của Công ty), khối lượng công việc cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A**

2.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, văn bản pháp lý của dự án (tại Điều 1) trong quá trình thực hiện nội dung công việc của Hợp đồng.

2.2. Bên A chịu trách nhiệm về tính pháp lý và nội dung đối với các tài liệu, văn bản pháp lý do bên A cung cấp. Trường hợp bên B đã thực hiện các nội dung công việc tại Điều 1 theo các tài liệu, văn bản pháp lý do bên A cung cấp, sau đó bên A có thông báo thay đổi các nội dung so với các tài liệu, văn bản pháp lý mà bên A đã cung cấp theo khoản 2.1 Điều 2, thì bên A phải thanh toán cho bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo thay đổi.

2.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình triển khai thực hiện.

2.4. Trường hợp có thu mẫu bổ sung theo yêu cầu của bên A thì bên A phải chi hoàn toàn chi phí thu mẫu phát sinh này *(nếu có)*.

2.5. Thanh toán cho Bên B đầy đủ, kịp thời và đúng quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.6. Nhận đủ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán, thanh lý theo đúng quy định Hợp đồng này.

2.7. Thực hiện đúng các điều, khoản ghi trong hợp đồng.

2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B**

3.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung và yêu cầu công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

3.2. Bàn giao đầy đủ số lượng sản phẩm cho Bên A theo quy định Điều 5 của hợp đồng này.

3.3. Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan đến việc thực hiện các nội dung công việc của Hợp đồng.

3.4. Ấn định ngày để Bên A cung cấp hồ sơ, gửi thông báo tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng cho Bên A theo quy định tại Điều 9.

3.5. Từ chối thực hiện công việc ngoài nội dung, phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

3.6. Thực hiện đúng các điều, khoản ghi trong hợp đồng.

3.7. Xuất hoá đơn tài chính cho Bên A theo quy định.

**Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

4.1. Tổng giá trị hợp đồng là: **28.461.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng),* giá trị này đã bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành, chưa bao gồm các khoản phí phát sinh khác ngoài giá trị đã nêu theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng này.

4.2. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng phương thức chuyển khoản như sau:

a) Đợt 1: Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày sau khi 02 bên ký hợp đồng, tương đương với số tiền là: **14.231.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bốn triệu, hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng).*

b) Đợt 2: Quyết toán giá trị còn lại trong vòng 10 ngày sau khi bên B hoàn tất việc thu mẫu quan trắc môi trường quý IV năm 2024 và Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B. Hồ sơ quyết toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng: 04 bản gốc.

- Hoá đơn giá trị gia tăng với mức thuế suất theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.

4.3. Trường hợp phải ngưng, không thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng có liên quan thì Bên A phải tiến hành thanh toán khối lượng công việc thực hiện hoàn thành thực tế.

4.4. Thời hạn thanh toán

a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Bên A chậm thanh toán 30 (ba mươi) ngày sau thời hạn nêu trên thì phải bồi thường cho Bên B theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà Bên B mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên A đó thanh toán đầy đủ cho Bên B.

4.5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**Điều 5. Thời gian thực hiện và sản phẩm bàn giao**

5.1. Thời gian thực hiện: 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thu mẫu của mỗi đợt quan trắc và Bên B nhận đủ các thông tin, tài liệu cần thiết (Thời gian thực hiện không bao gồm thời gian bổ sung hồ sơ, thời gian thu và phân tích mẫu bổ sung, các ngày nghỉ, lễ theo quy định, không kể thời gian bên A đọc, góp ý, chỉnh sửa, trình ký báo cáo).

5.2. Sản phẩm bàn giao:

- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I/2024: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý II/2024: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý III/2024: 01 bản chính.
- Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý IV/2024: 01 bản chính.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024: 02 quyển chính.

**Điều 6. Trường hợp bất khả kháng**

6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như thiên tai, động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, dịch bệnh…và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền, hoặc sự thay đổi của các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng.

6.2. Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 45 ngày do bất khả kháng đã được thông báo hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 90 ngày, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo và việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký thông báo.

**Điều 7. Ủy thác**

Bên B không được ủy thác toàn bộ các nghĩa vụ phải thực hiện của mình theo Hợp đồng cho Bên thứ ba. Trong trường hợp cần thiết, được phép ký ủy thác thực hiện một phần Hợp đồng.

**Điều 8. Xử phạt khi vi phạm Hợp đồng**

Trường hợp chậm trễ trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng theo tiến độ đã ký kết mà hoàn toàn do nguyên nhân chủ quan của các bên gây ra, cứ chậm 15 ngày bên nào vi phạm sẽ bị phạt 01% tổng giá trị phần công việc bị chậm tiến độ nhưng tối đa không quá 10% tổng giá trị của phần công việc bị chậm tiến độ.

**Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng bởi các Bên**

9.1. Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong những Điều, Khoản của Hợp đồng.

9.2. Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên A:

a) Không thực hiện hoặc vi phạm một trong những Điều, Khoản của Hợp đồng.

b) Đã gửi thông báo 03 lần đề nghị Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu, văn bản pháp lý và bản vẽ có liên quan đến việc thực hiện các nội dung được nêu tại Điều 1.

c) Việc tạm ngừng công việc bị kéo dài hơn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thông báo tạm ngừng công việc của bên B đã gửi cho bên A.

d) Tạm ứng, thanh toán không đúng thời gian quy định tại Điều 4.

e) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

f) Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (e) Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

g) Bên A phải thanh toán cho Bên B phần khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng.

h) Việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên B ký thông báo chấm dứt Hợp đồng.

**Điều 10. Giải quyết tranh chấp**

Hai Bên cam kết thực hiện đúng những thỏa thuận ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu Bên nào có khó khăn, vướng mắc nảy sinh phải kịp thời thông báo cho Bên kia bằng Văn bản để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thoả thuận được, các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định. Quyết định của Tòa án là chung thẩm ràng buộc giữa hai bên có liên quan, bên có lỗi sẽ chịu chi phí của Tòa án.

**Điều 11. Các thỏa thuận khác**

11.1. Trường hợp do những điều kiện khách quan phải ngưng; không thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng thì hai Bên A và Bên B tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng công việc thực hiện hoàn thành để làm cơ sở tính toán và thanh lý hợp đồng theo đúng trình tự quy định.

11.2. Trong những trường hợp khách quan khác làm chậm trễ tiến độ hoàn thành công việc, Bên B ghi nhận bằng biên bản, được Bên A thống nhất. Trên cơ sở đó, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được tính lại theo thời điểm ghi nhận tại biên bản được thống nhất giữa Bên A và Bên B. 11.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu phụ có thay đổi chi phí thu mẫu, phân tích mẫu các thông số quan trắc môi trường liên kết với nhà thầu phụ so với Hợp đồng đã ký thì các Bên A và Bên B sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

11.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu phụ có thay đổi chi phí thu mẫu, phân tích mẫu các thông số quan trắc môi trường liên kết với nhà thầu phụ so với Hợp đồng đã ký thì các Bên A và Bên B sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

**Điều 12. Điều khoản chung**

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đúng các Điều, Khoản ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc thay đổi nội dung so với Hợp đồng theo yêu cầu của cơ quan quản lý hoặc theo quy định pháp luật, thì các Bên sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

12.2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và hết hiệu lực sau khi Hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật quy định hoặc hợp đồng bị chấm dứt.

12.3. Hợp đồng này bao gồm 06 (sáu) trang và phụ lục đính kèm, được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ **02** (hai) bản, Bên B giữ **02** (hai) bản./.

| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**<br>**GIÁM ĐỐC** |
|---|---|
| M.S.D.N: 1602084376 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN H.PHÚ TÂN-T.AN GIANG | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG |
| Nguyễn Minh Khoa | TRẦN HƯNG THỊNH |

# PHỤ LỤC

(Đính kèm hợp đồng số: 75/2024/HĐ-QTKTTNMT-MT ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường quý I, II, III, IV năm 2024 và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh)

Đơn vị yêu cầu: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Nam An
Địa chỉ: Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
Địa điểm công trình: Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh (ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang)
Điện thoại liên hệ: 0937133000 aphong; phong.chau@namanrice.com;
Điện thoại kế toán: 0977092410 c.Tuyền;tuyen.nguyen@namanrice.com 0949733314

**A. CHI PHÍ PHÂN TÍCH MẪU**

| TT | CHỈ TIÊU | VỊ TRÍ | TẦN SUẤT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **I. Không khí xung quanh** | | | | | **1.174.000** |
| 1 | Tổng bụi lơ lửng (TSP) | 1 | 2 | 2 | 80.000 | 160.000 |
| 2 | NO2 | 1 | 2 | 2 | 133.000 | 266.000 |
| 3 | SO2 | 1 | 2 | 2 | 163.000 | 326.000 |
| 4 | CO | 1 | 2 | 2 | 141.000 | 282.000 |
| 5 | Tiếng ồn | 1 | 2 | 2 | 70.000 | 140.000 |
| | **II. Khí thải** | | | | | **11.200.000** |
| 1 | Lưu lượng | 2 | 4 | 8 | 300.000 | 2.400.000 |
| 2 | NOx (tính theo NO2) | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 3 | SO2 | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 4 | CO | 2 | 4 | 8 | 200.000 | 1.600.000 |
| 5 | HF** | 2 | 4 | 8 | 500.000 | 4.000.000 |
| **TỔNG A** | | | | | | **12.374.000** |

**B. CHI PHÍ KHÁC**

| TT | CÔNG VIỆC | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công tác phí | Người*ngày | 2*4 | 200.000 | 1.600.000 |
| 2 | Công thu mẫu không khí xung quanh/cơ sở (1 công/từ 1-3 điểm) | Đợt | 2 | 200.000 | 400.000 |
| 3 | Công thu mẫu ống khói (1 công/ống khói) | Đợt | 4 | 300.000 | 1.200.000 |
| 3 | Dụng cụ thu mẫu và bảo quản mẫu | Mẫu | 10 | 50.000 | 500.000 |
| 4 | Xe vận chuyển và bảo quản mẫu | Ngày*đợt | 4 | 1.500.000 | 6.000.000 |
| 5 | Nhận xét, thông báo kết quả từng quý | Đợt | 4 | 200.000 | 800.000 |
| 6 | Lập báo cáo công tác | Báo cáo | 1 | 3.000.000 | 3.000.000 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | BVMT | | | | |
| **Tổng B** | | | | | **13.500.000** |
| **Thành tiền (đã bao gồm thuế VAT theo quy định)** | | | | | **28.461.400** |
| **LÀM TRÒN** | | | | | **28.461.000** |

| **C. THỜI GIAN THU MẪU MÔI TRƯỜNG** | | | |
|---|---|---|---|
| **Stt** | **Số lượng mẫu** | **Thời gian thu mẫu** | **Ghi chú** |
| 1,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. | Quý I | |
| 2,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. 01 KKXQ: Tại nhà dân gần nhất. | Quý II | |
| 3,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. | Quý III | |
| 4,0 | 02 mẫu khí thải: tại 02 đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa. 01 KKXQ: Tại nhà dân gần nhất. | Quý IV | |

** **Ghi chú:** Chỉ tiêu (**) gửi nhà thầu phụ phân tích. Giá chỉ tiêu này tham khảo nhà thầu phụ tại thời điểm báo giá. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu phụ có thay đổi giá so với Hợp đồng đã ký thì các Bên sẽ cùng nhau trao đổi giải quyết bằng Phụ lục bổ sung Hợp đồng.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 515

VIMCERTS 041

# BIÊN BẢN THU MẪU

Số: 1014/24/167.KK/TTQT-HĐ

- Căn cứ chức năng hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh AG
- Theo yêu cầu của: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Nam An
- Hôm nay vào lúc 13 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## I. CHÚNG TÔI GỒM CÓ

**1. Đại diện Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang**

- Ông (Bà): Nguyễn Khoa Nam Chức vụ: NV Điện thoại:.....
- Ông (Bà): Lê Phuới Sang Chức vụ: NV Điện thoại:.....

**2. Thành phần giám sát**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**3. Đại diện đơn vị yêu cầu**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**4. Đại diện cơ sở**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

## II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Địa điểm: Nhà máy chế biến - kho bảng gạo xuất Châu Thành Thạnh.....
.....
2. Địa chỉ: Xã Long Hòa, Phú Tân, AG.....
3. Mục đích thu mẫu: GSMT quý I/2024.....
4. Loại hình/dạng mẫu được quy định cho từng biểu mẫu theo thứ tự như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4.1. Nước mặt/nước thải/nước ngầm:** | **NM:** ☐ | **NT:** ☐ | **NN:** ☐ |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | ..... |
| **4.2. Khí xung quanh/khí thải lò đốt :** | **KK:** ☐ | **KT:** ☑ 02 | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |
| **4.3. Đất/đất trầm tích (bùn) :** | **Đ:** ☐ | **TT:** ☐ | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |

Biên bản được lập thành 02 bản, kết thúc lúc 14 giờ 05 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2024., đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

| **Đơn vị yêu cầu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Đại diện TTQT** |
|---|---|---|---|
| | | Liêu Phú Thắng | Nguyễn Khoa Nam |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

| Loại mẫu | Phương pháp lấy mẫu | | | |
|---|---|---|---|---|
| Nước mặt | TCVN 6663-6:2008; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước thải | TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước ngầm | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước biển | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | |
| Đất | TCVN 7538-2:2005; TCVN 5297:1995 | | | |
| Bùn, trầm tích | TCVN 6663-15:2004; TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004 | | | |
| Chất thải rắn | TCVN 9466:2012 | | | |
| Thủy sinh | SMEWW 10200B:2017; SWEWW 10500B:2017 | | | |
| Không khí xung quanh | Đo tại hiện trường | ☐ Nhiệt độ QCVN 46:2012/BTNMT;<br>☐ Độ ẩm QCVN 46:2012/BTNMT;<br>☐ Tốc độ gió TT-QTHT 17; | ☐ Tiếng ồn TCVN 7878-2:2010;<br>☐ Độ rung TCVN 6963:2001; | |
| | Lấy & bảo quản mẫu | ☐ Bụi tổng TCVN 5067:1995<br>☐ SO2 TCVN 5971:1995<br>☐ NO2 TCVN 6137:2009<br>☐ CO HDCV-QTMT- CO<br>☐ NH3 MASA Method 401<br>☐ H2S MASA Method 701<br>☐ HF MASA Method 809<br>☐ Bụi chì TCVN 5067:1995<br>☐ Ozone MASA Method 411<br>☐ Benzen NIOSH 1501<br>☐ Toluen NIOSH 1501<br>☐ Xylen NIOSH 1501<br>☐ Styren NIOSH 1501 | ☐ Phenol NIOSH 2546<br>☐ $C_xH_y$ NIOSH 1500<br>☐ $CH_4$ MASA Methods 101<br>☐ Methyl Mercaptan NIOSH 2542<br>☐ $Cl_2$ MASA Methods 202<br>☐ $HNO_3$ NIOSH 7907<br>☐ HCl NIOSH 7907<br>☐ $H_2SO_4$ NIOSH 7908<br>☐ Arsen (As) OSHA Method ID 105<br>☐ Cadimi (Cd) OSHA Method ID 7048<br>☐ Mangan (Mn) OSHA Method ID 121<br>☐ Nikel (Ni) OSHA Method ID 121<br>☐ Thủy ngân (Hg) OSHA Method ID 140<br>☐ Chrome VI ($Cr^{6+}$) OSHA Method ID 215 | |
| Khí thải | Đo tại hiện trường | ☐ Lưu lượng EPA Method 2<br>☐ Vị trí lấy mẫu EPA Method 1<br>☐ Hàm ẩm EPA Method 4<br>☐ KL mol ptử khí khô EPA Method 3 | ☐ $O_2$ TT-QTHT-59<br>☐ $CO_2$ TT-QTHT-59<br>☐ CO TT-QTHT-59<br>☐ $NO_x$ ($NO+NO_2$) TT-QTHT-59<br>☐ $SO_2$ TT-QTHT-59 | |
| | Lấy & bảo quản | ☐ Bụi tổng EPA Method 5<br>☐ Cadimi (Cd) EPA Method 29<br>☐ Chì (Pb) EPA Method 29<br>☐ Arsen (As) EPA Method 29<br>☐ Thủy ngân (Hg) EPA Method 29 | ☐ Đồng (Cu) EPA Method 29<br>☐ Kẽm (Zn) EPA Method 29<br>☐ $H_2SO_4$ EPA Method 8<br>☐ HF EPA Method 26A<br>☐ HCl EPA Method 26A | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

**KT**

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM: KT-NA

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tủ đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa CN | | | |
| 2.Tọa độ (VN-2000 AG) | X: 560017 | | Y: 1187661 | |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ: 9h30 - 11h00 | | Ngày: 25 tháng 3 năm 2024 | |
| 4.Người lấy mẫu | Nam + Sang | | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | | | |
| | cà sỉ dùng trực tiếp | | | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát ; gió nhẹ | | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☑ EPA Methods 1; ☑ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☑ EPA Methods 4; ☑ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | | | |
| 8.Tên thiết bị | ☑ Bộ ESC 5000; ☑ Testo 350; | | | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | HF | | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ | ☐ $CO_2$ | ☑ $SO_2$ | ☑ Lưu lượng = 1531 $m^3/h$ |
| | ☑ $NO_x$ (tính theo $NO_2$) | ☐ $NO_2$ | ☑ CO | ☐ ... |

## II. Thông tin đo mẫu

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

(tính theo $NO_2$)

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| Lần 1 | 72 | 20 | | 13 | |
| Lần 2 | 75 | 25 | | 09 | |
| Lần 3 | 77 | 24 | | 18 | |
| **Kết quả (mg/Nm$^3$)** | 85,12 | 43,24 | | 47,16 | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm$^3$; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm$^3$; $NO_2$ ppm x 1,88 = mg/Nm$^3$

| **Cán bộ lấy mẫu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Xác nhận của đơn vị yêu cầu** |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | Lâm Chánh Thi | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM: KT2 - NA

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa 02 | | | |
| 2.Tọa độ (VN-2000 AG) | X: 566046 | | Y: 1188742 | |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ: 10h05 | | Ngày: 25 tháng 3 năm 2024 | |
| 4.Người lấy mẫu | Nam + Sang | | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | | | |
| | đang hoạt động | | | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời nắng ; gió nhẹ | | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☑ EPA Methods 1; ☑ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☑ EPA Methods 4; ☑ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | | | |
| 8.Tên thiết bị | ☑ Bộ ESC 5000; ☑ Testo 350; | | | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | HF | | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ | ☐ $CO_2$ | ☑ $SO_2$ | ☑ Lưu lượng = 1475 $m^3/h$ |
| | ☑ $NO_x$ (tính theo $NO_2$) | ☐ $NO_2$ | ☑ CO | ☐ ... |

## II. Thông tin đo mẫu

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

(tính theo $NO_2$)

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| Lần 1 | 85 | 27 | | 12 | |
| Lần 2 | 80 | 25 | | 13 | |
| Lần 3 | 78 | 26 | | 13 | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | 92,34 | 48,88 | | 33,19 | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$ ppm x 1,88 = mg/Nm³

| **Cán bộ lấy mẫu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Xác nhận của đơn vị yêu cầu** |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
*Department of natural resources, environment, An Giang*
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
*Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources*
VIMCERTS 041
Địa chỉ: Số 822, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

## *ANALYSIS REPORT*

**KQ:0324203/167KK**

- **Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**
- **Địa điểm thu mẫu: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN – LAU BÓNG GẠO XK KHIÊM THANH**
- **Địa chỉ:** Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam - **Ngày thu mẫu:** 25/03/2024
- **Loại mẫu:** Khí thải.
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:**

+ Tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa 01/ **KT1-NA**

+ Tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa 02/ **KT2-NA**

- **Số lượng mẫu:** 02.
- **Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo TCVN, TQKT, PHƯƠNG PHÁP NỘI BỘ, USEPA và METHODS OF AIR SAMPLING AND ANALYSIS

- **Kết quả phân tích:**

| Vị Trí | (2)Lưu lượng ($m^3/h$) | (2)CO ($mg/Nm^3$) | (2)$NO_x$ (tính theo $NO_2$) ($mg/Nm^3$) | (2)$SO_2$ ($mg/Nm^3$) |
|---|---|---|---|---|
| **KT1-NA** | 1534 | 85,12 | 43,24 | 47,16 |
| **KT2-NA** | 1475 | 92,34 | 48,88 | 33,19 |

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
*+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
*+ Lưu lượng, CO, NOx, $SO_2$: Chỉ tiêu đo hiện trường*

An Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**Phòng Phân tích môi trường**
**P.Trưởng phòng**

**Nguyễn Tuấn Huy**

**GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Trần Hưng Thịnh**

*Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT*
*BM-06-TT-PTMT-09*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:352703/MT/122703/24

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Ngày: 05/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa 01
Kí hiệu: KT1-NA
Công trình: Nhà máy Chế biến - Lau bóng Gạo xuất khẩu Khiêm Thanh/ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An
Địa chỉ: Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 27/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được gửi dưới dạng lỏng đựng trong ống tuýp nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 27/03/2024 đến 03/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG AN GIANG**
**Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng HF | mg/Nm³ | US.EPA Method 26A | < 0,30[a] |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - [a] là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
**HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

KT. **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:362703/MT/122703/24

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Ngày: 05/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa 02
Kí hiệu: KT2-NA
Công trình: Nhà máy Chế biến - Lau bóng Gạo xuất khẩu Khiêm Thanh/ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An
Địa chỉ: Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 27/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được gửi dưới dạng lỏng đựng trong ống tuýp nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 27/03/2024 đến 03/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG AN GIANG**
**Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng HF | mg/Nm³ | US.EPA Method 26A | < 0,30[a] |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - [a] là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
**HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

KT. **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

VILAS 515

VIMCERTS 041

# BIÊN BẢN THU MẪU

Số: 269/QH/H35KK/TTQT-HĐ

- Căn cứ chức năng hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh AG
- Theo yêu cầu của: ...C.t.y...C.p...Tập đoàn...Nam...Hà.....
- Hôm nay vào lúc...7...giờ...00...phút, ngày...22...tháng...6...năm 2021

## I. CHÚNG TÔI GỒM CÓ

**1. Đại diện Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang**

- Ông (Bà):...Nguyễn...Khoa...Nam...Chức vụ:...NV.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):...Võ...Tấn...Thành.....Chức vụ:...NV.....Điện thoại:.....

**2. Thành phần giám sát**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**3. Đại diện đơn vị yêu cầu**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**4. Đại diện cơ sở**

- Ông (Bà):...Nguyễn Thành Giang.....Chức vụ:...NV.....Điện thoại:.....

## II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Địa điểm:....Nhà...máy...chế...biến...Lau...bóng...gạo...xuất...khẩu...Khánh Thạnh.....
2. Địa chỉ: ...ấp...Lạng...Hòa...2,...xã...Lạng...Hòa,...phú...Tân,...AG.....
3. Mục đích thu mẫu: .....QTMT...giai...đoạn...2.....
4. Loại hình/dạng mẫu được quy định cho từng biểu mẫu theo thứ tự như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4.1. Nước mặt/nước thải/nước ngầm:** | **NM:** ☐ | **NT:** ☒ | **NN:** ☐ |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | ..... |
| **4.2. Khí xung quanh/khí thải lò đốt :** | **KK:** ☑ | **KT:** ☑ | |
| **Số lượng mẫu :** | .....04... | .....02... | |
| **4.3. Đất/đất trầm tích (bùn) :** | **Đ:** ☐ | **TT:** ☐ | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |

Biên bản được lập thành 02 bản, kết thúc lúc...8...giờ...05...phút, ngày...22...tháng...6...năm 2021 đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

| **Đơn vị yêu cầu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Đại diện TTQT** |
|---|---|---|---|
| | | Nguyễn Thành Giang | Nguyễn Khoa Nam |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

| Loại mẫu | Phương pháp lấy mẫu | | | |
|---|---|---|---|---|
| Nước mặt | TCVN 6663-6:2008; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước thải | TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước ngầm | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | |
| Nước biển | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | |
| Đất | TCVN 7538-2:2005; TCVN 5297:1995 | | | |
| Bùn, trầm tích | TCVN 6663-15:2004; TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004 | | | |
| Chất thải rắn | TCVN 9466:2012 | | | |
| Thủy sinh | SMEWW 10200B:2017; SWEWW 10500B:2017 | | | |
| Không khí xung quanh | Đo tại hiện trường | ☐ Nhiệt độ QCVN 46:2012/BTNMT; ☐ Tiếng ồn TCVN 7878-2:2010; ☐ Độ ẩm QCVN 46:2012/BTNMT; ☐ Độ rung TCVN 6963:2001; ☐ Tốc độ gió TT-QTHT 17; | | |
| | Lấy & bảo quản mẫu | ☐ Bụi tổng TCVN 5067:1995 | ☐ Phenol | NIOSH 2546 |
| | | ☐ SO2 TCVN 5971:1995 | ☐ $C_xH_y$ | NIOSH 1500 |
| | | ☐ NO2 TCVN 6137:2009 | ☐ $CH_4$ | MASA Methods 101 |
| | | ☐ CO HDCV-QTMT- CO | ☐ Methyl Mercaptan | NIOSH 2542 |
| | | ☐ NH3 MASA Method 401 | ☐ $Cl_2$ | MASA Methods 202 |
| | | ☐ H2S MASA Method 701 | ☐ $HNO_3$ | NIOSH 7907 |
| | | ☐ HF MASA Method 809 | ☐ HCl | NIOSH 7907 |
| | | ☐ Bụi chì TCVN 5067:1995 | ☐ $H_2SO_4$ | NIOSH 7908 |
| | | ☐ Ozone MASA Method 411 | ☐ Arsen (As) | OSHA Method ID 105 |
| | | ☐ Benzen NIOSH 1501 | ☐ Cadimi (Cd) | OSHA Method ID 7048 |
| | | ☐ Toluen NIOSH 1501 | ☐ Mangan (Mn) | OSHA Method ID 121 |
| | | ☐ Xylen NIOSH 1501 | ☐ Nikel (Ni) | OSHA Method ID 121 |
| | | ☐ Styren NIOSH 1501 | ☐ Thủy ngân (Hg) | OSHA Method ID 140 |
| | | | ☐ Chrome VI ($Cr^{6+}$) | OSHA Method ID 215 |
| Khí thải | Đo tại hiện trường | ☐ Lưu lượng EPA Method 2 | ☐ $O_2$ | TT-QTHT-59 |
| | | ☐ Vị trí lấy mẫu EPA Method 1 | ☐ $CO_2$ | TT-QTHT-59 |
| | | ☐ Hàm ẩm EPA Method 4 | ☐ CO | TT-QTHT-59 |
| | | ☐ KL mol ptử khí khô EPA Method 3 | ☐ $NO_x$ ($NO+NO_2$) | TT-QTHT-59 |
| | | | ☐ $SO_2$ | TT-QTHT-59 |
| | Lấy & bảo quản | ☐ Bụi tổng EPA Method 5 | ☐ Đồng (Cu) | EPA Method 29 |
| | | ☐ Cadimi (Cd) EPA Method 29 | ☐ Kẽm (Zn) | EPA Method 29 |
| | | ☐ Chì (Pb) EPA Method 29 | ☐ $H_2SO_4$ | EPA Method 8 |
| | | ☐ Arsen (As) EPA Method 29 | ☐ HF | EPA Method 26A |
| | | ☐ Thủy ngân (Hg) EPA Method 29 | ☐ HCl | EPA Method 26A |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM:...KT1-NA

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Đầu ra cyclon của lò thùng sấy lúa | | | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: 560017 | Y: 1188661 | | |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ: 7h00 | Ngày: 27 tháng 6 năm 2021 | | |
| 4.Người lấy mẫu | Nam - Thắm | | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | | | |
| | cùng đang hoạt động | | | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát ; gió nhẹ | | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☑ EPA Methods 1; ☑ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☑ EPA Methods 4; ☑ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | | | |
| 8.Tên thiết bị | ☑ Bộ ESC 5000; ☑ Testo 350; | | | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | HF | | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ | ☐ $CO_2$ | ☑ $SO_2$ | ☐ ... |
| | ☑ $NO_x$ (Thử theo $NO_2$) | ☐ $NO_2$ | ☑ CO | ☑ Lưu lượng = 1531 m³/h |

## II. Thông tin đo mẫu

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | Vm = 0,873 | | | |
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

(Chỉ thu $NO_2$)

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| Lần 1 | 9 | 15 | | 11 | |
| Lần 2 | 8 | 14 | | 9 | |
| Lần 3 | 7 | 16 | | 10 | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | 9.12 | 28.2 | | 26.2 | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³ ; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| **Cán bộ lấy mẫu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Xác nhận của đơn vị yêu cầu** |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM:.....KT2..... NA

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Ống xả cuối của hệ thống xử lý khí | | | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: 560045 | Y: 1188742 | | |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ: 9h20 | Ngày: 22 tháng 6 năm 2021 | | |
| 4.Người lấy mẫu | Nam + Thắng | | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | | | |
| | có sử dụng than đá | | | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát, trời nắng | | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☑EPA Methods 1; ☑EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☑EPA Methods 4; ☑ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☑ EPA Methods 8; | | | |
| 8.Tên thiết bị | ☑Bộ ESC 5000; ☑Testo 350; | | | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | +/- | | | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ | ☐ $CO_2$ | ☑ $SO_2$ | ☐ ... |
| | ☑ $NO_x$ (Tính theo $NO_2$) | ☐ $NO_2$ | ☑ CO | ☑ Lưu lượng = 1,44 m³/h |

## II. Thông tin đo mẫu

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: Vm = 0,68 | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

(Tính theo $NO_2$)

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| Lần 1 | 11 | 16 | | 11 | |
| Lần 2 | 11 | 19 | | 13 | |
| Lần 3 | 12 | 16 | | 10 | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | 13,68 | 31,96 | | 29,69 | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³ ; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| **Cán bộ lấy mẫu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Xác nhận của đơn vị yêu cầu** |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KK

## 1. Thông tin mẫu:

**KHÔNG KHÍ XUNG QUANH/KHM:** KK-NA

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tại nhà dân gần nhất | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: 560019 | Y: 1188808 |
| 3.Thời gian thu mẫu | 7 giờ: 00 phút | Ngày: 27 tháng 6 năm 2024 |
| 4.Người lấy mẫu | Nam Thắm | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu (Nguồn tác động như dòng xe qua lại, bụi, hướng gió,….) | Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: có sử dụng hoạt động của xe qua lại nhiều | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát ráo | |
| 7.Tên thiết bị | ☑ Bơm HI-Q; ☐ Bơm Sigma 500/Sibata; ☑ Bơm AP Buck | |
| 8.Vật liệu thu mẫu | ☑ Bình hấp thu thủy tinh (dung tích 30ml); ☐ Ống xốp thủy tinh; ☑ Cái lọc bụi (sợi thủy tinh); ☑ Ống nối PVC 8mm; ☑ Giá đỡ; ☐ khác…… | |

9. Chỉ tiêu đo hiện trường

| Tên thiết bị | T° (°C) | P (hPA) | Ồn (dBA) | Rung (dB) | Ẩm độ (%) | Tốc độ gió (m/s) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Quest | 32.1 | 1002.2 | 11 - 65,4 | | | |
| | | | 12 - 65,8 | | | |
| | | | 13 - 65,7 | | | |

Tb: 65,8

## 2.Thông tin thu & bảo quản mẫu

| Chỉ tiêu phân tích | $T_{bắt đầu}$ | $T_{kết thúc}$ | Lưu lượng (lít/phút) | Vật liệu thu mẫu | $V_{không khí}$ (lít) | Bảo quản mẫu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ☐ Bụi chì; ☑ Tổng bụi lơ lửng (TSP); | 7h00 | 8h00 | 600 | Giấy lọc | 36000 | Túi bảo quản |
| ☑ $NO_2$; ☑ $SO_2$; ☐ $NH_3$; ☐ $H_2S$; ☐ HF ; ☐……; ☐ $O_3$ ; ☐…..; | 8h00 | 8h00 | 0,5 | 10mL | 30 | Lạnh |
| ☑ CO | 8h00 | 8h00 | - | 5ml $PdCl_2$ | 1 | Lạnh |
| ☐ Benzen; ☐ Toluen; ☐ Styren; ☐ Xylen; | …… | …… | 0,2 | Coconut | 6 | Lạnh |
| ☐ Phenol; ☐……; ☐……; | …… …… | …… …… | 0,1 …… | XAD-7 …… | …… …… | …… …… |

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| Nguyễn Khoa Nam | | Nguyễn Thanh Giang | |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
*Department of natural resources, environment, An Giang*
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
*Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources*
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 822, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

## *ANALYSIS REPORT*

KQ:0624534/435KK

- **Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**
- **Địa điểm thu mẫu: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN – LAU BÓNG GẠO XK KHIÊM THANH**
- **Địa chỉ:** Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam - **Ngày thu mẫu:** 27/06/2024
- **Loại mẫu:** Khí thải.
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:**

+ Đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa/ **KT1-NA**

+ Đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa/ **KT2-NA**

- **Số lượng mẫu:** 02.
- **Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo TCVN, TQKT, PHƯƠNG PHÁP NỘI BỘ, USEPA và METHODS OF AIR SAMPLING AND ANALYSIS

- **Kết quả phân tích:**

| Vị Trí | (2)Lưu lượng ($m^3/h$) | (2)CO ($mg/Nm^3$) | (2)$NO_x$ (tính theo $NO_2$) ($mg/Nm^3$) | (2)$SO_2$ ($mg/Nm^3$) |
|---|---|---|---|---|
| **KT1-NA** | 1531 | 9,12 | 28,20 | 26,20 |
| **KT2-NA** | 1477 | 13,68 | 31,96 | 29,69 |

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
*+ (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
*+ Lưu lượng, CO, NOx, $SO_2$: Chỉ tiêu đo hiện trường*

An Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2024

**Phòng Phân tích môi trường**
**P.Trưởng phòng**

**Nguyễn Tuấn Huy**

**GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Trần Hưng Thịnh**

*Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT*
*BM-06-TT-PTMT-09*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:180107/MT/020107/24

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

Ngày: 10/07/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải tại đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa
Kí hiệu: KT2-NA
Công trình: Nhà máy Chế biến - Lau bóng gạo Xuất khẩu Khiêm Thanh/ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An
Địa chỉ: Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 01/07/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được gửi dưới dạng lỏng đựng trong ống tuýp nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 01/07/2024 đến 08/07/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG AN GIANG**
**Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng HF | mg/Nm³ | US.EPA Method 26A | < 0,30(a) |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
**HÓA SINH**

Phạm Văn Tú

KT. **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
*Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# TEST REPORT

Số:170107/MT/020107/24

Ngày: 10/07/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải đầu ra cyclone của hệ thống sấy lúa
Kí hiệu: KT1-NA
Công trình: Nhà máy Chế biến - Lau bóng gạo Xuất khẩu Khiêm Thanh/ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An
Địa chỉ: Xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 01/07/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được gửi dưới dạng lỏng đựng trong ống tuýp nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 01/07/2024 đến 08/07/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG AN GIANG**
**Số 822 đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang**
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàm lượng HF | mg/Nm³ | US.EPA Method 26A | < 0,30[(a)] |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - [(a)] là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM HÓA SINH**

Phạm Văn Tố

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến. *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng *Name of sample and client are reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH). *This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
*Department of natural resources, environment, An Giang*
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
*Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources*
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 822, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

## *ANALYSIS REPORT*

KQ:0624533/435KK

- **Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**
- **Địa điểm thu mẫu: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN – LAU BÓNG GẠO XK KHIÊM THANH**
- **Địa chỉ:** Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam **- Ngày thu mẫu:** 27/06/2024
- **Loại mẫu:** Không khí
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại nhà dân gần nhất/ **KK-NA**
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**
  + Phương pháp lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo TCVN, PHƯƠNG PHÁP NỘI BỘ và METHODS OF AIR SAMPLING AND ANALYSIS.
  + Tiếng ồn: Máy đo cầm tay NL53EX/RION.
- **Kết quả phân tích:**

| Vị Trí | (2) Tiếng ồn (dBA) | (2)Tổng bụi lơ lửng ($\mu g/Nm^3$) | (2)CO ($\mu g/Nm^3$) | (2)$NO_2$ ($\mu g/Nm^3$) | (2)$SO_2$ ($\mu g/Nm^3$) |
|---|---|---|---|---|---|
| KK-NA | 65,8 | 75,9 | 7330 | 73,4 | 82,5 |

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
*+ (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
*+ Tiếng ồn: Chỉ tiêu đo hiện trường.*

An Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2024

| Phòng Phân tích môi trường<br>P.Trưởng phòng | GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| Nguyễn Tuấn Huy | Trần Hưng Thịnh |

*Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT*
*BM-06-TT-PTMT-09*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

VILAS 515

VIMCERTS 041

# BIÊN BẢN THU MẪU

Số: 583/24/889KK./TTQT-HĐ

- Căn cứ chức năng hoạt động của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh AG
- Theo yêu cầu của: ...Cây t.y...C.P...Tập đoàn...Nam An.....
- Hôm nay vào lúc...8..giờ 00 phút, ngày..6..tháng 12 năm 2024

## I. CHÚNG TÔI GỒM CÓ

**1. Đại diện Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang**

- Ông (Bà):...Lê Tấn Thuật.....Chức vụ:..N.V.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):...Lê Tấn Thuận.....Chức vụ:..N.V.....Điện thoại:.....

**2. Thành phần giám sát**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....
- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**3. Đại diện đơn vị yêu cầu**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

**4. Đại diện cơ sở**

- Ông (Bà):.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

## II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Địa điểm:.....Nhà máy chế biến Lan bổ gạo Quốc Thắng.....
.....Thoại Sơn.....
2. Địa chỉ: ...ấp Long Thạnh 2,...xã Long Thạnh,..p.hủ Tân,..AG.....
3. Mục đích thu mẫu: .....Định kỳ quý 4/2024.....
4. Loại hình/dạng mẫu được quy định cho từng biểu mẫu theo thứ tự như sau:

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4.1. Nước mặt/nước thải/nước ngầm:** | **NM:** ☐ | **NT:** ☐ | **NN:** ☐ |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | ..... |
| **4.2. Khí xung quanh/khí thải lò đốt :** | **KK:** ☐ | **KT:** ☐ | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |
| **4.3. Đất/đất trầm tích (bùn) :** | **Đ:** ☐ | **TT:** ☐ | |
| **Số lượng mẫu :** | ..... | ..... | |

Biên bản được lập thành 02 bản, kết thúc lúc...9..giờ..30..phút, ngày..6..tháng 12 năm 2024 đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

| **Đơn vị yêu cầu** | **Giám sát** | **Đại diện cơ sở** | **Đại diện TTQT** |
|---|---|---|---|
| | | Trần Anh Phương | Lê Tấn Thuật |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

| Loại mẫu | Phương pháp lấy mẫu | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nước mặt** | TCVN 6663-6:2008; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011 | | | | |
| **Nước thải** | TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011 | | | | |
| **Nước ngầm** | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | | |
| **Nước biển** | TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-1:2008; TCVN 8880:2011 | | | | |
| **Đất** | TCVN 7538-2:2005; TCVN 5297:1995 | | | | |
| **Bùn, trầm tích** | TCVN 6663-15:2004; TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004 | | | | |
| **Chất thải rắn** | TCVN 9466:2012 | | | | |
| **Thủy sinh** | SMEWW 10200B:2017; SWEWW 10500B:2017 | | | | |
| **Không khí xung quanh** | Đo tại hiện trường | ☐ Nhiệt độ<br>☐ Độ ẩm<br>☐ Tốc độ gió | QCVN 46:2012/BTNMT;<br>QCVN 46:2012/BTNMT;<br>TT-QTHT 17; | ☐ Tiếng ồn<br>☐ Độ rung | TCVN 7878-2:2010;<br>TCVN 6963:2001; |
| | Lấy & bảo quản mẫu | ☐ Bụi tổng<br>☐ SO2<br>☐ NO2<br>☐ CO<br>☐ NH3<br>☐ H2S<br>☐ HF<br>☐ Bụi chì<br>☐ Ozone<br>☐ Benzen<br>☐ Toluen<br>☐ Xylen<br>☐ Styren | TCVN 5067:1995<br>TCVN 5971:1995<br>TCVN 6137:2009<br>HDCV-QTMT- CO<br>MASA Method 401<br>MASA Method 701<br>MASA Method 809<br>TCVN 5067:1995<br>MASA Method 411<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501<br>NIOSH 1501 | ☐ Phenol<br>☐ $C_xH_y$<br>☐ $CH_4$<br>☐ Methyl Mercaptan<br>☐ $Cl_2$<br>☐ $HNO_3$<br>☐ HCl<br>☐ $H_2SO_4$<br>☐ Arsen (As)<br>☐ Cadimi (Cd)<br>☐ Mangan (Mn)<br>☐ Nikel (Ni)<br>☐ Thủy ngân (Hg)<br>☐ Chrome VI ($Cr^{6+}$) | NIOSH 2546<br>NIOSH 1500<br>MASA Methods 101<br>NIOSH 2542<br>MASA Methods 202<br>NIOSH 7907<br>NIOSH 7907<br>NIOSH 7908<br>OSHA Method ID 105<br>OSHA Method ID 7048<br>OSHA Method ID 121<br>OSHA Method ID 121<br>OSHA Method ID 140<br>OSHA Method ID 215 |
| **Khí thải** | Đo tại hiện trường | ☐ Lưu lượng<br>☐ Vị trí lấy mẫu<br>☐ Hàm ẩm<br>☐ KL mol ptử khí khô | EPA Method 2<br>EPA Method 1<br>EPA Method 4<br>EPA Method 3 | ☐ $O_2$<br>☐ $CO_2$<br>☐ CO<br>☐ $NO_x$ ($NO+NO_2$)<br>☐ $SO_2$ | TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59<br>TT-QTHT-59 |
| | Lấy & bảo quản | ☐ Bụi tổng<br>☐ Cadimi (Cd)<br>☐ Chì (Pb)<br>☐ Arsen (As)<br>☐ Thủy ngân (Hg) | EPA Method 5<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 29 | ☐ Đồng (Cu)<br>☐ Kẽm (Zn)<br>☐ $H_2SO_4$<br>☐ HF<br>☐ HCl | EPA Method 29<br>EPA Method 29<br>EPA Method 8<br>EPA Method 26A<br>EPA Method 26A |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534 KK

## 1. Thông tin mẫu: KHÔNG KHÍ XUNG QUANH/KHM: ..KK-NA.....

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Tại nhà dân gần nhất | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: 560014 | Y: 1188808 |
| 3.Thời gian thu mẫu | .....8.....giờ: ..00....phút | Ngày: 6 tháng 12 năm 2024 |
| 4.Người lấy mẫu | .....T. Thanh. P. Khoa..... | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu (Nguồn tác động như dòng xe qua lại, bụi, hướng gió,....) | Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: Xe qua lại nhiều | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | Trời mát, gió nhẹ | |
| 7.Tên thiết bị | ☑ Bơm HI-Q; ☑ Bơm AP Buck | |
| 8.Vật liệu thu mẫu | ☑ Bình hấp thu thủy tinh (dung tích 30ml); ☑ Ống xốp thủy tinh; ☑ Cái lọc bụi (sợi thủy tinh); ☑ Ống nối PVC 8mm; ☑ Giá đỡ; ☐ khác..... | |

9. Chỉ tiêu đo hiện trường

| Tên thiết bị | T° (°C) | P (hPA) | Ồn (dBA) | Rung (dB) | Ẩm độ (%) | Tốc độ gió (m/s) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Testo 622 | | | L1: 64,2 | | | |
| Sper Scientific | | | L2: 68,4 | | | |
| HAV Pro | | | L3: 69,0 | | | |
| NL-53EX/RION | | | 68,6 | | | |

## 2.Thông tin thu & bảo quản mẫu

| Chỉ tiêu phân tích | $T_{bắt đầu}$ | $T_{kết thúc}$ | Lưu lượng (lít/phút) | Vật liệu thu mẫu | $V_{không khí}$ (lít) | Bảo quản mẫu |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ☐ Bụi chì; ☑ Tổng bụi lơ lửng (TSP) | ..... | ..... | 600 | Giấy lọc | 36000 | ..... |
| ☑ $NO_2$; ☑ $SO_2$; ☐ $NH_3$; ☐ $H_2S$; ☐ HF ; ☐.....; ☐ $O_3$ ; ☐.....; | ..... | ..... | 0,5 | 10ml | 30 | L |
| ☑ CO | ..... | ..... | 0,5 | 1ml $PdCl_2$ 1‰ | 0.5L | L |
| ☐.....; ☐.....; | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| ☐.....; ☐.....; | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM: KT9-NA

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Đầu ra Cyclon của lò Hoàng Nữ Lúa | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: | Y: |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ:..... | Ngày:.....tháng... năm 20.. |
| 4.Người lấy mẫu | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☐ EPA Methods 1; ☐ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☐ EPA Methods 4; ☐ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | |
| 8.Tên thiết bị | ☐ Bộ ESC 5000; ☐ Testo 350; | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | HP | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ ☐ $CO_2$ ☑ $SO_2$ ☐ ... | |
| | ☑ $NO_x$ ☐ $NO_2$ ☑ CO ☑ Lưu lượng | |

## II. Thông tin đo mẫu (Chưa thu mẫu)

| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | | | | | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³ ; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang phía sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
ĐC: 822 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 02963.955.002/02963.955.008; Fax: 02963.857.534

KT

## I. Thông tin mẫu: KHÍ THẢI/KHM: KT2-NA

| | | |
|---|---|---|
| 1.Vị trí thu mẫu (Nêu cụ thể tại nơi lấy mẫu) | Trần m cylon của lò thuỷ tinh | |
| 2.Tọa độ (VN-2000) | X: | Y: |
| 3.Thời gian thu mẫu | Giờ:..... | Ngày: 6 tháng 11 năm 2024 |
| 4.Người lấy mẫu | | |
| 5.Đặc điểm nơi thu mẫu | Loại hình sản xuất/Khâu/công đoạn/khu vực phát sinh nguồn thải chính: | |
| 6.Đặc điểm thời tiết (Mây, mưa, nắng, gió) | | |
| 7.Phương pháp lấy & bảo quản mẫu | ☐ EPA Methods 1; ☐ EPA Methods 2; ☐ EPA Methods 3; ☐ EPA Methods 4; ☐ EPA Methods 5; ☐ TT-QTHT 60 ; EPA Methods 26A; EPA Methods 29; ☐ EPA Methods 8; | |
| 8.Tên thiết bị | ☐ Bộ ESC 5000; ☐ Testo 350; | |
| 9. Chỉ tiêu phân tích | HP | |
| 10. Chỉ tiêu hiện trường | ☐ $O_2$ ☐ $CO_2$ ☑ $SO_2$ ☐ ... | |
| | ☑ $NO_x$ ☐ $NO_2$ ☑ CO ☑ Lưu lượng | |

## II. Thông tin đo mẫu (Tính Huyền)

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thông tin khí chuẩn | Hạn sử dụng: | | | | | |
| Kiểm tra giá trị khí chuẩn | $NO_2$ | | $SO_2$ | | CO | |
| | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) | Chuẩn (ppm) | GT đo (ppm) |
| | | | | | | |

## Kết quả đo

| Thời gian đo | CO ppm | $NO_x$ ppm | $NO_2$ppm | $SO_2$ ppm | $O_2$% |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| **Kết quả (mg/Nm³)** | | | | | |

Công thức chuyển đổi: CO: ppm x 1,14 = mg/Nm³ ; $SO_2$: ppm x 2,62 = mg/Nm³; $NO_2$: ppm x 1,88 = mg/Nm³

| Cán bộ lấy mẫu | Giám sát | Đại diện cơ sở | Xác nhận của đơn vị yêu cầu |
|---|---|---|---|
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú: Mỗi vị trí lấy mẫu được mô tả bằng nhật ký hiện trường tại thời điểm lấy mẫu ở trang sau tương ứng với từng loại mẫu*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
*Department of natural resources, environment, An Giang*
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
*Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources*
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

## *ANALYSIS REPORT*

KQ:12241131/889KK

- **Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN**
- **Địa điểm thu mẫu: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN – LAU BÓNG GẠO XK KHIÊM THANH**
- **Địa chỉ:** Tỉnh lộ 954, ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Võ Tấn Thành **- Ngày thu mẫu:** 06/12/2024
- **Loại mẫu:** Không khí
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại nhà dân gần nhất/ KK-NA
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

+ Phương pháp lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu theo TCVN, PHƯƠNG PHÁP NỘI BỘ và METHODS OF AIR SAMPLING AND ANALYSIS.

+ Tiếng ồn: Máy đo cầm tay NL53EX/RION.

- **Kết quả phân tích:**

| Vị Trí | (2) Tiếng ồn (dBA) | (2)Tổng bụi lơ lửng ($\mu g/Nm^3$) | (2)CO ($\mu g/Nm^3$) | (2)$NO_2$ ($\mu g/Nm^3$) | (2)$SO_2$ ($\mu g/Nm^3$) |
|---|---|---|---|---|---|
| KK-NA | 68,6 | 93,0 | 8201 | 81,9 | 101,3 |

** Ghi chú: + (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
*+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;*
*+ Tiếng ồn: Chỉ tiêu đo hiện trường.*

An Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2024

**Phòng Phân tích môi trường**
**P.Trưởng phòng**

**Nguyễn Tuấn Huy**

**GIÁM ĐỐC**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Trần Hưng Thịnh**

*Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT*
*BM-06-TT-PTMT-09*

# PHỤ LỤC III

# BẢN SAO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THÀNH PHẦN CỦA CƠ SỞ

| | |
|---|---|
| UBND TỈNH AN GIANG<br>**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 366 /QĐ-STNMT | *An Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2017* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến – lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh**

## GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh ngày 13 tháng 9 năm 2016;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh đã được hoàn chỉnh gửi kèm Công văn số 59/CV-2017 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Công ty TNHH Khiêm Thanh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây được gọi là Đề án) của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH Khiêm Thanh (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung sau đây:

1. Vị trí, quy mô, công suất hoạt động:

1.1. Vị trí Cơ sở: Ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

1.2. Quy mô/công suất hoạt động của Cơ sở:

- Loại hình: Chế biến nông sản (sấy lúa, xát trắng, lau bóng gạo).

- Quy mô: 98.000 tấn sản phẩm/năm (gạo trắng) gồm các dây chuyền sau:

+ 01 hệ thống sấy tháp: Công suất 150 tấn nguyên liệu/ngày (10 tháp sấy với), tương đương 13.500 tấn lúa/năm.

+ 01 dây chuyền xay xát: Công suất 11.700 tấn sản phẩm/năm.

+ 01 dây chuyền lau bóng: Công 98.000 tấn sản phẩm/năm (gạo trắng).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Xây dựng kho chứa trấu; Che chắn và bố trí ống dẫn trấu tại khu vực xuống trấu: Thời gian hoàn thành quý III năm 2017.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại, kho phế liệu: Thời gian hoàn thành quý III năm 2017.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo về kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.5. Thực hiện trách nhiệm của Chủ cơ sở theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong suốt quá trình hoạt động Chủ cơ sở phải thực hiện:

- Trang bị đầy đủ bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp để lưu giữ chất thải phát sinh. Tổ chức thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu. Các loại chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom quản lý và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các dây chuyền sản xuất, quá trình nhập nguyên liệu, xuất sản phẩm, vận chuyển trấu xuống ghe, máy phát điện không để khí thải, bụi phát tán ra ngoài phạm vi cơ sở, tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Vận hành thường xuyên, liên tục các công trình xử lý đảm bảo nguồn thải sau xử lý đạt Quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

- Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung Đề án và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; Có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có Công văn báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có Công văn chấp thuận.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Tân phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và các yêu cầu tại Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Chủ cơ sở;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện Phú Tân;
- Phòng TN & MT huyện Phú Tân;
- UBND xã Long Hòa;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

UBND TỈNH AN GIANG
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 914 /QĐ-STNMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2019*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc điều chỉnh Chủ cơ sở Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường**

## GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh;

Xét Công văn số 24/2019/CV ngày 29/5/2019 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam An về việc giải trình nhựng nội dung điều chỉnh đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Chủ cơ sở trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến - lau bóng gạo xuất khẩu Khiêm Thanh của Công ty TNHH Khiêm Thanh được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Chủ cơ sở cũ: Công ty TNHH Khiêm Thanh.

2. Chủ cơ sở mới: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam An.

**Điều 2.** Các nội dung còn lại Chủ cơ sở mới được nêu tại Điều 1 của Quyết định này phải tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ theo yêu cầu của Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đi kèm với Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Tân, Chủ cơ sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Cty CP Tập Đoàn Nam An;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Phòng TN&MT huyện Phú Tân;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

**Trần Đặng Đức**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN PHÚ TÂN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 914 /QĐ-UBND | *Phú Tân, ngày 11 tháng 03 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Xét Đơn và hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa của Công ty Cổ phần TCO AGRI;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Phú Tân.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa Công ty Cổ phần TCO AGRI.

Tại vị trí có tọa độ Điểm A (1.188.719,7; 560.080,0) dọc theo bờ đến Điểm B (1.188.651,6; 506.004,2); chiều dài bến: 101,9 mét, chiều rộng bến: 20,0 mét.

Từ km thứ 12+950 đến km thứ 13+056.

Trên bờ phải sông Cái Vừng.

Thuộc địa phận: xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Của Công ty Cổ phần TCO AGRI.

Địa chỉ: ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Loại bến: xếp dỡ lương thực (lúa, gạo, tấm, cám, trấu).

Vùng đất của bến: Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT17899, CT17900 và CT17901 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 28/03/2019.

Kết cấu công trình bến: sàn bê tông, mái tol và băng tải.

Được phép tiếp nhận phương tiện có tải trọng 800 tấn.

Vùng nước của bến theo bình đồ vùng nước bến do Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì

đường thủy nội địa số 13 thực hiện ngày 20 tháng 10 năm 2016.

Thiết bị xếp, dỡ: băng tải.

**Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Công ty Cổ phần TCO AGRI có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng theo nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Ủy ban nhân dân xã Long Hòa tổ chức quản lý bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 03 năm 2026. Đồng thời, thay thế Quyết định số 49/QĐ-SGTVT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện, Chủ tịch UBND xã Long Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và ông Phạm Anh Tuấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng An Giang;
- Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV;
- Cảng vụ ĐTNĐ An Giang;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- UBND xã Long Hòa;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Bảo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Tại: Ủy ban nhân dân xã Long Hòa.

**I. Thành phần gồm có:**

**1. Đại diện UBND huyện và cơ quan chuyên môn:**

- Ông Nguyễn Quốc Bảo -- Chức vụ: PCT. UBND huyện Phú Tân.
- Ông Trịnh Duy Lam – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng UBND huyện.
- Ông Dương Hoài Phong – Chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và MT.
- Ông Trần Văn Ruộng – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và MT.

**2. Đại diện Đảng ủy và UBND xã Long Hòa:**

- Ông Lâm Thành Pha – Chức vụ: Bí thư Đảng ủy xã Long Hòa.
- Bà Nhan Thị Ngọc Minh – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Long Hòa.

**3. Đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An:**

- Ông Nguyễn Minh Khoa – Chức vụ: Giám đốc.

**II. Nội dung:**

Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cùng với Phòng Nông Nghiệp và Môi trường, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Long Hòa làm việc với Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An để trao đổi, xử lý các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty.

Theo phản ánh của các hộ dân xung quanh khu vực Công ty và phản ánh trên mạng xã hội đã phản ánh Công ty hoạt động phát sinh bụi ra môi trường xung quanh ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân thì Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Công an huyện, UBND xã Long Hòa kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty, qua kiểm tra nhiều lần thì đoàn kiểm tra đã phát hiện khi Công ty hoạt động phát sinh ra môi trường xung quanh, qua đó đã yêu cầu Công ty khắc phục vấn đề này nhưng đến thời điểm hiện nay thì Công ty chưa khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế mà đoàn kiểm tra đã yêu cầu (lập lại Giấy phép môi trường, khắc phục bụi phát sinh ra môi trường xung quanh từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trầu), hiện nay Công ty đang hoạt động còn phát sinh bụi rất nhiều ra môi trường xung quanh. Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra hôm nay đoàn kiểm tra đã phát hiện nước xử lý bụi thải trực tiếp xuống sông Cái Vừng chưa qua hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định.

**- Ý kiến của Đảng ủy, UBND xã Long Hòa:** Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã Long Hòa góp phần phát

triển kinh tế, xã hội và tạo việc làm cho người dân tại địa phương. Tuy nhiên, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phải khắc phục các tồn tại, hạn chế để đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường để không ảnh hưởng đến các hộ dân khu vực xung quanh, đăng ký lập Giấy phép môi trường theo đúng thời gian như đã cam kết.

**- Ý kiến của Phòng Nông nghiệp và Môi trường:** Theo phản ánh của các hộ dân thì Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND xã Long Hòa kiểm tra nhiều lần đối với Công ty, yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, hạn chế như phát sinh bụi từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu tuy nhiên đến nay thì Công ty có khắc phục vẫn chưa triệt để, hoạt động còn phát sinh bụi ra môi trường, đồng thời phát hiện nước xử lý bụi thải trực tiếp xuống sông Cái Vừng chưa qua hệ thống xử lý nước thải và đến thời điểm hiện nay thì Công ty chưa lập lại Giấy phép môi trường theo quy định.

**- Ý kiến của Văn phòng HĐND và UBND huyện:** Căn cứ theo kết quả kiểm tra, ý kiến của Công ty, trách nhiệm ghi nhận và báo cáo lại Thường trực UBND huyện. Đồng thời, đề nghị Công ty khắc phục ngay việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh để không ảnh hưởng đến người dân và đăng ký lập lại Giấy phép môi trường theo quy định.

**- Ý kiến của Công ty Cổ phần tập đoàn Nam An:** Công ty thừa nhận hiện nay đang Công ty hoạt động có phát sinh bụi ra môi trường xung quanh, nước thải từ hệ thống hút bụi có thải trực xuống sông Cái Vừng và chưa lập lại Giấy phép môi trường theo quy định. Đối với các tồn tại, hạn chế này thì Công ty cũng đang tiếp tục khắc phục nhưng chưa triệt để. Do đó, để đảm bảo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định thì Công ty sẽ tiếp tục khắc phục ngay các vấn đề bụi phát sinh trong thời gian 02 tuần, đăng ký với đơn vị tư vấn lập lại Giấy phép môi trường theo đúng quy định trong thời gian 01 tuần và khắc phục ngay nước thải từ hệ thống xử lý bụi, cam kết không thải trực tiếp ra môi trường.

**- Ý kiến kết luận của ông Nguyễn Quốc Bảo - PCT. UBND huyện:**

Qua khảo sát việc thực hiện theo yêu cầu của các đợt kiểm tra trước; Đoàn kiểm tra ghi nhận Công ty có khắc phục nhưng chưa triệt để đến nay vẫn còn những tồn tại như sau: Công ty hoạt động còn phát sinh bụi ra môi trường xung quanh từ hệ thống nhà máy xay xát, lò sấy, khu vực xuống trấu, nước thải xử lý bụi thải trực tiếp ra môi trường và chưa có Giấy phép môi trường được phê duyệt theo quy định, từ các tồn tại, hạn chế này thì Công ty hoạt động chưa đảm bảo theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty phải khắc phục ngay việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh chậm nhất đến ngày 03/4/2025 và đăng ký lập lại Giấy phép môi trường với đơn vị có chức năng chậm nhất đến ngày 25/3/2025. Ngưng ngay việc xả nước thải trực tiếp xuống sông Cái Vừng và khắc phục việc phát sinh bụi từ khâu vận chuyển trấu xuống ghe.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, ý kiến của địa phương, Công ty thì đoàn kiểm tra sẽ ghi nhận và tổng hợp báo cáo Thường trực UBND huyện xem xét cho ý kiến xử lý.

Giao UBND xã Long Hòa tiếp tục quan tâm, nắm bắt tình hình dư luận của người dân trong khu vực này, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát sát sao việc khắc phục của Công ty và báo cáo kịp thời về Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND xã Long Hòa tiếp tục thường xuyên kiểm tra, giám sát việc khắc phục của Công ty như theo cam kết và báo cáo kịp thời về UBND huyện.

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, nội dung biên bản được thông qua và thống nhất ký tên./.

| **UBND xã Long Hòa** | **Thành phần tham dự** | **Người lập biên bản** |
|---|---|---|
| PHÓ CHỦ TỊCH | | |
| Khan Thị Ngọc Minh | | |
| Đại diện Công Ty | | |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM AN | | |
| Nguyễn Minh Khoa | | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Bảo**

UBND HUYỆN PHÚ TÂN
**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN KIỂM TRA

Hôm nay, vào lúc ..08.. giờ ..30.. phút, ngày ..16.... tháng ..4.... năm 2024

Tại: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An thuộc ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, An Giang

**I. Thành phần chúng tôi gồm:**

1. Ông (bà): Trần Văn Hưng.. Chức vụ: Chuyên viên Phòng TN và MT
2. Ông (bà): Võ Đăng Khoa.... Chức vụ: Cán bộ địa chính CA huyện
3. Ông (bà): Hà Văn Ngà..... Chức vụ: Các xã Long Hòa
4. Ông (bà): Phan Chí Tâm.... Chức vụ: Trưởng ấp Long Hòa 2
5. Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

*** Đại diện đơn vị được kiểm tra:** Ông Nguyễn Minh Khoa Chức vụ: Trưởng Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An

**II. Nội dung kiểm tra:**

Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực tế ngày 04/3/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An tại ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa phát hiện hoạt động khai thác đất trái phép của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã lập biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An, UBND xã Long Hòa để làm rõ hành vi vi phạm và thực tế khai thác đất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An, kết quả như sau:

1. Về thủ tục pháp lý liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602084376 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp

ngày 28/12/2022 (đây là thay đổi lần thứ 1).

Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của nhà máy chế biến lau bàng gạo xuất khẩu Kiên Thanh.

Quyết định số 914/QĐ-STNMT ngày 04/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh, chỉnh sửa đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-STNMT ngày 26/4/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 nhà máy chế biến lau bàng gạo xuất khẩu Kiên Thanh.

2) Nội dung điều chỉnh so với trước:

- Tại thời điểm điều chỉnh nhà máy xây xong, lau bàng lau bông và lá thường là sẽ gồm 12 lò sấy chuồng treo với công suất 30 tấn/mẻ và 04 tháp xây với công suất 250 tấn/ngày tháp, đồng thời đồng có phát sinh bụi tại các lò và phát tán ra môi trường xung quanh.
- Nguyên nhân phát sinh bụi là từ các tháp xây của hàng bị hư thường xuyên bụi nên khi hoạt động đã phát sinh bụi ra môi trường xung quanh.
- Dây truyền xay xát, lau bàng và lá sấy chuồng treo có hàng bị hư thường xuyên bụi và phát sinh.
- Chất phát sinh trong quá trình xay xát thì gồm vỏ trấu và bã là bánh mỳ.
- Bụi phát sinh từ hư thường xay xát, lau bàng, lá sấy chuồng treo đang thu gom vào bao chứa để bán ra bên ngoài.
- Rác thải sinh hoạt đang lấy thu

gian mới xử phạt mà không để tái phạm phát tán.

Nhắc nhở chủ tịch phải sinh viên thực hiện đúng xử lý bảng hàm tới trước.

Đề nghị bảo vệ môi trường được phê duyệt năm 2017 không đúng, không đầy đủ thủ tục thẩm định đánh giá tác động môi trường

3) Yêu cầu của đoàn kiểm tra

Công ty lập lại thủ tục môi trường theo đúng luật bảo vệ môi trường và quy định pháp luật và bảo vệ môi trường trong thời gian 30 ngày.

Yêu cầu Công ty khắc phục việc phát sinh bụi từ hệ thống thắp xáy, thời gian thực hiện là 10 ngày kể từ ngày 16/4/2024 Trong thời gian khắc phục này công ty cần có biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh ra môi trường xung quanh.

4) Ý kiến của Công ty

Thống nhất theo nội dung biên bản và yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Hiện nay, do đang vào mùa vụ công ty hoạt động liên tục nên việc lắp đặt hệ thống lọc bụi từ thắp xáy đang gặp khó khăn, công ty đang lắp đặt hệ thống lọc bụi thắp xáy và cam kết thực hiện đúng thời gian theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Biên bản lập xong lúc .10. giờ .00. phút cùng ngày, được lập thành .04.. bản có nội dung như nhau, đọc lại cho tất cả cùng nghe và thống nhất ký tên./.

| Đại diện đơn vị được kiểm tra | Thành phần tham dự | Người lập biên bản |
|---|---|---|
| Nguyễn Minh Khoa | Võ Đăng Khoa<br>Hồ Văn Nga | Trần Văn Thương<br>Phạm Chí Tâm |

PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Đình Hiệp

# PHỤ LỤC IV
# HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHỤ PHẨM CỦA CƠ SỞ

CÔNG TY CP TCO AGRI-
CHI NHÁNH AN GIANG
**********

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
**********

# HỢP ĐỒNG MUA BÁN
## Số : 01/HĐTR-TCO AGRI/ĐP/25

*- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 24/11/2015;*
*- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội ban hành ngày 14/06/2005*
*- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên.*

Hôm nay, ngày 24 tháng **07** năm **2025**, tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Tco Agri – Chi nhánh An Giang, chúng tôi gồm có :

**Bên mua ( Bên A) : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỢC PHƯỜNG**

Địa chỉ : Ấp Tân Lộc A, Xã Tân Dương, Tỉnh Đồng Tháp

Mã số thuế : 1402179285

Do Ông : **ĐẶNG VĂN ĐƯỢC** - Chức vụ: Giám Đốc

**Bên bán ( Bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

Địa chỉ : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa 2, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0296.3820585

Tài khoản : 114002992060 tại ngân hàng Vietinbank Chi Nhánh Châu Đốc – Phòng Giao Dịch Tân Châu

: 684368686868 tại ngân hàng MBBank Chi Nhánh An Giang

Mã số thuế : 0318204118-001

Do Bà : **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi cùng bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU I : TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ**

Bên B đồng ý bán cho Bên A sản phẩm với giá cả, số lượng như sau:

| STT | Tên Hàng | Số lượng (kg) | Đơn Giá (đồng/kg) | Thành Tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 01 | Trấu | 450.000 | 1.700 | 765.000.000 |
| | | | | |
| | *Tổng giá trị chưa bao gồm thuế (VAT)* | | | 765.000.000 |
| | *Thuế giá trị gia tăng 5% (VAT)* | | | 38.250.000 |
| | **TỔNG CỘNG** | **450.000** | | **803.250.000** |

**ĐIỀU II : QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, GIAO NHẬN HÀNG HÓA**



Scanned with CamScanner

1.1 Qui cách phẩm chất: **Trấu theo mẫu đã chào**

1.2 Thời gian giao hàng: **25/07 – 15/08/2025**

1.3 Địa điểm gia hàng: **Tại kho bên B**

1.4 Phương tiện vận chuyển **: Phương tiện của bên A**

**ĐIỀU III : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

Bên A thanh toán chuyển khoản ngay 100% giá trị tiền hàng sau khi giao hàng xong.

**ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

**1/ Trách nhiệm bên A:**

- Giải phóng phương tiện nhanh nhất.
- Thực hiện thanh toán đúng như Điều II của hợp đồng.
- Bên A từ chối nhận hàng nếu lô hàng không đúng mẫu như đã thống nhất.

**2/Trách nhiệm bên B:**

- Bên B đảm bảo giao hàng theo đúng mẫu tấm gạo như hai bên thống nhất và điều kiện giao hàng như đã quy định trong Điều I của hợp đồng này.
- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên mua .

**ĐIỀU V: CAM KẾT CHUNG**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nầy, hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng các phụ kiện bổ sung kèm theo, mọi thay đổi đơn phương một bên đều không có giá trị. Trường hợp có những bất đồng mà hai bên không tự giải quyết được, bất đồng đó sẽ đưa ra Tòa Án Kinh tế Tỉnh An Giang giải quyết. Quyết định của Tòa Án Kinh tế An Giang là cuối cùng cho cả hai bên thi hành án phí do bên thua kiện chịu .

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên không còn công nợ lẫn nhau xem như hợp đồng đã được thanh lý

Hợp đồng này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN MUA** | **ĐẠI DIỆN BÊN BÁN** |
| M.S.D.N: 1402179... CÔNG TY TNHH MTV BƯỚC PHƯỜNG TỈNH ĐỒNG... | M.S.C.N 0318204... CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG TỈNH AN... |
| **ĐẶNG VĂN ĐƯỢC** | **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** |



Scanned with CamScanner

CÔNG TY CP TCO AGRI-
CHI NHÁNH AN GIANG
••••••••••

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
••••••••••••

# HỢP ĐỒNG MUA BÁN
## Số : 01/HĐTR-TCO AGRI/BT/25

*- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội ban hành ngày 24/11/2015;*
*- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội ban hành ngày 14/06/2005*
*- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên.*

Hôm nay, ngày **09** tháng **09** năm **2025**, tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Tco Agri – Chi nhánh An Giang, chúng tôi gồm có :

**Bên mua ( Bên A) : CÔNG TY TNHH BÌNH TRÁU**

Địa chỉ : Số nhà 74B, Quốc lộ 30, Khóm Tân Thuận, Xã Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp

Mã số thuế : 1402194808

Do Bà : **PHAN THỊ MỸ TIÊN** - Chức vụ: Giám Đốc

**Bên bán ( Bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

Địa chỉ : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa 2, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0296.3820585

Tài khoản : 070153678985 tại ngân hàng Sacombank Chi nhánh An Giang

Mã số thuế : 0318204118-001

Do Bà : **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi cùng bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký hợp đồng mua bán với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU I : TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ**

Bên B đồng ý bán cho Bên A sản phẩm với giá cả, số lượng như sau:

| STT | Tên Hàng | Số lượng (kg) | Đơn Giá (đồng/kg) | Thành Tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 01 | Trấu | 300.000 | 1.350 | 405.000.000 |
| | | | | |
| | *Tổng giá trị chưa bao gồm thuế (VAT)* | | | 405.000.000 |
| | *Thuế giá trị gia tăng 5% (VAT)* | | | 20.250.000 |
| | **TỔNG CỘNG** | **300.000** | | **425.250.000** |

**ĐIỀU II : QUY CÁCH, PHẨM CHẤT, GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

**1.1** Qui cách phẩm chất: **Trấu theo mẫu đã chào**



Scanned with CamScanner

**1.2** Thời gian giao hàng : **10/09 – 30/09/2025**

**1.3** Địa điểm gia hàng: **Tại kho bên B**

**1.4** Phương tiện vận chuyển : **Phương tiện của bên A**

**ĐIỀU III : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.**

Bên A thanh toán chuyển khoản ngay 100% giá trị tiền hàng sau khi giao hàng xong.

**ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

**1/ Trách nhiệm bên A:**

- Giải phóng phương tiện nhanh nhất.
- Thực hiện thanh toán đúng như Điều II của hợp đồng.
- Bên A từ chối nhận hàng nếu lô hàng không đúng mẫu như đã thống nhất.

**2/Trách nhiệm bên B:**

- Bên B đảm bảo giao hàng theo đúng mẫu tấm gạo như hai bên thống nhất và điều kiện giao hàng như đã quy định trong Điều I của hợp đồng này.
- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên mua .

**ĐIỀU V: CAM KẾT CHUNG**

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng nầy, hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng các phụ kiện bổ sung kèm theo, mọi thay đổi đơn phương một bên đều không có giá trị. Trường hợp có những bất đồng mà hai bên không tự giải quyết được, bất đồng đó sẽ đưa ra Tòa Án Kinh tế Tỉnh An Giang giải quyết. Quyết định của Tòa Án Kinh tế An Giang là cuối cùng cho cả hai bên thi hành án phí do bên thua kiện chịu .

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên không còn công nợ lẫn nhau xem như hợp đồng đã được thanh lý

Hợp đồng này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN MUA** | **ĐẠI DIỆN BÊN BÁN** |
| CÔNG TY TNHH BÌNH TRẦU | CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG |
| **PHAN THỊ MỸ TIÊN** | **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** |



Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH ĐA NĂNG
**SSCORP LTD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG MUA BÁN

**Số : 335/CAM-NL/SS-AGRI.2025**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005
- Căn cứ vào nhu cầu, sự thoả thuận và khả năng thực hiện của hai bên

Hôm nay, ngày 21 tháng 08 năm 2025, tại Văn phòng Cộng ty TNHH Đa Năng.
Chúng tôi gồm có :

**Bên A (Bên mua)**: **CÔNG TY TNHH ĐA NĂNG (SSCORP LTD)**

Địa chỉ : Ấp 1, xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại : (072) 871090, 871393 Fax : 871122
MST : 1100546147
Tài khoản :
Do Ông : **SOMCHAI SRISATITVATANA** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

*Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp Đồng mua cám gạo với nội dung như sau:*

Bên B(Bên bán) : **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

Địa chỉ : QL 80B, tổ 10, ấp Long Hòa 2, xã Phú Lâm, An Giang
Điện thoại :
MST : 0318204118-001
Tài khoản : 684368686868 Ngân hàng MB Bank – CN An Giang
Do Bà : **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** **Giám đốc làm đại diện**

**Điều I**: **TÊN HÀNG, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ, QUY CÁCH.**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán cám gạo như sau:

| STT | Tên hàng | Số lượng (kg ) (+/-10%) | Đơn giá ( đồng /kg) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 01 | **Cám y Gạo** | **150.000** | 6.300 | **945.000.000** |
| | **Thuế GTGT:5%** | | | **47.250.000** |
| | **Tổng cộng** | **150.000** | | **992.250.000** |
| ***Bằng chữ*** **: Chín trăm chín mươi hai triệu** ***hai trăm năm mươi ngàn đồng*** **.** | | | | |

** Đơn giá trên là giá đóng bao 50kgs, lọt lòng phương tiện tại kho Bên B.*

Scanned with CamScanner

**Điều II : TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG, BAO BÌ & ĐÓNG GÓI**

1. **Tiêu chuẩn chất lượng Cám y gạo (xuất khẩu), cụ thể như sau :**

- Đạm : 11% tối thiểu
- Béo : 11% tối đa
- Độ ẩm : 13% tối đa
- Xơ : 8.0 % tối đa
- Tro : 8.0% tối đa .
- Tinh bột : 30 % tối thiểu
- Độ tươi : 10(mgKOH/g)/ tối đa

2. **Quy cách bao bì và đóng gói :**

- Cám được đóng trong bao PP do bên B cung cấp(bán bỏ bao không trừ bì) . Miệng bao và đáy bao được may bằng hai đường chỉ cotton, đảm bảo chắc chắn trong quá trình bốc xếp và vận chuyển để xuất khẩu hoặc cung ứng nội địa.

- Cám phải được xếp xuống phương tiện một cách ngay ngắn, gọn gàng, đảm bảo đúng tiêu chuẩn phẩm chất, quy cách đóng gói gạo xuất khẩu qui định tại khoản 1, Điều 2 của Hợp đồng này.

**Điều III : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN & BỐC XẾP**

- Thời gian giao hàng : Tháng 08+09/2025.
  (Trường hợp quá thời hạn giao hàng, 02 bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận lại và sẽ được thể hiện cụ thể bằng việc ký kết Phụ lục hợp đồng).
- Địa điểm giao hàng : tại kho Bên B
- Bốc xếp : Mỗi bên chịu một đầu.

**Điều IV : PHƯƠNG THỨC & THỜI GIAN THANH TOÁN**

1. **Phương thức thanh toán**: Chuyển khoản

2. **Thời gian thanh toán**

Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% tổng giá trị của Hợp đồng sau khi hàng xuống hàng và trước khi phương tiện chạy. Thủ tục thanh toán:

- Khi bên A nhận được Hợp đồng Bên B đã ký (bản scan), bản chính bổ sung không quá 7 ngày.
- Giấy đề nghị thanh toán của bên B.
- Phiếu xác nhận số lượng của kiểm phẩm do bên A chỉ định.
  Hóa đơn giá trị gia tăng

**Điều V : TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

1. **Trách nhiệm của bên A:**

- Kiểm tra quy cách, chất lượng, số lượng hàng hóa trước khi nhận hàng.
- Bố trí đơn vị Giám định hoặc Kiểm phẩm để phối hợp với Bên B tổ chức sản xuất hàng hóa cho kịp tiến độ giao hàng.
- Điều phương tiện đến nhận hàng tại kho bên B.
- Ký Biên bản giao nhận theo từng phương tiện.

Scanned with CamScanner

- Thanh toán tiền hàng theo tiến độ giao nhận từng phương tiện khi bên B xuống hàng xong và cung cấp đầy đủ thủ tục thanh toán.

2. **Trách nhiệm của bên B:**
   - Đảm bảo gạo đúng tiêu chuẩn để giao cho Bên A đủ số lượng, chất lượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều II và thời gian quy định: đồng thời phải đảm bảo chất lượng gạo cho đến khi giao hoàn tất lô hàng.
   - Bên B phải tổ chức xếp hàng khi phương tiện Bên A đến kho nhận hàng. Trong vòng bốn (04) ngày, nếu xuống hàng hóa không đầy phương tiện thì Bên B phải bồi thường đồi nhất 5.000đ/tấn/ngày cho phương tiện (nếu có).
   - Trường hợp giá cả thị trường thay đổi, Bên B phải giao hàng cho Bên A đúng theo đơn giá và số lượng đã ký trong hợp đồng
   - Phải chịu sự giám sát chân hàng của Bên A
   - Ký biên bản kiểm tra hàng hóa, biên bản gởi kho (nếu có)

**Điều VI : ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong hợp đồng thì hai bên gặp nhau để bàn bạc và lập biên bản. Mọi thay đổi đơn phương sẽ không có giá trị thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên nào vi phạm hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường mọi tổn thất phát sinh. Khi xảy ra tranh chấp, hai bên gặp nhau bàn bạc, thương lượng để giải quyết. Nếu hai bên không thương lượng được thì sẽ giải quyết tranh chấp thương mại bằng Tòa Án, nơi có trụ sở của Bên A. Phán quyết của Tòa án (bản án hay quyết định) sẽ có giá trị chung cuộc và ràng buộc cả hai bên thực hiện.
- Mọi trường hợp hay tình huống vượt quá khả năng kiểm soát hợp lý của một bên như: dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố, hành vi thù địch, phiến loạn, bạo động dân sự, động đất, lũ lụt hay các thảm họa khác của thiên nhiên, đình công, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng sẽ xem như là trường hợp **Bất Khả Kháng**.
- Trong trường hợp **Bất Khả Kháng**, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện **Bất Khả Kháng** phải thông báo cho bên kia về trường hợp **Bất Khả Kháng** cụ thể, hậu quả có thể xảy ra trong vòng 02 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện **Bất Khả Kháng**. Hai bên có trách nhiệm thương lượng biện pháp giải quyết, điều chỉnh nội dung Hợp đồng (nếu cần thiết) trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về sự kiện **Bất Khả Kháng** của Bên bị ảnh hưởng.
- Hợp đồng được ký qua Fax/email có giá trị pháp lý và ràng buộc hai bên cùng thực hiện như Hợp đồng bản chính.
- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày hai bên ký kết đến khi Hợp đồng được thanh lý hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (02) bản chính, Bên B giữ hai (02) bản chính./.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY TNHH ĐÀ NẴNG | CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG |
| SOMCHAI SRISATITVATANA | TRẦN THỊ NGỌC TRÂM |

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6803

*Lập ngày 28 tháng 06 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (1.000 bao x 7.000đ)*

Số tiền: *7,000,000* Đồng

Bằng chữ: ***Bảy triệu đồng***

ĐÃ THU TIỀN

Kèm theo: ..... chứng từ gốc.

*Ngày 28 tháng 06 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bảy triệu đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6806

*Lập ngày 04 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (1.000 bao x 7.000đ)*

Số tiền: *7,000,000* Đồng

Bằng chữ: ***Bảy triệu đồng***

ĐÃ THU TIỀN

Kèm theo: ..... chứng từ gốc.

*Ngày 04 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bảy triệu đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6815

*Lập ngày 09 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (500 bao x 7.000đ)*

ĐÃ THU TIỀN

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: ..... chứng từ gốc.

*Ngày 09 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU Số: 6820

*Lập ngày 12 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ.....
CÓ.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro ( 500 bao x 7.000đ)*

**ĐÃ THU TIỀN**

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: ..... chứng từ gốc.

*Ngày 12 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.955506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6824

*Lập ngày 15 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán trọ (500 bao x 7.000đ)*

ĐÃ THU TIỀN

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: ĐỀ THU TIỀN ..... chứng từ gốc.

*Ngày 15 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| | Có | | | |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6835

*Lập ngày 21 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC/CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (500 bao x 7.000đ)*

Số tiền: ***3.500.000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

ĐÃ THU TIỀN

Kèm theo: ..... chứng từ gốc.

*Ngày 21 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Deraxoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU Số: 6844

*Lập ngày 26 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ.....
CÓ.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (500 bao x 7.000đ)*

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

ĐÃ THU TIỀN

Kèm theo: ĐÃ THU TIỀN chứng từ gốc.

*Ngày 26 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| | Có | | | |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935306*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6852

*Lập ngày 31 tháng 07 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán trọ (500 bao x 7.000đ)*

ĐÃ THU TIỀN

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba triệu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: Đơn thu tiền chứng từ gốc.

*Ngày 31 tháng 07 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |
| | Có | | | |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6860

*Lập ngày 04 tháng 08 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC/CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Cỏ*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro (500 bao x 7.000đ)*

ĐÃ THU TIỀN

Số tiền: ***3,500,000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba trieu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: Đơn thu Kiên..... chứng từ gốc.

*Ngày 04 tháng 08 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935.506*

Scanned with CamScanner

Công ty Cổ phần TCO Agri - CN An Giang
Long Hòa, Phú Tân, An Giang

# PHIẾU THU

Số: 6869

*Lập ngày 06 tháng 08 năm 2025*

Quyển số:.....

Mẫu số: C21-H
(QĐ số 999-TC-CĐKT)
Ngày 2/11/1996 của Bộ Tài Chính

NỢ:.....
CÓ:.....

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Văn Có*

Địa chỉ:

Lý do nộp: *Thu tiền bán tro ( 500 bao x 7.000đ)*

ĐÃ THU TIỀN

Số tiền: ***3.500.000*** Đồng

Bằng chữ: ***Ba trieu năm trăm nghìn đồng***

Kèm theo: Đơn đặt hàng chứng từ gốc.

*Ngày 06 tháng 08 năm 2025*

| NGƯỜI LẬP PHIẾU | NGƯỜI NỘP TIỀN | THỦ QUỸ | KẾ TOÁN TRƯỞNG | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ |
|---|---|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm nghìn đồng*

*Phần mềm quản lý kho gạo được thiết kế bởi Derasoft - 0903.935506*

Scanned with CamScanner

# PHỤ LỤC V
# BẢN VẼ CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ BẢN VẼ CỦA CƠ SỞ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---------- o0o ----------

Số: 03/BBBG-HDVH

*Đồng Tháp, ngày 12 tháng 03 năm 2026*

# BIÊN BẢN BÀN GIAO HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

**Công trình** : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG

**Hạng Mục** : Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, công suất 4 $m^3$/ngày.đêm.

**Địa điểm XD** : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

***Kính gửi:*** **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

Công ty TNHH Công Nghệ Endota kính đề nghị Chủ Đầu Tư tiến hành kiểm tra và nghiệm thu hướng dẫn vận hành:

- Hạng mục hướng dẫn vận hành: Hệ thống xử lý nước thải, công suất 04 $m^3$/ngày.đêm.
- Nội dung hướng dẫn vận hành:
  - Kiểm tra tổng quát toàn hệ thống và nước đầu vào đầu ra.
  - Kiểm tra tủ điện.
  - Kiểm tra máy bơm.
  - Kiểm tra hóa chất
  - Hướng dẫn cách lọc và rửa lọc.
  - Kiểm tra mật độ vi sinh,...
  - Hướng dẫn vệ sinh các hạng mục khác,...
- Thời gian bàn giao vận hành: ..... giờ .....phút, ngày 12 tháng 03 năm 2026.
- Địa điểm: Tại Công trình hệ thống XLNT của Cơ sở.
- Biên bản được lập làm 2 (hai) bản, mỗi bên giữ một bản, đều có giá trị pháp lý như nhau.

| **Đại diện**<br>**người vận hành tại hệ thống**<br>**của Cơ sở** | **Đại diện**<br>**Đơn vị hướng dẫn vận hành** |
|---|---|
| Nguyễn Thanh Giang | |

***Nơi nhận:***
- *Như trên*
- *Lưu VP.ENDOTA*

Được quét bằng CamScanner

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---------- o0o ----------

Số: 03 /YCNT-HTSD

*Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

# PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

**Công trình** : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG

**Hạng Mục** : Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, công suất 4 $m^3$/ngày.đêm.

**Địa điểm XD** : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

Công ty TNHH Công Nghệ ENDOTA kính đề nghị Chủ Đầu Tư tiến hành kiểm tra và nghiệm thu:

- Hạng mục nghiệm thu: Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
- Nội dung yêu cầu nghiệm thu: Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng .
- Thời gian yêu cầu nghiệm thu: 9 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2026
- Địa điểm: Tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

***Trân trọng!***

**Đại diện Đơn vị thi công**
**Giám đốc**

M.S.D.N: 1402107322 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA TỈNH ĐỒNG THÁP

**VÕ DUY KHÁNH**

***Nơi nhận:***
*- Như trên;*
*- Lưu: VP.ENDOTA*

Được quét bằng CamScanner

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

*Số: 03/BBNT-HTCTSD* *Đồng Tháp, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

# BIÊN BẢN SỐ: 03
# NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

**Công trình** : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG

**Hạng Mục** : Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, công suất 4 $m^3$/ngày.đêm.

**Địa điểm XD** : Quốc lộ 80B, Tổ 10, ấp Long Hòa, xã Phú Lâm, tỉnh An Giang.

**1. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:** Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

**2. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP THAM GIA:**

**a. Đại diện Chủ Đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI – CHI NHÁNH AN GIANG**

- Bà **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** ; Chức vụ: Giám Đốc
- Ông/Bà:..... ; Chức vụ: .....

**b. Đại diện Đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA**

- Ông: **VÕ DUY KHÁNH** ; Chức vụ: Giám Đốc
- Ông/Bà:..... ; Chức vụ: .....

**3. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM NGHIỆM THU:**

*Bắt đầu:* 9 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2026.
*Kết thúc:* 10 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 02 năm 2026.

**Địa điểm:** Tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

**4. ĐÁNH GIÁ CÁC LOẠI VẬT TƯ ĐÃ LẮP ĐẶT:**

**a. Về tài liệu làm căn cứ:**

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt;
- Hợp đồng số: 13.KT/2025.ENDOTA ngày 10 tháng 11 năm 2025;
- CO/CQ, hoặc phiếu xuất xưởng của thiết bị..



Được quét bằng CamScanner

**b. Về danh mục vật tư, máy móc, thiết bị:**

| STT | TÊN THIẾT BỊ | S. L | Đ. V | KIỂM TRA | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| *** | ***Hố thu*** | | | | |
| 1 | **Bơm chìm nước thải**<br>Điện áp: 0.15Kw-220v-50Hz<br>Xuất xứ: Đài Loan | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 2 | **Thiết bị đầu dò mực nước**<br>Bao gồm:<br>Dạng trái nổi<br>Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| *** | ***Bể SBR*** | | | | |
| | **Bồn xử lý sinh học SBR (2000 lít)**<br>Chất liệu: nhựa<br>Xuất xứ: Việt Nam | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 4 | **Bơm thổi khí**<br>Điện áp: 0.75Kw-220v-50Hz<br>Xuất xứ: Trung Quốc | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 5 | **ĐẦU PHÂN TÁN KHÍ**<br>Xuất xứ: Việt Nam | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| *** | ***Lọc áp lực*** | | | | |
| 6 | **Thiết bị đầu dò mực nước**<br>Bao gồm:<br>Dạng trái nổi<br>Xuất xứ: Hàn Quốc | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 7 | **Bơm lọc ( Trục Ngang )**<br>Điện áp: 0,75Kw-220v-50Hz<br>Xuất xứ: Trung Quốc | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 8 | **Bồn lọc ( Composite) + Vật liệu lọc**<br>Xuất xứ: Việt Nam | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| *** | ***Bể chứa nước sạch*** | | | | |
| 9 | **Bồn 300 lít**<br>Chất liệu: nhựa<br>Xuất xứ: Việt Nam | 1,0 | Bộ | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| *** | ***Các hạng mục khác*** | | | | |
| 10 | **Hệ thống đường ống công nghệ**<br>Cung cấp nguyên liệu hệ thống đường ống kỹ thuật uPVC, các phụ kiện, (đường ống nước, khí, bùn, hóa chất, ….) | 1,0 | HT | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 11 | **Nhân công lắp đặt hệ thống**<br>Các công việc cơ khí: gia công, lắp đặt | 1,0 | HT | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |
| 12 | **Hệ thống máng cáp điện**<br>Cung cấp lắp đặt, gia công hệ thống điện | 1,0 | HT | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |



Được quét bằng CamScanner

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 13 | **Hệ thống tủ điện điều khiển**<br>Cung cấp tủ điện, vật tư phụ kiện thiết bị điện (Bộ điều khiển, Dây cáp động lực, phụ kiện CB, MCB, …) | 1,0 | HT | ☑ Đạt<br>☐ Không đạt | |

**c. Công suất đưa vào vận hành:**

- Theo thiết kế được phê duyệt : 4 $m^3$/ngày đêm.
- Theo thực tế vận hành: 4 $m^3$/ngày đêm.

**d. Về chất lượng công việc hoàn thành:**

- Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng: Các hạng mục công trình thi công theo đúng hồ sơ thiết kế và bản vẽ thi công.
- Kiểm tra bản vẽ hoàn công: Phù hợp với thực tế công trình.
- Kiểm tra các kết quả thử nghiệm chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu so với Quy chuẩn hiện hành.
- Kiểm tra quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình xây dựng: Hệ thống vận hành ổn định, công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị dễ dàng.

**5. <u>Kiến nghị</u>:** Đơn vị thi công lắp đặt theo đúng yêu cầu thiết kế, đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn quy phạm đúng theo củng loại nêu trên và đảm bảo chất lượng để đưa vào vận hành công trình.

**6. <u>Kết luận</u>:**

Thống nhất nghiệm thu hoàn thành công trình nêu trên để đưa vào sử dụng cho hạng mục công trình.

*Biên bản kết thúc cùng ngày, có đọc lại và các bên đồng ý ký tên.*

| **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG**<br>**GIÁM ĐỐC** | **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** |
|---|---|
| M.S.D.N:1402107322 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA TỈNH ĐỒNG THÁP | M.S.C.N:0318[illegible]001.C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG TỈNH AN GIANG |
| **VÕ DUY KHÁNH** | **TRẦN THỊ NGỌC TRÂM** |



Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

# BẢN VẼ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

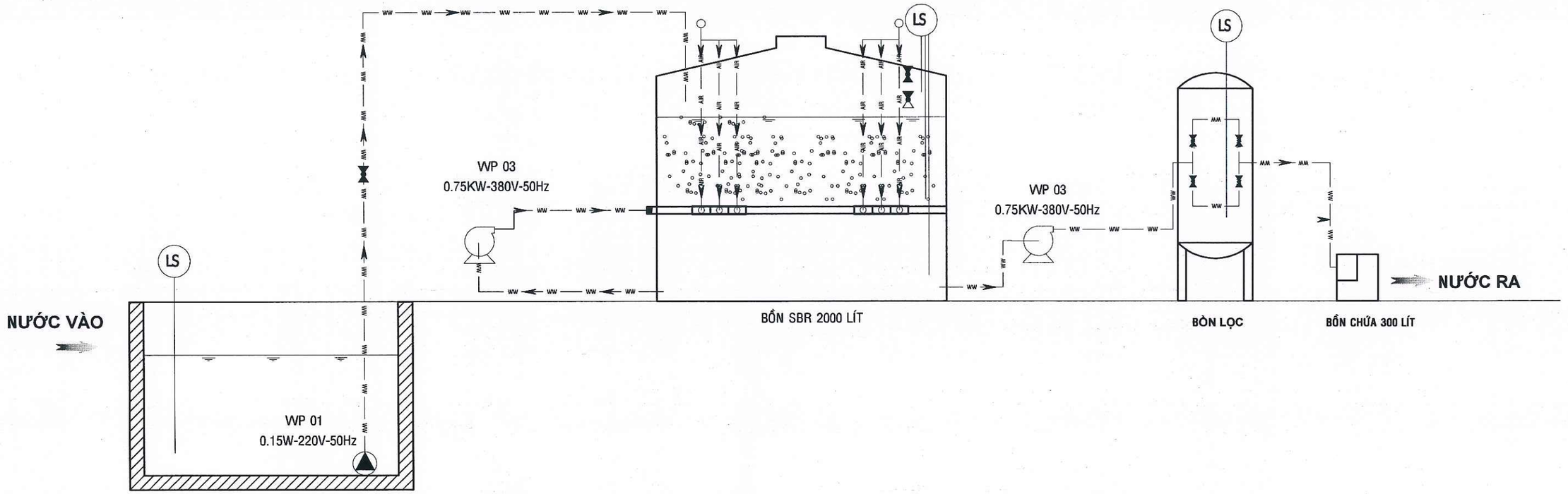
HẠNG MỤC : LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG XUẤT 4M$^3$/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : QUỐC LỘ 80B, TỔ 10, ẤP LONG HOÀ, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

PHƯỜNG MỸ TRÀ: 05-01-2026




## KÝ HIỆU

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Van 1 chiều | Bơm chìm | Máy khuấy trộn chìm | WW | Đường nước thải |
| Van 2 chiều | Bơm trục ngang | Máy thổi khí | SL | Đường bùn |
| Phao (LS) | Motor (M) | Máy nén khí | AIR | Đường khí |
| | | | Chem | Đường hóa chất |
| | | | . . | Đường nước cấp |

GHI CHÚ
GENERAL NOTES

| STT No | NGÀY HC DATE | ĐIỀU CHỈNH DESCRIPTION OF REVISION |
|---|---|---|
| | | |

NGƯỜI CHỈNH SỬA / CHỦ ĐẦU TƯ
REVISED BY / INVESTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG
GIÁM ĐỐC
KS. TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

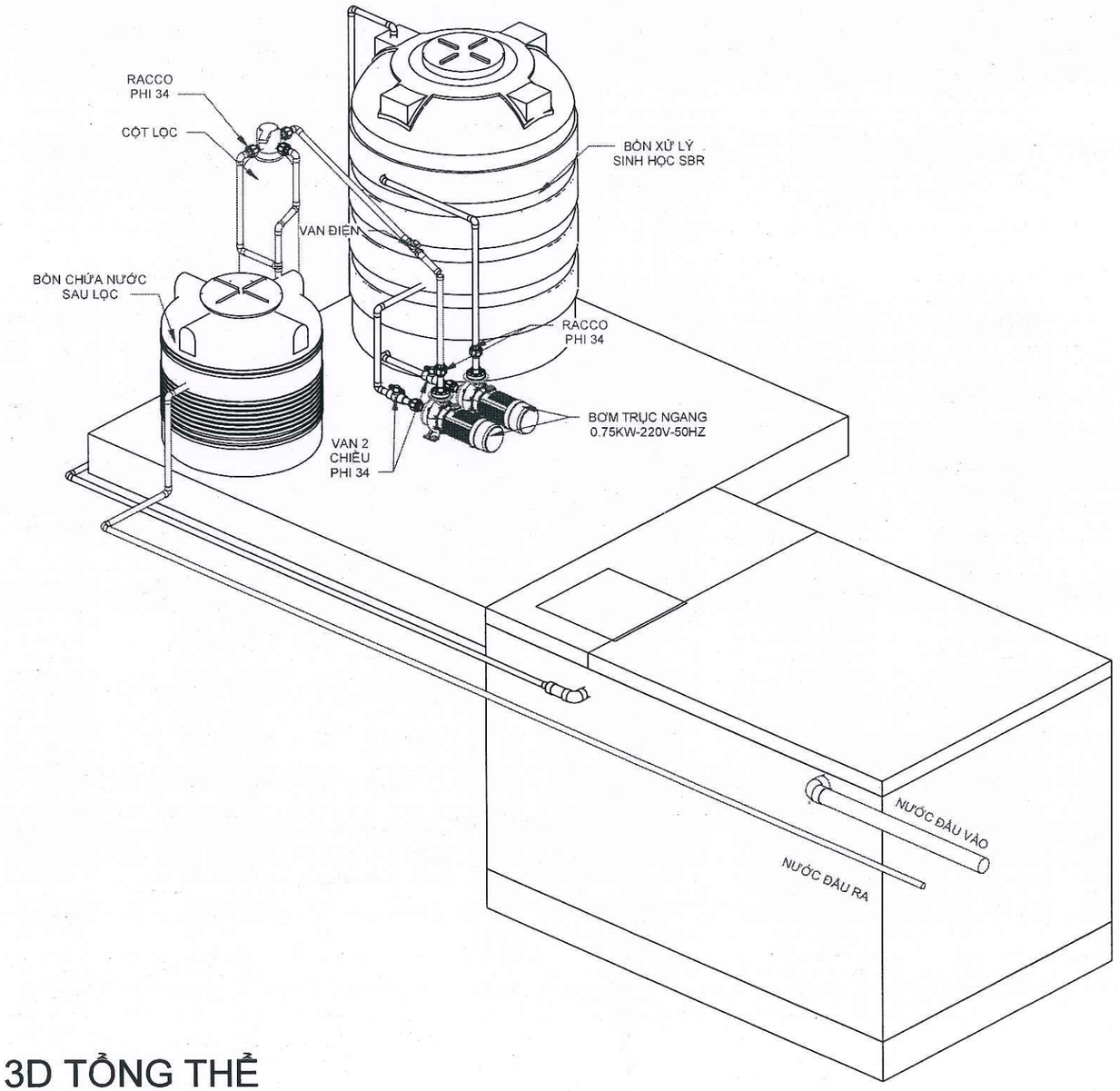
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA
KHO GIÁM ĐỐC
G. DIRECTOR
KS. VÕ DUY KHÁNH

| | | | |
|---|---|---|---|
| QUẢN LÝ KỸ THUẬT TECH. MANAGER | KS. VÕ DUY KHÁNH | | CÔNG TRÌNH PROJECT |
| THIẾT KẾ DESIGNED BY | KS. NGUYỄN TRỌNG NHÂN | | LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 4M³/NGÀY.ĐÊM |
| VẼ DRAWN BY | KS. NGUYỄN TRỌNG NHÂN | | TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE: **SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HT XLNT** |
| KIỂM TRA CHECKED BY | KS. TRẦN VĂN NAM | | |

HỒ SƠ THIẾT KẾ DOCUMENT

| BẢN VẼ SỐ DRAWING No | TỔNG SỐ BV TOTAL DRWs |
|---|---|
| 1 | |

NGÀY HT DATE: 2026




## 1 3D TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

GIÁM ĐỐC:

TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 384, PHƯỜNG CAO LÃNH , TỈNH ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC:

VÕ DUY KHÁNH

HIỆU CHỈNH

| LẦN | NGÀY | MÔ TẢ | KIỂM TRA |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

CÔNG TRÌNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

HẠNG MỤC:

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

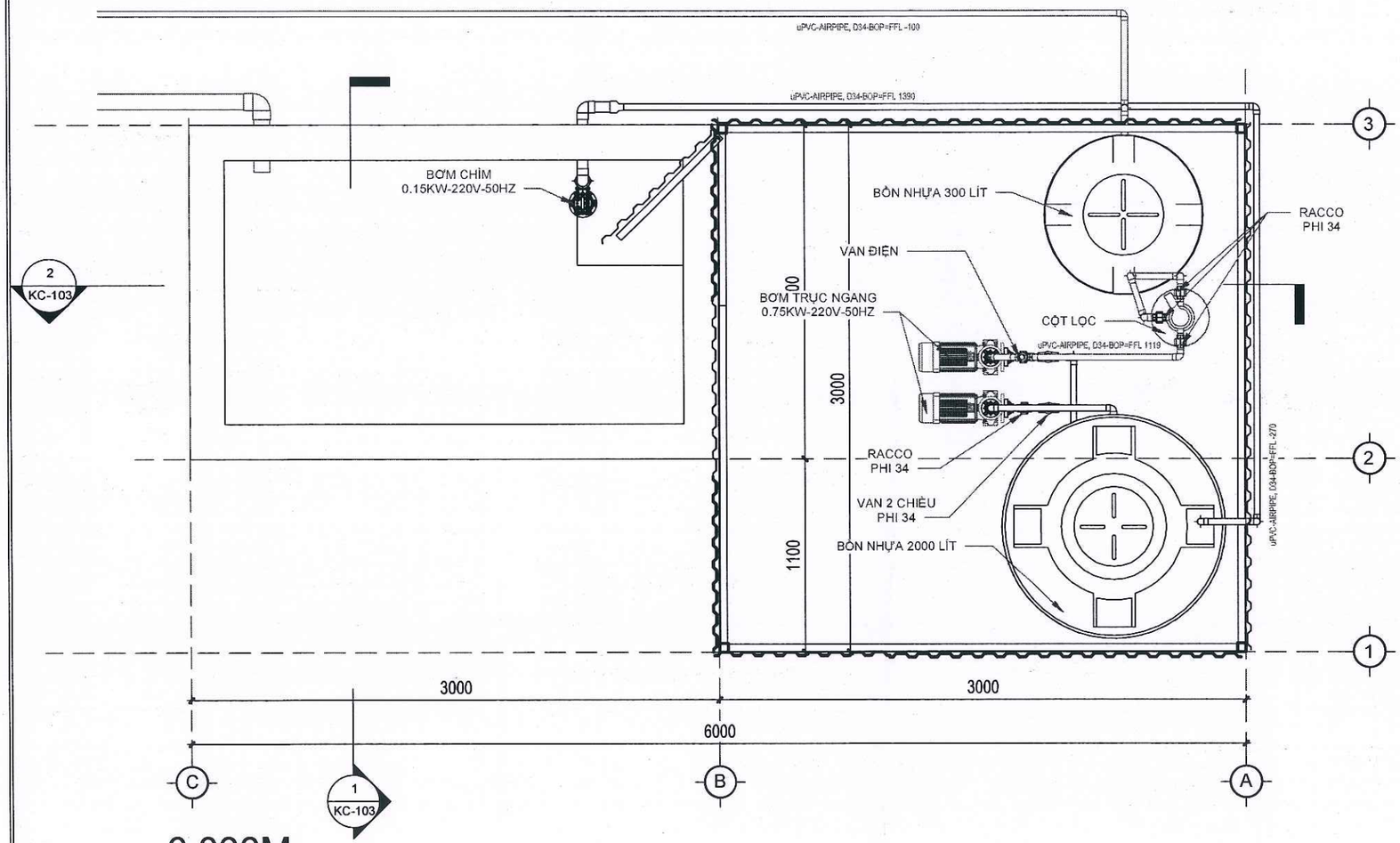
ĐỊA ĐIỂM:

XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

# 3D-1 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ TRÌ | VÕ DUY KHÁNH | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| THỂ HIỆN | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| KIỂM TRA | TRẦN VĂN NAM | |

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | |
| NGÀY | 10/11/2025 |
| SỐ DỰ ÁN | |
| SỐ BẢN VẼ | A102 |




1 0.000M

1 : 25

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

GIÁM ĐỐC:

TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 384, PHƯỜNG CAO LÃNH , TỈNH ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC:

VÕ DUY KHÁNH

HIỆU CHỈNH

| LẦN | NGÀY | MÔ TẢ | KIỂM TRA |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

CÔNG TRÌNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

HẠNG MỤC:

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

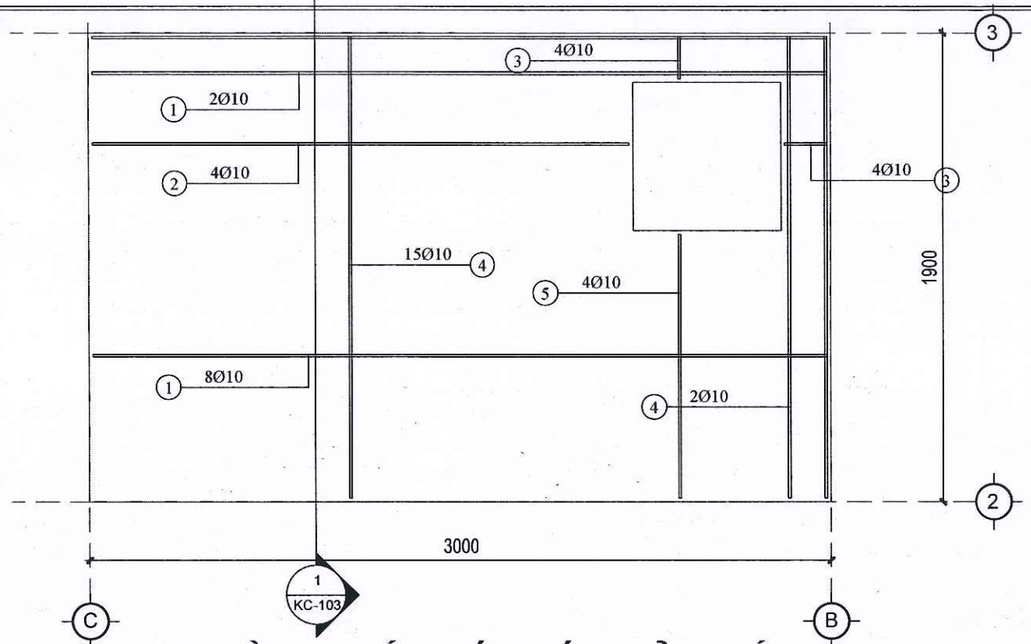
ĐỊA ĐIỂM:

XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

# MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ TRÌ | VÕ DUY KHÁNH | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| THỂ HIỆN | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| KIỂM TRA | TRẦN VĂN NAM | |

| | |
|---|---|
| TỶ LỆK BẢN VẼ | 1 : 25 |
| NGÀY | 10/11/2025 |
| SỐ DỰ ÁN | |
| SỐ BẢN VẼ | A104 |




# 1 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP BẢN NẮP

1 : 20

BẢN NẮP BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 100MM

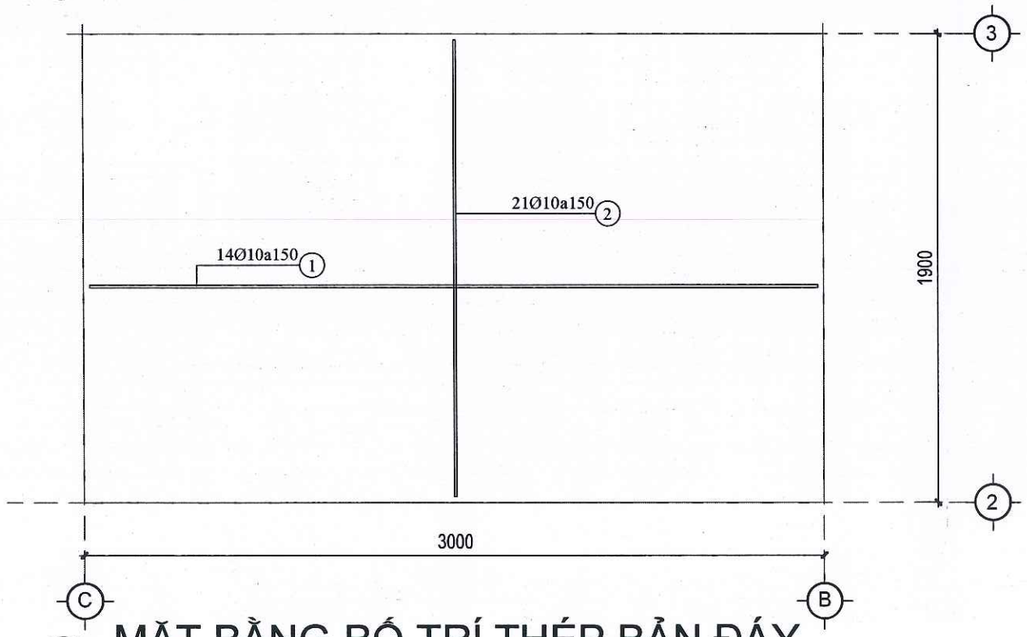
THÀNH BỂ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 200MM (QUÉT CHỐNG THẤM THÀNH TRONG)

BẢN ĐÁY BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 300MM

LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 40X60MM MÁC 200 DÀY 100MM

LỚP CÁT ĐỆM CỪ TRÀM DÀY 100MM

ÉP CỪ TRÀM MẬT ĐỘ 25 CÂY/M2




# 2 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP BẢN ĐÁY

1 : 20

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

GIÁM ĐỐC:

TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 884, PHƯỜNG CAO LÃNH , TỈNH ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC:

VÕ DUY KHÁNH

HIỆU CHỈNH

| LẦN | NGÀY | MÔ TẢ | KIỂM TRA |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

CÔNG TRÌNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

HẠNG MỤC:

LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

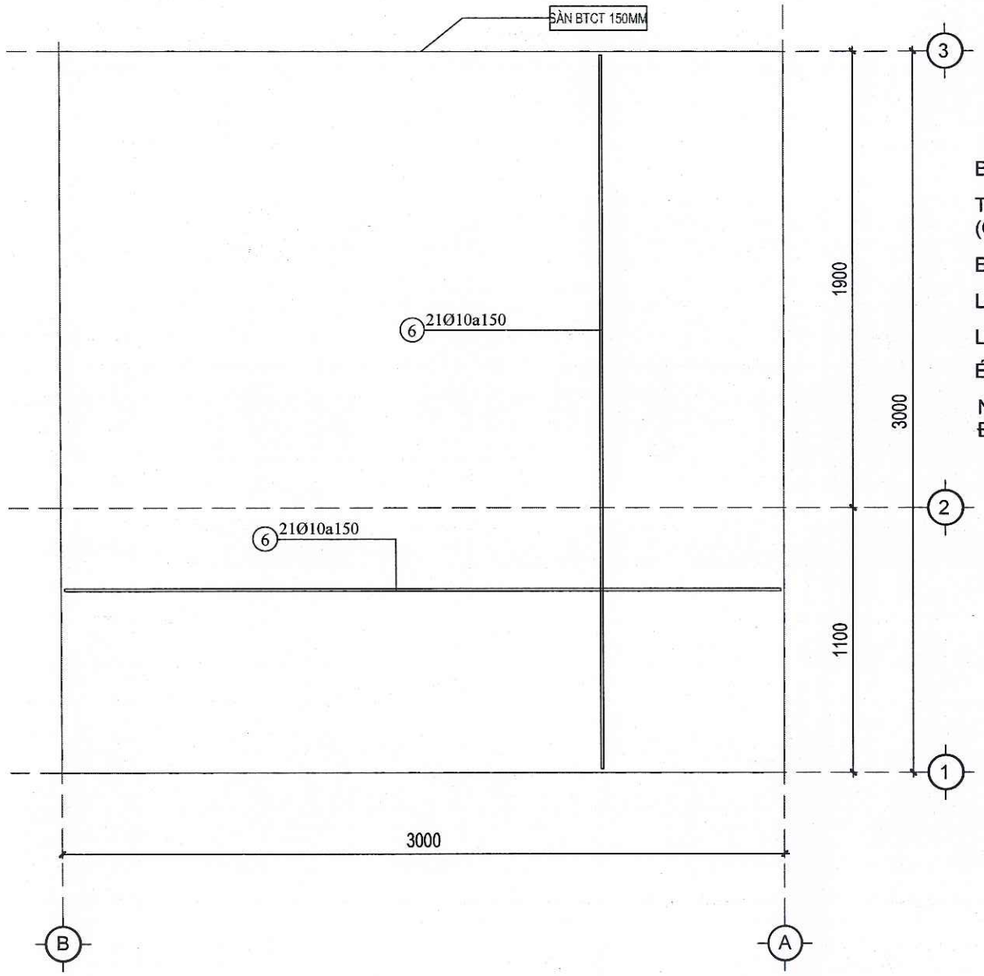
ĐỊA ĐIỂM:

XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP HỐ GOM

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ TRÌ | VÕ DUY KHÁNH | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| THỂ HIỆN | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| KIỂM TRA | TRẦN VĂN NAM | |

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | 1 : 20 |
| NGÀY | 10/11/2025 |
| SỐ DỰ ÁN | |
| SỐ BẢN VẼ | KC-101 |




BẢN NẮP BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 100MM

THÀNH BỂ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 200MM (QUÉT CHỐNG THẤM THÀNH TRONG)

BẢN ĐÁY BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 300MM

LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 40X60MM MÁC 200 DÀY 100MM

LỚP CÁT ĐỆM CỪ TRÀM DÀY 100MM

ÉP CỪ TRÀM MẬT ĐỘ 25 CÂY/M2

NỀN ĐẶT THIẾT BỊ BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁ 1X2 VỮA XI MĂNG MAC 250 DÀY 150

## 1 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP NỀN NHÀ ĐIỀU HÀNH

1 : 20

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

GIÁM ĐỐC:

TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 884, PHƯỜNG CAO LÃNH , TỈNH ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC:

VÕ DUY KHÁNH

HIỆU CHỈNH

| LẦN | NGÀY | MÔ TẢ | KIỂM TRA |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

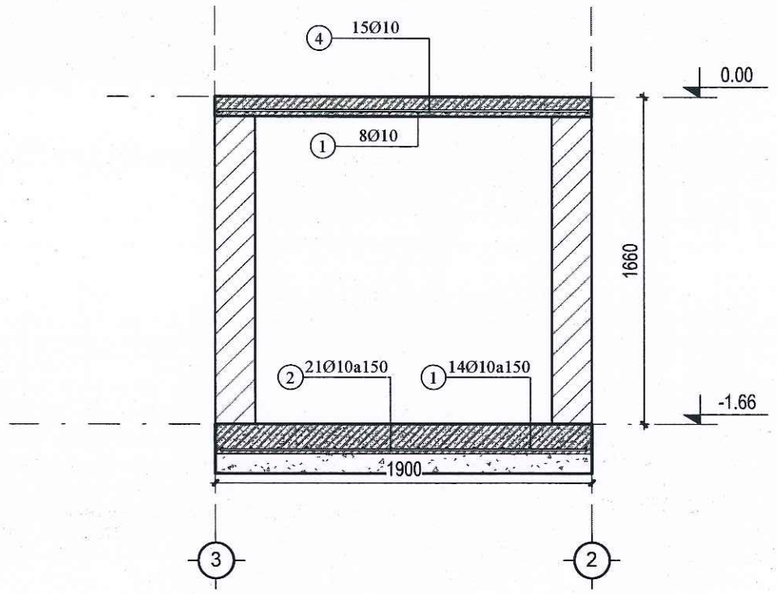
HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:
XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

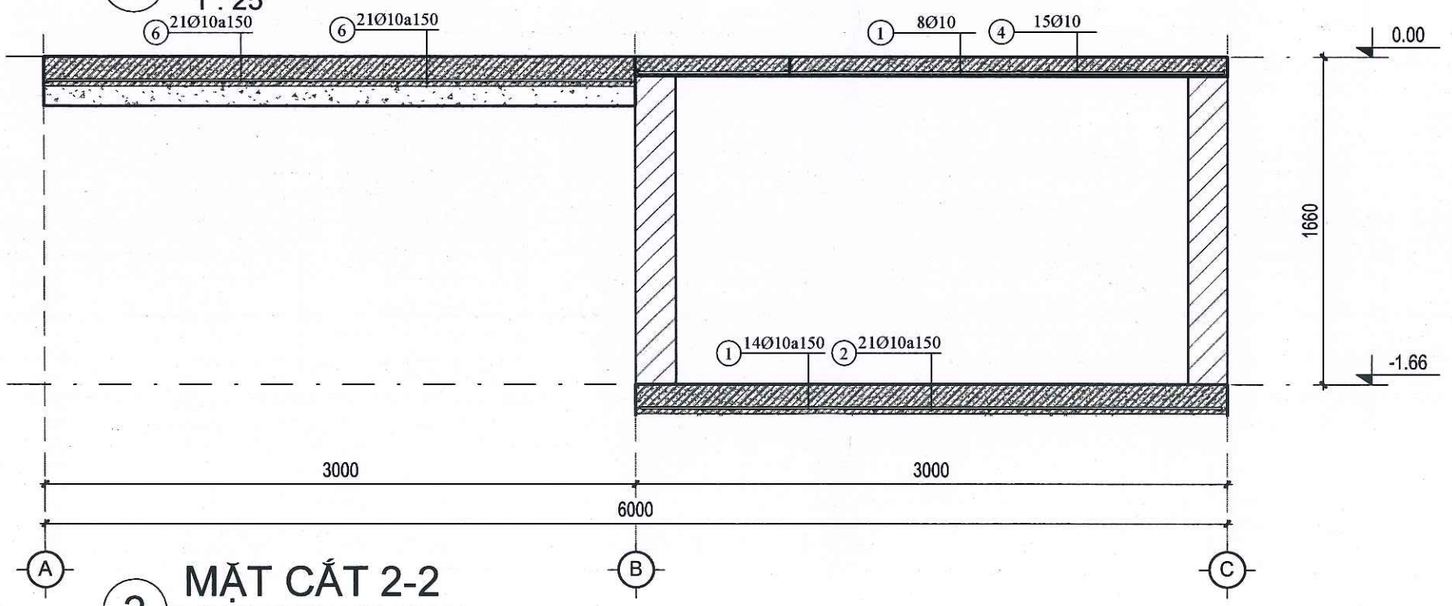
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP NỀN ĐẶT THIẾT BỊ

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ TRÌ | VÕ DUY KHÁNH | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| THỂ HIỆN | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| KIỂM TRA | TRẦN VĂN NAM | |

| | |
|---|---|
| TỶ LỆK BẢN VẼ | 1 : 20 |
| NGÀY | 10/11/2025 |
| SỐ DỰ ÁN | |
| SỐ BẢN VẼ | KC-102 |




1 MẶT CẮT 1-1
1 : 25




2 MẶT CẮT 2-2
1 : 25

BẢN NẮP BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 100MM

THÀNH BỂ BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 200MM
(QUÉT CHỐNG THẤM THÀNH TRONG)

BẢN ĐÁY BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 MÁC 250 DÀY 300MM

LỚP BÊ TÔNG ĐÁ 40X60MM MÁC 200 DÀY 100MM

LỚP CÁT ĐỆM CỪ TRÀM DÀY 100MM

ÉP CỪ TRÀM MẬT ĐỘ 25 CÂY/M2

NỀN ĐẶT THIẾT BỊ BÊ TÔNG CỐT THÉP
ĐÁ 1X2 VỮA XI MĂNG MAC 250 DÀY 150

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ NGỌC TRÂM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

TRỤ SỞ CHÍNH:
SỐ 884, PHƯỜNG CAO LÃNH , TỈNH ĐỒNG THÁP

GIÁM ĐỐC:

VÕ DUY KHÁNH

HIỆU CHỈNH

| LẦN | NGÀY | MÔ TẢ | KIỂM TRA |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN TCO - AGRI - CHI NHÁNH AN GIANG

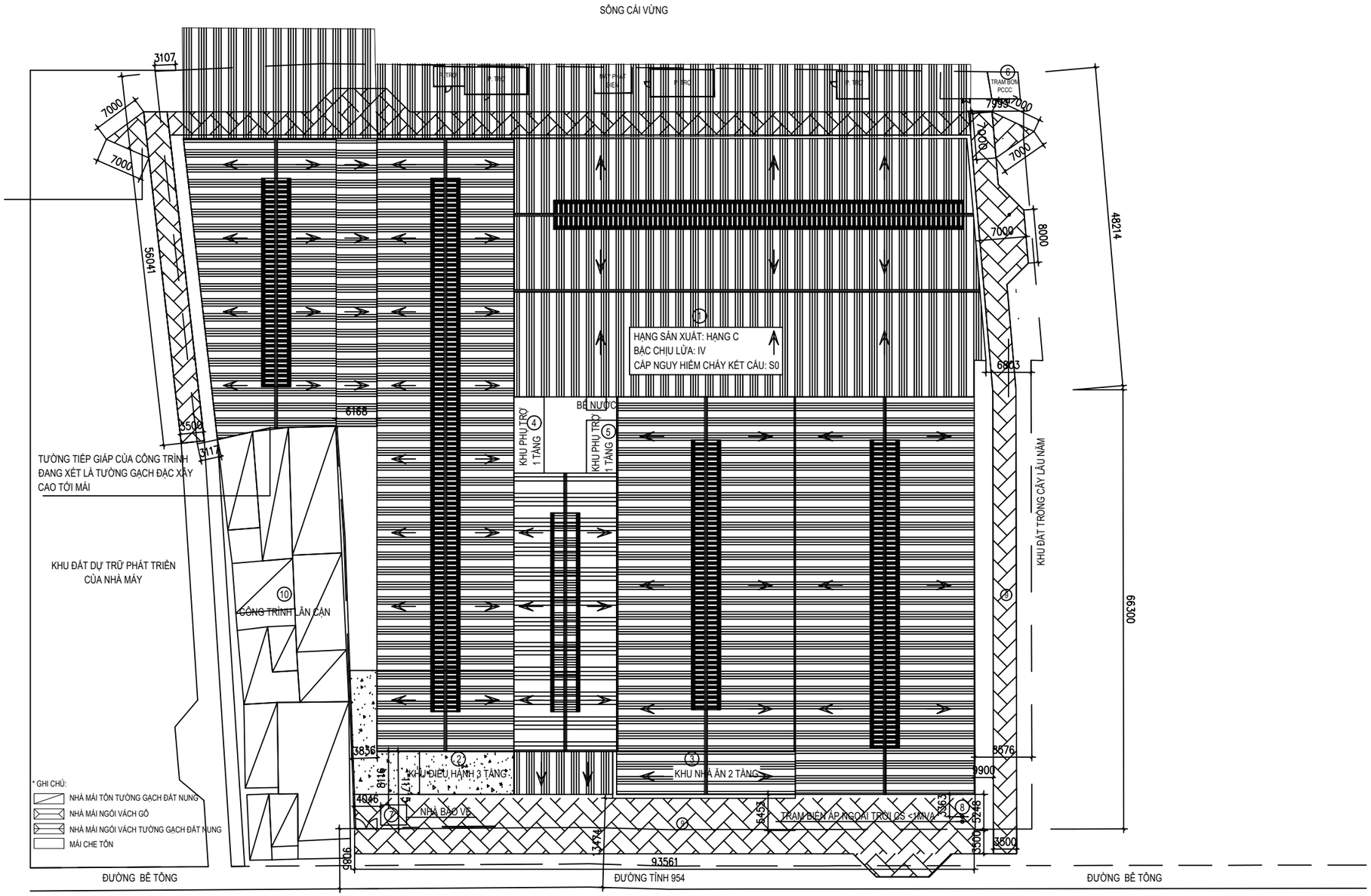
HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:
XÃ PHÙ LÃM, TỈNH AN GIANG

MẶT CẮT 1-1, 2-2

| | | |
|---|---|---|
| CHỦ TRÌ | VÕ DUY KHÁNH | |
| THIẾT KẾ | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| THỂ HIỆN | NGUYỄN TRỌNG NHÂN | |
| KIỂM TRA | TRẦN VĂN NAM | |

| | |
|---|---|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | 1 : 25 |
| NGÀY | 10/11/2025 |
| SỐ DỰ ÁN | |
| SỐ BẢN VẼ | KC-103 |




## MẶT BẰNG TỔNG THỂ

### QUY MÔ CÔNG TRÌNH

| STT | KÝ HIỆU | HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH | DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M2) | SỐ TẦNG (TẦNG) | CHIỀU CAO (M) | BẬC CHỊU LỬA | HẠNG CỦA GIAN PHÒNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ① | KHU SẢN XUẤT | 9705 | 1 | 18.5 | IV | C |
| 2 | ② | KHU ĐIỀU HÀNH 3 TẦNG | 240 | 3 | 12 | II | - |
| 3 | ③ | KHU NHÀ ĂN 2 TẦNG | 202 | 2 | 9.8 | II | - |
| 4 | ④ | KHU PHỤ TRỢ 1 TẦNG | 53 | 2 | 6 | II | - |
| 5 | ⑤ | KHU PHỤ TRỢ 1 TẦNG | 35 | 1 | 3 | II | - |
| 6 | ⑥ | TRẠM BƠM CHỮA CHÁY | 38.7 | 1 | 3 | II | - |
| 7 | ⑦ | NHÀ BẢO VỆ | 20 | 1 | 3 | II | - |
| 8 | ⑧ | TRẠM BIẾN ÁP NGOÀI TRỜI | - | 1 | 3 | II | - |
| 9 | ⑨ | SÂN + LỐI ĐI CHUNG | 1.985,5 | | | | |
| 10 | ⑩ | CÔNG TRÌNH LÂN CẬN | | | | | - |

### TỔNG QUAN CÔNG TRÌNH

1. NHÀ XƯỞNG
- SỐ TẦNG: 1. BAO GỒM KHU VỰC SẢN XUẤT VÀ CÁC VỰC KHU PHỤ TRỢ
- DIỆN TÍCH: 9705M2;
- KHỐI TÍCH: 175.000M3;
- CHIỀU CAO PCCC: 10M;
- BẬC CHỊU LỬA: IV;
- CÔNG NĂNG: XAY XÁT LÚA GẠO;
- NHÓM NGUY HIỂM CHÁY CÔNG NĂNG: F5.3;
- SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỒNG NHẤT TRONG CA: 20 NGƯỜI

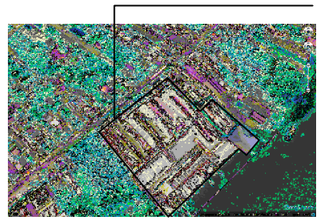
2. NHÀ ĐIỀU HÀNH 3 TẦNG
- SỐ TẦNG: 3
- DIỆN TÍCH: 245M2;
- KHỐI TÍCH: 2695M3;
- CHIỀU CAO PCCC: 10M;
- BẬC CHỊU LỬA: II;
- CÔNG NĂNG: NHÀ VĂN PHÒNG;
- NHÓM NGUY HIỂM CHÁY CÔNG NĂNG: F4.3;
- SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỒNG NHẤT TRONG CA: 5 NGƯỜI

3. NHÀ ĂN
- SỐ TẦNG: 2;
- DIỆN TÍCH: 202M2;
- KHỐI TÍCH: 1737M3;
- CHIỀU CAO PCCC: 5.6M;
- BẬC CHỊU LỬA: II;
- CÔNG NĂNG: NHÀ ĂN;
- NHÓM NGUY HIỂM CHÁY CÔNG NĂNG: F3.2;
- SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỒNG NHẤT TRONG CA: 20 NGƯỜI

4. NHÀ BẢO VỆ
- SỐ TẦNG: 1;
- DIỆN TÍCH: 20M2;
- KHỐI TÍCH: 60M3;
- CHIỀU CAO PCCC: 3M;
- BẬC CHỊU LỬA: II;
- CÔNG NĂNG: NHÀ TRỰC;
- SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐỒNG NHẤT TRONG CA: 1 NGƯỜI

4. KHU PHỤ TRỢ
- TRẠM BƠM CHỮA CHÁY;
- TRẠM BIẾN ÁP NGOÀI TRỜI;

VỊ TRÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:
ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:


**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**
Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645


GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:
HỒ NGUYỄN ANH LUẬN

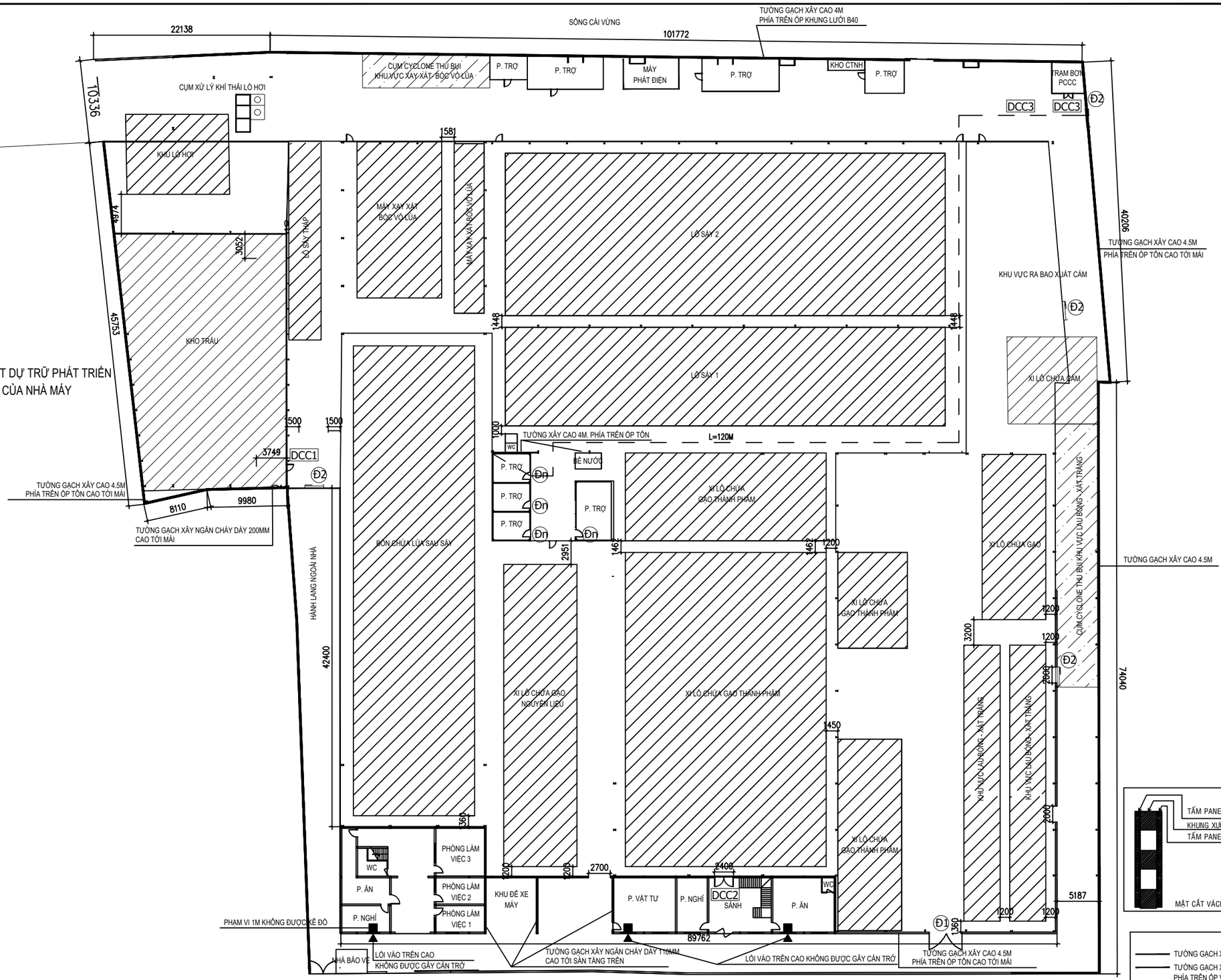
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:
TRẦN THANH BÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART:
**XÂY DỰNG**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
TỔNG MẶT BẰNG

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO.: KT - 01 |




**BẢNG 1: TÍNH TOÁN KHOẢNG CÁCH THOÁT NẠN**

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Diện tích dường thoát nạn (m2) | Mật độ thoát nạn (người/m2) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất cho phép (m) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Nhà xưởng | 20 | 169,000 | IV | S0 | 1500 | 0.01 | 240 | 120 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về khoảng cách thoát nạn theo bảng G.3 QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

**BẢNG 2: TÍNH TOÁN CHIỀU RỘNG LỐI THOÁT NẠN**

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Số lượng người tối đa trên 1m chiều rộng lối ra thoát nạn | Chiều rộng thoát nạn yêu cầu (m) | Chiều rộng thoát nạn thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Nhà xưởng | 20 | 169,000 | IV | S0 | 260 | 0.08 | 3 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về chiều rộng lối ra thoát nạn theo bảng G.7 QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

GHI CHÚ

TƯỜNG XÂY GẠCH ĐẶC

VÁCH PANEL PU, PANEL BÔNG KHOÁNG (CÓ CẤU TẠO 2 MẶT BẰNG TÔN) LÀ LOẠI VẬT LIỆU KHÔNG CHÁY, KHÓ CHÁY

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:
ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:
HỒ NGUYỄN ANH LUẬN

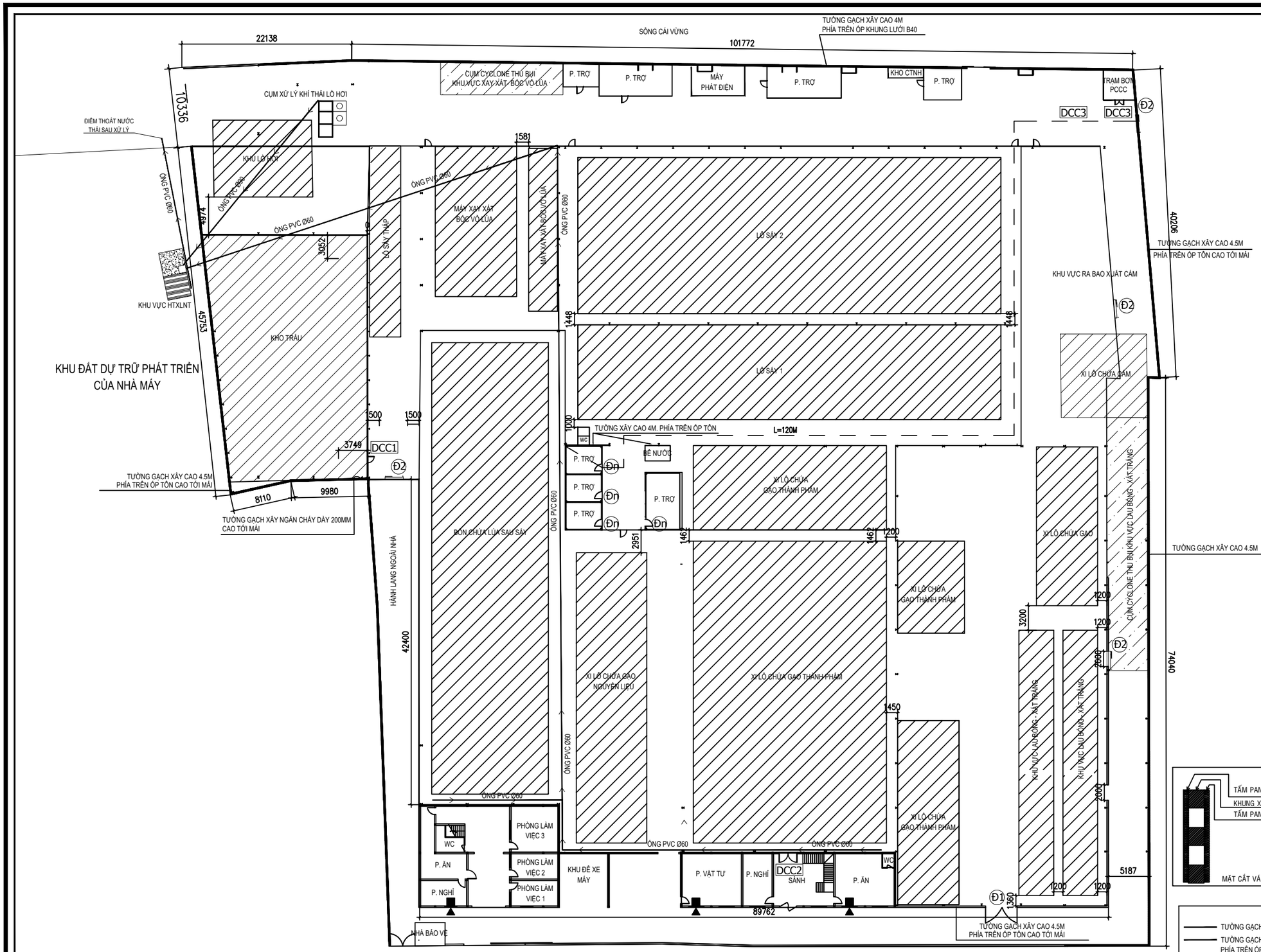
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:
TRẦN THANH BÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART:
**XÂY DỰNG**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG KHU SẢN XUẤT

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO.: KT - 03 |




## GHI CHÚ:

- ỐNG PVC Ø60 THU GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT: L=104,2M
- ỐNG PVC Ø90 THU GOM NƯỚC THẢI DẬP BỤI TRO: L=16,00M
- ỐNG PVC Ø60 THOÁT NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ: L=25M

**GHI CHÚ - NOTES**

**SỬA ĐỔI - REVISION**

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:
ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:
HỒ NGUYỄN ANH LUẬN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:
TRẦN THANH BÌNH

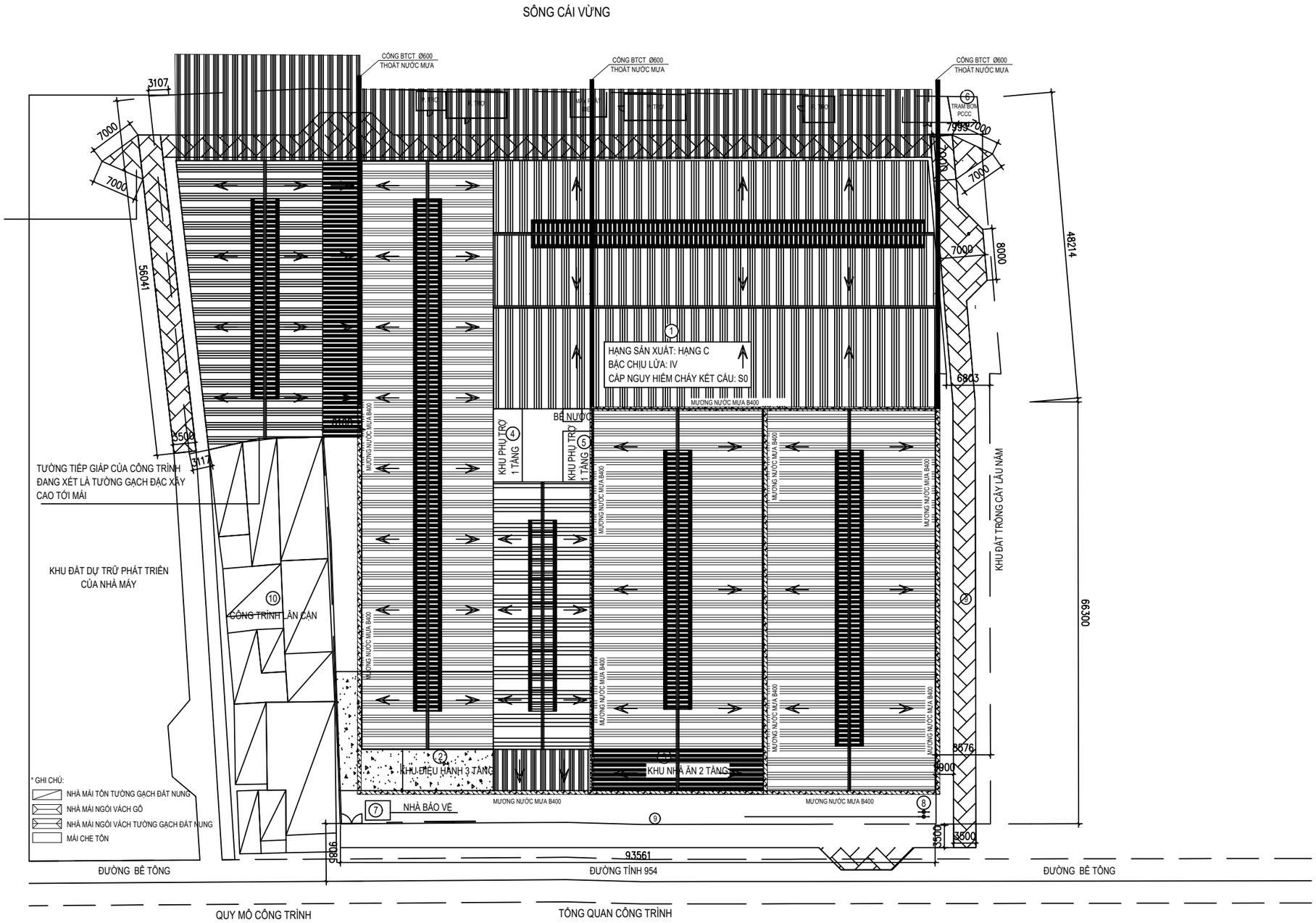
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART:
**XÂY DỰNG**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG THU GOM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO.: KT - 03 |




GHI CHÚ:

- MƯƠNG B400 (NẮP ĐẬY DALE): L=345,4M
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT Ø600: L=106,0M
- SỐ ĐIỂM THOÁT NƯỚC MƯA: 3 ĐIỂM

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:

ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

5239

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR: TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER: TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY: HỒ NGUYỄN ANH LUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER: TRẦN THANH BÌNH

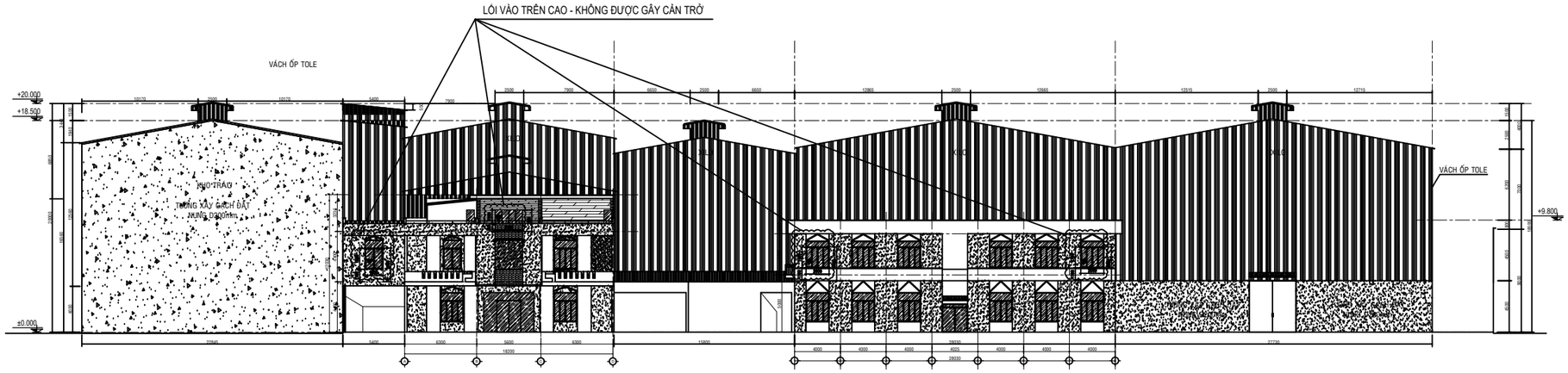
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS: **THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART: **XÂY DỰNG**

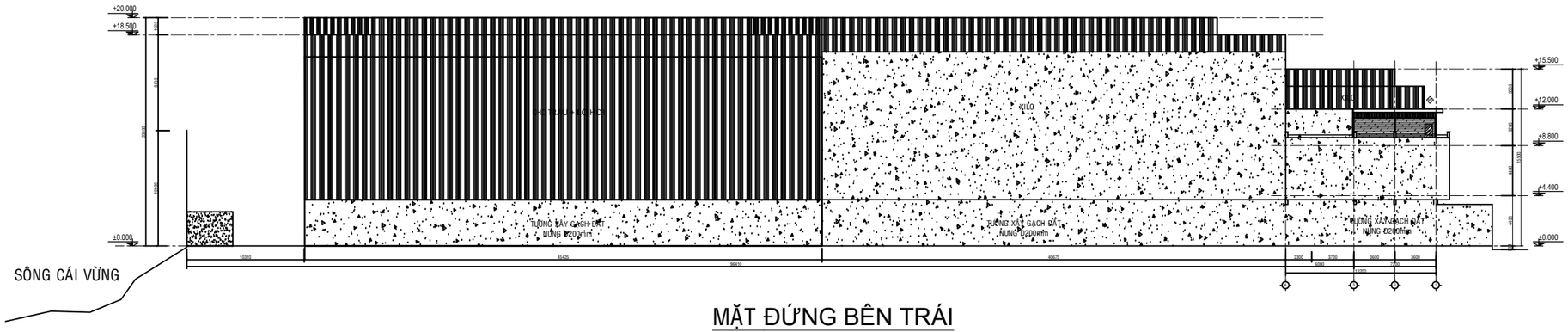
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

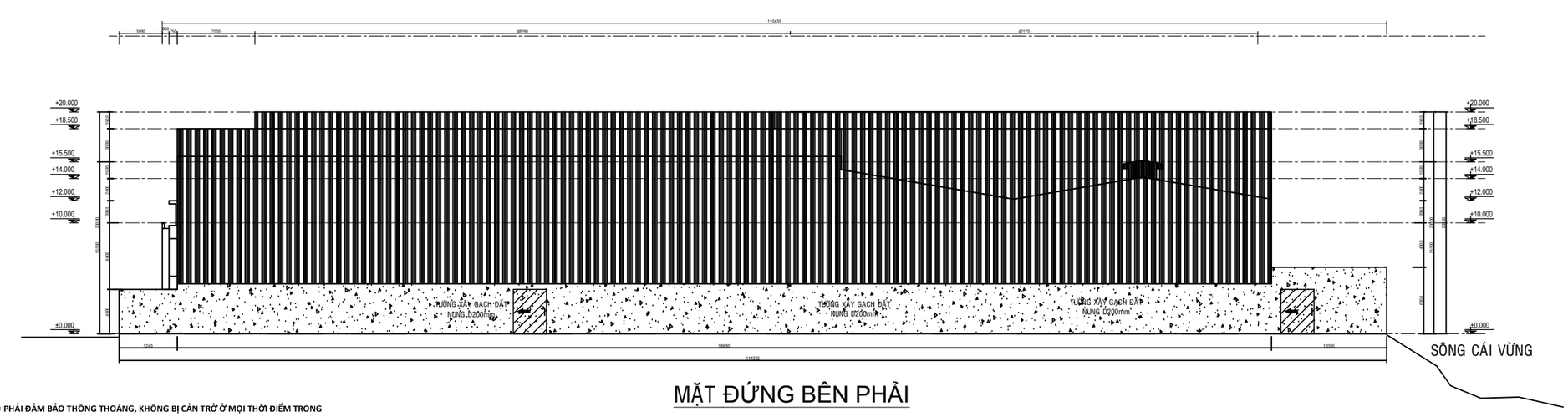
| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT - 01 |




MẶT ĐỨNG CHÍNH




MẶT ĐỨNG BÊN TRÁI




MẶT ĐỨNG BÊN PHẢI

**GHI CHÚ:**
**- LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO PHẢI ĐẢM BẢO THÔNG THOÁNG, KHÔNG BỊ CẢN TRỞ Ở MỌI THỜI ĐIỂM TRONG THỜI GIAN SỬ DỤNG;**
**- LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO CÓ THỂ MỞ ĐƯỢC TỪ BÊN TRONG VÀ BÊN NGOÀI, KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐỒ ĐẠC HOẶC BẤT CỨ VẬT NÀO CÓ THỂ GÂY CẢN TRỞ TRONG PHẠM VI 1M CỦA PHẦN SÀN BÊN TRONG NHÀ TÍNH TỪ CÁC LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO.**

| GHI CHÚ: | KÍCH THƯỚC | VỊ TRÍ |
|---|---|---|
| LỐI VÀO TRÊN CAO - KHÔNG ĐƯỢC GÂY CẢN TRỞ | CỠ CHỮ TỐI THIỂU 25MM | PHÍA TRONG NHÀ |
| TAM GIÁC ĐỀU MÀU VÀNG HOẶC ĐỎ | CẠNH TỐI THIỂU 150MM | PHÍA NGOÀI NHÀ |

CÁC LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO CÓ CHIỀU RỘNG KHÔNG NHỎ HƠN 850MM, CHIỀU CAO KHÔNG NHỎ HƠN 1000MM, MÉP DƯỚI CỦA LỐI VÀO CÁCH MẶT SÀN PHÍA TRONG KHÔNG LỚN HƠN 1100MM VÀ MÉP TRÊN CÁCH MẶT SÀN PHÍA TRONG KHÔNG NHỎ HƠN 1800MM

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:
ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:
HỒ NGUYỄN ANH LUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:
TRẦN THANH BÌNH

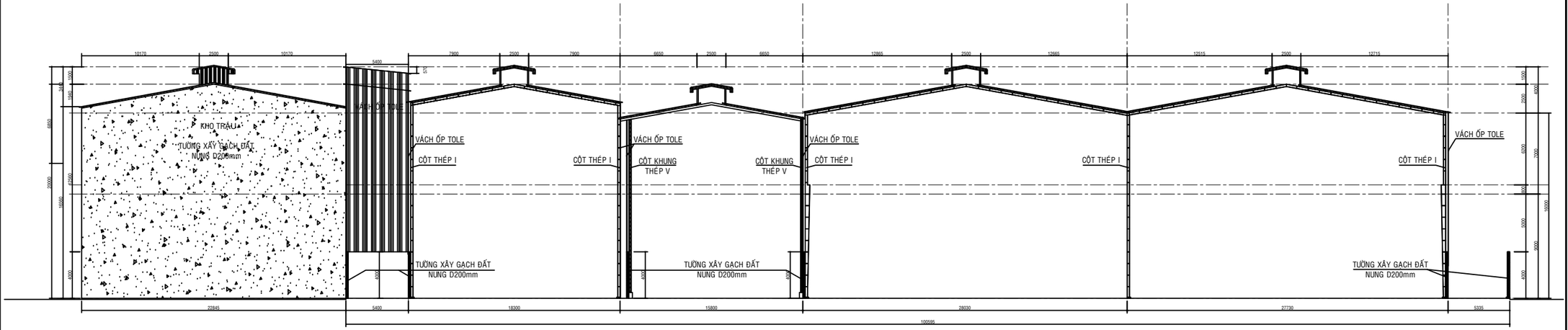
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART:
**XÂY DỰNG**

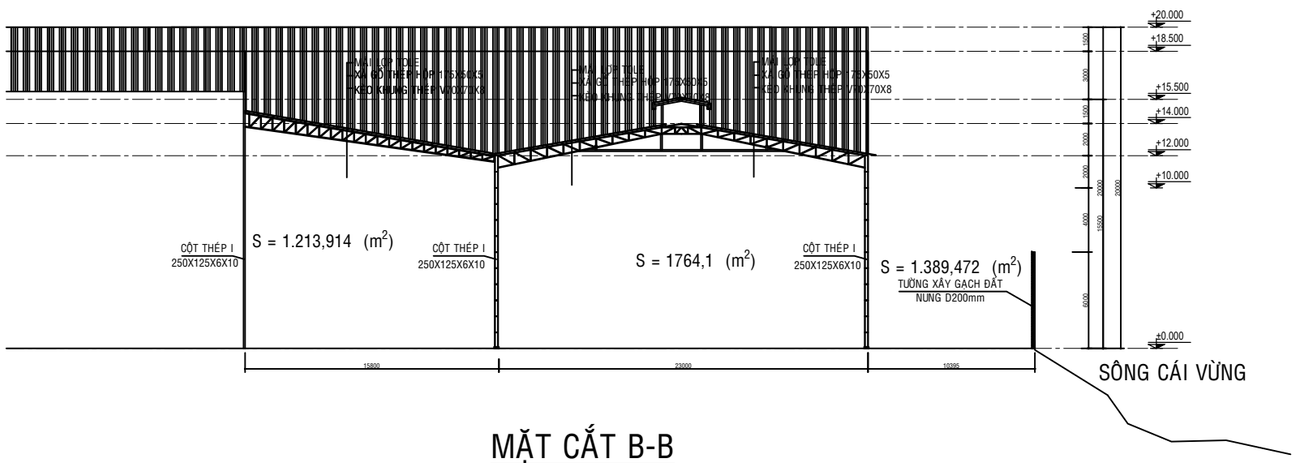
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT ĐỨNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT - 05 |




MẶT CẮT A-A




MẶT CẮT B-B

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:

ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:


**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang

VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645


GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:

TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:

TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:

HỒ NGUYỄN ANH LUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:

TRẦN THANH BÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:

**THIẾT KẾ THI CÔNG**

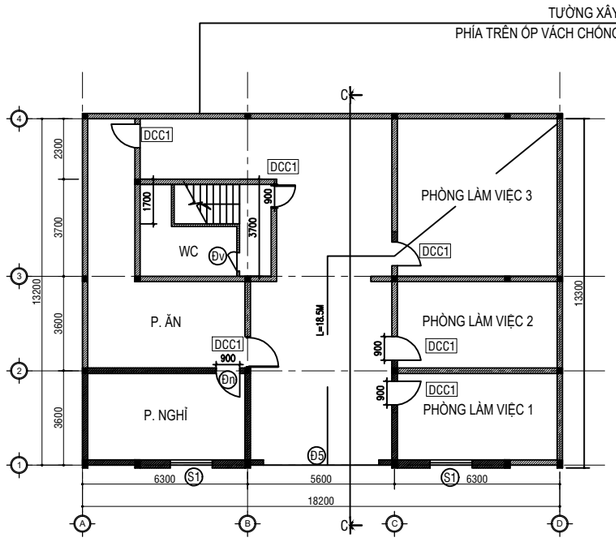
HẠNG MỤC - PART:

**XÂY DỰNG**

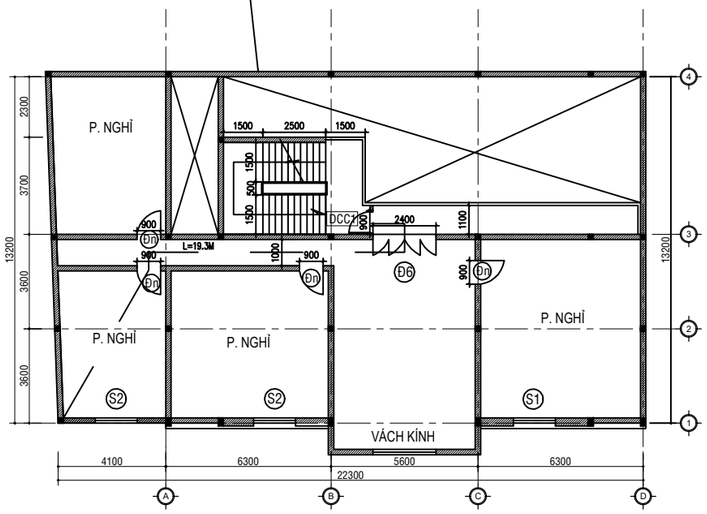
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT CẮT A-A VÀ B-B

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT - 06 |




MẶT BẰNG TẦNG 1




MẶT BẰNG TẦNG 2

GHI CHÚ:
- VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ TƯỜNG VÀ TRẦN NHƯ GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ XẺ, BÊ TÔNG, NHÔM, THÉP, THẠCH CAO ...TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN TUÂN THỦ YÊU CẦU NHƯ SAU:

CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU (CĂN CỨ THEO BẢNG B.6 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

| ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VỀ CHÁY CỦA VẬT LIỆU | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | CV0 | CV1 | CV2 | CV3 | CV4 | CV5 |
| 1. TÍNH CHÁY | KHÔNG CHÁY | Ch1 | Ch1 | Ch2 | Ch3 | Ch4 |
| 2. TÍNH BẮT CHÁY | - | BC1 | BC2 | BC2 | BC2 | BC3 |
| 3. KHẢ NĂNG SINH KHÓI | - | SK2 | SK2 | SK3 | SK3 | SK3 |
| 4. ĐỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM CHÁY | - | ĐT2 | ĐT2 | ĐT2 | ĐT3 | ĐT3 |
| 5. TÍNH LAN TRUYỀN LỬA TRÊN BỀ MẶT | - | LT1 | LT1 | LT2 | LT2 | LT4 |

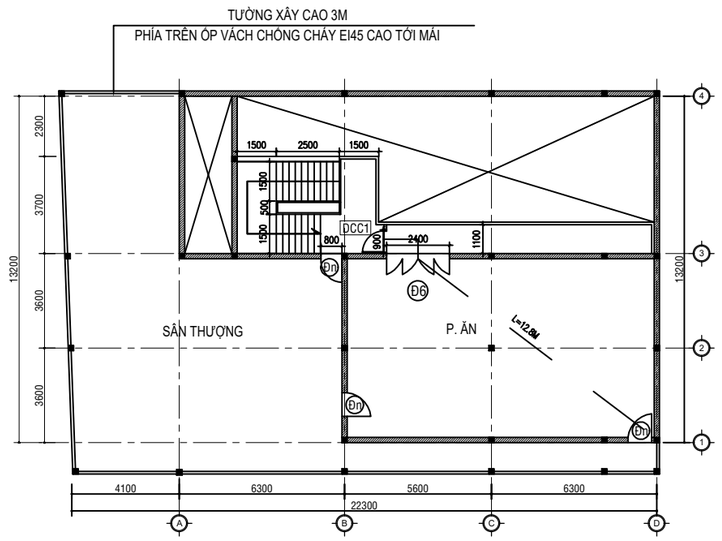
PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ, VẬT LIỆU ỐP LÁT VÀ VẬT LIỆU PHỦ SÀN TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN (CĂN CỨ THEO BẢNG B.8 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

| NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG CỦA NHÀ | SỐ TẦNG VÀ CHIỀU CAO CỦA NHÀ | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | SỬ DỤNG CHO TƯỜNG VÀ TRẦN | | PHỦ SÀN | |
| | | TIỀN SẢNH, BUỒNG THANG BỘ, SẢNH THANG MÁY | HÀNH LANG CHUNG, SẢNH CHỜ | TIỀN SẢNH, BUỒNG THANG BỘ, SẢNH THANG MÁY | HÀNH LANG CHUNG, SẢNH CHỜ |
| F3.2 | ≤ 9 TẦNG | CV2 | CV3 | CV3 | CV4 |

PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ, VẬT LIỆU ỐP LÁT VÀ VẬT LIỆU PHỦ SÀN TRONG CÁC GIAN PHÒNG (CĂN CỨ THEO BẢNG B.9 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

| NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG CỦA NHÀ | SỨC CHỨA CỦA GIAN PHÒNG, NGƯỜI | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | |
|---|---|---|---|
| | | SỬ DỤNG CHO TƯỜNG VÀ TRẦN | PHỦ SÀN |
| F3.2 | ≤ 50 | CV3 | CV4 |

GHI CHÚ:
- CÁC ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT XUYÊN SÀN, TƯỜNG VÁCH NGĂN CHÁY PHẢI ĐƯỢC CHÈN BỊT BẰNG VẬT LIỆU NGĂN CHÁY PHÙ HỢP NHƯ VỮA, BÊ TÔNG, XI MĂNG, ...
- TỔNG SỐ NGƯỜI ĐÔNG NHẤT TRONG CA KHÔNG VƯỢT QUÁ 5 NGƯỜI.
- KHOẢNG CÁCH THOÁT NẠN ĐẢM BẢO TỪ CHỖ LÀM VIỆC XA NHẤT ĐẾN LỐI THOÁT NẠN GẦN NHẤT DƯỚI 30M (GIAN PHÒNG CÓ KHỐI TÍCH 1078M3, BẬC CHỊU LỬA BẬC II, CẤP NGUY HIỂM CHÁY KẾT CẤU CỦA NHÀ S0, MẬT ĐỘ DÒNG NGƯỜI THOÁT NẠN TRÊN LỐI ĐI CHUNG <=1 NGƯỜI/M2)
- CÁC LỐI RA THOÁT NẠN CỦA CÁC GIAN PHÒNG ĐỀU ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐẢM BẢO PHÂN TÁN. KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC LỐI RA THOÁT NẠN > 1/2 ĐƯỜNG CHÉO LỚN NHẤT CỦA GIAN PHÒNG.
- NHÀ ĐIỀU HÀNH 3 TẦNG CÓ CHIỀU CAO PCCC LÀ 10M<15M, CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT CỦA 1 TẦNG LÀ 295M2<300M2, CÓ SỐ NGƯỜI LỚN NHẤT TRÊN MỖI TẦNG <20 NGƯỜI, TẠI TẦNG 1 KHÔNG ĐỂ XE CƠ GIỚI Ở HÀNH LANG THOÁT NẠN RA NGOÀI TRỜI, CÁC CỬA PHÒNG TẦNG 1 LÀ LOẠI CỬA CHỐNG CHÁY CÓ GHCL EI60. DO VẬY THEO ĐIỀU 3.2.6.2 QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD THÌ CHỈ CHO PHÉP MỘT LỐI RA THOÁT NẠN TỪ MỖI TẦNG




MẶT BẰNG TẦNG 3

**BẢNG 1: TÍNH TOÁN KHOẢNG CÁCH THOÁT NẠN**

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Diện tích đường thoát nạn (m2) | Mật độ thoát nạn (người/m2) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất cho phép (m) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tầng 1 | 5 | 1,078 | II | S0 | 75 | 0.07 | 30 | 18.5 |
| Tầng 2 | 5 | 1,078 | II | S0 | 63 | 0.08 | 30 | 19.3 |
| Tầng 3 | 5 | 1,078 | II | S0 | 10 | 0.50 | 30 | 12.8 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về khoảng cách thoát nạn theo bảng G.2a QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

**BẢNG 2: TÍNH TOÁN CHIỀU RỘNG LỐI THOÁT NẠN**

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Số lượng người tối đa trên 1m chiều rộng lối ra thoát nạn | Chiều rộng thoát nạn yêu cầu (m) | Chiều rộng thoát nạn thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tầng 1 | 5 | 1,078 | II | S0 | 165 | 0.03 | 1.9 |
| Tầng 2 | 5 | 1,078 | II | S0 | 165 | 0.03 | 0.9 |
| Tầng 3 | 5 | 1,078 | II | S0 | 165 | 0.03 | 0.9 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về chiều rộng lối ra thoát nạn theo bảng G.5 QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:
ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY:
HỒ NGUYỄN ANH LUẬN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER:
TRẦN THANH BÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART:
**XÂY DỰNG**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT - 07 |

GHI CHÚ:

- VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ TƯỜNG VÀ TRẦN NHƯ GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ XẺ, BÊ TÔNG, NHÔM, THÉP, THẠCH CAO ...TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN TUÂN THỦ YÊU CẦU NHƯ SAU:

CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU (CĂN CỨ THEO BẢNG B.6 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

| ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT VỀ CHÁY CỦA VẬT LIỆU | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | CV0 | CV1 | CV2 | CV3 | CV4 | CV5 |
| 1. TÍNH CHÁY | KHÔNG CHÁY | Ch1 | Ch1 | Ch2 | Ch3 | Ch4 |
| 2. TÍNH BẮT CHÁY | - | BC1 | BC2 | BC2 | BC2 | BC3 |
| 3. KHẢ NĂNG SINH KHÓI | - | SK2 | SK2 | SK3 | SK3 | SK3 |
| 4. ĐỘC TÍNH CỦA SẢN PHẨM CHÁY | - | ĐT2 | ĐT2 | ĐT2 | ĐT3 | ĐT3 |
| 5. TÍNH LAN TRUYỀN LỬA TRÊN BỀ MẶT | - | LT1 | LT1 | LT2 | LT2 | LT4 |

PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ, VẬT LIỆU ỐP LÁT VÀ VẬT LIỆU PHỦ SÀN TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN (CĂN CỨ THEO BẢNG B.8 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

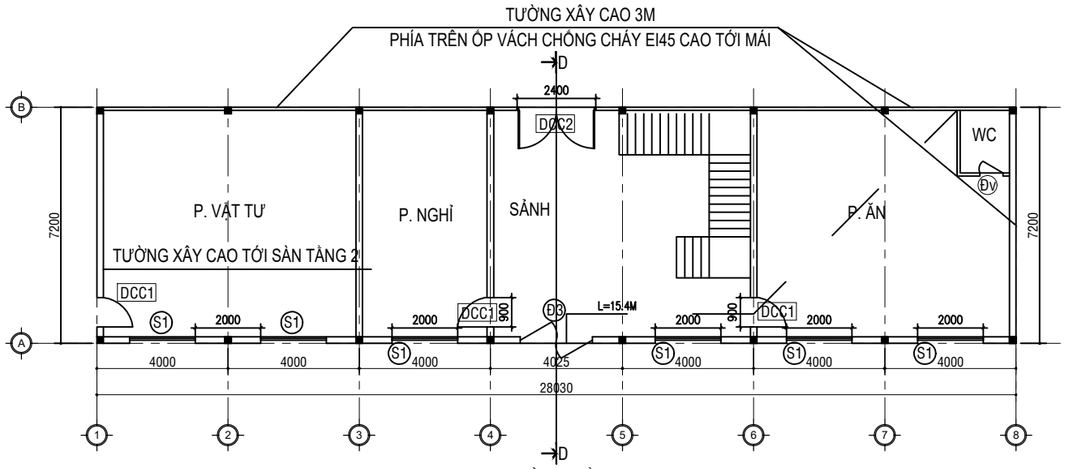
| NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG CỦA NHÀ | SỐ TẦNG VÀ CHIỀU CAO CỦA NHÀ | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | SỬ DỤNG CHO TƯỜNG VÀ TRẦN | | PHỦ SÀN | |
| | | TIỀN SẢNH, BUỒNG THANG BỘ, SẢNH THANG MÁY | HÀNH LANG CHUNG, SẢNH CHỜ | TIỀN SẢNH, BUỒNG THANG BỘ, SẢNH THANG MÁY | HÀNH LANG CHUNG, SẢNH CHỜ |
| F3.2 | ≤ 9 TẦNG | CV2 | CV3 | CV3 | CV4 |

PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ, VẬT LIỆU ỐP LÁT VÀ VẬT LIỆU PHỦ SÀN TRONG CÁC GIAN PHÒNG (CĂN CỨ THEO BẢNG B.9 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD - SỬA ĐỔI 01-2023)

| NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG CỦA NHÀ | SỨC CHỨA CỦA GIAN PHÒNG, NGƯỜI | CẤP NGUY HIỂM CHÁY CỦA VẬT LIỆU | |
|---|---|---|---|
| | | SỬ DỤNG CHO TƯỜNG VÀ TRẦN | PHỦ SÀN |
| F3.2 | ≤ 50 | CV3 | CV4 |

GHI CHÚ:

- CÁC ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT XUYÊN SÀN, TƯỜNG VÁCH NGĂN CHÁY PHẢI ĐƯỢC CHÈN BỊT BẰNG VẬT LIỆU NGĂN CHÁY PHÙ HỢP NHƯ VỮA, BÊ TÔNG, XI MĂNG, ...
- TỔNG SỐ NGƯỜI ĐÔNG NHẤT TRONG CA KHÔNG VƯỢT QUÁ 5 NGƯỜI.
- KHOẢNG CÁCH THOÁT NẠN ĐẢM BẢO TỪ CHỖ LÀM VIỆC XA NHẤT ĐẾN LỐI THOÁT NẠN GẦN NHẤT DƯỚI 30M (GIAN PHÒNG CÓ KHỐI TÍCH 1078M3, BẬC CHỊU LỬA BẬC II, CẤP NGUY HIỂM CHÁY KẾT CẤU CỦA NHÀ S0, MẬT ĐỘ DÒNG NGƯỜI THOÁT NẠN TRÊN LỐI ĐI CHUNG <=1 NGƯỜI/M2)
- CÁC LỐI RA THOÁT NẠN CỦA CÁC GIAN PHÒNG ĐỀU ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐẢM BẢO PHÂN TÁN. KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC LỐI RA THOÁT NẠN > 1/2 ĐƯỜNG CHÉO LỚN NHẤT CỦA GIAN PHÒNG.
- NHÀ ĂN 2 TẦNG CÓ CHIỀU CAO PCCC LÀ 5.6M<9M, CÓ SỐ NGƯỜI LỚN NHẤT TRÊN MỖI TẦNG <20 NGƯỜI, TẠI TẦNG 1 KHÔNG ĐỂ XE CƠ GIỚI Ở HÀNH LANG THOÁT NẠN RA NGOÀI TRỜI, CÁC CỬA PHÒNG Ở 2 TẦNG THÔNG VỚI SẢNH TẦNG LÀ LOẠI CỬA CHỐNG CHÁY CÓ GHCL EI60. DO VẬY THEO ĐIỀU 3.2.6.2 QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD THÌ CHO PHÉP BỐ TRÍ CHỈ MỘT LỐI RA THOÁT NẠN TỪ MỖI TẦNG VÀ SỬ DỤNG THANG LOẠI 2 LÀ ĐẢM BẢO




MẶT BẰNG TẦNG 1




MẶT BẰNG TẦNG 2

BẢNG 1: TÍNH TOÁN KHOẢNG CÁCH THOÁT NẠN

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Diện tích đường thoát nạn (m2) | Mật độ thoát nạn (người/m2) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất cho phép (m) | Khoảng cách thoát nạn xa nhất thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tầng 1 | 20 | 869 | II | S0 | 46 | 0.43 | 30 | 15.4 |
| Tầng 2 | 20 | 869 | II | S0 | 10 | 2.00 | 30 | 18 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về khoảng cách thoát nạn theo bảng G.2a QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

BẢNG 2: TÍNH TOÁN CHIỀU RỘNG LỐI THOÁT NẠN

| Khu vực | Số lượng người lớn nhất | Khối tích phòng (m3) | Bậc chịu lửa | Cấp nguy hiểm cháy kết cấu | Số lượng người tối đa trên 1m chiều rộng lối ra thoát nạn | Chiều rộng thoát nạn yêu cầu (m) | Chiều rộng thoát nạn thiết kế (m) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tầng 1 | 20 | 869 | II | S0 | 165 | 0.12 | 1.1 |
| Tầng 2 | 20 | 869 | II | S0 | 165 | 0.12 | 0.9 |

Thiết kế thoả mãn các yêu cầu về chiều rộng lối ra thoát nạn theo bảng G.5 QCVN 06:2022 sửa đổi 1:2023

## GHI CHÚ - NOTES

## SỬA ĐỔI - REVISION

| LẦN NO. | NGÀY DATE | NỘI DUNG CONTENT |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

CÔNG TRÌNH - PROJECT:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÚA, GẠO VÀ KHO BẢO QUẢN NÔNG SẢN TCO AGRI - CN AN GIANG**

ĐỊA ĐIỂM:

ẤP LONG HÒA 2, XÃ PHÚ LÂM, TỈNH AN GIANG

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCO AGRI - CN AN GIANG**

Phạm Anh Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH MTV TMDV XÂY DỰNG 5239**

Cơ quan: Số 4430 - QL91C, Ấp An Thịnh, TT An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang
VPĐD: 39L7 - KDC Tấn Vương (Chợ Mỹ Khánh), xã Mỹ Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
EMail: tranthanhbinh1986@gmail.com - DĐ: 0819.226.448 - 0977.188.645

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR: TRẦN THANH BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER: TRẦN THANH BÌNH

THIẾT KẾ - DESIGN BY: HỒ NGUYỄN ANH LUÂN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECH MANAGER: TRẦN THANH BÌNH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS: **THIẾT KẾ THI CÔNG**

HẠNG MỤC - PART: **XÂY DỰNG**

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG NHÀ ĂN

| TỶ LỆ - SCALE: | VERSION: | HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: |
|---|---|---|
| | | 2025 |
| MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: | | SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT - 09 |